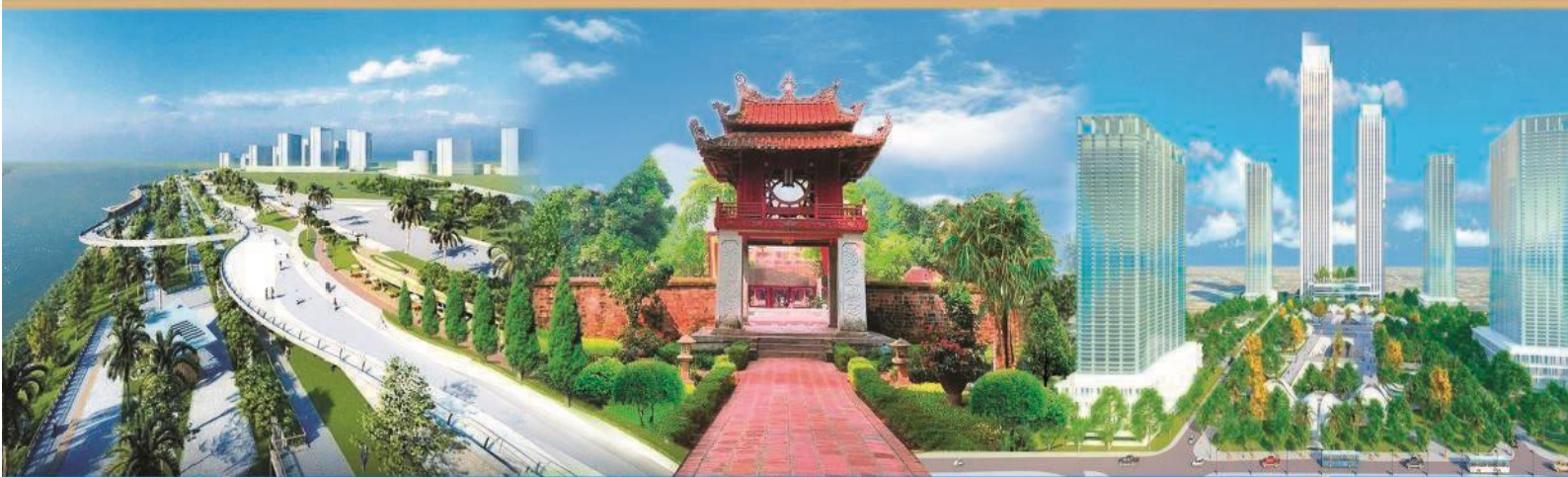


ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI



BÁO CÁO TÓM TẮT
QUY HOẠCH THỦ ĐÔ HÀ NỘI
THỜI KỲ 2021-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Hà Nội, tháng 3 năm 2024



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÓM TẮT

QUY HOẠCH THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

ĐƠN VỊ ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH
TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI HÀ NỘI

Hà Nội, tháng 3 năm 2024

**TƯ VẤN LẬP QUY HOẠCH THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

1. TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN - BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
2. VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA - BỘ XÂY DỰNG
3. VIỆN QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ NÔNG NGHIỆP - BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
4. VIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
5. VIỆN CHIẾN LƯỢC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG - BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
6. VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI - BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
7. VIỆN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG, BIỂU	V
DANH MỤC HÌNH	VI
PHẦN MỞ ĐẦU	1
PHẦN I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN ĐẶC THÙ CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI	4
I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI QUA CÁC THỜI KỲ	4
1. Khái quát các thời kỳ lịch sử hình thành và phát triển Thủ đô Hà Nội.	4
2. Đánh giá chung:	5
II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN	6
III. ĐIỀU KIỆN VĂN HÓA - XÃ HỘI	7
IV. VỊ THẾ CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI TRONG MỐI LIÊN KẾT, PHÁT TRIỂN VÙNG VÀ CẢ NƯỚC	8
V. ĐÁNH GIÁ CHUNG	10
PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN	11
I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC	11
II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI	15
III. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN	18
IV. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT	21
V. THỰC TRẠNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC	24
VI. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT	25
1. Những kết quả đạt được	25
2. Những tồn tại và nguyên nhân	26
VII. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VÀ SỰ PHÙ HỢP VỀ PHÂN BỐ PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN CỦA HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN, CÁC KHU CHỨC NĂNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT, HẠ TẦNG XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN THỦ ĐÔ	27
1. Tổng quan	27
2. Khu công nghệ cao	28
3. Khu công nghiệp	29
4. Khu du lịch	29

5. Khu nghiên cứu, đào tạo	29
6. Khu thể dục thể thao	30
VIII. XÁC ĐỊNH NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ CẦN GIẢI QUYẾT; PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI, THÁCH THỨC	30
1. Các điểm nghẽn, hạn chế	30
2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức - SWOT	31
PHẦN III. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	38
I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI	38
1. Quan điểm	38
2. Các kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển.....	40
3. Mục tiêu và tầm nhìn phát triển Thủ đô	44
4. Các nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá	46
II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG	52
1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng, các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác	52
2. Phương hướng phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội	65
3. Phương hướng đảm bảo quốc phòng, an ninh và tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế	74
III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT	76
1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông.....	76
2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện	80
3. Mạng lưới dự trữ xăng dầu, khí đốt	82
4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải	83
5. Phương án phát triển mạng lưới thông tin, truyền thông	86
6. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	88
IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN THỦ ĐÔ HÀ NỘI	88
1. Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn Thủ đô.....	88
2. Xây dựng phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của Thủ đô Hà Nội với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng	88
3. Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội, xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển.....	89

4. Phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội	90
5. Phương án sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp liên tỉnh, liên huyện trên địa bàn Thủ đô Hà Nội	91
V. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN	97
1. Phương án phát triển đô thị	97
2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn	104
3. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã	106
VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NHỮNG KHU VỰC KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, NHỮNG KHU VỰC CÓ VAI TRÒ ĐỘNG LỰC	107
1. Khu công nghệ cao	107
2. Khu công nghiệp	109
3. Khu du lịch	111
4. Khu nghiên cứu, đào tạo	112
5. Khu thể dục thể thao, trung tâm công nghiệp văn hóa, sáng tạo	113
6. Phương án phát triển vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn	114
VII. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	115
1. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản	115
2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra	116
3. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	122
4. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	124
VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN	131
1. Phương án phát triển các vùng liên huyện	131
2. Phương án phát triển vùng huyện	132
IX. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI THEO KHU CHỨC NĂNG VÀ THEO LOẠI ĐẤT ĐẾN TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	137
1. Quan điểm và định hướng sử dụng đất	137
2. Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất	138

X. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN	140
1. Xây dựng tiêu chí xác định dự án dự kiến ưu tiên thực hiện của Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ quy hoạch	Error! Bookmark not defined.
2. Danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện của Thủ đô Hà Nội	Error! Bookmark not defined.
XI. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH.....	142
1. Giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư.....	142
2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	146
3. Giải pháp bảo vệ môi trường.....	149
4. Giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.....	151
5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển.....	153
6. Giải pháp quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn	155
7. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.....	156

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 2.1: Ma trận SWOT xác định các chiến lược phát triển Thủ đô Hà Nội	36
Bảng 3.1: So sánh kết quả mô phỏng theo các kịch bản	43
Bảng 3.2: Quy hoạch khu nghiên cứu, đào tạo.....	113
Bảng 3.3: Quy hoạch các khu thể dục, thể thao	113
Bảng 3.4: Số lượng mỏ đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	116
Bảng 3.5: Phân vùng chức năng nguồn nước mặt một số sông chính.....	117
Bảng 3.6: Phương án phân vùng môi trường Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.....	125
Bảng 3.7: Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn Thủ đô Hà Nội ..	138
Bảng 3.8: Dự báo nhu cầu vốn đầu tư thời kỳ 2021 – 2030.....	143

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Thăng Long – Hà Nội.....	4
Hình 1.2: Lịch sử hình thành và phát triển Thủ đô Hà Nội gắn với sông Hồng	5
Hình 1.3. Vị trí của Thủ đô Hà Nội và các mối quan hệ với địa phương khác	8
Hình 1.4. Vị thế của thành phố Hà Nội so với cả nước.....	9
Hình 1.5: Vị trí của Thủ đô Hà Nội và các mối quan hệ với thế giới	9
Hình 2.1: Tỷ trọng đóng góp của Hà Nội vào mức tăng GRDP vùng ĐBSH.....	11
Hình 2.2: Tốc độ tăng GRDP của Hà Nội, và TP HCM, vùng ĐBSH và cả nước (%)	12
Hình 2.3: So sánh hệ số ICOR của Hà Nội với cả nước và thành phố Hồ Chí Minh ...	12
Hình 2.4: Cơ cấu GRDP của thành phố Hà Nội.....	13
Hình 2.5: Chuyển dịch cơ cấu lao động trong nền kinh tế	14
Hình 2.6: Chuyển dịch cơ cấu đầu tư trong nền kinh tế.....	14
Hình 2.6b: Mật độ kinh tế của Thủ đô Hà Nội so với một số tỉnh, thành phố	15
Hình 2.7: So sánh số lượng di sản văn hoá phi vật thể, di sản tư liệu trên địa bàn Thủ đô Hà Nội với TP. Hồ Chí Minh, vùng ĐBSH và cả nước	16
Hình 2.8. Mạng lưới phân bố trường học các cấp trên địa bàn năm 2022	17
Hình 2.9: Tỷ lệ đô thị hóa Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2011-2022.....	19
Hình 2.10: Thực trạng phát triển đô thị thành phố Hà Nội	20
Hình 3.1. Đặc trưng của Thủ đô Hà Nội	45
Hình 3.2. Năm trụ cột phát triển của Thủ đô Hà Nội	46
Hình 3.3: Xu hướng phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội Thủ đô	52
Hình 3.4: Phân bố không gian thương mại dịch vụ.....	55
Hình 3.5: Định hướng phát triển công nghiệp Thủ đô	59
Hình 3.6: Định hướng phát triển nông nghiệp Thủ đô	61
Hình 3.7: Định hướng quy hoạch không gian văn hóa hướng đến phát triển công nghiệp văn hóa, đô thị sáng tạo	67
Hình 3.8: Quy hoạch mạng lưới giáo dục và đào tạo	69
Hình 3.9: Sơ đồ định hướng quy hoạch mạng lưới y tế Thủ đô Hà Nội	71
Hình 3.10: Sơ đồ định hướng phát triển giao thông đường sắt đô thị Thủ đô Hà Nội..	78
Hình 3.11: Sơ đồ mạng lưới giao thông, trung tâm logistics, hệ thống cảng.....	80
Hình 3.12: Phương hướng tiêu thoát nước đô thị.....	84
Hình 3.13: Phương án sắp xếp và tổ chức không gian trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.....	93

Hình 3.14: Hình ảnh kết nối của Trục Hồ Tây - Cổ Loa.....	95
Hình 3.15: Tổ chức không gian các hoạt động KT-XH hội Thủ đô thời kỳ 2021-2030	96
Hình 3.16: Mô hình đô thị trung tâm và thành phố thuộc Thủ đô.....	99
Hình 3.17: Mô hình đô thị ngoài trung tâm theo cấu trúc vành đai hướng tâm.....	100
Hình 3.18: Cấu trúc không gian đô thị Hà Nội	101
Hình 3.19: Phân vùng rủi ro thiên tai trên địa bàn Thủ đô Hà Nội	123
Hình 3.20: Bản đồ phương án phân vùng môi trường thành phố Hà Nội đến năm 2030	128

PHẦN MỞ ĐẦU

Quán triệt Nghị quyết số 15 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, thành phố Hà Nội đã triển khai xây dựng các Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết, đồng thời thực hiện 3 nhiệm vụ quan trọng: Xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi), lập Quy hoạch Thủ đô, lập Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô nhằm sắp xếp, phân bố không gian phát triển cho Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời xây dựng, hình thành thể chế phát triển đồng bộ, vượt trội, ưu tiên, đặc thù và thực hiện các giải pháp, cơ chế về huy động các nguồn lực, động lực để xây dựng và phát triển Thủ đô trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, vùng Thủ đô và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực, thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm Thủ đô các nước phát triển trong khu vực.

Thực hiện Quyết định số 313/QĐ-TTg ngày 07/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, thành phố Hà Nội tổ chức lập Quy hoạch Thủ đô với tinh thần khẩn trương, phương pháp tích hợp, đồng bộ, cách làm linh hoạt, sáng tạo, đổi mới. Nghiên cứu, quán triệt nghiêm túc các chủ trương, định hướng chiến lược trong Nghị quyết số 15 và các Nghị quyết của Trung ương; Huy động sự tham gia của các cơ quan nghiên cứu trong và ngoài nước trên địa bàn, mời và tham vấn các nhà khoa học, chuyên gia, đội ngũ trí thức hàng đầu với nhiều hình thức: hội thảo, tọa đàm, gặp gỡ xin ý kiến, phỏng vấn, trao đổi gặp gỡ... để xây dựng, bổ sung, hoàn thiện Đề cương định hướng, trình Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố thông qua.

Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được tổ chức lập với 03 mục tiêu chủ yếu sau:

(1). Là căn cứ khoa học và công cụ quan trọng để lãnh đạo, chỉ đạo, thống nhất công tác quản lý nhà nước và hoạch định chính sách, kiến tạo không gian, động lực phát triển nhằm khai thác tối đa tiềm năng nổi trội, lợi thế đặc thù của Thành phố với “tầm nhìn mới – tư duy mới” để tạo ra “cơ hội mới – giá trị mới”.

(2). Sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế xã hội, quốc phòng và an ninh, gắn với kết cấu hạ tầng, nghiên cứu, đề xuất phương hướng phát triển các ngành quan trọng và địa bàn lãnh thổ để xây dựng và phát triển Thủ đô.

(3). Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quy hoạch thống nhất với hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển của thành phố, vùng và quốc gia. Là căn cứ để các doanh nghiệp, cộng đồng và người dân tham gia đồng hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch.

Việc tổ chức lập Quy hoạch Thủ đô tuân thủ theo 10 nguyên tắc chủ yếu:

(1). Cụ thể hóa những tư tưởng chỉ đạo trong các Nghị quyết của Trung ương, đặc biệt là Nghị quyết số 15 ngày 05/05/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ

phát triển Thủ đô giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các Nghị quyết mang tính chiến lược của Trung ương.

(2). *Đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ, tính đại diện và toàn diện giữa các ngành trên địa bàn; phát triển hài hòa các địa phương, vùng lãnh thổ trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối, huy động nguồn lực của Thủ đô Hà Nội; đảm bảo tính công khai, minh bạch trong thu hút và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn.*

(3). *Tận dụng tối đa lợi thế và xu hướng phát triển thời đại, tạo ra sự đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế dựa chủ yếu vào nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.*

(4). *Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người; bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.*

(5). *Gắn với liên kết phát triển vùng, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.*

(6). *Quy hoạch được lập trên cơ sở dữ liệu thực chứng, “Rõ các quan điểm, mục tiêu” trong tầm nhìn, “động, mở, thông minh” trong giải pháp và tổ chức thực hiện; gắn lập quy hoạch với thực hiện quy hoạch để đi vào cuộc sống.*

(7). *“Đồng hành cùng tham gia giữa các bên”, “3 lên - 3 xuống”. Đặc biệt là sự tham gia, xin ý kiến tham vấn của các chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu, các tổ chức, đoàn thể và quần chúng nhân dân.*

(8). *Phù hợp với quy luật tự nhiên (thuận thiên), với quy luật kinh tế thị trường, phù hợp với nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.*

(9). *Quy hoạch Thủ đô là một quá trình, không phải là sản phẩm cuối cùng, sau khi quy hoạch được phê duyệt, cần triển khai các kế hoạch hành động theo từng phân kỳ thời gian và lựa chọn các ưu tiên chiến lược để triển khai thực hiện.*

(10). *Các định hướng quy hoạch thể hiện tầm nhìn dài hạn và khát vọng tương lai (sau 20 năm so với quy định), thể hiện “ước mơ xa, nghĩ lớn, giải pháp thông minh, hành động quyết liệt” của Chính quyền và Nhân dân Thủ đô.*

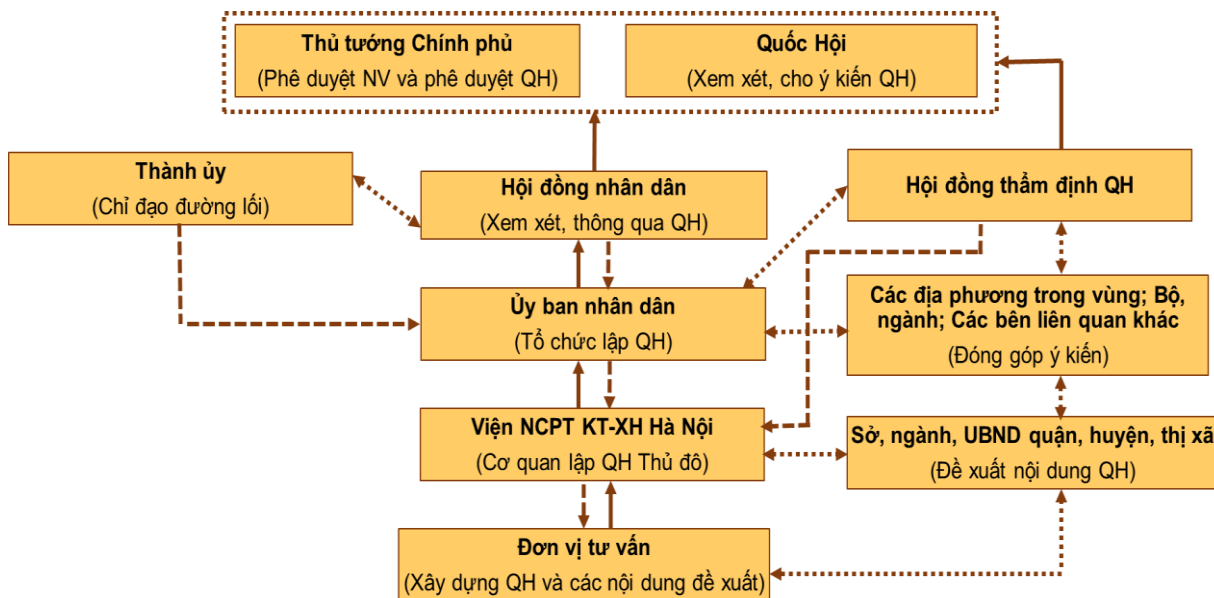
Việc lập Quy hoạch Thủ đô được thực hiện theo phương pháp tích hợp với cách tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong phạm vi lãnh thổ của Thủ đô Hà Nội nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững; lồng ghép các nội dung cần thiết vào quy hoạch, khắc phục được sự chồng chéo, xung đột để đảm bảo mục tiêu phát triển cân đối, hiệu quả, bền vững, đảm bảo tính thứ bậc (Quy hoạch Thủ đô là quy hoạch cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng...). Việc tích hợp về cơ sở dữ liệu quy hoạch, việc thu thập xây dựng cơ sở để phân tích, quản lý trên không gian địa lý (GIS), là phương pháp phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

Báo cáo tóm tắt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm 3 phần:

- **Phần I. Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của Thủ đô Hà Nội**

- **Phần II. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn**

- **Phần III. Quy hoạch phát triển Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.**



(Mô hình tổ chức triển khai lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội)

PHẦN I

PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN ĐẶC THÙ CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI QUA CÁC THỜI KỲ

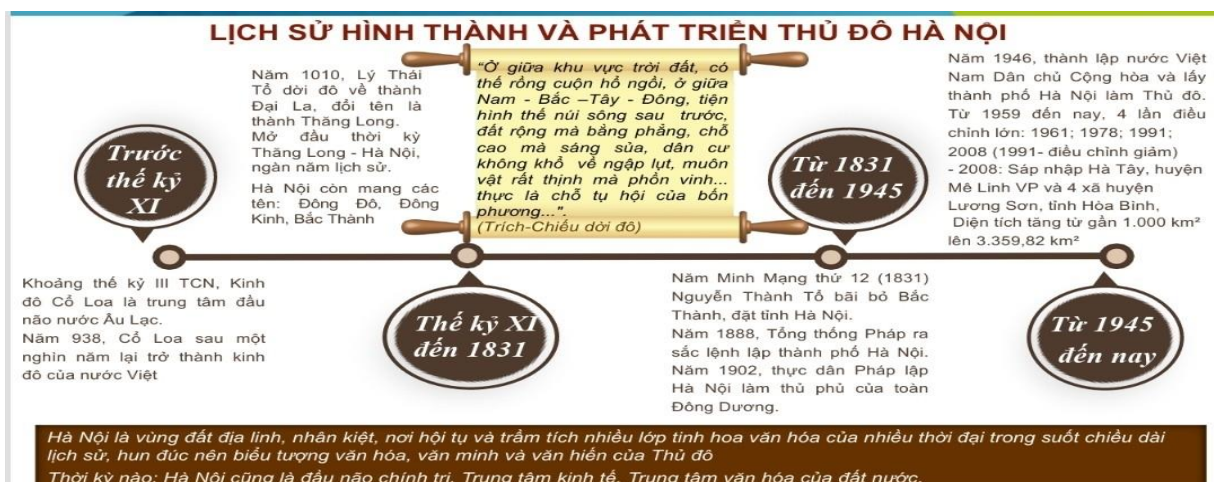
1. Khái quát các thời kỳ lịch sử hình thành và phát triển Thủ đô Hà Nội.

(1). *Hà Nội trước thế kỷ XI*: Khoảng thế kỷ III trước Công nguyên, Kinh đô Cổ Loa đi vào lịch sử với tư cách là kinh thành, trung tâm đầu não chính trị, kinh tế của nước Âu Lạc. Năm 938, Cổ Loa lại trở thành kinh đô của nước Việt. Thời kỳ trước năm 1010, các bậc đế vương của nước ta, như: An Dương Vương, Hai Bà Trưng, Lý Nam Đế, Ngô Quyền đều sớm nhận ra vị trí trung tâm của vùng đất Hà Nội xưa, chọn đất thuộc vùng Thăng Long - Hà Nội để đóng đô, xây dựng nền độc lập.

(2). *Hà Nội từ thế kỷ XI đến năm 1831*: Năm 1010, Lý Thái Tổ dời đô về thành Đại La, đổi tên là thành Thăng Long; mở đầu thời kỳ Thăng Long - Hà Nội, ngàn năm lịch sử “...ở vào nơi trung tâm trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời...”. Qua biến thiên của lịch sử, Hà Nội còn mang các tên gọi khác nhau như: Đông Đô, Đông Kinh, trấn Bắc Thành.

(3). *Hà Nội từ năm 1831 đến năm 1945*: Năm Minh Mạng thứ 12 (1831), Triều đình nhà Nguyễn bãi bỏ trấn Bắc Thành, cải cách hành chính đặt ra tỉnh Hà Nội. Tiếp đến, năm 1888, Tổng thống Pháp ra sắc lệnh lập thành phố Hà Nội; đến năm 1902, thực dân Pháp lập Hà Nội làm thủ phủ của toàn Đông Dương.

(4). *Hà Nội từ năm 1945 đến nay*: Năm 1946, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và lấy thành phố Hà Nội làm Thủ đô. Năm 1954, Thủ đô Hà Nội được giải phóng khỏi ách thực dân Pháp. Năm 1976, Hà Nội trở thành Thủ đô của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho đến nay. Từ 1959 đến nay, Hà Nội có 4 lần điều chỉnh lớn về địa giới hành chính là các năm 1961, 1978, 1991 và 2008 (1991- điều chỉnh giảm). Từ sau năm 2008, Hà Nội gồm toàn bộ tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh của tỉnh Vĩnh Phúc và 4 xã thuộc huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, có quy mô diện tích từ gần 1.000 km² lên 3.359,82 km².



Hình 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Thăng Long – Hà Nội

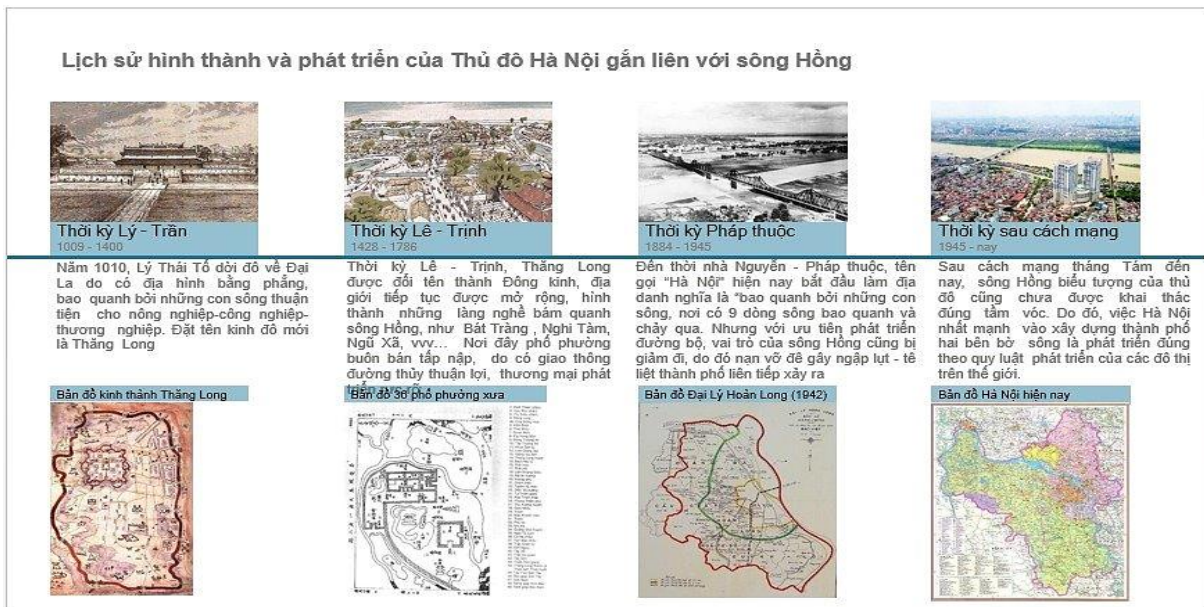
2. Đánh giá chung:

(1). Thế giới không có nhiều thành phố có lịch sử nghìn năm tuổi như Hà Nội¹. Nhiều bằng chứng khảo cổ học, tư liệu lịch sử đều cho thấy người Việt đã hiện diện liên tục ở đây trong suốt chiều dài lịch sử hàng nghìn năm.

(2). Hà Nội sớm khẳng định vị thế là trung tâm đầu não chính trị, hành chính quốc gia, trung tâm văn hóa, kinh tế, giáo dục, khoa học và giao dịch quốc tế. Vùng đất Thăng Long - Hà Nội được nhiều triều đại chọn làm kinh đô (thủ đô) của đất nước. Trước khi Thăng Long được chọn làm kinh đô của Đại Việt dưới thời Nhà Lý (1009-1225), vùng đất Hà Nội đã được lựa chọn làm kinh đô với các tên gọi như: Cổ Loa, Tống Bình, Đại La... Hiện nay, Hà Nội là Thủ đô của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nơi có trụ sở các Bộ, Ban ngành, cơ quan Trung ương và các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế.

(2). Thăng Long - Hà Nội là địa danh hội tụ và trăn trối nhiều lớp tinh hoa văn hóa, hun đúc nên biểu tượng văn hóa, văn minh và văn hiến của Thủ đô. Văn hóa Thăng Long - Hà Nội đã là, vẫn là và mãi mãi là niềm tự hào của người Hà Nội nói riêng và của người Việt Nam nói chung. Là tài sản quý giá lưu truyền cho các thế hệ hôm nay và mai sau; là nguồn lực đặc biệt quan trọng để phát triển Thủ đô hiện tại và tương lai.

(3). Trong suốt chiều dài lịch sử, sông Hồng gắn liền với sự hình thành và phát triển của Thăng Long - Hà Nội. Là dòng sông lớn nhất ở miền Bắc, sông Hồng đóng vai trò quyết định trong toàn bộ quá trình hình thành và biến đổi của vùng châu thổ, cùng với toàn bộ diễn biến lịch sử, kinh tế, xã hội và văn hóa của nó, đặc biệt là khu vực Hà Nội - trung tâm của châu thổ. Sông Hồng - Dòng chảy lịch sử, văn hóa đã bồi đắp cho văn hóa Thăng Long - Hà Nội và cho sự phồn hoa đô hội.



Hình 1.2: Lịch sử hình thành và phát triển Thủ đô Hà Nội gắn với sông Hồng

(4). Hà Nội có vị trí chiến lược quan trọng, nằm ở trung tâm của Vùng đồng bằng sông Hồng và trung tâm của miền Bắc Việt Nam, Thủ đô Hà Nội đóng vai trò chuyển tiếp giữa vùng trung du miền núi Bắc Bộ với khu vực Biển Đông và kết nối các nước

¹ Theo thống kê, thế giới có 29 thành phố nghìn năm tuổi, trong đó Hà Nội là thành phố trẻ nhất đứng bên cạnh các thủ đô tên tuổi khác như Paris (Pháp), Rome (Italia), London (Anh), Athens (Hy Lạp).

Đông Nam Á lục địa (bên bờ Ấn Độ Dương) với các nước Đông Nam Á hải đảo (thuộc Thái Bình Dương). Ngoài ra, Hà Nội nằm trên các tuyến giao thương với các nước ở khu vực Đông Bắc Á, lại nằm trên tuyến hàng hải quan trọng bậc nhất của thế giới nơi có giá trị hàng hóa hàng nghìn tỷ đô la đi qua mỗi năm. Nhiều bằng chứng cho thấy, Hà Nội đã tiếp nhận và lan tỏa văn hóa của nhiều tộc người, các thành tựu văn minh của thế giới, đặc biệt từ các trung tâm lớn như Trung Quốc, Ấn Độ và Châu Âu. Hiện nay, Thủ đô Hà Nội tiếp tục đóng vai trò đầu mối giao thông vận tải quan trọng về đường hàng không, đường sắt, đường bộ của đất nước.

(5). Hà Nội ngày nay vẫn là nơi hội tụ đầy đủ các điều kiện kế thừa, giữ vững, phát huy truyền thống, lịch sử hào hùng, tiếp tục đảm nhận các chức năng quan trọng của Thủ đô. Hà Nội xứng đáng là “Thủ đô anh hùng” của dân tộc Việt Nam anh hùng; Hà Nội là “Thủ đô của lương tri và phẩm giá con người”, “Thủ đô vì hòa bình”; Hà Nội nơi “lắng hồn núi sông ngàn năm”, “Thành phố sáng tạo” tỏa chiếu văn hiến Thăng Long đi khắp mọi miền của Tổ quốc.

II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. Với vị trí là trung tâm Vùng ĐBSH, là nơi giao thoa giữa Vùng ĐBSH và Vùng TDMNPB, Thủ đô Hà Nội là đầu mối kết nối giữa 2 vùng kinh tế - xã hội ở miền Bắc. Đồng thời, Thủ đô Hà Nội cũng nằm trên 4 hành lang kinh tế, trong đó có 2 hành lang quốc tế kết nối với các tỉnh phía nam Trung Quốc.

2. Địa hình Thủ đô Hà Nội vừa có đồi, núi, đồng bằng: Là một trong ít địa phương thuộc vùng ĐBSH có hệ thống núi cao, tạo cảnh quan thiên nhiên độc đáo, khí hậu mát mẻ, thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng. Đồng bằng chiếm 3/4 diện tích, thuận lợi cho phát triển đô thị, tổ chức và bố trí các không gian phát triển rộng lớn. Tuy nhiên, cốt nền của Hà Nội khá thấp, đặc biệt khu vực nội đô (khó khăn trong tiêu thoát nước). Cấu trúc địa chất phức tạp và có xảy ra hiện tượng bị sụt lún do quá trình khai thác nước dưới đất, đặc biệt ở trung tâm và phía nam thành phố, nơi phân bố rộng rãi các thành tạo đất yếu như sét dẻo chảy, bùn cát, bùn sét, bùn hữu cơ.

3. Hà Nội thuộc vùng ĐBSH với đặc điểm là khu vực có đất đai trù phú, phù sa màu mỡ, rất thích hợp cho việc sản xuất nông nghiệp.

4. Tài nguyên rừng có diện tích chỉ chiếm 5,67% đất tự nhiên, không có giá trị lớn về kinh tế lâm nghiệp, nhưng mang nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, sinh thái môi trường và tạo nên các cảnh quan thiên nhiên đặc thù của Hà Nội. Tài nguyên rừng gắn liền với các ngọn núi mang ý nghĩa và giá trị văn hóa, lịch sử, tâm linh, an ninh quốc phòng như khu vực Ba Vì (Núi Tản), Sóc Sơn (Núi Sóc), Mỹ Đức (Núi Hương Sơn).

5. Hệ thống sông chảy qua địa bàn Thủ đô phong phú với **09 dòng sông** lớn (sông Hồng, Đuống, Đà, Nhuệ, Cầu, Đáy, Cà Lò, Tích, Tô Lịch) chảy qua, trừ sông Tô Lịch nằm trong nội đô, các dòng sông khác đều chảy qua nhiều tỉnh, thành khác, trong đó sông Hồng là trục văn hóa, giao thông, cảnh quan của cả Vùng và Thủ đô. Hệ thống đầm, hồ dày đặc, có **12 hồ lớn (trên 5 ha)**, trở thành nguồn tài nguyên cảnh quan đô thị như hồ Tây, hồ Hoàn Kiếm, hồ Quan Sơn... tạo nên tài nguyên văn hóa và cảnh quan thiên nhiên đặc sắc riêng của Hà Nội, tạo không gian lý tưởng cho phát triển du lịch. Tuy nhiên, điểm hạn chế là các sông lớn (sông Hồng, sông Đà) khởi nguồn từ nước ngoài, tạo ra thách thức và khó khăn trong quản trị nguồn nước; các quy chuẩn thoát lũ cũng đã gây khó khăn nhất định trong tận dụng cơ hội cho phát triển, tình trạng ô nhiễm các dòng sông nội đô nặng nề, chưa được cải thiện.

6. Trên địa bàn Thủ đô Hà Nội đã phát hiện 235 điểm mỏ khoáng sản thuộc 20 loại khoáng sản được xếp vào 05 nhóm, đó là: Khoáng sản năng lượng; Khoáng sản kim loại; Khoáng chất công nghiệp và phân bón; Khoáng sản vật liệu xây dựng; Khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường và nước khoáng. Có 01 điểm than đá Ninh Sơn (Chương Mỹ).

7. Thủ đô Hà Nội là một trong những nơi có đa dạng sinh học cao về các hệ sinh thái (HST) và tài nguyên sinh vật. Hà Nội có 10 HST, trong đó có 6 HST tự nhiên và 4 HST nhân tạo. Hà Nội đã xác định được khoảng 2.722 loài động thực vật, trong đó có rất nhiều loài đặc hữu, quý, hiếm, nguy cấp, có giá trị kinh tế.

III. ĐIỀU KIỆN VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Thủ đô Hà Nội có quy mô dân số đứng thứ hai cả nước (sau TP. Hồ Chí Minh), là thị trường tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ lớn nhất của miền Bắc với 8,4 triệu người, liên tục tăng nhanh trong giai đoạn 2012 - 2022, bình quân tăng 150 nghìn người/năm, cung cấp nguồn lao động dồi dào cho phát triển, thị trường hấp dẫn cho các doanh nghiệp. Trong đó dân số tăng cơ học bình quân khoảng 69,1 nghìn người/năm.

2. Tuổi thọ trung bình ngày càng cao, xu hướng già hoá dân số diễn ra nhanh chóng, Thủ đô Hà Nội đang bước qua thời kỳ “cơ cấu dân số vàng”. Năm 2022, tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động (15-64) chiếm 65,8%; tỷ trọng dân số phụ thuộc (dưới 15 tuổi và từ 65 tuổi trở lên) chiếm 34,2%; chỉ số già hóa dân số là 57,7%, cao hơn 3,7% cả nước, tỷ số phụ thuộc chung là 52,0%.

3. Mật độ dân số Thủ đô Hà Nội tăng cao, có sự chênh lệch lớn giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn. Mật độ dân số của Hà Nội năm 2022 là 2.511 người/km², đứng thứ hai trong cả nước; tăng khoảng 29,4% so với năm 2012. So với một số Thủ đô trên thế giới, mật độ dân số Hà Nội bằng 1/4 Madrid, Tây Ban Nha (11.424 người/km²); bằng 1/3 Singapore (7.682 người/km²); bằng 1/2 Berlin, Đức (5.830 người/km²); bằng 1/16 Seoul, Hàn Quốc (40.165); gấp 1,87 lần Bắc Kinh, Trung Quốc (1.341 người/km²).

4. Chất lượng dân số, chất lượng lao động ngày càng tăng, đời sống nhân dân được cải thiện. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng/chứng chỉ chưa cao. Năng suất lao động cao hơn khoảng 1,6 lần so với năng suất lao động cả nước, cao hơn 1,2 lần bình quân chung vùng ĐBSH nhưng chỉ bằng 0,85% Hải Phòng, 0,92% TP.HCM, bằng 19,78% Singapore, 39,58% Hàn Quốc...

5. Hà Nội hiện có khoảng 11.661 lao động người nước ngoài đang làm việc được cấp giấy phép lao động, chiếm khoảng 9,7% cả nước. Trong số đó, lao động nước ngoài đến chủ yếu từ các quốc gia gồm Hàn Quốc (40%); Nhật Bản (20%) và Trung Quốc (gần 5%)...

6. Thủ đô Hà Nội có số lượng di sản văn hóa lớn nhất cả nước, được đánh giá là “Thành phố di sản” của Việt Nam.² Với nguồn tài nguyên di sản văn hóa phong phú, Hà Nội có cơ hội đánh giá, xác định thêm các di sản có khả năng được UNESCO công nhận là di sản thế giới. Hà Nội là trung tâm văn hóa, nghệ thuật lớn nhất cả nước, có điều kiện, cơ hội khai thác, phát huy giá trị nguồn tài nguyên thiết chế văn hoá phong

² Tính đến hết năm 2022, Hà Nội có 5.922 di tích được kiểm kê; trong đó, 2.624 di tích được xếp hạng (chiếm khoảng 1/3 tổng số 9.000 di tích xếp hạng của cả nước). Thành phố có 1.163 di tích/cụm di tích xếp hạng quốc gia (chiếm ¼ tổng số 4.000 di tích xếp hạng quốc gia của cả nước); 1.441 di tích xếp hạng cấp Thành phố; 21 di tích/cụm di tích xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt; 01 di sản thế giới; 355 địa điểm lưu niệm sự kiện. Hà Nội có 1.793 di sản văn hóa phi vật thể, trong đó gồm 26 di sản văn hóa phi vật thể được ghi vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia; 2 di sản Tư liệu thế giới. Ngoài ra, Hà Nội có 1.350 làng nghề; 1.700 lễ hội dân gian ...

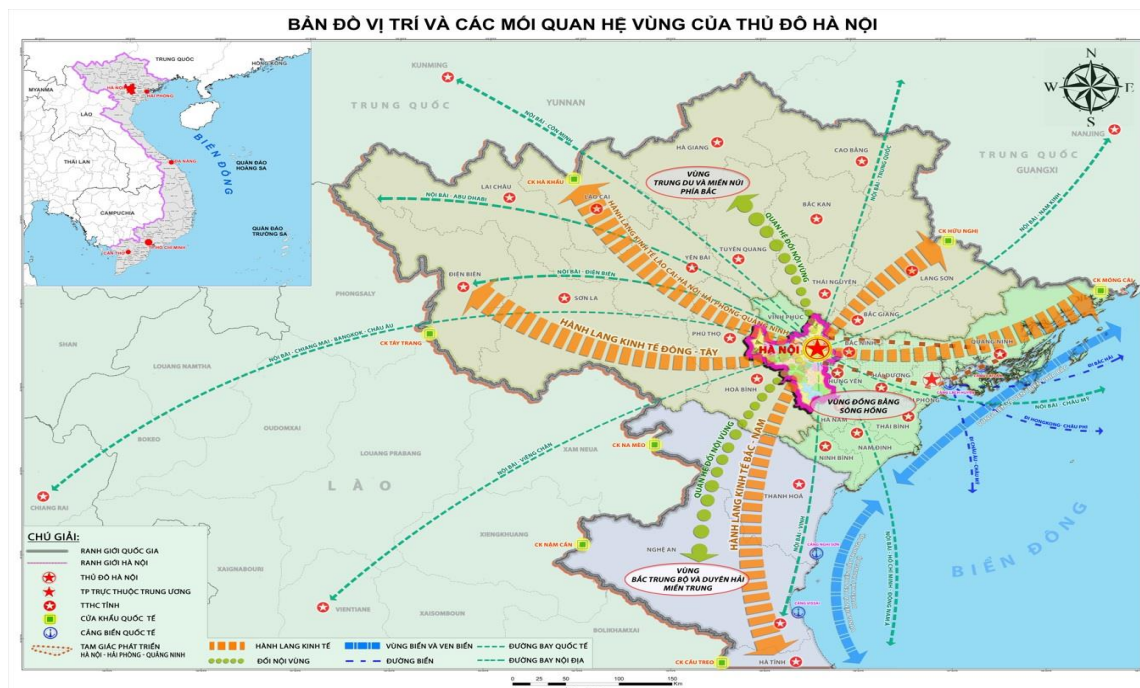
phủ của Trung ương trên địa bàn.

7. Thủ đô Hà Nội là trung tâm thu hút và hội tụ nhân tài của cả nước. Trên địa bàn Hà Nội, có khoảng 80% số trường đại học, viện nghiên cứu; 82% số phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia; 65% tổng số GS, PGS, TS và TSKH đang sinh sống và làm việc nghệ nhân, văn nghệ sĩ, là tiềm năng, nguồn lực vô giá giúp Hà Nội thuận lợi trong việc tiếp nhận, phổ biến tri thức, công nghệ mới - những nhân tố quan trọng cho sự phát triển trong thời kỳ mới.

8. Người Hà Nội có truyền thống yêu nước, đoàn kết, dũng cảm, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo; thanh lịch, văn minh, hào hoa, vì cuộc sống tốt đẹp của cộng đồng, n có khả năng thích ứng linh hoạt, có bản lĩnh vững vàng khi đối mặt với những thách thức lớn. Đây là mạch nguồn, sức mạnh nội sinh to lớn của Thủ đô Hà Nội.

IV. VỊ THẾ CỦA THỦ ĐÔ HÀ NỘI TRONG MÔI LIÊN KẾT, PHÁT TRIỂN VÙNG VÀ CẢ NƯỚC

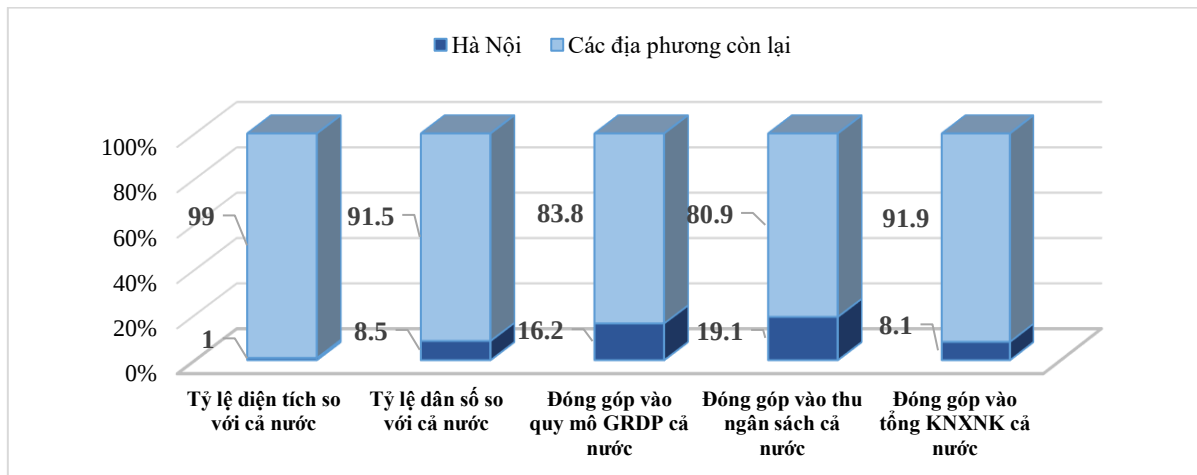
1. Hà Nội là Thủ đô của đất nước hơn 100 triệu dân, nằm ở vị trí trung tâm của miền Bắc đất nước. Theo một số nghiên cứu cho thấy, tổng khoảng cách tiếp cận đến các địa phương trong toàn miền Bắc thuận lợi và ngắn nhất. Thủ đô Hà Nội là động lực phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng, có mối quan hệ và liên kết chặt chẽ, kết nối các địa phương và bản thân Hà Nội ra hướng biển, và các tỉnh phía Nam, là cửa ngõ của vùng Trung du miền núi phía Bắc - kết nối với các tỉnh biên giới và nước bạn.



Hình 1.3. Vị trí của Thủ đô Hà Nội và các mối quan hệ với địa phương khác

2. Thăng Long - Hà Nội là thủ đô lâu đời qua các thời kỳ lịch sử và nay là Thủ đô nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam: Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, là nơi đặt trụ sở của các cơ quan Trung ương của Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ. Hà Nội là nơi tập trung nhiều chứng tích lịch sử, văn hóa của người Việt và văn hóa đồng bằng sông Hồng. Trong số các thủ đô ở ASEAN, Hà Nội là thủ đô lâu đời nhất, với nhiều di sản văn hoá thế giới được UNESCO công nhận (văn bia tại Văn Miếu Quốc Tử Giám, lễ hội Thánh Gióng, Hoàng thành Thăng Long...). Các cơ quan đại diện ngoại giao, các Đại sứ quán, các tổ chức quốc tế đều có trụ sở, văn phòng ở Hà Nội.

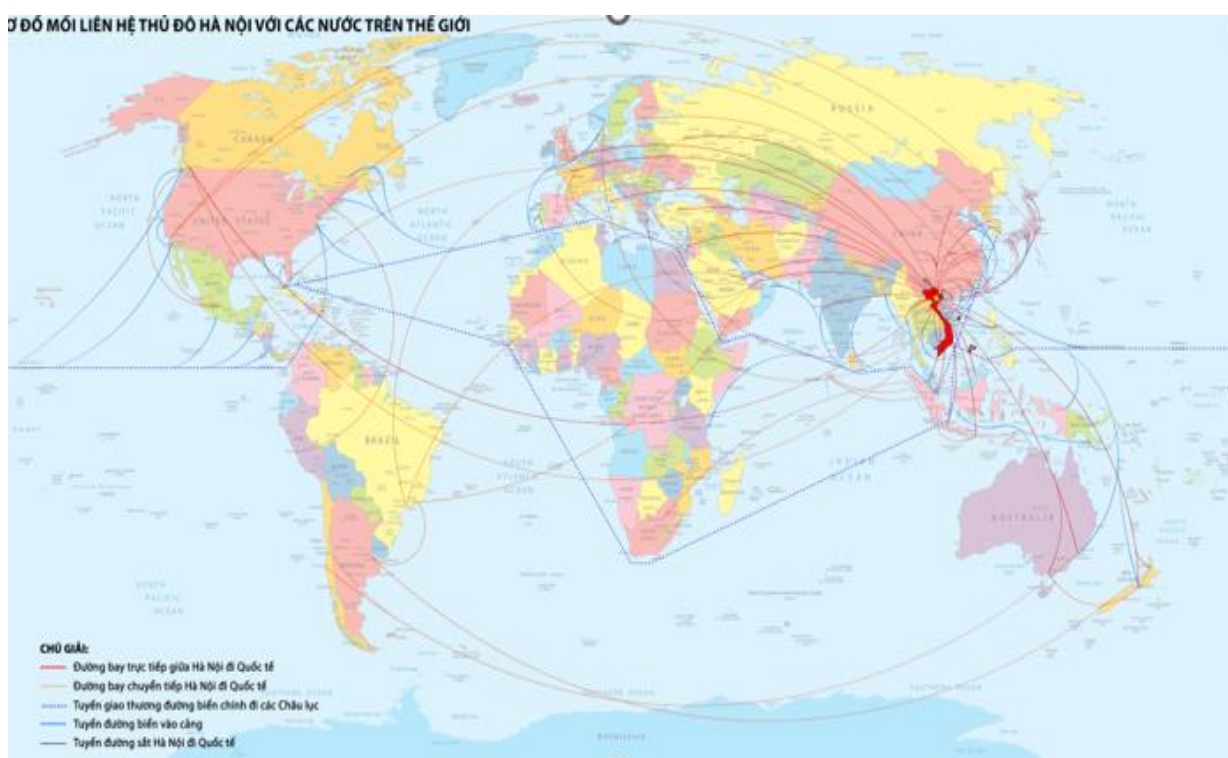
3. Thủ đô Hà Nội có vai trò trọng yếu trong phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của vùng và cả nước, được xác định trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng sông Hồng, cực tăng trưởng của cả nước: Dù chiếm 1% về diện tích, khoảng 8,5% về dân số nhưng đóng góp trên 16,2% GDP, 19,1% thu NSNN và 8,1% tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu, là một trong hai cực tăng trưởng kinh tế của cả nước.



Hình 1.4. Vị thế của thành phố Hà Nội so với cả nước

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

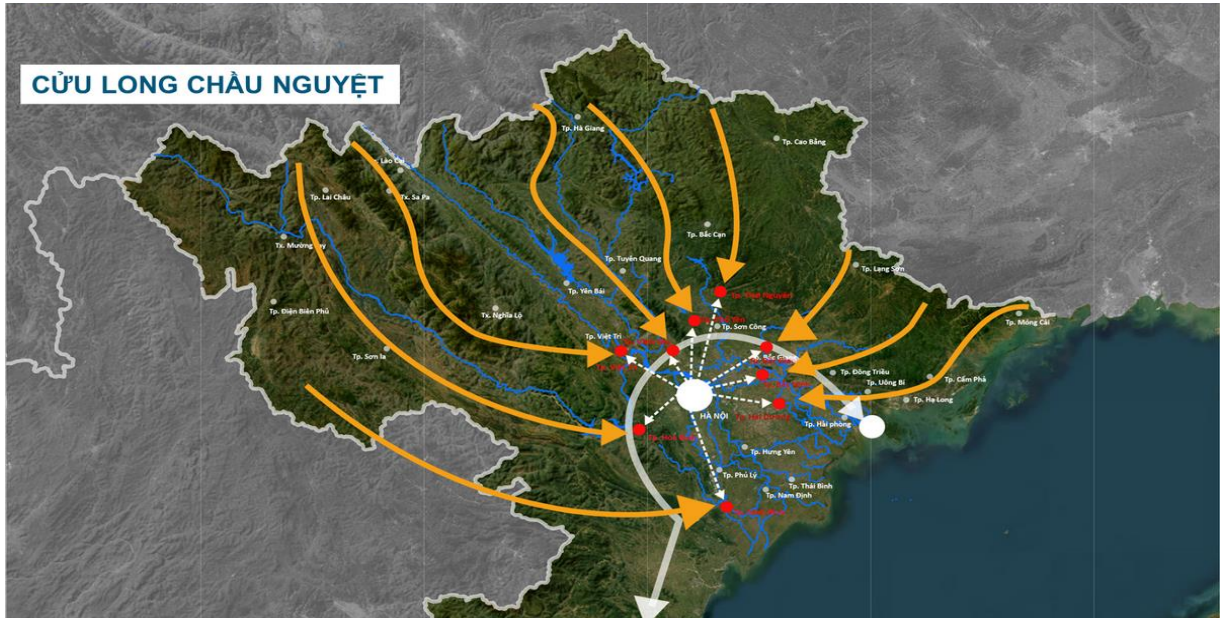
4. Thủ đô Hà Nội có hệ thống hạ tầng giao thông kết nối giao thông đồng bộ đến các trung tâm phát triển của khu vực và thế giới, đồng thời là trung tâm giao thương quốc tế của cả nước, là bộ mặt đại diện của quốc gia. Bên cạnh các cơ quan đầu não của đất nước, thì các cơ quan đại diện ngoại giao, các tổ chức quốc tế, các tập đoàn kinh tế, tài chính, các tổng công ty trong và ngoài nước đều có trụ sở, văn phòng đóng ở Thủ đô Hà Nội.



Hình 1.5: Vị trí của Thủ đô Hà Nội và các mối quan hệ với thế giới

5. Xét về yếu tố biến đổi khí hậu, Thủ đô Hà Nội có vị trí khá thuận lợi cho phát triển so với nhiều địa phương khác: Theo kịch bản mực nước biển dâng 100cm trong tương lai, thì khoảng 13,2% diện tích vùng ĐBSH có nguy cơ bị ngập, trong khi các địa phương Nam Định, Thái Bình và Hải Phòng có nguy cơ cao bị ngập cao nhất (diện tích ngập tương ứng là 43,7%, 38,2% và 25%), Hà Nội lại nằm trong vùng tương đối an toàn.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG



Bên cạnh những yếu tố tiềm năng thuận lợi, theo đánh giá của các chuyên gia, Thủ đô Hà Nội đối mặt với các khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển:

- (1). Thủ đô Hà Nội là Thành phố trực thuộc Trung ương duy nhất không tiếp giáp với biển.*
- (2). Thủ đô Hà Nội có tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động cao, chất lượng lao động chưa đồng đều, vấn đề di dân tự do, chất lượng sống, sức ép về hạ tầng và môi trường đang là thách thức.*
- (3). Khả năng và tiềm thu hút đầu tư có nhiều bất lợi hơn so với các tỉnh, thành lân cận do thiếu các chính sách phát triển vượt trội, chi phí cho các yếu tố đầu vào cao.*
- (4). Vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo còn mờ nhạt; chưa khai thông, sử dụng hiệu quả nguồn lực văn hóa.*
- (5). Vấn đề phát triển gắn với 3 chuyển đổi: xanh, số, tuần hoàn chưa mạnh mẽ, toàn diện trên các lĩnh vực.*
- (6). Ô nhiễm môi trường khu vực nội đô, nhất là môi trường không khí, môi trường nước ở các dòng sông có nguy cơ nghiêm trọng nếu không kịp thời có biện pháp xử lý, khắc phục.*
- (7). Kết cấu hạ tầng đồng bộ tuy được tập trung đầu tư nhưng vẫn chưa đồng bộ, hiện đại, thông minh, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.*

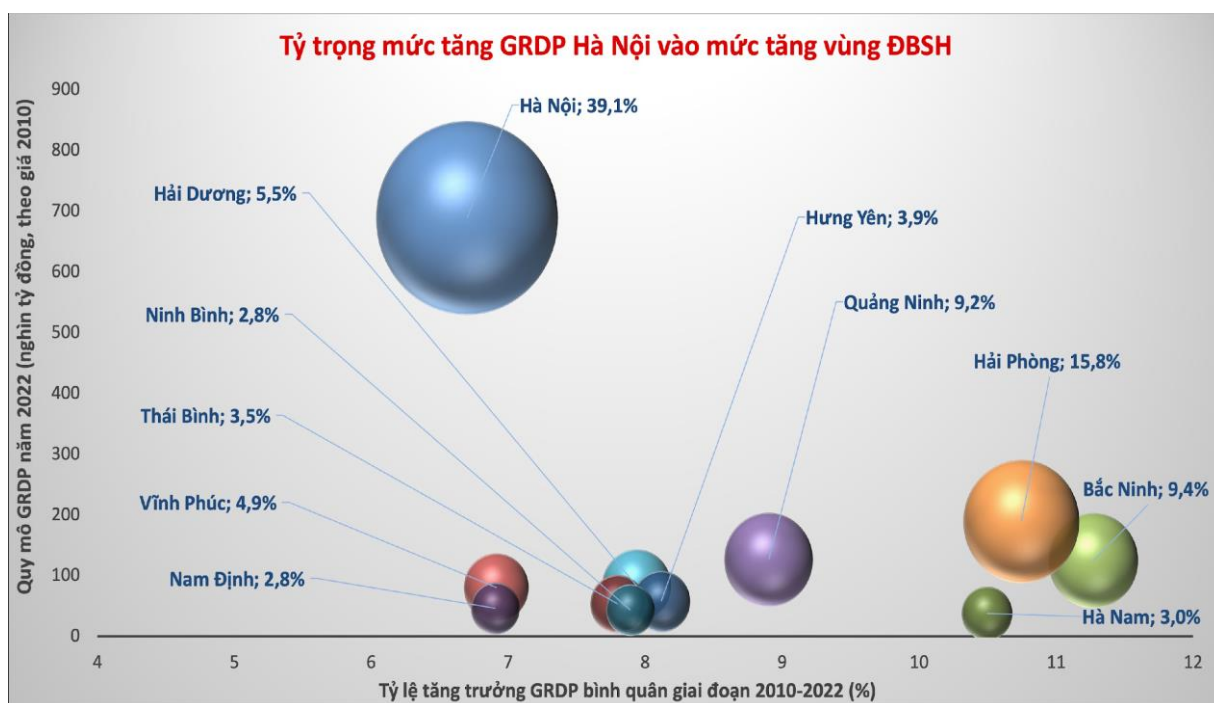
PHẦN II

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN

I. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

1. Quy mô nền kinh tế Thủ đô liên tục được mở rộng nhưng còn chưa tương xứng với vị thế và tiềm năng, GRDP Hà Nội đạt bình quân 6,84%/năm, quy mô đạt khoảng 55 tỷ USD, đứng vị trí thứ 2/63 tỉnh, thành, củng cố vị thế là trung tâm kinh tế lớn thứ hai cả nước, thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 150 triệu đồng/năm.

(1). Thời kỳ 2011-2020, tốc độ tăng trưởng GRDP Hà Nội đạt bình quân 6,84%/năm, cao gấp 1,12 lần so với bình quân cả nước. Giai đoạn 2021 - 2022, tăng trưởng GRDP của Thủ đô đạt 6,03%/năm, nhanh hơn so với mặt bằng chung cả nước (5,25%/năm). Quy mô GRDP của Hà Nội tiếp tục mở rộng, năm 2022 đạt khoảng 1.197 nghìn tỷ đồng (giá hiện hành), ở vị trí thứ 2/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, dân thu hẹp khoảng cách với TP. Hồ Chí Minh; Hà Nội đóng góp khoảng 39,1% vào tăng trưởng của vùng ĐBSH cả thời kỳ 2011 - 2022.

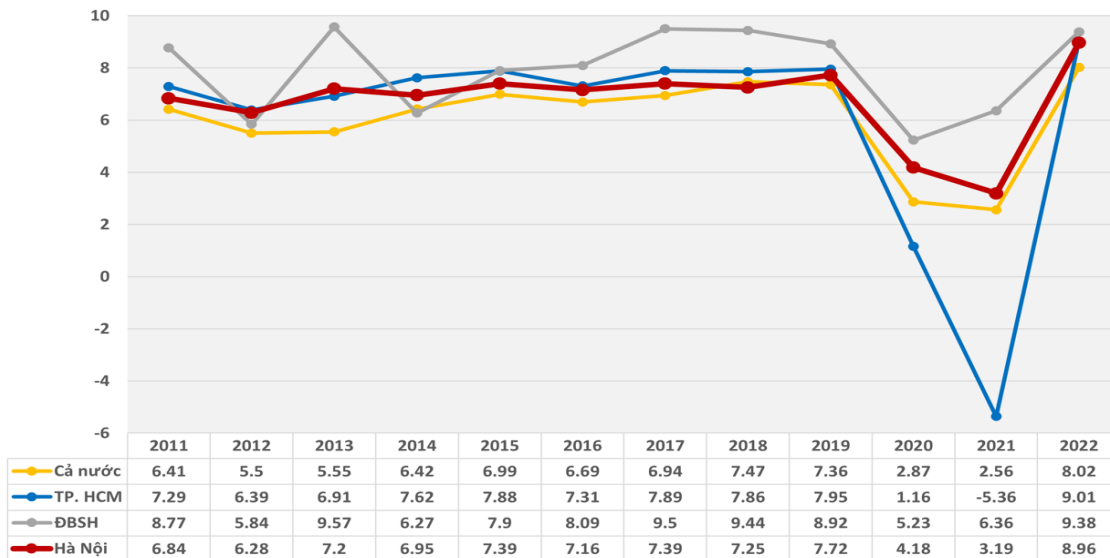


Hình 2.1: Tỷ trọng đóng góp của Hà Nội vào mức tăng GRDP vùng ĐBSH

Nguồn: Tính toán của nhóm tư vấn

(2). Tính theo giá HH, quy mô GRDP/người của Hà Nội tăng từ 53,6 triệu đồng năm 2010 lên 123,4 triệu đồng năm 2020 và khoảng 141,8 triệu đồng năm 2022, đứng thứ 7 cả nước (sau các tỉnh Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu và TP. Hồ Chí Minh). Đồng thời, thu nhập của người dân Thủ đô được cải thiện theo thời gian; năm 2022 là 106 triệu đồng, đứng ở vị trí thứ 3 cả nước (sau TP.HCM và tỉnh Bình Dương). Nhìn chung, người dân Hà Nội đã được chia sẻ thành quả tăng trưởng kinh tế tốt hơn.

(3). So với mục tiêu đề ra (khoảng 12,0 - 13% thời kỳ 2011 - 2020)³, tốc độ tăng trưởng GRDP của Hà Nội không đạt mục tiêu; thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng bình quân của vùng ĐBSH (7,95%/năm).

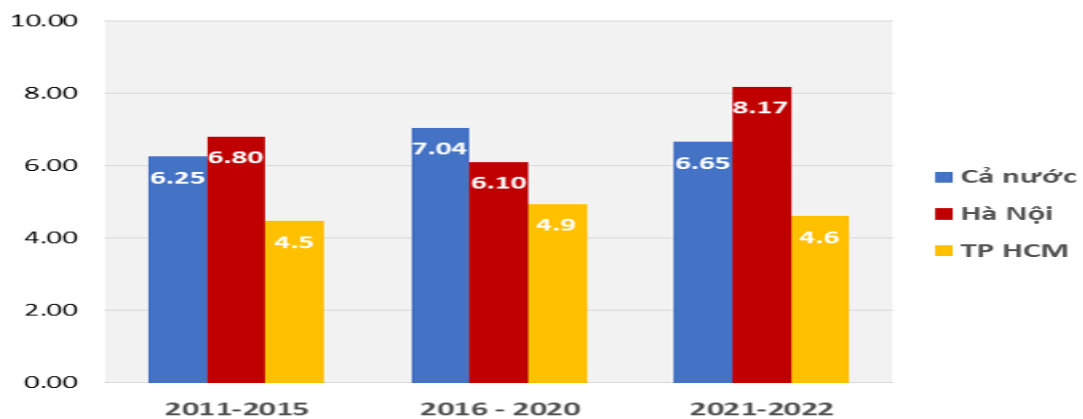


Hình 2.2: Tốc độ tăng GRDP của Hà Nội, và TP HCM, vùng ĐBSH và cả nước (%)

Nguồn: Tính toán của nhóm tư vấn

2. Chất lượng tăng trưởng dù được cải thiện, nhưng còn chậm, mô hình tăng trưởng dựa nhiều vào vốn nên hệ số ICOR cao và tỷ lệ đóng góp của TFP chưa vượt trội. Tốc độ tăng NSLĐ bình quân của Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2011-2020 đạt 5,35%/năm, cao hơn khoảng 1,2 lần so với tốc độ tăng NSLĐ bình quân của TP.HCM, cao hơn so với cả nước. Hà Nội liên tục đứng thứ hai cả nước, sau TP.HCM về mật độ kinh tế. Tuy nhiên, mô hình tăng trưởng còn thiên về chiều rộng, thâm dụng vốn.⁴

- Hệ số ICOR của Thủ đô Hà Nội luôn cao hơn so với cả nước và cao hơn gấp 1,4 lần so với TP.HCM.



Hình 2.3: So sánh hệ số ICOR của Hà Nội với cả nước và thành phố Hồ Chí Minh

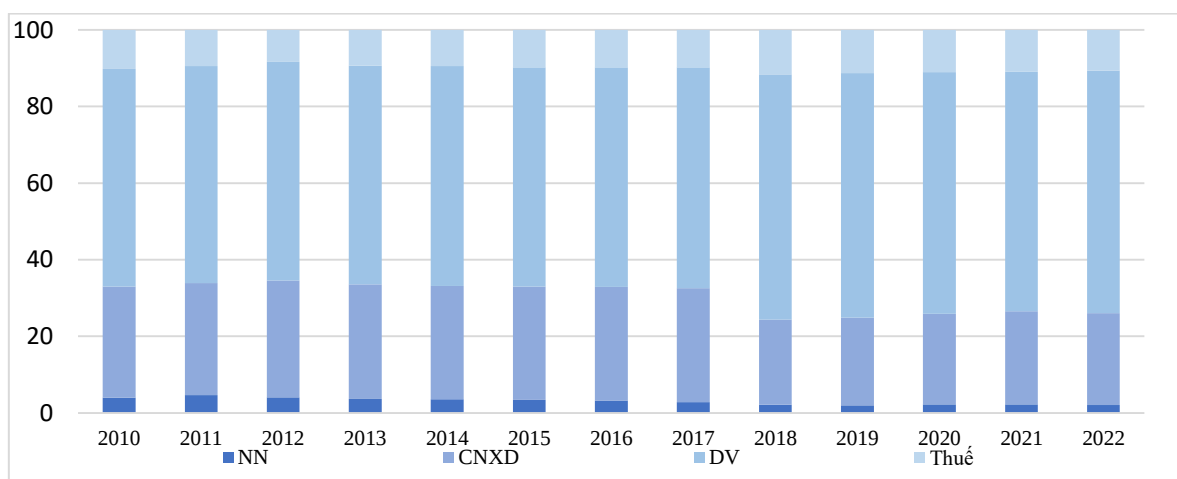
Nguồn: tính toán của nhóm tư vấn

³ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

⁴ Tỷ lệ đóng góp của vốn vào tăng trưởng cao, tỷ lệ đóng góp của TFP vào tăng trưởng thiếu ổn định, mức tăng TFP của Hà Nội chỉ tương đương vùng Đồng bằng sông Hồng và có xu hướng giảm.

3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa hình thành rõ rệt được các ngành kinh tế mũi nhọn, hiệu quả cao. Các ngành kinh tế không ngừng phát triển cả về quy mô và chất lượng nhưng thiếu các không gian phát triển theo hướng hiện đại, chuyên môn hóa cao. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa hình thành rõ rệt được các ngành kinh tế mũi nhọn, hiệu quả cao. Khu vực dịch vụ dù liên tục có tỷ trọng lớn trong quy mô GRDP của Hà Nội và xoay quanh ở mức 63 - 65%, nhưng chưa phát huy hết được tiềm năng, lợi thế. Khu vực công nghiệp - xây dựng khoảng 24% năm 2022. Bình quân 2 năm 2021-2022, tốc độ tăng năng suất lao động đạt 5,05%.

(1)- *Về cơ cấu theo khu vực kinh tế:* Khu vực dịch vụ dù liên tục có tỷ trọng lớn trong quy mô GRDP của Hà Nội và xoay quanh ở mức 63 - 65%, nhưng chưa phát huy hết được tiềm năng, lợi thế của Thủ đô Hà Nội (như tỷ trọng ngành thương mại dù chiếm 11,35% GRDP chung của Hà Nội, nhưng còn khá thấp nếu so sánh với một số thành phố khác như Bangkok (24%) và Singapore (40%),... Tính chuyên nghiệp của các hoạt động dịch vụ còn chưa cao.



Hình 2.4: Cơ cấu GRDP của thành phố Hà Nội

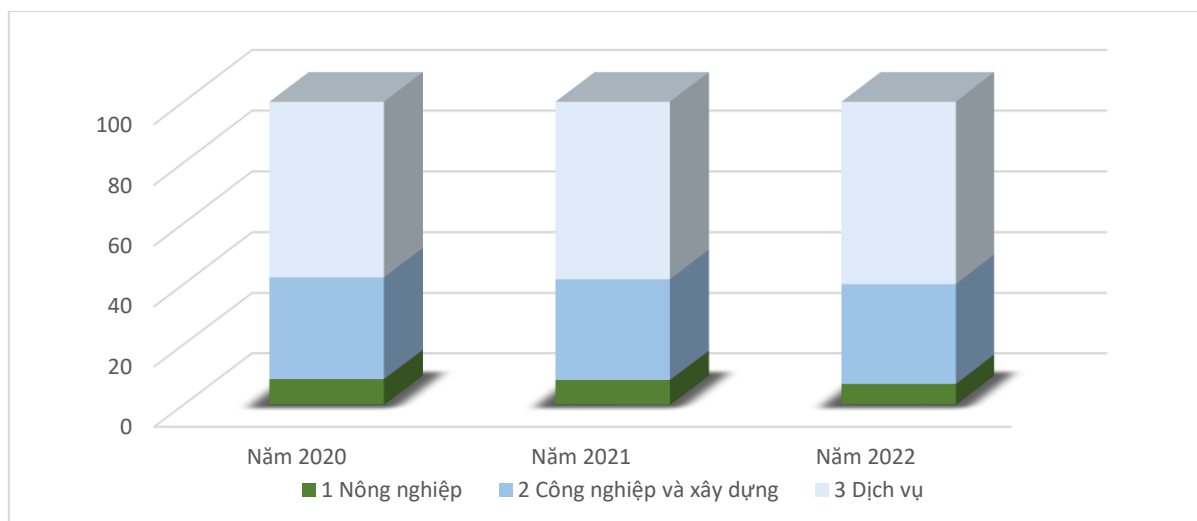
Nguồn: Tính toán của nhóm tư vấn

Tỷ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng tăng nhẹ từ 19,1% năm 2010 lên 23,7% năm 2020 và trên 24% năm 2022, không đạt mục tiêu đề ra (mục tiêu: 41-42%)⁵. Phát triển công nghiệp còn dàn trải, chậm hình thành những ngành công nghiệp nổi trội, có bước phát triển mạnh trong tổng giá trị ngành công nghiệp thành phố; thiếu những ngành ứng dụng mạnh mẽ công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến. Kết quả hình thành các tổ hợp quy mô lớn, hiệu quả cao trong lĩnh vực công nghiệp chưa rõ nét. Tỷ trọng của khu vực nông - lâm thủy sản giảm tương ứng trong cùng kỳ từ 3,2% xuống 2,24% và 2,08%; song sản xuất nông nghiệp chủ yếu vẫn là sản xuất theo hộ có quy mô nhỏ lẻ, các loại hình tổ chức sản xuất khác như trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp còn chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Các mô hình phát triển nông nghiệp trải nghiệm, nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái mới được hình thành và phát triển một cách tự phát. Số lượng mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh Thủ đô Hà Nội phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế vốn có của Thành phố.

(2)- *Về cơ cấu theo lao động:* Tỷ trọng lao động khu vực nông, lâm và thủy sản giảm từ 23,1% năm 2010 xuống 11,6% năm 2020, khoảng 11,3% năm 2022; tỷ trọng

⁵ Quyết định 222/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

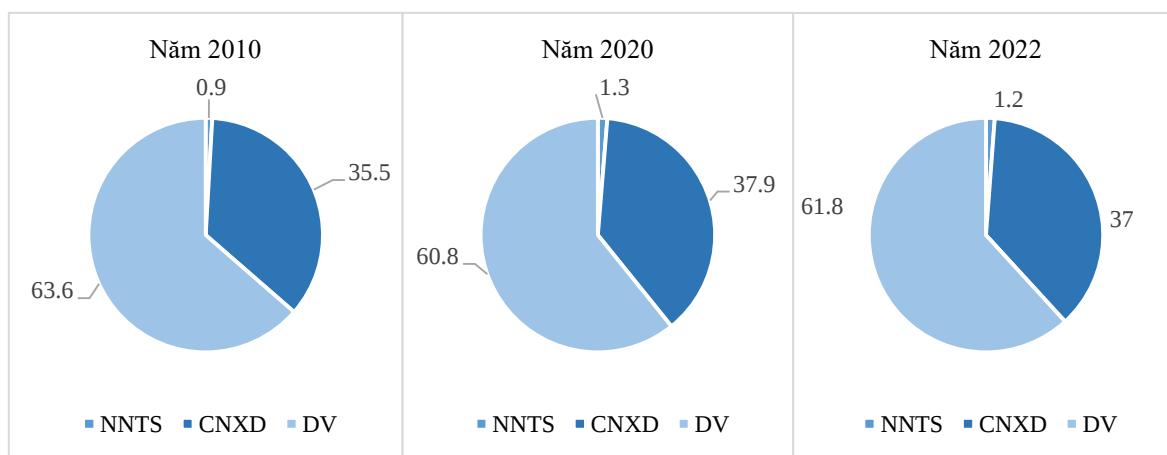
lao động trong khu vực dịch vụ tăng nhanh từ 45,8% lên 55,9% và khoảng 57,1% trong cùng kỳ, tỷ trọng lao động trong khu vực CNXD chuyển dịch tương ứng tương ứng, từ 31,2% lên 32,5% và 31,9%. Tuy nhiên, các ngành kinh tế hấp thụ lao động chuyển dịch từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp là những ngành có giá trị gia tăng thấp; khả năng hấp thụ lao động của các ngành thâm dụng lao động đang có xu hướng giảm dần, trong khi đó những ngành được coi là phát triển năng động, có tốc độ tăng NSLĐ cao lại không tạo được nhiều việc làm cho nền kinh tế. Đây là một thách thức lớn đối với mục tiêu nâng cao NSLĐ và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phi nông nghiệp. Bình quân 2 năm 2021-2022, tốc độ tăng năng suất lao động đạt 5,05%.



Hình 2.5: Chuyển dịch cơ cấu lao động trong nền kinh tế

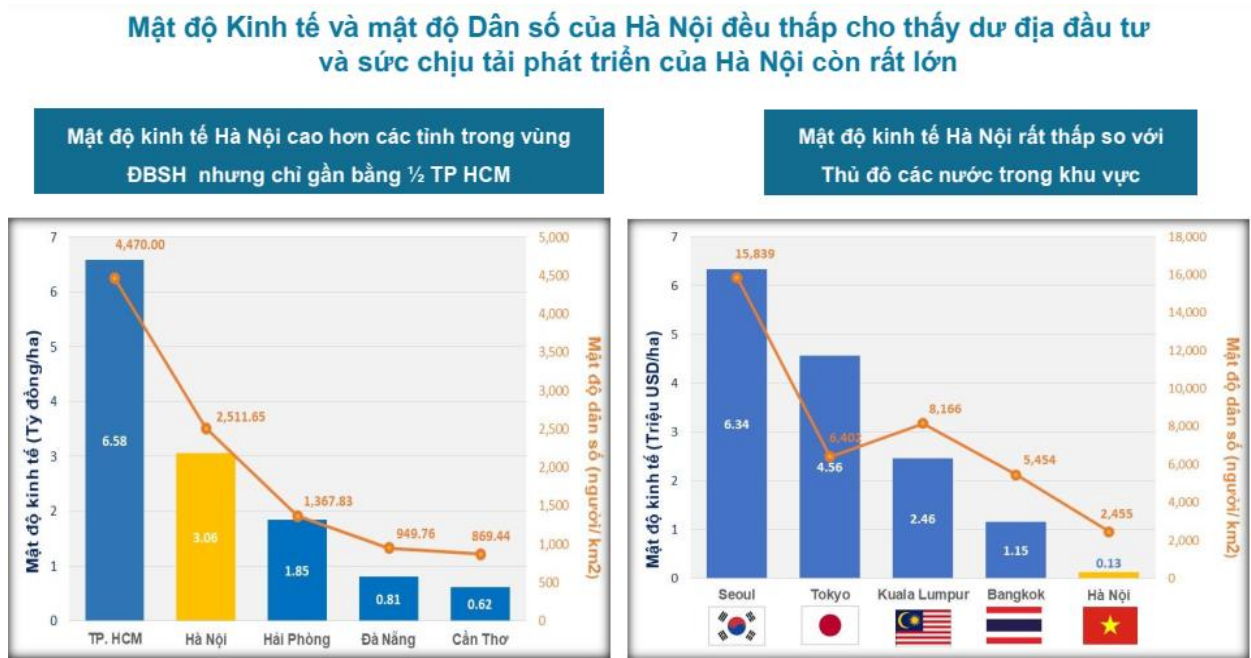
Nguồn: Tính toán của nhóm tư vấn

(3)- Về chuyển dịch vốn đầu tư: Tỷ trọng đầu tư vào khu vực dịch vụ của Thủ đô Hà Nội giảm từ 63,6% năm 2010, xuống 60,8% năm 2020 và tăng nhẹ lên khoảng 61,8% năm 2022. Tỷ trọng đầu tư vào khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tại Hà Nội tăng từ 0,9% năm 2010 lên 1,3% năm 2020 và khoảng 1,2% năm 2022; tỷ trọng đầu tư vào khu vực công nghiệp - xây dựng của Hà Nội tăng từ 35,5% năm 2010 lên 37,9% năm 2020 và 37% năm 2022. Chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo hướng phi nông nghiệp nhanh hơn so với chuyển dịch cơ cấu GRDP theo ngành kinh tế, phản ánh tình trạng sử dụng vốn thiếu hiệu quả. Vốn đã được huy động và sử dụng vào nhiều ngành có giá trị gia tăng thấp.



Hình 2.6: Chuyển dịch cơ cấu đầu tư trong nền kinh tế

Nguồn: Niên giám thống kê Hà Nội qua các năm



Hình 2.6b: Mật độ kinh tế của Thủ đô Hà Nội so với một số tỉnh, thành phố

4. Huy động nguồn lực được đẩy mạnh nhưng chưa tương xứng với tiềm năng. Quy mô thu ngân sách trên địa bàn Thủ đô Hà Nội trong nhiều năm liên tục đứng thứ 2 trong tổng số các địa phương của cả nước (sau TP.HCM), chiếm 19,1% so với cả nước và 37,5 % so với Vùng ĐBSH. Tốc độ tăng vốn đầu tư (giá so sánh năm 2010) của thời kỳ 2011 - 2020 là 8,56%/năm; cao hơn so với TP.HCM là 6,26% và cả nước là 6,65%, nhưng thấp hơn so với vùng ĐBSH là 8,52%. Lực lượng lao động có việc làm đạt khoảng 4,2 triệu người năm 2022.

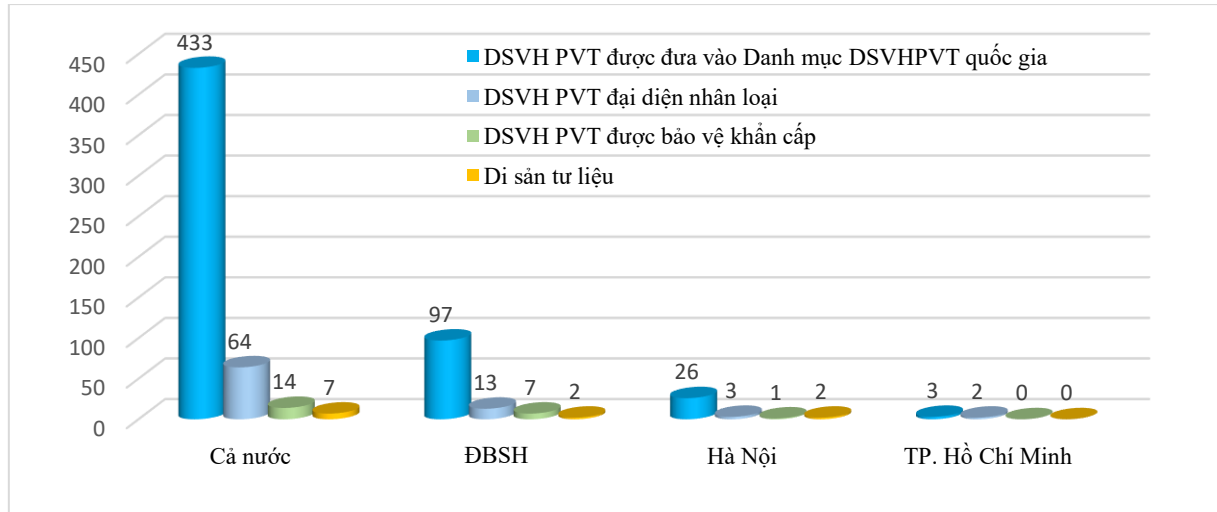
5. Môi trường kinh doanh được cải thiện, còn nhiều dư địa cho các doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Thủ đô Hà Nội năm 2021 đứng thứ 10 trong bảng xếp hạng 63 tỉnh, thành phố. Số lượng doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn Thủ đô Hà Nội lũy kế đến nay khoảng 380.000 doanh nghiệp. Quy mô vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Hà Nội chiếm khoảng 70% so với tổng vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong vùng ĐBSH.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Thủ đô Hà Nội tiếp tục khẳng định vị thế là trung tâm văn hóa lớn của cả nước với nhiều giá trị văn hóa, lịch sử được bảo tồn và phát huy giá trị. Đã thực hiện xếp hạng được 2.624 di tích/5.922 di tích (chiếm khoảng 1/3 tổng số 9.000 di tích xếp hạng của cả nước), trong đó, có 1.163 di tích/cụm di tích xếp hạng quốc gia (chiếm 1/4 trong tổng số 4.000 di tích xếp hạng quốc gia của cả nước); 21 di tích/cụm di tích xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt và 01 di tích được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa thế giới (Khu di tích Hoàng Thành- Thăng Long).⁶ Số di sản được UNESCO ghi danh hiện nay chiếm 1/8 số di sản văn hóa thế giới cả nước; 2/3 số di sản tư liệu thế

⁶ Các địa phương có nhiều di tích được xếp hạng của thành phố là: Chương Mỹ (173 di tích); Ứng Hoà (166 di tích); Gia Lâm (152 di tích); Thanh Oai (147 di tích). Đông Anh (131).

giới cả nước⁷; 4/15 di sản văn hóa phi vật thể⁸. Thủ đô Hà Nội có mạng lưới thư viện phát triển toàn diện nhất cả nước, gồm: 01 Thư viện quốc gia, gần 200 Thư viện các trường Đại học, Học viện, Viện nghiên cứu; 01 Thư viện Hà Nội; 29/30 thư viện cấp huyện; 54/579 xã, phường, thị trấn có thư viện. Thủ đô Hà Nội có 31 bảo tàng công lập (gồm 7 bảo tàng quốc gia; 24 bảo tàng chuyên ngành), có 19 bảo tàng tư nhân; 23 đơn vị nhà hát nghệ thuật chuyên nghiệp; 10 cơ sở sản xuất phim nằm trong hệ thống cơ sở điện ảnh quốc gia, có 45 rạp/cụm rạp chiếu phim quy mô hàng trăm chỗ ngồi. 03 cơ sở triển lãm văn hóa nghệ thuật quốc gia. Ngành công nghiệp văn hóa Thủ đô Hà Nội đóng góp khoảng 1,49 tỷ USD (theo tính toán của chuyên gia) vào tổng sản phẩm trên địa bàn Hà Nội.



Hình 2.7: So sánh số lượng di sản văn hoá phi vật thể, di sản tư liệu trên địa bàn Thủ đô Hà Nội với TP. Hồ Chí Minh, vùng ĐBSH và cả nước

2. Thủ đô Hà Nội là trung tâm TDTT lớn nhất của cả nước, song thể dục, thể thao chuyên nghiệp chưa thực sự có đột phá. Tỷ lệ người tập luyện TDTT thường xuyên năm 2022 đạt 42% dân số. Thể thao trong trường học được quan tâm. Thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp đứng đầu cả nước, mạng lưới cơ sở thể dục thể thao của Thủ đô Hà Nội có sự phân bố không đồng đều giữa các khu vực.

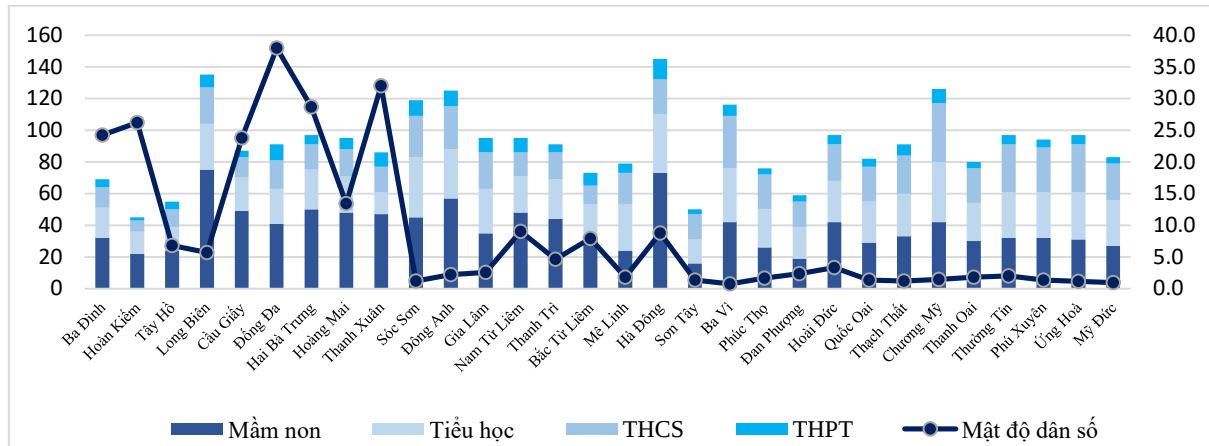
3. Thủ đô Hà Nội là trung tâm giáo dục và đào tạo hàng đầu cả nước về quy mô, mạng lưới trường lớp, chất lượng giáo dục mũi nhọn, số học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế. Thủ đô Hà Nội tập trung hơn 1/3 số trường đại học trong toàn quốc.⁹ So với một số quốc gia khác ở Châu Á thì Việt Nam có số lượng trường ĐH tập trung ở Thủ đô nhiều hơn (hơn 1/3 so với 1/5 của các nước/vùng

⁷ 82 bia tiến sĩ tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám được tổ chức UNESCO công nhận là Di sản tư liệu thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đây là những bản tư liệu gốc duy nhất hiện còn ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám, được coi là một trong những di sản văn hóa vô giá. Mộc bản triều Nguyễn (được công nhận năm 2009). Đây là di sản tư liệu thế giới đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận, gồm 34.618 tấm chữ Hán-Nôm được khắc ngược trên gỗ để in ra các sách tại Việt Nam vào thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX

⁸ Các di sản văn hóa thuộc Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại gồm có Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc; Nghi lễ và trò chơi Kéo co; Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt. Ngoài ra, thành phố có di sản nghệ thuật Ca Trù nằm trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp của UNESCO.

⁹ Trên địa bàn Thành phố hiện nay tập trung 83 trường đại học và học viện. Nếu tính cả trên 20 trường thuộc khối an ninh, Quốc phòng thì số trường lên tới trên 100 trường, gần 1 triệu học viên, sinh viên. Tuy nhiên, các trường tập trung chủ yếu ở các quận nội thành: Hai Bà Trưng, Cầu Giấy, Thanh Xuân, Đống Đa.

lãnh thổ như Hàn Quốc hay Đài Loan. Trên địa bàn có 44 cơ sở thuộc trung ương và 182 cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc Hà Nội; có 68 trường cao đẳng, 82 trường trung cấp và 88 trung tâm GDNN. Thời kỳ 2011- 2022, trên địa bàn Thủ đô Hà Nội đã tổ chức đào tạo cho 217.571 người, giải quyết việc làm sau đào tạo cho 169.909 người; tỷ lệ có việc làm của người lao động sau học nghề đạt trên 79,8%.



Hình 2.8. Mạng lưới phân bố trường học các cấp trên địa bàn năm 2022

4. Thủ đô Hà Nội là trung tâm y tế, chăm sóc sức khỏe hàng đầu cả nước. Mạng lưới cơ sở y tế đã phủ khắp 30 quận, huyện, thị xã của Hà Nội với các loại hình khác nhau: 41 bệnh viện công lập trực thuộc Hà Nội; 30 trung tâm y tế quận/huyện, 579 trạm y tế xã, phường, thị trấn; 43 bệnh viện tư nhân và trên 4 nghìn phòng khám tư nhân. Hà Nội là nơi tập trung số lượng các cơ sở y tế tuyến trung ương cao nhất cả nước với 32 cơ sở y tế, chiếm 95% bệnh viện tuyến Trung ương vùng ĐBSH, chiếm 55,8% bệnh viện tuyến trung ương trên cả nước.

5. Thực trạng phát triển dân số, lao động, an sinh xã hội và bảo trợ xã hội: Thời kỳ 2012-2022, dân số Thủ đô Hà Nội tăng 1,48 triệu người, trung bình tăng khoảng 150.000 người/năm. Năm 2022, đạt 8.435,65 nghìn người, gấp 1,21 lần so với năm 2012. Dân số tăng cơ học giai đoạn 2005 - 2022 tăng khoảng 1.175 nghìn người, bình quân tăng khoảng 69,1 nghìn người/năm, giai đoạn 2012 -2022 tăng khoảng 694 nghìn người. Năm 2022, quy mô việc làm của Hà Nội là 3,93 triệu người, xếp thứ 2 cả nước. Nguồn nhân lực ở Hà Nội được toàn dụng khá tốt với tỷ lệ thất nghiệp luôn được duy trì ở mức thấp trong giai đoạn 2012-2022, (2,22%).¹⁰ Giảm nghèo và an sinh xã hội được đảm bảo tốt hơn so với bình quân cả nước. Cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của Hà Nội là 0,095%, thấp hơn nhiều lần so với cả nước (4,3%) và vùng ĐBSH (0,9%). Chính sách người có công được quan tâm đặc biệt; mức trợ cấp/hỗ trợ luôn duy trì cao hơn mức quy định của Trung ương. Hệ thống an sinh xã hội ngày càng đồng bộ, hoàn thiện, đối tượng thuộc diện thụ hưởng chính sách an sinh xã hội ngày càng mở rộng, mức hỗ trợ được nâng lên. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới được triển khai tích cực, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quan tâm, chăm sóc và trợ giúp kịp thời.

¹⁰ Thấp hơn so với cả nước (3,2%), TP.HCM (6,4%), vùng ĐBSH (2,18%) và thấp hơn so với nhiều Thủ đô lớn của 1 số quốc gia trên thế giới như Tokyo (Nhật Bản): 3,1% (2020); Singapore: 2,76% (2022); thất nghiệp thành thị cao gấp 2,7 lần so với khu vực nông thôn (3,33% và 1,21%).

6. Thủ đô Hà Nội có tiềm lực và tiềm năng mạnh mẽ phát triển KH&CN hàng đầu cả nước, song KHCN chưa thực sự là động lực phát triển. Có khoảng 80% trường đại học, viện nghiên cứu cả nước; có 278 tổ chức KH&CN. Tuy nhiên, vẫn chưa thu hút được đội ngũ nhân tài tham gia xây dựng và phát triển Thủ đô; các tổ chức KH&CN hoạt động chưa thực sự hiệu quả; đầu tư cho hoạt động KH&CN từ khu vực tư nhân còn hạn chế; hạ tầng KH&CN chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ tuy có phát triển nhưng chưa tương xứng tiềm năng.



7. Quốc phòng, an ninh được đảm bảo, đối ngoại được tăng cường. Thực hiện tốt chủ trương mỗi bước phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ của Thành phố gắn liền với nâng cao các **tiềm lực quân sự** đáp ứng yêu cầu xây dựng khu vực phòng thủ từ sớm, từ xa ngày càng vững chắc; **Bảo vệ tuyệt đối an toàn** các mục tiêu trọng điểm, hoạt động của các cơ quan Trung ương và quốc tế, các sự kiện chính trị, ngoại giao, văn hóa diễn ra trên địa bàn, lan tỏa mạnh mẽ thông điệp “Thành phố vì hòa bình”. **Công tác đối ngoại** được thực hiện với phương châm chủ động, linh hoạt, sáng tạo, đạt được những kết quả tích cực, đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại song phương, đa phương, hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.

III. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN

1. Không gian đô thị được mở rộng, hình thành nhiều khu đô thị mới văn minh, hiện đại; đồng thời, quan tâm, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử. Tỷ lệ đô thị hóa của Hà Nội tăng từ 42,5% năm 2010 lên 49,1% năm 2022. Cơ cấu kinh tế khu vực đô thị chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng ngành dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và nông nghiệp. Khu vực đô thị trung bình đóng góp khoảng 80% số doanh nghiệp và khoảng 90% vốn sản xuất, kinh doanh bình quân hàng năm. Cơ sở hạ tầng đô thị được cải thiện theo hướng hiện đại, khang trang; người dân có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ tiện nghi. Phân bố dân cư có mật độ cao ở các khu vực các quận mới; nhiều di sản văn hóa, di tích lịch sử, các công trình kiến trúc được bảo tồn, phát huy, một số không gian văn hóa được quan tâm đầu tư, phát huy giá trị. Không gian phố đi bộ xung quanh Hồ Gươm đã tạo nên những điểm nhấn cho không gian văn hóa đô thị Hà Nội.

Vấn đề cải tạo và chỉnh trang đô thị được quan tâm, nhiều dự án được triển khai, nhà ở được cải thiện rõ rệt, diện tích nhà ở bình quân đầu người tăng lên đáng kể (năm 2020 đạt 30,94 m²/người). Nhiều khu đô thị, dự án nhà ở thiết kế hiện đại, tiện nghi kết hợp

với hạ tầng xã hội đồng bộ đã thay đổi thói quen, tạo lập môi trường sống mới cho người dân Thủ đô.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, thực trạng đô thị Hà Nội đang **còn nhiều tồn tại, hạn chế**:

(1). Tỷ lệ đô thị hoá vẫn chưa đạt được mục tiêu đề ra, thấp hơn so với nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước

(2). Quy mô dân số đã vượt mức dự báo. Việc quản lý, kiểm soát dân số tại khu vực đô thị trung tâm và giãn dân nội đô gặp nhiều khó khăn.

(3). Việc bảo tồn, tôn tạo khu vực phố cổ và tu bổ tôn tạo các khu phố có kiến trúc Pháp chưa đạt kết quả như mong muốn.

(4). Mô hình phát triển chùm đô thị chưa đạt được yêu cầu. Phát triển đô thị chưa đồng đều và chưa tương xứng với tiềm năng. Tiến độ triển khai các đô thị vệ tinh theo quy hoạch còn chậm.

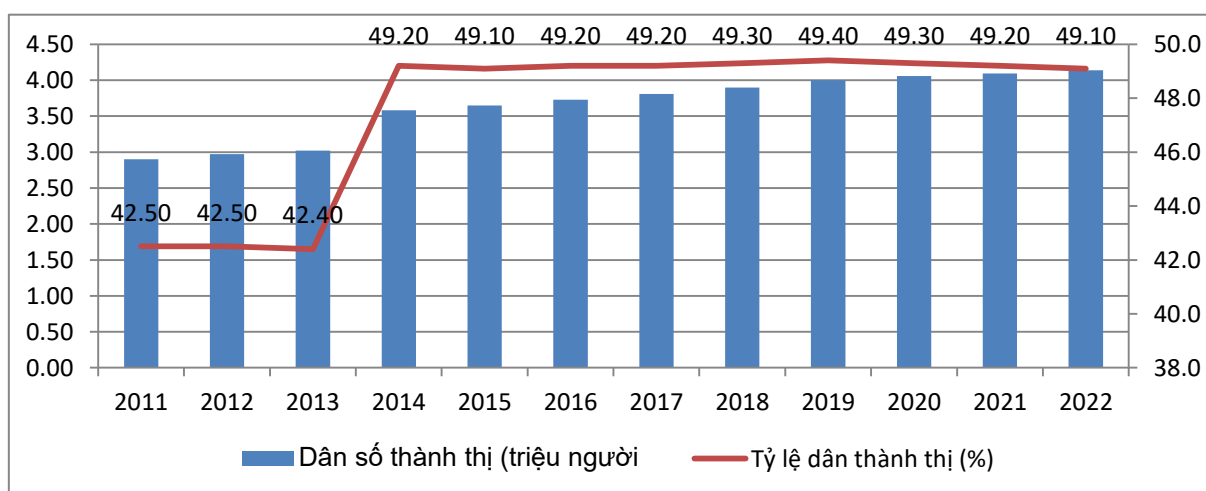
(5). Công tác di dời theo định hướng QHC và Quyết định số 130 chưa bảo đảm tiến độ, ảnh hưởng đến quỹ đất bàn giao cho Thành phố sau khi di dời. Công tác cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ gặp nhiều khó khăn vướng mắc, chưa đảm bảo tiến độ.

(6). Phát triển đô thị chưa đồng bộ. Các khu đô thị mới phát triển nhanh song còn dàn trải, chưa cân đối giữa phát triển mới với tái thiết. Phát triển hạ tầng kinh tế (các khu, CCN, làng nghề, TTTM, chợ, khu du lịch,...) và HTXH chưa theo kịp định hướng quy hoạch, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

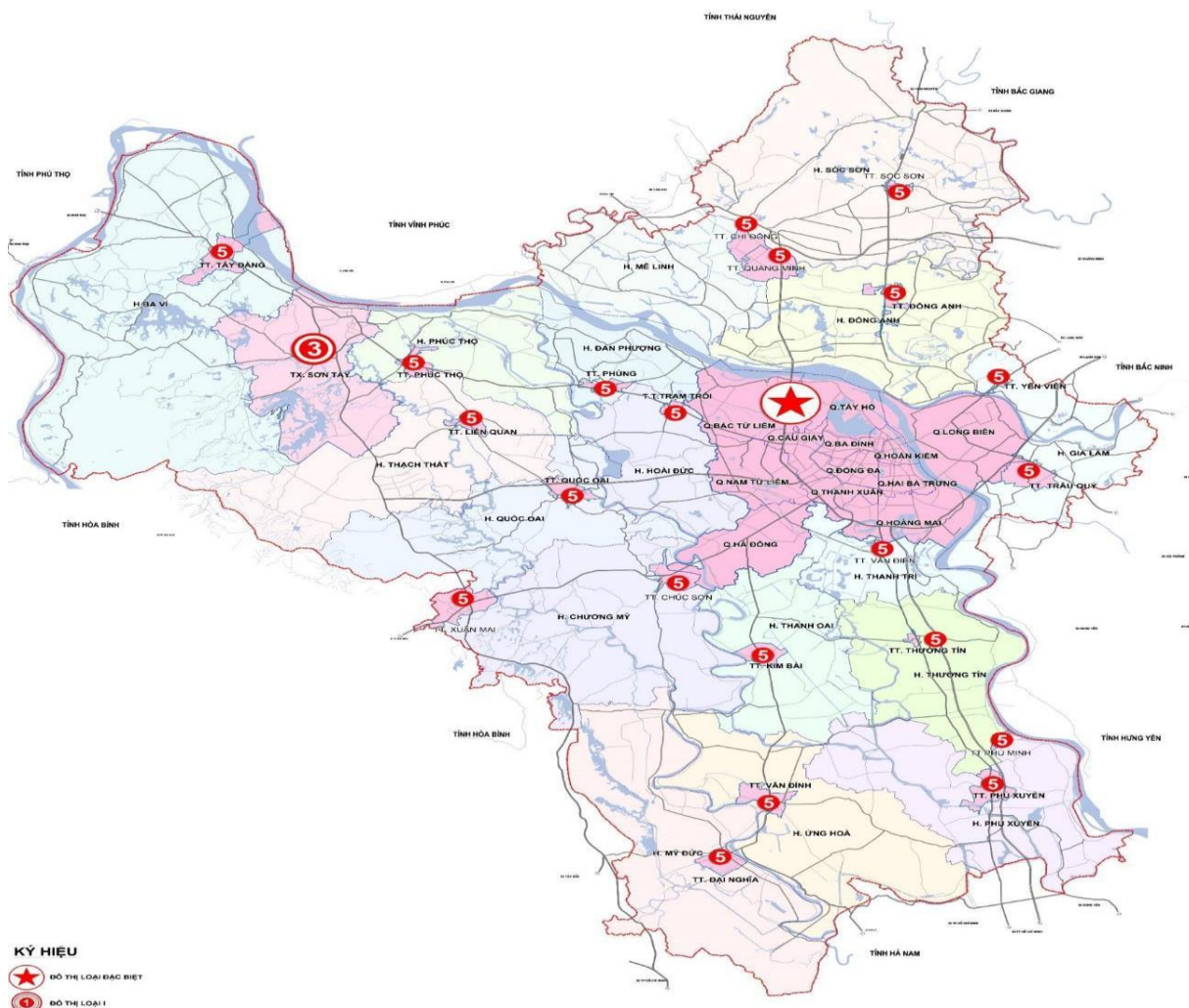
(7). Kết cấu hạ tầng đô thị chưa đồng bộ, chưa theo kịp nhu cầu phát triển đô thị hiện đại. Tiến độ đầu tư các công trình hạ tầng giao thông còn chậm. Tỷ lệ đất dành cho giao thông, tỷ lệ vận tải hành khách bằng phương tiện công cộng chưa đạt kế hoạch. Hạ tầng giao thông kết nối chưa được quan tâm đúng mức.

(8). Công tác đầu tư xây dựng đồng bộ theo quy hoạch còn hạn chế, đặc biệt là hệ thống HTKT khung. Tiến độ triển khai một số dự án HTKT thiết yếu còn chậm.

(9). Mô hình phát triển các đô thị vệ tinh chưa hình thành; các hành lang xanh theo quy hoạch đang bị xâm phạm.



Hình 2.9: Tỷ lệ đô thị hóa Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2011-2022



Hình 2.10: Thực trạng phát triển đô thị thành phố Hà Nội

2. Diện mạo khu vực nông thôn nhiều thay đổi, các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới về cơ sở hạ tầng được quan tâm. Dân số khu vực nông thôn 4.291,1 người chiếm 50,49% tổng dân số toàn thành phố. Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới (NTM) đạt kết quả tích cực, diện mạo nông thôn thay đổi rõ nét. Hết năm 2022, có 15/17 huyện, thị xã đạt chuẩn nông thôn mới. Có 368/382 xã (chiếm 96,3%) đạt chuẩn nông thôn mới, 111 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, vượt so với mục tiêu đặt ra (vượt 38 xã). Số xã NTM kiểu mẫu đạt mục tiêu Chương trình đề ra là 20 xã.

Một số vấn đề bất cập trong quá trình thực hiện đô thị hóa nông thôn:

(1). Đô thị hoá đã dẫn đến chuyển đổi cấu trúc dân cư từ dân cư nông thôn với mật độ thấp sang tập trung cao với lối sống đô thị. Quỹ đất hạn chế, dân số gia tăng và nhu cầu chuyển đổi mô hình sản xuất đã tác động mạnh tới việc điều chỉnh và xây dựng các điểm dân cư mới.

(2). Quá trình đô thị hóa nhanh dẫn đến cấu trúc cảnh quan của “Đô thị trong làng”. Không gian công cộng tại các làng nông thôn bị thu hẹp, thậm chí lấn chiếm và biến mất.

(3). Quy mô và chất lượng không gian xanh còn hạn chế. Diện tích mặt nước của khu vực ngoại thành chủ yếu sử dụng cho mục đích nuôi thủy sản và không đóng vai trò không gian xanh công cộng.

(4). Thu nhập và đời sống của người dân nông thôn còn thấp, chưa tương xứng, nhất là ở các xã thuần nông, xã dân tộc miền núi. Tỷ lệ giảm nghèo nhanh nhưng chưa thực sự bền vững. Việc huy động nguồn lực xã hội cho công tác an sinh còn hạn chế.

(5). Hạ tầng kinh tế - kỹ thuật cho nông nghiệp còn hạn chế, việc ứng dụng công nghệ cao còn thiếu, bất cập trong việc kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường. Công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu.

(6). Tỷ lệ người dân nông thôn được tiếp cận nước sạch còn thấp so với khu vực đô thị. Tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục ở khu vực nông thôn còn khoảng cách lớn so với khu vực đô thị.

IV. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Hệ thống giao thông vận tải đường bộ liên tỉnh cơ bản đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách của người dân song kết nối còn thiếu đồng bộ; các nút giao thông vào Thủ đô thường xuyên ùn tắc, các trục giao thông kết nối giữa khu vực trung tâm và các huyện của Thành phố thiếu đồng bộ; giao thông đô thị thường xuyên ùn tắc, vận tải công cộng mới chỉ đáp ứng dưới 20% nhu cầu đi lại, hệ thống đường sắt đô thị chậm phát triển.

- 08 tuyến đường cao tốc (CT) đi qua địa bàn Hà Nội, bao gồm: (CT.03) Láng - Hòa Lạc - Hòa Bình; (CT.07) Hà Nội - Thái Nguyên; (CT.04) Hà Nội - Hải Phòng; (CT.01) Pháp Vân - cầu Giẽ; (CT.01) Hà Nội - Lạng Sơn; (CT.05) Hà Nội - Lào Cai; (CT.09) Hà Nội - Hạ Long; (CT.20) Vành đai 3 trên cao; tuyến đường Vành đai 4 (đã khởi công xây dựng. Tuy nhiên, có 03 tuyến cao tốc chưa hình thành, bao gồm: đường Vành đai 4 (CT.38) đang triển khai đầu tư; đường Vành đai 5 (CT.39); Chợ Bền – Yên Mỹ (CT.14); còn 05/11 tuyến QL chưa được đầu tư theo quy hoạch: QL2; QL3; QL18; QL23; QL2C, trong khi đây là các tuyến giao thông đường bộ kết nối từ Thủ đô Hà Nội đi các trung tâm dân cư, kinh tế và quốc phòng của cả nước.

- 06/11 tuyến Quốc lộ (QL) đã được đầu tư cải tạo, mở rộng theo quy hoạch: QL1; QL21B; QL32; QL21; QL6; QL5; kết nối giữa Hà Nội với cả nước và quốc tế.

- 35 tuyến đường tỉnh. Hiện đã có 01 tuyến vành đai (VĐ) đã khép kín (VĐ2); có 09 cầu đường bộ đã được đầu tư hình thành: (1) cầu Thăng Long; (2) cầu Chương Dương; (3) cầu Vĩnh Tuy; (4) cầu Thanh Trì; (5) cầu Nhật Tân; (6) cầu Vĩnh Thịnh; (7) cầu Văn Lang; (8) cầu Trung Hà; (9) cầu Vĩnh Tuy (giai đoạn 2). Thủ đô Hà Nội mới chỉ đạt được 50% số cầu đường bộ theo quy hoạch.

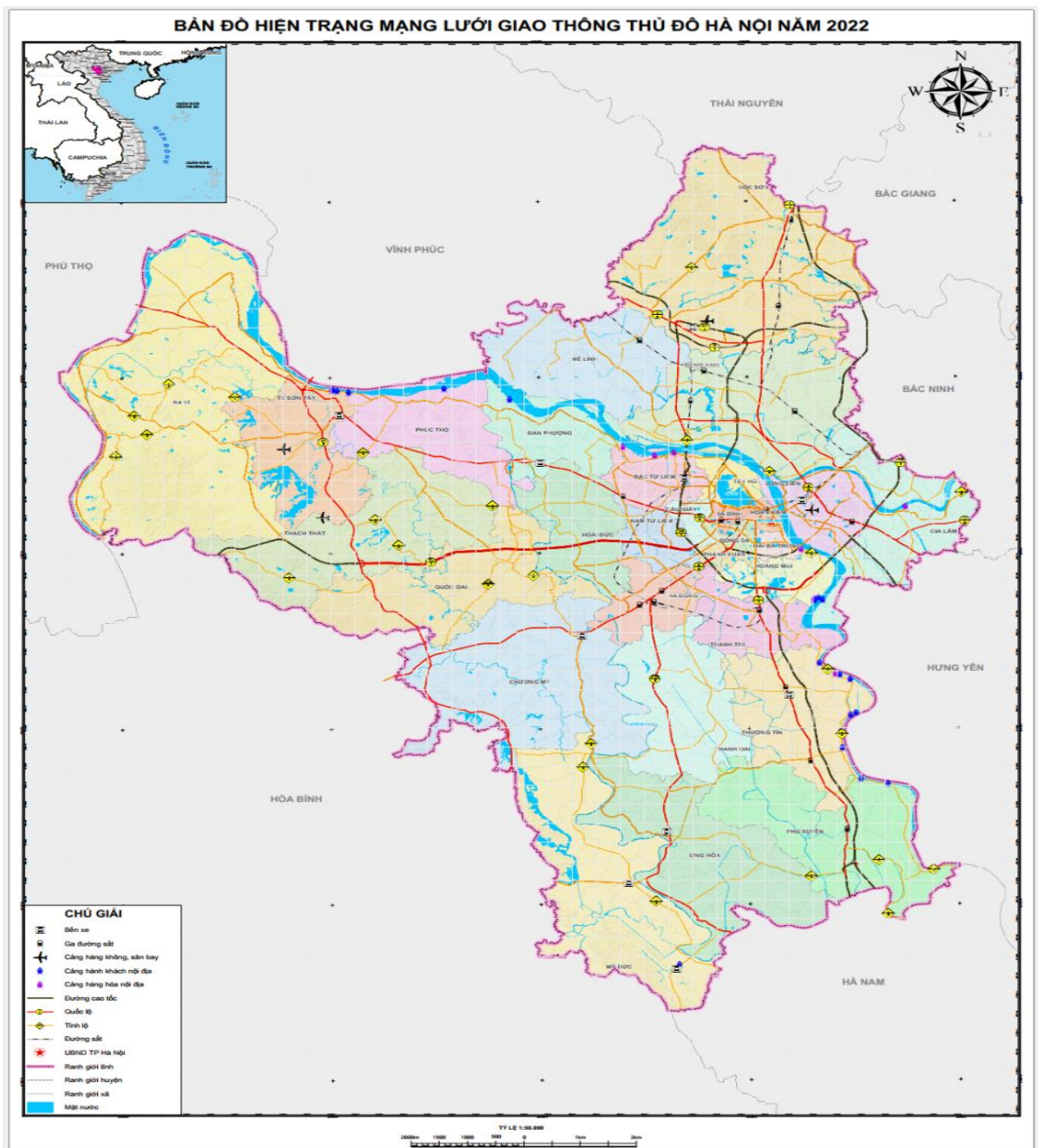
- 05 tuyến đường sắt kết nối vào đầu mối Hà Nội, trong đó có 4 tuyến nằm ở phía Bắc sông Hồng kết nối vào theo dạng hình rẽ quạt. Đường sắt đô thị, có 01 tuyến đã hoàn thành là Tuyến số 2A (Cát Linh - Ngã Tư Sở - Hà Đông). Tuy nhiên, việc bố trí tuyến đường sắt xuyên tâm Yên Viên - Ngọc Hồi, giao cắt cùng mức với đường bộ đô thị tại 49 điểm (trong đó, đoạn Yên Viên – ga Hà Nội có 11 điểm, đoạn ga Hà Nội - Ngọc Hồi có 38 điểm) gây mất an toàn, ùn tắc giao thông và ảnh hưởng đến môi trường đô thị.

- 1 Cảng hàng không và 02 sân bay; cảng hàng không quốc tế Nội Bài là cửa ngõ giao lưu quốc tế cũng như trong nước, sân bay dùng chung dân dụng và quân sự; đạt cấp 4E theo tiêu chuẩn ICAO và sân bay quân sự cấp I.

- Các tuyến vận tải thủy chính là tuyến Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội - Việt Trì qua sông Đuống; tuyến Hải Phòng - Hà Nội qua sông Luộc; tuyến Hà Nội - Lạch Giang; tuyến Cửa Đáy - Ninh Bình, song giao thông đường thủy còn chậm phát triển.

- Giao thông công cộng còn hạn chế: gồm 154 tuyến, tiếp cận 100% quận, huyện, thị xã; có 01 tuyến xe buýt nhanh BRT; 01 tuyến đường sắt đô thị trên cao tuyến Cát Linh - Hà Đông. Mạng lưới đường sắt đô thị (ĐSĐT) - xương sống của vận tải hành khách công cộng chậm phát triển. Phương tiện cá nhân tiếp tục chiếm hơn 80% tổng số chuyến đi, vừa gây ra tắc đường và ô nhiễm không khí.

- 05 bến xe tại khu vực trung tâm. 02/08 bến xe đang triển khai nghiên cứu đầu tư (Bến xe Yên Viên và Bến xe Trâu Quỳ); 06/08 bến xe chưa được nghiên cứu đầu tư (Bến xe Nội Bài; Phú Lô; Khuyến Lương; Hà Đông; Phùng). Đầu tư hệ thống bãi đỗ xe trong khu vực đô thị trung tâm còn chậm. Nhiều điểm đỗ đang được khai thác, sử dụng mang tính chất tạm thời. Có rất ít bãi đỗ xe được xây dựng khang trang, có khuôn viên để quản lý.



2. Hạ tầng điện được phát triển đồng bộ giữa nguồn điện và lưới điện; năng lượng tái tạo được đẩy nhanh; an toàn điện năng được đảm bảo, đáp ứng an toàn cung cấp điện cho thành phố. Công tác quản lý vận hành, đầu tư xây dựng và cải tạo lưới điện hàng năm luôn đảm bảo. Ngoài các nguồn điện từ hệ thống điện quốc gia, trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện có 61,93 MW điện sản xuất từ rác, 33,6 MWp điện mặt trời áp mái. Đường dây 500kV cấp điện cho Hà Nội là 267,4 km, 784,9 km đường dây 220 kV. Cấu trúc lưới điện 110kV mạch vòng, độ tin cậy cung cấp điện là khá cao. Hà Nội liên kết với lưới điện khu vực và với hệ thống điện Quốc gia qua các cấp điện áp 500-220-110kV. So sánh với một số Thủ đô khác trong khu vực Châu Á năm 2021, chỉ số tiêu thụ điện trên đầu người của TP Hà Nội còn tương đối khiêm tốn, ví dụ Bangkok (Thái Lan) – 3.080kWh/người. năm; Seoul 6.620 kWh/người, Tokyo 8.050 kWh/người và Thượng Hải, 4.840kWh/người.

3. Hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt cơ bản vẫn đáp ứng được yêu cầu phát triển của Thủ đô. Tuyến ống B12 là tuyến cung cấp xăng dầu đầu mối chính, không chỉ đảm bảo cung cấp xăng dầu cho khu vực Thủ đô mà còn đóng vai trò liên kết vùng, cung ứng xăng dầu cho toàn bộ khu vực Bắc Bộ đến Thanh Hóa. 6 kho xăng dầu với tổng quy mô 127.895 m³, trong đó có 3 kho nằm trong khu vực sân bay Nội Bài. 491 cửa hàng xăng dầu, 25 trạm nạp khí tập trung. Còn nhiều cửa hàng xăng dầu phân bố tại khu vực nội đô, tại các khu vực có mật độ dân số cao; nhiều cây xăng bố trí sát lòng đường, gần bãi đỗ xe, không có hành lang ngăn cách.... Rủi ro mất an toàn cháy nổ, ô nhiễm có thể xuất hiện khi bị dò thấm, ảnh hưởng lớn đến cuộc sống người dân.

4. Hạ tầng thủy lợi và phòng chống thiên tai được tăng cường đầu tư đảm bảo cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và phục vụ tiêu thoát ngập lụt, ứng; song đối mặt với nhiều thách thức từ biến đổi khí hậu. Hạ tầng phòng chống thiên tai được đầu tư, xây dựng, song còn thiếu toàn diện.

5. Trên địa bàn có mạng lưới quan trắc Khí tượng Thủy văn và số liệu đo đạc trong thời gian dài do Tổng cục Khí tượng Thủy văn Quốc gia quản lý và chỉnh biên gồm 5 trạm thủy văn, có số liệu quan trắc từ 1950 đến nay. Các số liệu quan trắc đáp ứng được cho việc giám sát động thái cũng như chất môi trường, có thể đưa ra được những cảnh báo, dự báo kịp thời cho công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thủ đô.

6. Hạ tầng thông tin và truyền thông rộng khắp, đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, đã góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số, phục vụ chính quyền số. Thủ đô Hà Nội hiện là một trong 10 tỉnh, thành phố có doanh thu cao nhất trong lĩnh vực sản xuất phần cứng, điện tử và là 1 trong 5 tỉnh, thành phố có doanh thu cao nhất trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp phần mềm.

7. Hạ tầng cấp nước, thoát nước: Cấp nước cho sinh hoạt trên địa bàn từ nguồn nước mặt là chủ yếu. Hệ thống cấp nước đã đảm bảo 100% các hộ gia đình được cấp nước sạch ở đô thị; 78% các hộ gia đình được sử dụng nước sạch ở nông thôn. Hầu hết các khu vực của thành phố tiêu thoát nước ra bên ngoài phụ thuộc vào hướng tiêu của hệ thống tiêu thủy lợi (riêng nội thành Hà Nội tiêu thoát nước đô thị chủ động). **Hệ thống thoát nước** của thành phố là hệ thống thoát nước chung, một số khu đô thị mới có hệ thống thoát nước riêng. Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải khu vực đô thị đều thực hiện theo lưu vực các sông. Hệ thống thoát nước khu vực nông thôn chưa được quan tâm đầu tư đồng bộ. Tuy nhiên, vấn đề ngập úng khi mưa to không chỉ dừng lại ở khu vực thấp trũng khu vực nội đô ngày càng lan rộng sang cả các khu đô thị mở rộng. Mật độ xây dựng cao, mặt đất bị bê tông hóa không còn khả năng tiêu thấm nước mưa, nhiều ao hồ bị san lấp không còn chỗ chứa điều hòa nước mưa và dự trữ nước để bổ sung nước ngầm.

8. Hạ tầng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (PCCC&CNCH): Thủ đô Hà Nội có khoảng trên 4.500 tuyến đường, phố, ngõ, ngách... có chiều dài hơn 200m mà xe chữa cháy không thể tiếp cận; có 30 Đội Cảnh sát PCCC&CNCH thuộc Công an cấp huyện, 06 Đội Cảnh sát PCCC&CNCH khu vực, 01 Đội Cảnh sát PCCC&CNCH trên sông thuộc Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH. Tuy nhiên, bố trí mạng lưới trụ sở, doanh trại của lực lượng chưa đáp ứng theo quy định là bán kính phục vụ tối đa của trạm PCCC trung tâm là 3 km, trạm PCCC khu vực là 5km. Có khoảng 4,1 nghìn trụ nước chữa cháy; 722 trụ nước chữa cháy của các Khu đô thị, Khu công nghiệp, còn thiếu khoảng hơn 5,5 nghìn trụ nước chữa cháy ngoài nhà theo tiêu chuẩn. Nhiều phương tiện đã cũ, lạc hậu, chưa có nhiều trang thiết bị hiện đại phục vụ cho lực lượng chữa cháy, cứu nạn cứu hộ thực hiện nhiệm vụ ở những hiện trường cháy có tính nguy hiểm cao.

V. THỰC TRẠNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải theo hướng tập trung nhưng còn thấp: Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn khoảng 6.500-7.000 tấn/ng.đ, được phân luồng về tiếp nhận, xử lý tại khu Nam Sơn (khoảng 5.000-5.500 tấn/ngày) và khu Xuân Sơn (khoảng 1.500 tấn/ngày). Tỷ lệ CTR sinh hoạt được thu gom đạt khoảng gần 100% đối với khu vực đô thị và trên 90% tại khu vực nông thôn. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường 85-90%, tương đương 549-581 tấn/ngày và xử lý khoảng 382-405 tấn/ngày. CTR sinh hoạt hầu như chưa được phân loại tại nguồn mà vẫn được thu gom và vận chuyển chung đến khu xử lý tập trung; thiếu các trạm trung chuyển, các khu xử lý tái chế. Tổng công suất của các nhà máy xử lý nước thải đang hoạt động chỉ chiếm khoảng 28,8% lượng nước thải cần xử lý. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý mới đạt khoảng 29%; mới có 30 CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

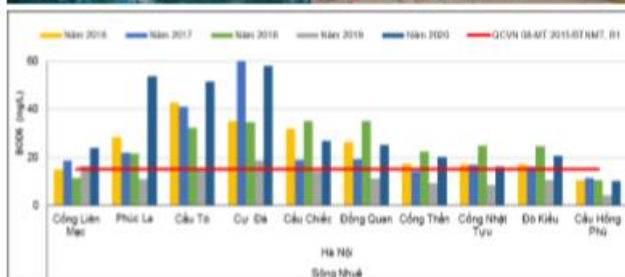
2. Tình trạng ô nhiễm môi trường nước, không khí, đất chặm được khắc phục. Chất lượng nước sông Đáy, Nhuệ vẫn không có dấu hiệu được cải thiện, luôn duy trì ở mức kém hoặc rất kém. Tại các sông nội thành như sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu, sông Sét, sông Lừ, kết quả quan trắc phản ánh tình trạng bị ô nhiễm nặng. Mức độ ô nhiễm bụi trên địa bàn Thủ đô Hà Nội cao hơn so với các đô thị khác trong cả nước.

Ô nhiễm và suy giảm chất lượng nước mặt, các sông, hồ và sụt giảm nước ngầm

- Nước thải chưa được thu gom, xử lý chảy chung với nước mưa đổ ra hồ, sông tiêu làm hầu hết các sông, hồ trong khu vực nội thành và sông tiêu thoát đều ô nhiễm nghiêm trọng, trở thành các dòng sông chết, ô nhiễm môi trường sống;
- Mực nước ngầm hạ thấp, không được bổ sung thường xuyên từ nước mặt gây ra sụt lún nền đất;
- Mật độ xây dựng cao, bề mặt bê tông hóa → dồn nước mưa bề mặt tạo nên ngập úng mỗi khi mưa.



TT	Lượng nước thải năm 2020	m ³ /ngày đêm
1	Nước thải y tế	10.442
2	Nước thải thương mại, dịch vụ	123.000
3	Nước thải sinh hoạt đô thị	1.200.000
4	Nước thải sinh hoạt khu vực nông thôn	600.000
5	Nước thải công nghiệp	33.400
6	Nước thải làng nghề	156.000
7	Nước thải chăn nuôi	11.537
Tổng số:		2.134.379



Diễn biến giá trị BOD₅ trên sông Nhuệ giai đoạn 2016-2020

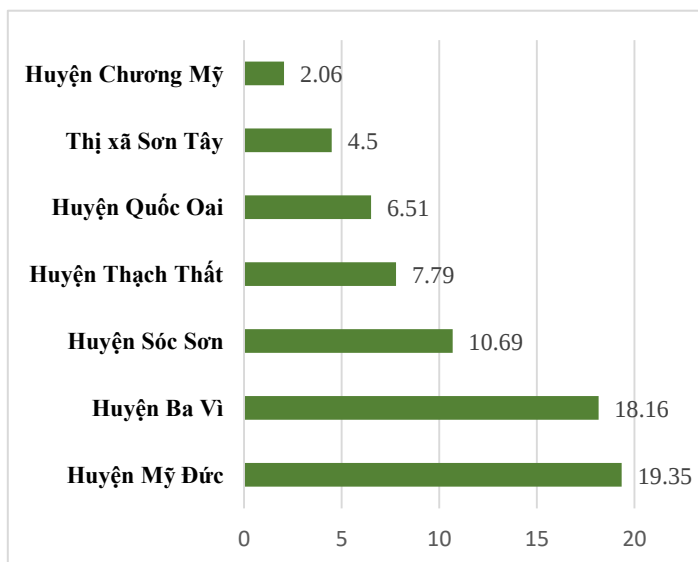
3. Tài nguyên khoáng sản được quy hoạch và tăng cường quản lý, song tình trạng vi phạm trong khai thác tài nguyên chưa được xử lý triệt để, thiếu quy hoạch mỏ đất san lấp

4. Quản lý đa dạng sinh học ở Thủ đô được quan tâm chưa đầy đủ, khai thác giá trị kinh tế gắn với bảo vệ đa dạng sinh học chưa được đẩy mạnh; diện tích cây xanh, mặt nước ngày càng suy giảm. Đã hình thành được 06 khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN); chiếm 3% tổng số khu BTTN của cả nước. Về cơ bản, diện tích rừng và đa dạng sinh học tại các khu BTTN được bảo vệ khá tốt.

5. Tổ chức, sắp xếp các khu nghĩa trang còn gặp nhiều hạn chế. Nhiều nghĩa trang nằm trong khu vực phát triển đô thị, không đảm bảo khoảng cách ly an toàn vệ sinh môi trường. Mật độ nhà tang lễ phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở các quận trung tâm Hà Nội cũ; các huyện còn thiếu nhà tang lễ. Ngoài ra, còn một số Nhà tang lễ kết hợp với nhà đại thể các bệnh viện như Nhà tang lễ bệnh viện Thanh Nhàn (phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng); Nhà tang lễ bệnh viện 198 Bộ Công An (phường Mai Dịch, Cầu Giấy)... Thiếu quỹ đất cho nghĩa trang; gặp nhiều khó khăn, vướng mắc để đảm bảo đồng thuận của nhân dân tại các địa bàn dự kiến xây dựng các nghĩa trang tập trung.

6. Tổng diện tích có rừng và diện tích trồng chưa thành rừng là 27.074,89 ha, trong đó, diện tích có rừng là 18.573,41 ha, gồm: rừng tự nhiên là 7.587,43 ha và rừng trồng là 10.985,98 ha; rừng đặc dụng 9.981,35 ha (chiếm 53,74% đất có rừng); rừng phòng hộ: 3.679,64 ha (chiếm 19,81% đất có rừng); rừng sản xuất: 4.912,42 ha (chiếm 26,45% đất có rừng).

Đầu tư phát triển rừng còn chậm, do diện tích đất trồng chủ yếu là núi đá, địa hình phức tạp, manh mún, gây khó khăn trong công tác thiết kế, thi công trồng rừng; chưa khai thác các giá trị cảnh quan thiên nhiên, sinh thái của rừng ở khu vực Mỹ Đức, để vừa phát triển và khơi dậy tiềm năng, giá trị kinh tế của tài nguyên rừng thông qua du lịch sinh thái rừng; vừa bảo vệ tài nguyên rừng.



VI. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Những kết quả đạt được

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần tích cực vào việc phân bổ và sử dụng tài nguyên đất đai ngày càng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững. Tuy nhiên, kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất với một số mục đích sử dụng còn thấp.

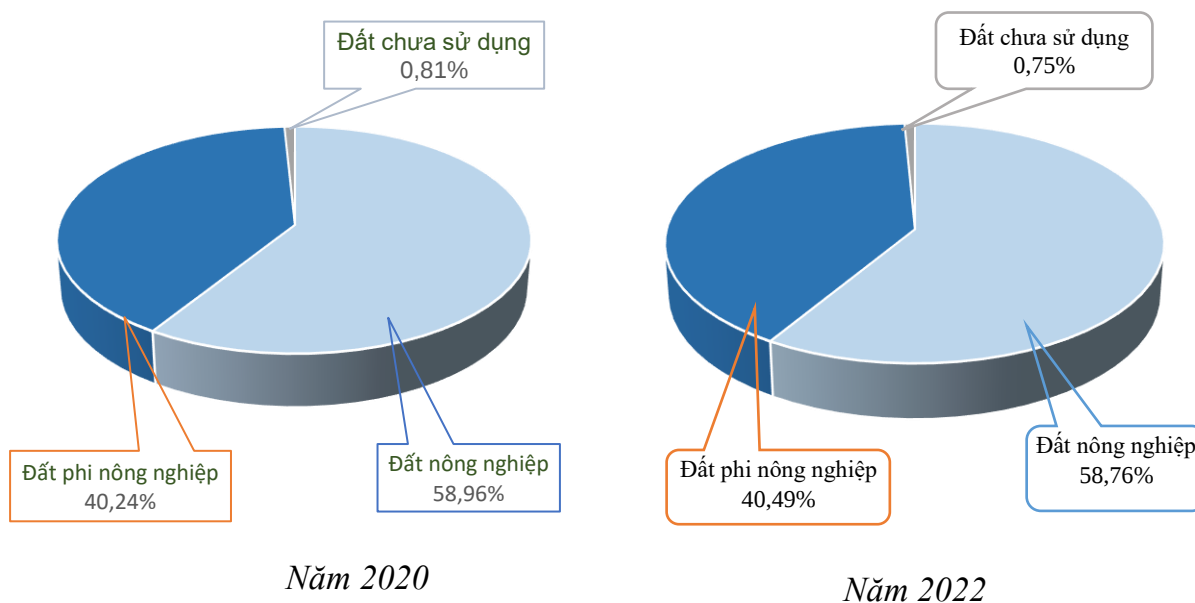
Tổng diện tích tự nhiên của Thủ đô Hà Nội là 335.983,57 ha, bao gồm:

- Theo kết quả thống kê đất đai đến 31/12/2020:

- + Đất nông nghiệp: 198.082,83 ha, chiếm 58,96% tổng quỹ đất;
- + Đất phi nông nghiệp: 135.192,10 ha, chiếm 40,24% tổng quỹ đất;
- + Đất chưa sử dụng: 2.708,65 ha, chiếm 0,81% tổng quỹ đất.

- Cơ cấu sử dụng đất đến 31/12/2022 gồm:

- + Đất nông nghiệp: 197.428,41 ha, chiếm 58,76% tổng quỹ đất;
- + Đất phi nông nghiệp: 136.044,99 ha, chiếm 40,49% tổng quỹ đất;
- + Đất chưa sử dụng: 2.510,20 ha, chiếm 0,75% tổng quỹ đất.



2. Những tồn tại và nguyên nhân

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất với một số mục đích sử dụng còn thấp.

- Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Thành phố và các quận, huyện, thị xã chậm so với quy định về thời gian của kỳ quy hoạch, kế hoạch.

- Tiến độ lập quy hoạch còn chậm so với kế hoạch đề ra; Chất lượng xây dựng, quản lý, giám sát còn hạn chế.

- Công tác quản lý đô thị còn gặp nhiều khó khăn do diện tích lớn, dân số nông nghiệp, nông thôn còn nhiều, có sự chênh lệch khá lớn về phát triển giữa khu vực nội thành và các huyện ngoại thành cả về thu nhập, trình độ dân trí, cán bộ, cơ sở vật chất - kỹ thuật.

- Quá trình triển khai lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu về tiến độ, chưa thực sự đảm bảo tính đồng bộ ở các cấp, các địa phương nên hiệu quả khai thác và thực hiện chưa cao.

- Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính ở một số địa phương chưa có được bản đồ địa chính đo vẽ chính thức, gây khó khăn, hạn chế trong quản lý đất đai.

- Thống kê và kiểm kê đất đai thực hiện theo đúng quy định của ngành tài nguyên và môi trường, nhưng do thay đổi phương pháp kiểm kê, thay đổi chỉ tiêu thống kê đất đai và do hồ sơ quản lý đất đai còn chưa đồng bộ (thiếu bản đồ địa chính số ở nhiều địa phương) nên có biến động lớn về diện tích các loại đất và tổng diện tích tự nhiên giữa 2 kỳ kiểm kê (năm 2010 và năm 2015).

VII. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VÀ SỰ PHÙ HỢP VỀ PHÂN BỐ PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN CỦA HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN, CÁC KHU CHỨC NĂNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT, HẠ TẦNG XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN THỦ ĐÔ

1. Tổng quan

Hà Nội là Thủ đô của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là Trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước. Từ thực trạng hệ thống đơn vị hành chính cấp đô thị, sử dụng đất xây dựng đô thị và phân bố dân số đô thị cho thấy không gian phát triển đô thị tiếp tục phát triển lan tỏa, tự phát mở rộng từ khu vực nội đô ra các khu vực phía Nam, phía Tây và phía Đông gắn với các trục tuyến đường hướng tâm, các tuyến đường vành đai. Đặc biệt là sự gia tăng mật độ xây dựng, dân số tại các khu vực dân cư đô thị thuộc 6 quận nội đô mở rộng như Hoàng Mai, Thanh Xuân, Hà Đông, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy.

Về không gian vùng cho thấy không gian xây dựng phát triển đô thị đang từng bước mở rộng, kết nối với các địa phương lân cận thuộc vùng Thủ đô Hà Nội theo mô hình vùng đô thị lớn như: kết phía Đông Bắc với vùng đô thị công nghiệp Bắc Ninh, Bắc Giang, kết nối phía Đông Nam với Hưng Yên, Hải Dương theo hành lang quốc lộ 5; kết nối phía Nam với Hà Nam, Ninh Bình, kết nối phía Tây Bắc với Vĩnh Phúc, Phú Thọ.

Không gian đô thị, nông thôn cho thấy các khu vực đô thị hóa mở rộng theo các dự án khu đô thị, dân cư trộn lẫn với các khu vực làng xóm đô thị hóa tự phát thông qua gia tăng mật độ xây dựng, chiều cao công trình.

Không gian xây dựng đô thị có sự biến đổi nhanh chóng với việc hình thành hệ thống các công trình xây dựng cao tầng được hình thành với các khu đô thị xây dựng cao tầng, các công trình xen cư đơn lẻ trong các khu vực dân cư hiện trạng. Việc xây dựng hệ thống công trình cao tầng trong 10 năm vừa có làm ảnh hưởng rất lớn tới không gian đô thị, không gian quy hoạch kiến trúc, đặc biệt là gây áp lực rất lớn tới hạ tầng giao thông, hạ tầng xã hội tại các khu vực đô thị có nhà cao tầng. Kiến trúc công trình cao tầng cũng chưa được chú trọng về hình thức, giải pháp thiết kế cũng làm ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng cảnh quan đô thị.

Khu vực nội đô lịch sử thuộc 5 quận nội thành (Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Tây Hồ) có các khu vực di sản cần bảo vệ như khu vực phố cổ, khu phố cũ, khu trung tâm Ba Đình (có Hoàng Thành Thăng Long), Khu vực Hồ Hoàn Kiếm, Khu vực Hồ Tây, di tích văn hóa lịch sử... đang được Thành phố nỗ lực bảo vệ, cải tạo chỉnh trang. Tuy nhiên không gian các khu vực di sản này đang bị ảnh hưởng tác động tiêu cực bởi các công trình cao tầng xây dựng xung quanh, làm ảnh hưởng tới tầm nhìn và chất tải vào hạ tầng khu vực.

Khu vực nội đô mở rộng thuộc 7 quận (Cầu Giấy, Thanh Xuân, Hoàng Mai, Hà Đông, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm, Long Biên) và mở rộng ra các huyện đang trong quá trình nâng cấp thành quận (Thanh Trì, Gia Lâm, Hoài Đức, Đan Phượng) thay đổi không gian xây dựng mạnh mẽ nhất trong giai đoạn vừa qua, gắn với sự hình thành các khu đô thị được quy hoạch xây dựng đồng bộ và hoạt động xây dựng tại các khu vực đô thị hiện trạng thông qua gia tăng mật độ xây dựng, nâng tầng cao công trình. Mạng lưới hạ tầng được xây dựng nhanh chóng nhưng không theo kịp tốc độ gia tăng dân cư, hệ thống hạ tầng chưa được kết nối, nhiều tuyến hạ tầng khung chưa được hình thành dẫn tới ách tắc giao thông,

ngập lụt, ô nhiễm môi trường, đặc biệt là thiếu nghiêm trọng hệ thống hạ tầng xã hội như trường học, bệnh viện, công viên, bãi đỗ xe.

Khu vực các huyện ngoại thành cho thấy không gian xây dựng tiếp tục lan tỏa tự phát bám dọc các tuyến giao thông, mở rộng từ các khu dân cư hiện hữu thông qua các dự án đầu giá, giãn dân. Hầu hết các làng xóm nông thôn đang bị đô thị hóa tự phát thông qua các công trình xây dựng nhà ở nông thôn theo mô hình nhà chia lô, nhà biệt thự làm gia tăng mật độ xây dựng, chiều cao công trình, mất mát đi nhiều giá trị cảnh quan, quy hoạch kiến trúc của các làng xóm nông thôn, ảnh hưởng nhiều tới các di tích văn hóa lịch sử, cảnh quan sinh thái, làng nghề truyền thống cần bảo vệ.

Khu vực dự kiến phát triển các đô thị vệ tinh (Hòa Lạc, Sơn Tây, Xuân Mai, Phú Xuyên, Sóc Sơn) và thị trấn sinh thái (Phúc Thọ, Quốc Oai, Chúc Sơn) không có nhiều thay đổi từ năm 2011 đến nay, hầu hết vẫn giữ là các khu vực dân cư đô thị, làng xóm nông thôn mở rộng tương tự với các huyện ngoại thành. Ngoại trừ khu vực đô thị vệ tinh Hòa Lạc đã có hoạt động 1 phần của Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Đại học quốc gia Hà Nội, Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam, các khu vực còn lại đã được quy hoạch nhưng thực hiện không đáng kể. Từ thực tế triển khai cho thấy mô hình phát triển đô thị vệ tinh cho Hà Nội cần phải xem lại cách thức áp dụng, phương án di dời các cơ sở giáo dục, y tế, dịch vụ, sản xuất từ trong nội đô ra các đô thị vệ tinh cần phải xem lại phương án thực hiện, hạ tầng kết nối từ đô thị trung tâm ra các đô thị vệ tinh không được đầu tư, nguồn lực phát triển cho các đô thị vệ tinh không có, thiếu các cơ chế chính sách hỗ trợ để phát triển các đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái.

Đối chiếu thực trạng xây dựng đô thị với định hướng quy hoạch chung năm 2011 cho thấy việc kiểm soát phát triển đô thị hóa lan tỏa tự phát vào các khu vực phát triển đô thị tập trung được giới hạn bởi các vành đai xanh, nêm xanh tại khu vực phía Đông vành đai 4 (Đan Phượng, Hoài Đức, Hà Đông, Thanh Trì), phía Bắc sông Hồng (Đông Anh, Mê Linh), đặc biệt là tại các đô thị vệ tinh (Sơn Tây, Hòa Lạc, Xuân Mai, Phú Xuyên, Sóc Sơn) chưa hình thành, cho thấy cách thức triển khai thực hiện quy hoạch đang có nhiều vấn đề tồn tại về cách thức triển khai, nguồn lực thực hiện và giải pháp thực hiện.

Thực tế cho thấy rất nhiều xã có hoạt động xây dựng như xây dựng công trình, xây dựng hạ tầng, gia tăng mật độ xây dựng, mật độ dân số... đạt tiêu chí đô thị, nhưng chưa làm các thủ tục nâng cấp, nâng loại đô thị... cho thấy sự lúng túng trong công tác triển khai phát triển mở rộng đô thị. Đồng thời qua đó, các khu vực dân cư nông thôn đang đô thị hóa tự phát, chưa được kiểm soát bằng các công cụ quy hoạch đô thị dẫn tới chất lượng phát triển hạ tầng, không gian và tiện ích không đảm bảo, làm ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững về dài hạn.

Về chức năng: Các khu vực phát triển đô thị mở rộng chủ yếu phát triển chức năng về nhà ở đô thị với các loại hình nhà ở chung cư, shophouse, biệt thự, không hình thành các khu vực có dịch vụ việc làm, các chức năng về dịch vụ việc làm tiếp tục tập trung vào khu vực nội đô lịch sử như hành chính, văn phòng, giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch... dẫn tới mặc dù dân số khu vực 4 quận nội thành có giảm trong giai đoạn vừa qua, nhưng luồng di chuyển dân cư, lao động từ các quận huyện bên ngoài vào các quận nội đô lịch sử vẫn rất lớn, tác động rất lớn tới quá tải hạ tầng giao thông.

2. Khu công nghệ cao

Khu Công nghệ cao Hòa Lạc được thành lập theo Quyết định số 198/1998/QĐ-TTg, ngày 12/10/1998. Từ khi thành lập, quy hoạch của Khu công nghệ cao Hòa Lạc đã được điều chỉnh 2 lần (lần 1: năm 2008; lần 2, năm 2016). Sau nhiều lần điều chỉnh quy hoạch,

hiện Khu công nghệ cao Hòa Lạc có quy mô gần 1.600 ha, được xây dựng theo mô hình thành phố khoa học với đầy đủ các tiện ích và khu chức năng. Đến tháng 5/2023, tổng diện tích đã giải phóng mặt bằng là 1.410 ha. Quyết định số 1168/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 10/10/2023, Ban Quản lý Khu Công nghệ Cao Hòa Lạc được chuyển giao từ Bộ Khoa học và Công nghệ về Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội quản lý.

3. Khu công nghiệp

Hiện thành phố có 10 khu công nghiệp đã thành lập, đang hoạt động hoặc trong quá trình triển khai hạ tầng với tổng diện tích 1.728,4 ha. Trong đó, có 07 khu công nghiệp với tổng diện tích 1.188,7 ha đã hoàn thành hạ tầng và lấp đầy cơ bản 100% diện tích đất công nghiệp.

Riêng KCN Hồ Trợ Nam Hà Nội - Giai đoạn I quy mô 76,9 ha đã hoàn thành xây dựng hạ tầng và đang thu hút đầu tư các dự án sản xuất; KCN Quang Minh II (huyện Sóc Sơn), diện tích 160 ha, đang trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng và lập điều chỉnh quy hoạch; KCN sạch Sóc Sơn được thành lập với diện tích 302,8 ha và đang trong thời gian triển khai đầu tư xây dựng.

Nhìn chung, các KCN của Hà Nội đều có quy mô nhỏ và trung bình, (chỉ có 01 KCN có quy mô dưới 300 ha và 01 KCN có quy mô dưới 400 ha), nên khó khăn trong việc phát triển mô hình KCN mới (như KCN-đô thị-dịch vụ). Do đó, hầu hết các KCN của thành phố hiện đều phát triển theo mô hình tập trung công nghiệp đơn thuần. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng KCN mới còn chậm, chưa đáp ứng được kỳ vọng (KCN hồ trợ Nam Hà Nội đã cơ bản xây dựng xong hạ tầng nhưng chưa thu hút được dự án đầu tư do giá thuê đất có hạ tầng cao hơn các địa phương lân cận).

4. Khu du lịch

Hệ thống các khu du lịch cấp quốc gia, cấp thành phố được công nhận bao gồm: Khu du lịch quốc gia núi Ba Vì - hồ Suối Hai; Khu du lịch quốc gia Làng Văn hóa du lịch các dân tộc Việt Nam kết hợp hồ Đồng Mô; KDL sinh thái và VCGT thể thao cao cấp Hồ Văn Sơn; Vườn quốc gia Ba Vì, khu du lịch Ao Vua, Thiên Sơn Suối Ngà, Khoang Xanh – Suối Tiên, Làng cổ Đường Lâm, Thành cổ Sơn Tây, khu di tích đền thờ Phùng Hưng – Lăng Ngô Quyền, Đền Và, khu di tích lịch sử Đá Chông, Chùa Tây Phương, chùa Thầy, Đình So, Làng mây tre đan Phú Vinh, chùa Trầm, chùa Trăm Gian, khu du lịch sinh thái và VCGT thể thao cao cấp Hồ Văn Sơn; Khu di tích Cổ Loa; Đầm Vân Trì, Đền Phù Đồng; Khu di tích Cổ Loa; làng nghề Bát Tràng; điểm VCGT Vinhomes Ocean Park; sân golf Long Biên và hệ thống đình, chùa: Đình Gióng Mốt (Đặng Xá); đình Chử Xá (Văn Đức); chùa Đào Xuyên (Đa Tốn); khu du lịch 79 mùa xuân và khu di tích đền Hai Bà Trưng (Mê Linh);...

5. Khu nghiên cứu, đào tạo

Đến nay có 02 Khu chức năng đang được đầu tư phát triển tại đô thị vệ tinh Hòa Lạc bao gồm:

- Khu công nghệ cao Hoà Lạc: theo quy hoạch có khu vực Trung tâm nghiên cứu và triển khai với quy mô diện tích: 263,15 ha Khu R&D sẽ là cầu nối giữa nghiên cứu và thực tiễn, nơi ươm mầm các phát minh. Hiện nay, khu công nghệ cao Hòa Lạc đã thu hút phát triển các cơ sở trường đại học, viện nghiên cứu, cơ sở sản xuất thực nghiệm, sản xuất công nghệ, trong đó có trường đại học FPT đã đưa vào khai thác sử dụng.

- Khu đại học quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc với quy mô khoảng 1.000 ha: gồm các khu vực nghiên cứu đào tạo chủ yếu gắn liền với các trường Đại Học và khu đô thị Hoà Lạc. Hiện nay đã xây dựng được một số cơ sở trường, khu điều hành, khu nhà công vụ, khu ký túc xá. Quá trình đầu tư phát triển bị kéo dài do khó khăn về nguồn lực tập trung.

6. Khu thể dục thể thao

Trên địa bàn thành phố, có Khu liên hợp thể thao quốc gia Mỹ Đình là Khu liên hiệp thể thao quốc gia duy nhất được xây dựng, có thể đáp ứng được yêu cầu tổ chức các sự kiện đại hội thể thao khu vực và châu lục. Một số trung tâm thể thao lớn khác của thành phố có thể kể tới như Nhà thi đấu Quần Ngựa, Trung tâm Huấn luyện thể thao Quốc gia I, Sân vận động Hàng Đẫy... Cùng hơn 20 điểm sân bãi, nhà tập khác.

VIII. XÁC ĐỊNH NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ CẦN GIẢI QUYẾT; PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI, THÁCH THỨC

1. Các điểm nghẽn, hạn chế

Quá trình phát triển và xây dựng Thủ đô trong thời kỳ 2011-2022 chưa tương xứng với vị thế, tiềm năng, chưa phát huy được lợi thế so sánh của Thủ đô. Theo đánh giá của một số chuyên gia, nhà khoa học, có một số điểm nghẽn, hạn chế cần giải quyết:

(1). Thiếu thể chế đặc thù vượt trội: Thủ đô Hà Nội là đô thị đặc biệt, mặc dù có Luật Thủ đô nhưng không có các quy định về thể chế vượt trội, vẫn tuân thủ các quy định như các tỉnh nói chung, nên gây ra nhiều bất cập, đặc biệt trong quản lý đô thị và khai thác các nguồn lực đặc thù cho phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô. Do đó, nguồn lực phát triển Thủ đô chưa được khai thác hiệu quả, phát huy được các tiềm năng, lợi thế của để biến thành động lực phát triển như nguồn lực đất đai; nguồn nhân lực chất lượng cao, các cơ sở đầu ngành về nghiên cứu khoa học công nghệ cũng như vị thế, sức mạnh của các tập đoàn kinh tế lớn. Môi trường đầu tư chưa vượt trội so với nhiều tỉnh, thành khác trong cả nước, chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) và chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) đều xếp hạng thấp trong những năm gần đây.

(2) Hạ tầng chưa đồng bộ: Hạ tầng giao thông đường bộ kết nối giữa khu vực nội thành và ngoại thành còn chưa thuận lợi; hạ tầng giao thông công cộng có khối lượng vận chuyển lớn chậm phát triển, nhất là đường sắt đô thị, do đó tình trạng ùn tắc giao thông gây bức xúc, chậm giải quyết; hạ tầng giao thông đường thủy chậm được cải thiện, chưa phát huy hiệu quả được giá trị của các dòng sông, nhất là sông Hồng. Hạ tầng số chưa phát triển đủ nhanh và mạnh để nắm bắt cơ hội “kỷ nguyên số”, tạo bước chuyển đột phá. Tình trạng thiếu trường, thiếu lớp diễn ra nhiều năm, song nhiều dự án quy hoạch xây dựng hạ tầng giáo dục chậm được triển khai. Các công trình vui chơi, giải trí công cộng, công viên cây xanh chậm phát triển ở khu vực nội thành; ngược lại, tại khu vực ngoại thành, thiếu các hạ tầng y tế có chất lượng. Tại nhiều khu đô thị mới, nhà tái định cư thiếu các tiện ích đồng bộ, nhiều nơi bị bỏ hoang, nhiều khu chung cư cũ chậm cải tạo, trong khi nhiều người dân ở khu vực nội đô sống trong cảnh chật chội. Hạ tầng thu gom, xử lý rác thải, nước thải thiếu tập trung, thường trong tình trạng quá tải. Hạ tầng phát triển dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu là trung tâm logistics chuyên nghiệp, hiện đại phục vụ vận chuyển hàng không và phân phối hàng tiêu dùng cho các tỉnh khu vực phía Bắc.

(3). Ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tình trạng ngập úng cục bộ trở nên nhức nhối: Tình trạng ô nhiễm bụi trong không khí tại Thủ đô Hà Nội có diễn biến xấu, ô nhiễm nguồn nước có xu hướng gia tăng, là vấn đề đáng báo động, ảnh hưởng lớn đến sức khỏe, chất lượng cuộc sống người dân. Tình trạng ngập úng đối diện với nhiều nguy cơ, thách thức phức tạp; chưa có phương án phòng chống lũ phù hợp nên chưa khai thác được lợi thế của các dòng sông, đồng thời nhiều diện tích mặt nước bị san lấp, làm mất tính hấp dẫn của đô thị Hà Nội đối với du khách, nhà đầu tư.

(4). Công tác lập quy hoạch, quản lý quy hoạch và phát triển đô thị chậm đổi mới, thiếu tầm nhìn, chưa tạo chuyển biến tích cực về diện mạo Thủ đô theo yêu cầu đô thị xanh, sạch đẹp, khang trang, văn minh, hiện đại. Tiến độ thực hiện một số đồ án quy hoạch chậm, đặc biệt là quy hoạch các đô thị vệ tinh. Nhiều dự án đô thị mới phát triển thiếu đồng bộ, đầu tư dở dang, bỏ hoang làm lãng phí các nguồn lực xã hội trong khi nhu cầu nhà ở đô thị không được đáp ứng. Quy hoạch đô thị và các quy chuẩn kèm theo quy hoạch chưa phù hợp nên không khơi thông nguồn lực, kìm hãm phát triển.

(5). Năng lực, ý thức và tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ trong bộ máy quản lý còn hạn chế, e dè, né tránh, thiếu sáng tạo, chưa có tinh thần dám nghĩ dám làm trong thực thi công vụ; chưa tạo được bộ máy chính quyền hiệu lực, hiệu quả với tinh thần phục vụ. Tại một số địa bàn giáp ranh hoặc diễn ra quá trình đô thị hóa mạnh, số lượng, năng lực của cán bộ địa phương còn chưa theo kịp những thay đổi về yêu cầu quản lý đô thị so với nông thôn.

2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức - SWOT

2.1. Điểm mạnh

(1). Vị trí địa - chính trị quan trọng, có ưu thế đặc biệt so với các địa phương khác trong cả nước, là “*Trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng ĐBSH và cả nước*”. Với vị thế là Thủ đô, Hà Nội được Đảng, Nhà nước quan tâm chỉ đạo, tập trung đầu tư về mọi mặt trong quá trình phát triển.

(2). Vị trí địa lý thuận lợi, là đầu mối trung chuyển hàng hóa của miền Bắc Việt Nam, nằm trong hai hành lang kinh tế 5 tỉnh, thành phố với Vân Nam, Nam Ninh (Trung Quốc). Sân bay quốc tế Nội Bài cách trung tâm thành phố 40km, cảng Hải Phòng và cảng Cái Lân là hai cảng container được đầu tư phục vụ xuất/nhập khẩu hàng hóa chỉ cách Hà Nội 120 km. Hà Nội là đầu mối giao thông quan trọng của miền Bắc với hệ thống đường sắt và nhiều đường bộ cao tốc.

(3). Nền tảng chính trị - xã hội ổn định, Hà Nội có nhiều lợi thế trong cạnh tranh quốc tế. Thủ đô đã đảm bảo ổn định chính trị - xã hội và an toàn tuyệt đối của các cơ quan đầu não của Đảng, Nhà nước, các sự kiện chính trị, các hoạt động đối ngoại trên địa bàn¹¹, nổi bật là sự kiện Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Triều lần thứ hai diễn ra tại Hà Nội được Trung ương ghi nhận, dư luận trong nước và quốc tế đánh giá cao, lan tỏa mạnh mẽ thông điệp “Thành phố vì hòa bình”. Khu vực phòng thủ và hoạt động của khu vực phòng thủ Thủ đô ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc và Thủ đô trong tình hình mới.

(4). Truyền thống ngàn năm văn hiến, anh hùng. Hà Nội đã, đang và sẽ tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững, xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của đất nước, xây dựng thành công nước Việt Nam XHCN - dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh trên địa bàn Thủ đô.

(5). Lợi thế về diện tích lớn, có quỹ đất để phát triển đô thị. Sau mở rộng địa giới hành chính năm 2008, Hà Nội hiện có quy mô diện tích 3.359,84 km², là 1 trong 17 Thủ đô

¹¹Trong 10 năm qua, mỗi năm Thành phố đã đảm bảo tuyệt đối an toàn khoảng 1.500 sự kiện chính trị, xã hội; giải quyết hàng nghìn vụ việc, khiếu kiện, tranh chấp trong nội bộ nhân dân.

có diện tích lớn nhất thế giới.

(6). Có nguồn tài nguyên văn hóa phong phú, đồ sộ. Kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của Hà Nội rất phong phú, đa dạng mang giá trị hội tụ, chất lọc, kết tinh, tiêu biểu và tỏa sáng của dân tộc. Hà Nội đứng đầu cả nước về di sản văn hóa. Hệ thống di sản văn hóa phong phú là tài sản vô giá để Hà Nội phát huy nguồn lực văn hóa. Đây là nền tảng, nguồn lực quan trọng và đóng vai trò động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô phát triển bền vững.

(7). Một trong hai cực tăng trưởng kinh tế và trung tâm đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ, có GRDP bình quân/người cao so với cả nước. Quy mô GRDP tính đến năm 2022 đạt gần 1,2 triệu tỉ đồng (tương đương 12,5% GDP cả nước), chỉ sau TP. Hồ Chí Minh; thu nhập bình quân đầu người tính đến năm 2020 đạt 74,5 triệu đồng/người, cao hơn mức trung bình cả nước gần 1,5 lần. Cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực, Năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh được cải thiện, Tái cơ cấu nội ngành kinh tế được đẩy mạnh. Kinh tế Thủ đô xứng đáng giữ vị trí đầu tàu và là động lực phát triển Vùng KTTĐ Bắc Bộ và ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với kinh tế của cả nước.

(8). Nguồn nhân lực có chất lượng. Là trung tâm thu hút và hội tụ nhân tài trên phạm vi cả nước. Nơi tập trung đông đảo đội ngũ chuyên gia, các nhà khoa học hàng đầu của đất nước, với hệ thống các trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học lớn nhất cả nước. Đây là tiềm năng, nguồn lực vô giá giúp Hà Nội thuận lợi trong việc tiếp nhận, phổ biến tri thức, công nghệ mới - những nhân tố quan trọng cho sự phát triển trong thời kỳ mới.

2.2. Điểm yếu

(1). Tăng trưởng chưa bền vững, chưa tạo ra được các đột phá lớn. Tốc độ phát triển kinh tế hiện nay đang chững lại so với một số địa phương, chưa tìm được các lĩnh vực phát triển vượt trội. Thành phố chưa đáp ứng yêu cầu tiên phong, đi đầu trong đổi mới kinh tế. Ngân sách của Thủ đô mặc dù có nguồn thu lớn nhưng chỉ đáp ứng một phần nhu cầu đầu tư phát triển trong thời gian qua và những năm tới. Thu hút đầu tư nước ngoài chưa tương xứng với tiềm năng của Thủ đô. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội ngành còn chậm so với yêu cầu. Ngành dịch vụ đóng góp trong cơ cấu GRDP có xu hướng giảm; phát triển du lịch vẫn còn hạn chế. Ngành công nghiệp phát triển còn thiếu ổn định; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chủ lực, mũi nhọn chưa cao, chưa có nhiều sản phẩm mới; công nghiệp hỗ trợ quy mô còn nhỏ.

(2). Tỷ lệ đô thị hóa thấp; chênh lệch mức sống ngày càng rõ rệt giữa nội và ngoại thành. Tốc độ đô thị hóa của Thủ đô Hà Nội tương đối nhanh, bình quân giai đoạn 2011-2020 đạt 1,48%/năm, tuy vẫn thấp hơn khu vực ĐBSH và cả nước. Tính đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người một tháng ở khu vực thành thị là 8,6 triệu đồng/tháng, cao gấp 1,9 lần so với khu vực nông thôn là 4,6 triệu đồng/tháng. Thu nhập và đời sống của người dân nông thôn còn thấp, chưa tương xứng, nhất là ở các xã thuần nông, xã dân tộc miền núi.

(3). Sử dụng tài nguyên đất đai chưa hiệu quả. Vẫn còn nhiều dự án được cấp đất tuy nhiên chậm triển khai trong nhiều năm qua gây lãng phí, hiệu quả sử dụng thấp; ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân khu vực xung quanh. Chưa xây dựng cơ chế về tích tụ đất đai để tạo điều kiện đầu tư vào sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, quy mô lớn, do đó việc tích tụ, tập trung ruộng đất để phát triển sản xuất còn khó khăn, bất cập; tình trạng nông dân bỏ hoang ruộng đất không sản xuất có chiều hướng gia tăng. Quỹ đất ngoài đô thị lớn nhưng khai thác chưa hiệu quả.

(4). Kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, quá tải, hạ tầng khu vực nội đô ngày càng xuất hiện nhiều vấn đề. Kết cấu hạ tầng đô thị chưa theo kịp nhu cầu phát triển đô thị; tính đồng bộ của hệ thống hạ tầng đô thị còn chưa cao; xây dựng hạ tầng giao thông chưa theo kịp tiến độ đô thị hóa và chưa đồng đều. Vận tải hành khách công cộng không đáp ứng nhu cầu khiến phương tiện cá nhân tăng nhanh. Hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, hạ tầng số chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư... Hạ tầng năng lượng chưa được xây dựng theo hướng tận dụng tối đa năng lượng tái tạo, giảm tiêu thụ năng lượng truyền thống. Việc phát triển không gian ngầm để phục vụ phát triển giao thông tĩnh, dịch vụ thương mại hỗ trợ công cộng chưa đáp ứng yêu cầu.

(5). Chưa sử dụng hiệu quả nguồn lực văn hóa trong phát triển Thủ đô. Nền tảng lịch sử - văn hóa của quốc gia hội tụ ở Thủ đô ngàn năm văn hiến chưa được củng cố, phát triển và tích hợp với tinh hoa văn hóa nhân loại để định hình bản sắc, trở thành nguồn lực phát triển mạnh mẽ của Hà Nội trong cuộc cạnh tranh phát triển toàn cầu cùng với cả nước. Công tác bảo tồn, khai thác, phát huy vai trò của văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập, phát triển chưa tương xứng với các tiềm năng, thế mạnh, vai trò, vị thế, bề dày văn hóa lịch sử Thủ đô. Một số di sản, giá trị văn hóa tinh thần người Hà Nội đang dần bị mai một.

(6). Chưa có cơ chế huy động, khai thác tiềm lực đội ngũ cán bộ KHKT và các cơ sở nghiên cứu khoa học đóng trên địa bàn, nên vai trò của khoa học và công nghệ vẫn còn rất mờ nhạt trong phát triển. Hoạt động nghiên cứu triển khai ở một số lĩnh vực hiệu quả chưa cao, nhất là nghiên cứu phục vụ công tác tham mưu, hoạch định cơ chế, chính sách, xây dựng định hướng phát triển ngành, lĩnh vực. Chất lượng, hiệu quả đổi mới công nghệ còn thấp, chưa có bước đột phá. Cơ sở hạ tầng về công nghệ cao còn yếu; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong GRDP của Thủ đô còn thấp. Chưa có nhiều cơ chế, chính sách hấp dẫn để thu hút, khuyến khích xã hội hóa, huy động nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ. Thị trường khoa học và công nghệ Thủ đô còn manh mún, chưa hội tụ đầy đủ các yếu tố của thị trường, hiệu quả chưa cao. Số lượng công bố khoa học quốc tế của Hà Nội đứng thứ hai cả nước nhưng việc ứng dụng vào thực tiễn còn hạn chế.

(7). Mô hình quản trị chưa phù hợp; tư duy và phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ còn chậm đổi mới, thiếu đột phá. Năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành, hiệu quả giải quyết công việc ở một số cấp, ngành, lĩnh vực chưa thực sự quyết liệt, thiếu năng động, sáng tạo, có việc, có lúc còn trì trệ. Chưa tập trung xây dựng các mô hình, điển hình mới, sáng tạo, tiêu biểu cho vùng và cả nước trên một số lĩnh vực. Sự phối hợp giữa ngành với ngành, giữa ngành với cấp trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện một số công việc, lĩnh vực được phân công, phân cấp, ủy quyền còn bị động, thiếu chặt chẽ, hiệu quả thấp. Công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm kỷ luật của nhiều đơn vị cơ sở chưa được thực hiện thường xuyên, kết quả còn hạn chế; chưa có các biện pháp chế tài đủ mạnh trong việc ngăn chặn, xử lý kịp thời các sai phạm và biểu hiện tiêu cực xảy ra trên địa bàn Thủ đô.

2.3. Cơ hội

(1). Các định hướng của Bộ Chính trị tạo cơ hội phát triển hệ thống đô thị Hà Nội, thay đổi diện mạo Hà Nội theo hướng văn minh, hiện đại. Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Chính trị đề ra nhiều định hướng phát triển đô thị Hà Nội như: Sông Hồng

là trục xanh, cảnh quan trung tâm, phát triển đô thị hài hoà hai bên sông của Hà Nội; xây dựng mô hình thành phố trực thuộc Thủ đô tại khu vực phía Bắc (vùng Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn) và phía Tây (vùng Hoà Lạc, Xuân Mai); xây dựng đô thị thông minh trên cơ sở phát triển khu vực hai bên trục Nhật Tân - Nội Bài; tập trung triển khai quy hoạch, đầu tư xây dựng, ổn định dân cư hai bên bờ Sông Hồng và Sông Đuống; quy hoạch phát triển không gian ngầm đô thị, không gian xanh và không gian công cộng... Những định hướng này là cơ hội để Hà Nội tập trung nguồn lực, phát triển hệ thống đô thị, thay đổi diện mạo đô thị theo hướng văn minh, hiện đại.

(2). Thành phố toàn cầu, điểm đến hấp dẫn nhất ở khu vực Châu Á. Việt Nam được đánh giá là một trong những điểm đến hấp dẫn của dòng FDI dịch chuyển khỏi Trung Quốc nhờ vị trí chiến lược, chi phí nhân công thấp, nguồn nhân lực dồi dào, môi trường vĩ mô và chính trị ổn định, độ mở kinh tế lớn và việc mới tham gia vào hai hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP và EVFTA) giúp các nhà sản xuất tiếp cận được tốt hơn các thị trường xuất khẩu chính. Trong ngắn hạn, Việt Nam có cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Mỹ đối với nhiều mặt hàng Việt Nam có lợi thế xuất khẩu và có thể giành thị phần với trung Quốc, như nông sản, thực phẩm chế biến, cao su, mũ và túi xách, một số sản phẩm từ kim loại, máy móc thiết bị, đồ nội thất và thiết bị quang học,... do hàng Trung Quốc bị hạn chế vào Mỹ. Ngoài ra, một số mặt hàng có lỗ hổng thị trường với Mỹ, nhưng Việt Nam chưa có thị phần đáng kể như rau, củ, quả; hạt dầu và quả có dầu; giấy và bìa; gỗ và các sản phẩm từ gỗ; bộ đồ ăn bằng kim loại, thiết bị giao thông.

(3). Phân bố các không gian phát triển do có diện tích lớn. Là Thủ đô có lợi thế về quỹ đất lớn so với nhiều Thủ đô trên thế giới nên Hà Nội có nhiều cơ hội để phân bố các không gian phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, không gian phát triển đô thị phù hợp với đặc điểm của mỗi khu vực.

(4). Cơ hội để phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số. Sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 mang lại cơ hội phát triển cho nhiều ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế. Thúc đẩy mạnh mẽ các ngành có mức độ sẵn sàng cao như công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh và một số ngành công nghiệp mới. Cơ hội để phát triển các mô hình nông nghiệp hiện đại; ứng dụng các công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp. Cơ hội phát triển các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ số, như tài chính ngân hàng, với sự phát triển của tiền ảo, thanh toán số,... Các xu hướng lớn, nổi bật trong công nghệ 4.0 như ứng dụng IoT, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, blockchain... được coi là những lĩnh vực quan trọng giúp khu vực dịch vụ phát triển mạnh hơn và thể hiện vai trò động lực rõ rệt hơn cho tăng trưởng kinh tế Thủ đô giai đoạn tới.

(5). Hợp tác quốc tế, tham gia các Hiệp định tự do thương mại (FTA) thế hệ mới sẽ tạo điều kiện mở rộng thị trường, thu hút đầu tư, công nghệ và cải thiện môi trường kinh doanh. Việc tham gia thực hiện các Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam (EVFTA), các FTA với Hoa Kỳ,... đem lại nhiều cơ hội mở rộng thị trường cho các doanh nghiệp Hà Nội tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao năng lực sản xuất xuất khẩu và cạnh tranh. Ngoài ra, để đáp ứng các yêu cầu của các FTA thế hệ mới, Hà Nội sẽ phải thúc đẩy nhanh hơn quá trình cải cách thể chế, cải cách hệ thống pháp lý, cải thiện môi trường kinh doanh. Điều này không những có tác động tích cực đối với việc thu hút dòng vốn FDI, mà còn tạo môi trường

kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân trong nước phát triển. Đây là điện kiện thuận lợi, là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Thủ đô thời gian tới.

(6). Hà Nội có cơ hội xây dựng các chính sách đặc thù, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, vượt trội tạo đà cho Hà Nội phát triển toàn diện, xứng tầm Thủ đô. Hà Nội đang rà soát, xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi). Các điều khoản của dự thảo Luật được xây dựng để bảo đảm thể chế hóa đầy đủ, chính xác nhất đường lối, chủ trương của Đảng tại các văn kiện quan trọng nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, mang tính đặc thù vượt trội phục vụ cho sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô của cả nước.

2.4. Thách thức

(1). Các yêu cầu phát triển Thủ đô thành một Thành phố toàn cầu; thành phố “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”. Với đặc điểm khu vực nông thôn lớn, vướng mắc nảy sinh trong quá trình đô thị hóa, mâu thuẫn giữa yêu cầu bảo tồn và phát triển, nhất là khu vực phố cũ, khu vực nội đô lịch sử; tăng trưởng chưa thực sự ổn định, bền vững; khoảng cách giàu - nghèo có xu hướng gia tăng; tình trạng quá tải đối với hệ thống hạ tầng KT-XH, vệ sinh an toàn thực phẩm, dịch bệnh, tệ nạn xã hội; tình trạng khiếu kiện, nhất là khiếu kiện đông người, vượt cấp, diễn biến phức tạp... Đây là những thách thức Hà Nội phải giải quyết để đạt được mục tiêu thành phố “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”.

(2). Khả năng cạnh tranh, thu hút đầu tư trong và ngoài nước rất khó. Hội nhập sâu rộng cũng khiến Hà Nội đối mặt với nguy cơ trở thành thị trường tiêu thụ các sản phẩm kém chất lượng, đồng thời không bảo vệ được sản xuất trong nước khi các hàng rào thuế quan được gỡ bỏ, các hàng rào kỹ thuật lại kém hiệu quả. Đồng thời, Hà Nội cũng đối mặt với khả năng chịu ảnh hưởng mạnh hơn do biến động hoạt động sản xuất khu vực đầu tư nước ngoài và một số thị trường lớn (như Hoa Kỳ đối với xuất khẩu và Trung Quốc đối với nhập khẩu). Ngoài ra, sự cạnh tranh, đặc biệt là đối với các sản phẩm công nghiệp cũng khiến Hà Nội gặp khó khăn trong việc củng cố và phát triển các thị trường mới trong điều kiện nhiều nước đang phát triển cùng chọn chiến lược hướng về xuất khẩu để thúc đẩy tăng trưởng.

(3). Sức ép về gia tăng dân số tạo nhiều áp lực trong quá trình phát triển. Tốc độ gia tăng dân số cơ học vào Hà Nội tăng đều qua các năm, và xu thế sẽ tiếp tục tăng trong những năm tới. Đồng thời, tình trạng di dân đến Hà Nội đã, đang đặt ra những vấn đề cấp bách cần tập trung quản lý, giải quyết, điều hình như: Tăng áp lực quản lý đối với các cấp chính quyền; tạo áp lực lớn, gây quá tải hạ tầng giao thông; gây áp lực, quá tải hệ thống giáo dục, y tế, giao thông nhất là khu vực đô thị trung tâm; tăng áp lực đối với công tác an sinh xã hội, bảo trợ xã hội; ảnh hưởng lớn đến tình hình trật tự xã hội, đến quá trình phát triển văn minh đô thị; tăng áp lực đối với công tác bảo vệ môi trường...

(4). Các vấn đề về an ninh phi truyền thống là thách thức rất lớn trong quá trình phát triển. Các nguy cơ, thách thức an ninh phi truyền thống ở Hà Nội đang có những biến đổi theo chiều hướng bất lợi đối với cuộc sống con người, thách thức sự phát triển bền vững của Thủ đô. Các thách thức an ninh phi truyền thống phổ biến ở Hà Nội hiện nay gồm: biến đổi khí hậu và thiên tai, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, an ninh thông tin...

2.5. Phân tích ma trận SWOT

Từ phân tích điểm Mạnh – Yếu, Cơ hội – Thách thức, hình thành được Ma trận SWOT như sau:

Bảng 2.1: Ma trận SWOT xác định các chiến lược phát triển Thủ đô Hà Nội

	Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
Phân tích ma trận SWOT của Hà Nội	1. GRDP BQĐN cao, thị trường rộng lớn. 2. Di sản văn hóa nhiều và đa dạng nhất. 3. Tiềm lực KHCN 4. Dân số đông, lao động nhiều, chất lượng cao 5. Diện tích lớn, quỹ đất còn nhiều. 6. Lợi thế địa chính trị, địa kinh tế, giao thương thuận lợi. 7. Khí hậu ôn hòa, địa hình có đồng bằng, đồi núi, sông lớn.	1. Tăng trưởng chưa bền vững, hiệu quả chưa cao. 2. Tỷ lệ đô thị hóa thấp, dân số nông nghiệp cao, chênh lệch mức sống TT- NT cao. 3. Nguồn lực văn hóa chậm khai thác, phát huy. 4. Kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, quá tải. 5. Liên kết kinh tế yếu. 6. Quản trị địa phương, tư duy, phong cách chậm đổi mới.
Cơ hội (O)	S3,4,5,6O2,4,5: Phát triển công nghiệp hiện đại, có sức cạnh tranh cao, giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường; phát triển những ngành, sản phẩm hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, có hàm lượng chất xám cao. S2,3,4,6,7O1,2,4,6: Phát triển các ngành, sản phẩm dịch vụ trình độ, chất lượng cao và có giá trị gia tăng lớn. S3,4,5,7O5,6: Phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp đô thị, sinh thái.	W1,2,4O2,4,5: Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, hình thành hệ thống đô thị theo định hướng giao thông (TOD), theo các tuyến đường vành đai, tuyến đường kết nối nội vùng, liên vùng, tuyến đường sắt đô thị, , tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. W3,5,6O2,3,4,6: Phát triển đô thị Hà Nội thành đô thị thông minh, năng động, sáng tạo; đầu tàu trong KHCN; trung tâm giao dịch QT, dịch vụ GD-ĐT, y tế, tài chính - ngân hàng CLC.
Thách thức (T)	S2,3,4,6,7T1: Phát triển	

1.Yêu cầu phát triển Thủ đô thành TP toàn cầu,văn minh, hiện đại. 2.Năng lực cạnh tranh thu hút nguồn lực trong và ngoài nước chưa mạnh. 3.Sức ép dân số và tài chính cho phát triển. 4. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội.	mạnh công nghiệp văn hóa, du lịch. S1,3,5T2: Phát triển mạnh các ngành nghề truyền thống, khai thác các ngành sản phẩm mới.	
--	---	--------------

Ma trận SWOT tổng hợp các cơ hội – thách thức (tương ứng với điều kiện bên ngoài), điểm mạnh – yếu (Điều kiện bên trong) của Hà Nội trong thời kỳ quy hoạch. Đó là căn cứ để xác định các kịch bản phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ quy hoạch đến 2030, tầm nhìn đến 2050.

PHẦN III

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị đã xác định phát triển Thủ đô Hà Nội “**Văn hiến - Văn minh - Hiện đại**” là nhiệm vụ chính trị quan trọng đặc biệt trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tinh thần “Cả nước vì Hà Nội, Hà Nội vì cả nước”. Để thực hiện mục tiêu đặt ra, toàn bộ nội dung, phương hướng quy hoạch phát triển Thủ đô Hà Nội phải lấy các yếu tố văn hóa, văn hiến, văn minh, hiện đại của Thăng long - Hà Nội như là triết lý phát triển: “*Phát sáng nhân tài; Khai phóng trí tuệ; Lan tỏa nhân văn; Hòa điệu thiên nhiên; Tiến cùng thời đại*”.

(1) Văn hoá Thăng Long - Hà Nội bao gồm 6 yếu tố đặc trưng: (i) Tinh thần yêu nước và tính nhân văn; (ii) Hội tụ tinh hoa, kết tinh và lan tỏa; (iii) Niềm tin, khát vọng phát triển và sáng tạo; (iv) Tinh thần thượng tôn pháp luật và đạo lý, chữ tín; (v) Giữ gìn bản sắc và tiếp biến tinh hoa văn hóa nhân loại; xây dựng văn hóa trên không gian số; (vi) Chính quyền phục vụ - doanh nghiệp công hiến - xã hội niềm tin.

(2). Văn hiến Thăng Long-Hà Nội dựa trên 2 yếu tố đặc trưng: (i) Thành phố ngàn năm tuổi, Thủ đô di sản và những truyền thống tốt đẹp được giữ gìn bảo tồn, phát huy; (ii) Hội tụ và lan tỏa “văn hoá tinh hoa”, nơi sản sinh và nuôi dưỡng nhân tài, “hiền tài” của Đất nước; với nền giáo dục, khoa học, văn học nghệ thuật phát triển cao.

(3). Văn minh Thăng Long - Hà Nội bao gồm 4 yếu tố đặc trưng: (i) Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, (ii) Nền giáo dục, tri thức và dân trí cao; (iii) Đô thị xanh, sạch, đẹp; ứng dụng công nghệ thời đại trong xây dựng và quản lý đô thị; (iv) Người Hà Nội hào hoa, thanh lịch, nghĩa tình, văn minh, tiêu biểu cho văn hoá, lương tri và phẩm giá con người Việt Nam.

(4). Hiện đại của Thăng Long - Hà Nội bao gồm 4 yếu tố đặc trưng: (i) Thủ đô di sản văn hóa; Thành phố kiến trúc cổ, kiến trúc Châu Âu được bảo tồn, phát huy, nâng tầm bằng công nghệ cao, AI; (ii) Thành phố xanh, thông minh; (iii) Thành phố sáng tạo, trung tâm KHCN hàng đầu cả nước; (iv) Thành phố kết nối toàn cầu (hội nhập trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư).

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI

1. Quan điểm

1.1. Quan điểm phát triển chung

(1) Khơi dậy khát vọng phát triển Thủ đô “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, xanh, thông minh, ngang tầm với thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới. Thống nhất cao trong nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng đặc biệt và yêu cầu, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội, tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của Thủ đô, kết hợp với nguồn lực của cả nước và quốc tế, xây dựng và phát triển Thủ đô thực sự xứng đáng là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trái tim của cả nước; trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế và hội nhập quốc tế có sức lan tỏa

đề thúc đẩy vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Thủ đô và cả nước cùng phát triển.

(2) Phát triển Thủ đô phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, với quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch vùng; Phát triển bao trùm, nhanh và bền vững, hội nhập quốc tế dựa chủ yếu vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn với quá trình chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tuần hoàn và nguồn nhân lực chất lượng cao. Khai thác và sử dụng hiệu quả các lợi thế về địa chính trị, địa kinh tế, điều kiện tự nhiên cho quá trình phát triển; Bảo tồn, phát huy bản sắc, các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể lịch sử nghìn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội. Văn hóa, con người vừa là mục tiêu, vừa là nền tảng, nguồn lực, động lực để phát triển Thủ đô. Đội ngũ cán bộ có trình độ cao, có phẩm chất đạo đức trong sáng, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, là nhân tố có ý nghĩa quyết định; xây dựng Người Hà Nội thanh lịch, văn minh.

(3) Hệ thống pháp luật toàn diện, đồng bộ, thống nhất và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả với các cơ chế, chính sách đặc thù ưu tiên vượt trội là điều kiện tiên quyết để phát triển Thủ đô. Tăng cường phân cấp, phân quyền, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát cho Thủ đô, trọng tâm là các lĩnh vực đầu tư, tài chính, cơ chế thu hút nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, cơ chế hợp tác công tư, quy hoạch, đất đai, quản lý phát triển đô thị, quản lý trật tự xây dựng, giao thông, môi trường, dân cư, tổ chức bộ máy, biên chế nhằm tạo sự chủ động sáng tạo, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Thủ đô Hà Nội gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực.

(4) Phát triển đô thị xanh, thông minh, hiện đại, có bản sắc, tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị phía Bắc và cả nước. Phát triển nông nghiệp nông thôn sinh thái, văn minh, có bản sắc của nông thôn đồng bằng Bắc bộ. Sông Hồng là trục xanh, cảnh quan trung tâm của Thủ đô, trục văn hoá di sản, du lịch văn hoá kết nối vùng Thủ đô và vùng đồng bằng sông Hồng. Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn. Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, thông minh, ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng, hạ tầng giao thông công cộng, hạ tầng số, hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

(5) Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, kết hợp khai thác hợp lý, có hiệu quả những lợi thế đặc thù của thiên nhiên; phát triển bền vững theo hướng “thuận tự nhiên” và tuân thủ các quy luật thị trường; lấy tiêu chí phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn, kiểm soát chất lượng môi trường hướng đến mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0”. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh; đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối Thủ đô trong mọi tình huống. Tích cực chủ động hội nhập quốc tế, mở rộng các hoạt động đối ngoại, đưa hình ảnh Thủ đô Hà Nội văn hiến, thanh bình và thịnh vượng, thành phố kết nối toàn cầu của Đất nước Việt Nam hòa bình, mến khách đến với bạn bè quốc tế.

1.2. Quan điểm về tổ chức không gian

(1) Sắp xếp, phân bổ không gian phát triển hài hoà, hợp lý, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ quá trình CNH, HĐH với đô thị hóa, phát triển hài hoà đô thị và nông thôn; các định hướng quy hoạch các ngành, lĩnh vực được tập trung theo 5 tuyến hành lang và vành đai

kinh tế, gắn với 5 trục phát triển, cùng với hệ thống hạ tầng giao thông đồng bộ (hệ thống đường vành đai và đường sắt đô thị);

(2) Chú trọng phát triển 5 loại hình không gian: không gian trên cao (phát triển theo không gian chiều cao trên mặt đất tại các khu vực thích hợp), không gian ngầm (phát triển vận tải công cộng khối lượng lớn và phát triển các dịch vụ đô thị), không gian số (phát triển hạ tầng số đi trước có độ phủ rộng toàn lãnh thổ, làm cơ sở nền tảng cho phát triển kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh, hiện đại), không gian văn hóa – sáng tạo (mở rộng không gian các khu di tích văn hóa, lịch sử, không gian sáng tạo để triển khai các hoạt động phát triển công nghiệp văn hóa, thực hiện các hoạt động của thành phố sáng tạo do UNESCO công nhận), không gian công cộng (đặc biệt là không gian xanh, bảo vệ không gian sông hồ và cảnh quan mặt nước).

(3) Phát triển đô thị theo mô hình chùm đô thị với đô thị trung tâm và các thành phố, các đô thị vệ tinh. Xây dựng mô hình thành phố trực thuộc Thủ đô với điều kiện đặc thù về mô hình quản trị, thể chế để trở thành khu vực động lực phát triển Thủ đô; nghiên cứu, hình thành các mô hình đô thị mới theo chức năng đặc thù: mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD), đô thị đại học, đô thị sân bay, mô hình khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, “đô thị 15 phút; mô hình đô thị với tiêu chuẩn, tiện nghi vượt trội để thu hút giới tinh hoa trong nước và thế giới... Phát triển không gian nông thôn theo mô hình làng nông nghiệp đô thị; hình thành các mô hình “làng trong phố”, “phố trong làng”, các mô hình làng truyền thống Bắc Bộ, mô hình không gian văn hóa làng nghề...theo từng địa bàn cụ thể.

2. Các kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển

2.1. Bối cảnh xây dựng kịch bản

a) Bối cảnh quốc tế và khu vực

Các xu thế, bối cảnh phát triển của thế giới, khu vực đem lại cả thuận lợi và thời cơ, khó khăn và thách thức đan xen. Về cơ bản, Việt Nam nói chung và Thủ đô Hà Nội nói riêng có điều kiện thuận lợi để tăng cường kết nối, thúc đẩy hợp tác và phát triển trong khu vực, song cũng đối mặt với nhiều rủi ro từ bên ngoài, đặc biệt là những địa phương có độ mở lớn với thế giới như Thủ đô Hà Nội.

(1). Kinh tế dần phục hồi sau đại dịch. Toàn cầu hóa tiếp tục là xu hướng chủ đạo, mặc dù cũng có thời điểm chững lại. Cạnh tranh giữa các nước trong việc trở thành các trung tâm tài chính ngân hàng, đổi mới sáng tạo ngày càng lớn. Xu thế dịch chuyển chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc và dịch chuyển vào Việt Nam gia tăng. Xu hướng phát triển các ngành công nghệ hydrogen để hướng tới giảm phát thải khí nhà kính và bán dẫn đang diễn ra tại nhiều quốc gia.

(2). Những vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng đa dạng, phức tạp; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới, nhất là nguồn nước sông Mê Công, đặt ra nhiều thách thức lớn chưa từng có cho phát triển bền vững. Môi trường toàn cầu đang diễn biến xấu đi, biến đổi khí hậu và nước biển dâng tiếp tục là thách thức lớn.

(3). Hoà bình, hợp tác phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất phức tạp, gay gắt. Biển Đông tiềm ẩn nguy cơ xung đột, rủi ro. Xung đột Nga - Ucraina, khu vực Trung Đông tiềm ẩn nhiều bất ổn

(4). Kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn. Cuộc đua tranh về xây dựng đô thị xanh, thông minh và

đáng sống (vì con người) đặt tất cả các thành phố trên thế giới vào tâm thế phải sẵn sàng cải cách, mở cửa và đột phá phát triển. Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm thế giới.

(5). Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động ngày càng sâu sắc và nhiều chiều đến các quốc gia. Công nghệ thế giới biến đổi nhanh, đột phá. Đây có thể là lợi thế lớn đối với Thủ đô giàu tiềm năng phát triển KHCN như Hà Nội, nhưng cũng có khả năng mang lại nhiều rủi ro.

b) Bối cảnh trong nước

Nhiều chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển các ngành, lĩnh vực, địa bàn, lãnh thổ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được ban hành, trong đó có Thủ đô Hà Nội, là những tư tưởng chỉ đạo hết sức sâu sắc, toàn diện và đồng bộ. Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Trung ương, thành phố Hà Nội đã ban hành các Chương trình, kế hoạch hành động triển khai thực hiện các Nghị quyết với tinh thần khẩn trương, quyết liệt, cách làm bài bản. Những yêu cầu về phát triển đối với Thủ đô Hà Nội được xác định như sau:

(1). Vị trí, vai trò của Thủ đô đối với cả nước được đặc biệt chú trọng

- Phát triển Thủ đô Hà Nội "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại" là nhiệm vụ chính trị quan trọng đặc biệt trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tinh thần "Cả nước vì Hà Nội, Hà Nội vì cả nước"; là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị; là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội.

- Xây dựng và phát triển Thủ đô thực sự xứng đáng là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trái tim của cả nước; trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ và hội nhập quốc tế; xây dựng Hà Nội trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn, phát triển nhanh, bền vững.

(2). Hà Nội sẽ trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng DBSH

- Xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng và cả nước, phân đầu ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp dựa trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát huy vai trò đầu tàu, động lực của các tỉnh, thành phố trong vùng như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh.

- Thực hiện thí điểm một số mô hình, cơ chế, chính sách mới vượt trội, cạnh tranh quốc tế cao nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng và tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tập trung đầu tư phát triển các hành lang kinh tế, tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng, quốc tế.

- Phát triển vùng trở thành trung tâm dịch vụ hiện đại của khu vực Đông Nam Á; trong đó Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ, du lịch mang tầm khu vực và quốc tế.

- Xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng Sông Hồng... Xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam..., trong đó Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ với hạt nhân là Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học.

2.2. Dự báo biến động dân số

(1). Dự báo thường trú:

- Dự báo đến năm 2030: dân số thường trú phương án chọn khoảng 10,5 triệu người;
- Dự báo đến năm 2045: dân số thường trú phương án chọn khoảng 12,5 triệu người;
- Dự báo đến năm 2050: dân số thường trú phương án chọn khoảng 13,0 triệu người.

(2). Dự báo thành phần dân số khác (dân số quy đổi):

- Dự báo đến năm 2030: dân số quy đổi khoảng 1.450.000 người;
- Dự báo đến năm 2045: dân số quy đổi khoảng 2.100.000 người;
- Dự báo đến năm 2050: dân số quy đổi khoảng 2.500.000 người;

2.3. Các kịch bản phát triển

(1) Kịch bản thuận lợi: Đây là kịch bản xảy ra trong giả định đặt quá trình phát triển trong giai đoạn tới trong nỗ lực của cả hệ thống chính trị, mọi thành phần kinh tế nhằm nắm bắt cơ hội do môi trường quốc tế và trong nước thuận lợi mang lại. Hoạt động giao thương giữa Việt Nam - Trung Quốc và nhiều đối tác tăng trưởng mạnh. Các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quan trọng được đầu tư đồng bộ, hiện đại và nhanh chóng được đi vào khai thác đúng tiến độ, nhất là mạng lưới giao thông đường sắt đô thị làm cơ sở thay đổi căn bản diện mạo đô thị, tạo kết nối lan tỏa và sức hút đầu tư; hạ tầng viễn thông hiện đại, hạ tầng số phủ kín trên địa bàn Thủ đô, hệ sinh thái chuyển đổi số, kinh tế số phát triển chủ đạo. Hà Nội là địa bàn hấp dẫn thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn và trí tuệ nhân tạo. Có những đột phá về dịch vụ tài chính, dịch vụ logistics, thương mại hiện đại, dịch vụ công nghệ thông tin, công nghệ số, du lịch cao cấp...

(2) Kịch bản nỗ lực: Đây là phương án phát triển xảy ra trong điều kiện có nhiều định hướng đột phá được thực hiện hiệu quả; bối cảnh quốc tế và trong nước có những thuận lợi và thách thức đan xen. Tăng cường huy động, ưu tiên các nguồn lực và sử dụng hiệu quả vốn và đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình hạ tầng giao thông quan trọng như hệ thống các tuyến đường sắt kết nối và đường sắt đô thị về cơ bản hoàn thành trong thời kỳ quy hoạch, sân bay quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển vùng Thủ đô. Phát huy tiềm năng, lợi thế của tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Khai thác được các tiềm năng nổi trội, lợi thế đặc thù của Thủ đô để đẩy mạnh phát triển ngành dịch vụ chuyên nghiệp, hiện đại, đi đầu cả nước; các ngành công nghiệp công nghệ cao. Có những đột phá về công nghiệp văn hóa để biến các di sản văn hóa thành nguồn lực và động lực phát triển ngành du lịch; bứt phá về công nghiệp trở thành trung tâm hàng đầu của cả nước và là trung tâm khu vực về các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao và các ngành mới nổi; phát triển các sản phẩm nông nghiệp có hàm lượng khoa học công nghệ cao có vai trò dẫn dắt nông nghiệp trong vùng như các sản phẩm giống cây trồng vật nuôi, các sản phẩm nông nghiệp đô thị mang lại giá trị gia tăng cao và các sản phẩm nông sản cao cấp.

(3) Kịch bản cơ sở: Kịch bản xảy ra khi bối cảnh thế giới có nhiều bất lợi, thậm chí xấu hơn so với thời gian vừa qua trên các phương diện chính trị, kinh tế, biến đổi khí hậu, khủng hoảng lương thực, năng lượng, nguồn nước... Đây là kịch bản không mong muốn và ít xảy ra, song cũng cần tính đến để đảm bảo tính linh hoạt, chủ động ứng phó trong quá trình thực hiện quy hoạch.

Từ phân tích 3 kịch bản cho thể thấy **kịch bản nỗ lực** có tính khả thi cao, đồng thời, phù hợp với khát vọng về phát triển Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050, do vậy **kịch bản nỗ lực** là phương án lựa chọn, vì các lý do sau:

Bảng 3.1: So sánh kết quả mô phỏng theo các kịch bản

Kịch bản	Phương pháp mô phỏng	Thời kỳ 2021-2030		
		Tăng trưởng bình quân /năm (%)	GRDP (tỷ đồng- giá hiện hành)	GRDP/người (USD)
Thuận lợi	Tiếp cận mục tiêu	9,73	3.784.846	14.500
	Hạch toán tăng trưởng	9,85	3.941.108	14.625
	Harrod- Domar	9,77	3789576	14.375
Nỗ lực	Tiếp cận mục tiêu	8,95	3.523.822	13.500
	Hạch toán tăng trưởng	9,2	3.697.232	13.720
	Harrod- Domar	9,05	3.549.966	13.600
Cơ sở	Tiếp cận mục tiêu	8,11	3.262.798	12.500
	Hạch toán tăng trưởng	8,08	3.352.300	12.440
	Harrod- Domar	8,10	3.240.053	12.413

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

Thứ nhất, phát triển kinh tế theo kịch bản nỗ lực đáp ứng được các mục tiêu đề ra trong theo các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, cũng như các chương trình hành động của Hà Nội nhằm hiện thực hóa mục tiêu Thủ đô Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”. Theo kịch bản này, GRDP bình quân đầu người cũng như toàn bộ các tiêu chí hoàn thành công nghiệp hóa của Thủ đô Hà nội có khả năng hoàn thành sớm hơn so với mốc thời gian 2030 khoảng 4 - 5 năm, tức vào năm 2025 - 2026.

Thứ hai, nhu cầu vốn đầu tư cho thời kỳ quy hoạch là rất lớn, nhất là phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, phát triển các thành phố trực thuộc, cải tạo hai bên bờ sông Hồng, xây dựng hệ thống đường sắt nội đô và hướng tâm, các đường vành đai, các khu đô thị... Tuy nhiên, Thủ đô Hà Nội có khả năng huy động nguồn vốn cao hơn nhiều so với thời kỳ 2011-2020 nhờ được hưởng các cơ chế và chính sách đặc thù, vượt trội; Nhiều dự án lớn về hạ tầng sẽ hấp dẫn các nhà đầu tư tham gia. Đồng thời, quyết tâm triển khai các biện pháp tăng cường quản lý sử dụng vốn đầu tư hiệu quả sẽ tạo ra cú huych nâng cao TFP, hạ thấp hệ số ICOR..., qua đó khai thác dư địa tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới.

Thứ ba, quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng được đẩy mạnh theo hướng áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm lực khoa học công nghệ bậc nhất cả nước của Hà Nội với hệ thống các trường đại học, các Viện nghiên cứu đông đảo. Phát triển mạnh các sản phẩm và ngành nghề thuộc lĩnh vực công

nghệ thông tin, công nghệ số,... có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao, sử dụng hiệu quả nguồn lực. Đẩy nhanh, ưu tiên phát triển những ngành dịch vụ hiện đại như ngân hàng, tài chính, dịch vụ khoa học... Chú trọng phát triển công nghiệp văn hóa có bản sắc, trên nền tảng lợi thế nguồn lực văn hóa của Hà Nội; phát triển mạnh du lịch đa dạng, chuyên nghiệp.

Thứ tư, Hà Nội có nguồn nhân lực với số lượng và chất lượng cao hàng đầu trong cả nước; thị trường lao động được chú trọng hoàn thiện, một số ngành nghề sản phẩm mới được phát triển, sẽ tạo nhiều việc làm hơn các giai đoạn trước, nâng cao thu nhập người lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Thứ năm, cùng với vị thế địa kinh tế, địa chính trị đặc biệt, nguồn dự trữ đất đai lớn của Hà Nội sẽ được khai thác để sắp xếp, bố trí hợp lý, hài hòa và hiệu quả và kiến tạo không gian phát triển mới, tạo thêm ngành nghề mới, sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao... nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư thúc đẩy tăng trưởng cao, phát triển bền vững.

3. Mục tiêu và tầm nhìn phát triển Thủ đô

3.1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Là thành phố “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, xanh, thông minh, nơi hội tụ tinh hoa văn hóa của cả nước và thế giới; là trung tâm đi đầu trong nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ mới; là trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng sông Hồng và vùng động lực phía Bắc; là trung tâm kinh tế tài chính lớn, là cực tăng trưởng có vai trò dẫn dắt kinh tế của đất nước, có tầm ảnh hưởng trong khu vực, dựa trên mô hình phát triển xanh và kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và kinh tế chia sẻ; thực sự là trung tâm lớn, tiêu biểu, hàng đầu cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao, ngang tầm khu vực và quốc tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế...; là trung tâm y tế hàng đầu cả nước, có chuyên khoa đạt đẳng cấp quốc tế; có đô thị xanh, thông minh, hiện đại, nông thôn sinh thái, văn minh, thành phố thanh bình, có sức hấp dẫn cao, con người hào hoa, văn minh, thanh lịch, nghĩa tình, là nơi đáng đến và lưu lại, đáng sống và cống hiến; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực và thế giới, có trình độ phát triển ngang tầm Thủ đô các nước phát triển trong khu vực.

3.2. Tầm nhìn và khát vọng phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2050

Đến năm 2050, Thủ đô Hà Nội có mức sống và chất lượng cuộc sống cao; kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hòa, tiêu biểu cho cả nước; có trình độ phát triển ngang tầm các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới; là thành phố kết nối toàn cầu, Xanh - Thông minh - Thanh bình - Thịnh vượng; là nơi đáng đến và lưu lại, đáng sống và cống hiến.

Quy mô dân số thường trú đến 2050 khoảng 13 - 13,5 triệu người; GRDP bình quân đầu người năm 2050 đạt khoảng 45.000 USD - 46.000 USD; Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 80 - 85% vào năm 2050¹².

¹² Tương tự xu hướng đô thị hóa ở Hàn Quốc; theo số liệu về Thủ đô Seoul (Hàn Quốc), từ năm 1975 - 2000, tỷ lệ đô thị hóa tăng gần 1,8 lần từ 48,04% năm 1975 lên 86,22% năm 2000.



Hình 3.1. Đặc trưng của Thủ đô Hà Nội

3.3. Các mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 05 chỉ tiêu kinh tế:

- (1). Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt 8,5 - 9,5%/.
- (2). Tỷ trọng kinh tế số chiếm 40% trong GRDP.
- (3). Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng khoảng 57 - 58%.
- (4). GRDP bình quân/người đạt khoảng 13.500 - 14.000 USD (Giá hiện hành).
- (5). Tốc độ tăng năng suất lao động từ 7,5-8%/ năm.

- 05 chỉ tiêu xã hội

- (6). Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,86 - 0,90.
- (7). Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia khoảng 95%.
- (8). Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo trong nền kinh tế lên 85%; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ lên 62%.
- (9). Duy trì tỷ lệ thất nghiệp chung ở mức thấp dưới 3%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp thành thị ở mức dưới 3,5% trong cả giai đoạn.
- (10). Cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Thành phố; Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

- 05 chỉ tiêu môi trường:

- (11). Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 6,2%;
- (12). Diện tích cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị khoảng 10 - 12 m²/người;
- (13). Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, nông thôn được thu, gom xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%; trong đó: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được phân loại tại nguồn đạt 100% và tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp

chôn lấp trực tiếp dưới 20%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được phân loại tại nguồn đạt 100%.

(14). Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị đạt 70%; Tỷ lệ KCN, khu chế xuất và CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường là 100%;

(15). Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%;

- 03 chỉ tiêu không gian và kết cấu hạ tầng:

(16). Tỷ lệ đô thị hóa đạt 65 - 70%;

(17). Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt 32 m²;

(18). Có 50% tổng số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 30% số huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu;

- 01 chỉ tiêu quốc phòng, an ninh:

(19). Hoàn thành 100% chỉ tiêu nghĩa vụ quân sự; 100% chỉ tiêu xây dựng lực lượng dự bị động viên.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá

4.1. Các trụ cột phát triển Thủ đô

Để đạt được mục tiêu là Thành phố kết nối toàn cầu, Thủ đô Văn hiến - Văn minh - Hiện đại, Hà Nội phải dựa vào khai thác các tiềm năng lợi thế đặc thù riêng có là di sản văn hóa, phải đi trước trong các xu hướng phát triển xanh, chuyển đổi số và kinh tế số, với hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ hiện đại và dựa trên KHCN và đổi mới sáng tạo, có sự hấp dẫn và sức hút với khách du lịch và các nhà đầu tư, tạo thêm việc làm mới.



Hình 3.2. Năm trụ cột phát triển của Thủ đô Hà Nội

4.2. Các nhiệm vụ trọng tâm

(1). Về bảo vệ môi trường:

- Giải quyết triệt để ô nhiễm sông Tô Lịch, làm sống lại hình ảnh dòng sông xanh, sạch, gắn liền với văn hóa - lịch sử Thủ đô; xử lý ô nhiễm môi trường các sông Nhuệ, Đáy để đảm bảo nguồn nước tưới an toàn cho nông nghiệp, tạo không gian xanh cho phát triển đô thị. Khai thác lợi thế không gian mặt nước của hệ thống sông, hồ, rừng để tạo môi trường đô thị xanh, hấp dẫn, phát triển bền vững.

- Thực hiện quyết liệt các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường không khí khu vực đô thị. Chấm dứt tình trạng đốt rơm rạ khu vực nông thôn, kiểm soát, giảm ô nhiễm từ khí thải, bụi do giao thông, ô nhiễm bụi từ các công trình xây dựng, ô nhiễm từ khí thải các cơ sở công nghiệp, phương tiện giao thông cá nhân, đặc biệt là xe máy.

- Giải quyết dứt điểm tình trạng ngập, úng cục bộ các khu vực đô thị; có giải pháp đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ cho các vùng có địa hình thấp trũng.

- Thực hiện phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn đảm bảo văn minh, sạch, xử lý chất thải theo công nghệ hiện đại, phục vụ phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Phát triển các hành lang xanh, nêm xanh, thảm xanh để tăng diện tích đất xanh, đặc biệt ở khu vực nội đô lịch sử. Thực hiện các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy trồng rừng, áp dụng công nghệ tiên tiến và thân thiện với môi trường, tham gia thị trường carbon, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng không vào năm 2050 của quốc gia.

(2). Về giao thông, phát triển đô thị, nông thôn:

- Tập trung phát triển hạ tầng giao thông, đặc biệt hệ thống đường sắt đô thị, đường vành đai, các cầu vượt sông Hồng để tăng cường kết nối các địa phương và giải quyết căn bản tình trạng ùn tắc tại các cửa ngõ của Thủ đô và khu vực nội đô.

- Tập trung cải tạo các khu chung cư cũ; xóa bỏ tình trạng nhà tự xây không theo quy hoạch, không đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn;

- Bảo tồn, chỉnh trang, cải tạo khu phố cổ, các khu có kiến trúc kiểu Pháp nhằm khai thác, phát huy các giá trị văn hóa - lịch sử của Thủ đô ngàn năm văn hiến;

- Khai thác không gian ngầm trong phát triển giao thông và dịch vụ đô thị;

- Di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, toàn bộ hoặc một phần cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trụ sở các cơ quan, đơn vị ra khỏi khu vực đô thị trung tâm để giảm mức độ tập trung dân số và dành quỹ đất cho phát triển không gian công cộng, không gian văn hóa, sáng tạo và các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao KHCN;

- Xóa bỏ tình trạng các dự án đô thị chậm triển khai, các khu nhà ở đô thị mới xây dựng lên nhiều năm không có người ở, thiếu hạ tầng xã hội. Phát triển các khu đô thị mới xanh, thông minh, có hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại để giảm tải áp lực từ đô thị trung tâm và tạo động lực phát triển cho khu vực nông thôn. Xây dựng mô hình các quận xanh, sinh thái thành hình mẫu tiêu biểu của cả nước.

- Xây dựng các khu vực nông thôn theo hướng mô hình làng nông nghiệp đô thị (Agritown) dựa trên những nền tảng: đơn vị cư trú là khuôn viên nhà vườn, sản xuất nông nghiệp trồng trọt - chăn nuôi, không gian sống lành mạnh - sinh thái, tiện nghi và chất lượng sống tương đương khu vực đô thị, tiếp nối truyền thống gia đình- dòng họ và cộng

đồng làng xã. Xây dựng mô hình “phố trong làng”; xây dựng một số không gian văn hóa nông thôn mang đậm nét đặc sắc văn hóa đồng bằng Bắc Bộ để bảo tồn, phát huy, khai thác các giá trị phục vụ du lịch;

- Xây dựng sông Hồng thành trục cảnh quan trung tâm thành phố; xây dựng mô hình thành phố trong Thủ đô để tạo động lực phát triển, phát huy thế mạnh của các vùng trên địa bàn Thủ đô.

(3). Về kinh tế:

- Cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng dựa vào ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ; đi đầu cả nước về công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo, đi đầu trong phát triển các ngành mới nổi; phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao, có vai trò dẫn dắt sự phát triển các hoạt động sản xuất của vùng và cả nước;

- Phát triển dịch vụ logistic và các trung tâm phân phối để trở thành trung tâm đầu mối trung chuyển đa phương tiện (hàng không, đường sắt, đường bộ, đường thủy), kết nối liên vùng và quốc tế; hiện đại hóa ngành dịch vụ tài chính – ngân hàng để trở thành trung tâm tài chính lớn quốc gia và định hướng quốc tế; phát triển mạnh du lịch và công nghiệp văn hóa thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố kết nối toàn cầu.

- Tập trung phát triển kinh tế đô thị gắn với khai thác các không gian trên cao, không gian văn hóa, không gian ngầm, không gian số, không gian công cộng đặc thù của Thủ đô. Phát triển một số mô hình kinh tế đặc thù đối với từng khu vực, tạo nên các mô hình đặc sắc của Hà Nội: mô hình kinh tế đêm khu vực nội đô hướng đến khai thác không gian văn hóa - lịch sử, phố cổ; mô hình vui chơi giải trí mang tính thời đại ở khu vực phát triển đô thị mới; khai thác lợi thế thành phố sông, hồ, đặc biệt sông Hồng, tạo nên những khu vực đặc sắc khu sông Hồng để phát triển các mô hình kinh tế đêm.

(4). Về văn hóa - xã hội:

- Phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo, thực hiện các sáng kiến và cam kết của Hà Nội khi gia nhập Mạng lưới các Thành phố Sáng tạo của UNESCO. Ưu tiên bảo tồn, khai thác, phát huy hiệu quả một số không gian văn hóa phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa: không gian Hoàng Thành kết nối Ba Đình; không gian phố cổ kết nối cầu Long Biên; không gian Hồ Tây; không gian khu vực Cổ Loa; không gian văn hóa xứ Đoài; không gian một số làng nghề truyền thống... Xây dựng mới một số công trình văn hóa hiện đại mang tính biểu tượng thời kỳ mới của Thủ đô.

- Nghiên cứu, xác định một số không gian văn hóa, di sản để đề nghị UNESCO công nhận di sản thế giới như: quần thể di tích Cổ Loa; quần thể thắng cảnh Hương Sơn; khu di tích quần thể Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, K9 - Đá Chông; Cầu Long Biên... để bảo tồn, khai thác phát huy các giá trị di sản, xây dựng hình ảnh thành phố toàn cầu.

- Xây dựng văn hóa công vụ, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, văn hóa nhân dân Thủ đô để tạo sự hấp dẫn cho các nhà đầu tư, du khách trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, bảo tồn, phát huy, nâng tầm di sản bằng công nghệ số.

- Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu trường, thiếu lớp, đảm bảo điều kiện tiếp cận giáo dục phổ thông thuận lợi phù hợp với độ tuổi và nhu cầu học tập của nhân dân. Phát triển hệ thống trường phổ thông có nhiều cấp học chất lượng đạt chuẩn quốc tế. Tập trung

xây dựng đồng bộ hạ tầng khu, cụm đại học khu vực thành phố phía Tây đảm bảo đầy đủ yếu tố của môi trường giáo dục. Sắp xếp, tổ chức lại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu quả, có phân tầng chất lượng, bảo đảm quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế.

- Đầu tư phát triển các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa cấp thành phố tiên tiến, hiện đại, chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân. Xây dựng lộ trình tiếp nhận một số bệnh viện của bộ, ngành đóng trên địa bàn. Phát triển hệ thống y tế gia đình, mạng lưới kiểm soát bệnh tật. Chú trọng, phát triển cấp cứu ngoại viện bảo đảm khả năng tiếp nhận và vận chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong khoảng thời gian ngắn nhất.

(5). Về an ninh, an toàn:

- Đảm bảo an ninh trật tự trong mọi tình huống; giữ gìn an toàn xã hội; đảm bảo ứng phó với các rủi ro có thể thành thảm họa của Thủ đô; hiện đại hoá, đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, các hoạt động cứu nạn, cứu hộ.

- Đảm bảo an ninh nguồn nước cả về trữ lượng và chất lượng, an ninh năng lượng phục vụ cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt, ưu tiên năng lượng tái tạo; đảm bảo an toàn kinh doanh và cuộc sống của con người (bao gồm cả an toàn thực phẩm, dược phẩm và thuốc chữa bệnh).

(6). Về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực:

- Xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đi đầu trong phát triển khoa học, công nghệ.

- Hình thành hệ sinh thái KHCN và đổi mới sáng tạo trên cơ sở khu công nghệ cao Hòa Lạc và các khu công nghệ cao khác trên địa bàn, các trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, các trường đại học, viện nghiên cứu trên địa bàn.

- Có chính sách thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân tài trên thế giới sinh sống, làm việc tại Hà Nội.

4.3. Các khâu đột phá phát triển

(1). Đột phá về thể chế và quản trị:

- Tập trung ưu tiên hoàn thiện thể chế phát triển Thủ đô toàn diện, đồng bộ, hiện đại, hội nhập với cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả, đồng thời phân cấp, phân quyền cho chính quyền Thủ đô Hà Nội thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết công việc trên địa bàn Thủ đô gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực, trọng tâm là các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, quản lý trật tự xây dựng, giao thông, môi trường, dân cư, tổ chức bộ máy, biên chế..., các tiêu chí, qui chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá; thí điểm mô hình “đầu tư công - quản trị tư”, “đầu tư tư - sử dụng công”; hoàn thiện mô hình phát triển đô thị gắn với giao thông công cộng (TOD).

- Có cơ chế hỗ trợ phát triển nhanh, đồng bộ, liên thông, bền vững các thị trường, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ; cơ chế huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực văn hoá, con người, nguồn lực tài nguyên đất đai, nguồn lực tài nguyên nhân văn, tài nguyên số, nguồn lực ngoài xã hội; xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh để hình thành một số tập đoàn kinh tế lớn hàng đầu, thu hút các tập đoàn đa quốc gia thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu

phát triển đặt trụ sở tại Hà Nội; thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng phát triển Thủ đô.

- Có cơ chế đột phá trong thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, để chuyển đổi số thực sự là một phương thức phát triển mới thiết thực, hiệu quả nhất có tính đột phá, giúp đẩy nhanh, rút ngắn tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số và các mô hình kinh tế mới gắn với chuyển đổi số.

- Đổi mới quản trị chính quyền theo hướng hiện đại, nhất là quản lý phát triển và quản lý xã hội. Đẩy nhanh tiến trình xây dựng chính quyền số- chính quyền phục vụ, cải cách hành chính, tạo chuyển biến mạnh mẽ có tính đột phá về môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, về kỷ luật, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm, tư duy và phương pháp làm việc, về năng suất, chất lượng và hiệu quả phục vụ doanh nghiệp và Nhân dân, đặc biệt là tinh thần và thái độ phục vụ.

(2). Đột phá về hạ tầng:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng trọng yếu về giao thông, năng lượng, hạ tầng chuyển đổi số, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu; có cơ chế đủ mạnh, hiệu quả huy động các nguồn lực xã hội cho các dự án kết cấu hạ tầng, cho các tuyến đường sắt đô thị... nhất là dưới hình thức đối tác công tư (PPP), khai thác nguồn lực đất đai từ mô hình TOD...

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông kết nối liên vùng, hoàn thành xây dựng các tuyến đường cao tốc, đường quốc lộ, đường vành đai, hệ thống giao thông công cộng; có cơ chế đặc thù để đẩy nhanh tiến độ 14 tuyến đường sắt đô thị, tập trung triển khai hoàn thành sớm các tuyến kết nối nội đô lịch sử với sân bay quốc tế Nội Bài, với khu công nghệ cao Hoà Lạc...; đầu tư xây dựng các cầu qua Sông Hồng, Sông Đuống như cầu Tứ Liên, cầu Trần Hưng Đạo, các cầu trên vành đai 4,5... Phân đầu hoàn thành đường Vành đai 4 trước năm 2027 và chuẩn bị đầu tư, xây dựng đường Vành đai 5 trước năm 2030. Mở rộng, nâng cấp sân bay quốc tế Nội Bài. Đầu tư, khai thác không gian ngầm khu vực đô thị trung tâm phục vụ các tuyến đường sắt đi ngầm từ vành đai 3,5, kết hợp phát triển thương mại, dịch vụ.

- Phát triển mạnh hạ tầng số, hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đầu tư xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng ứng dụng nền tảng, hạ tầng an toàn, an ninh, hạ tầng kết nối, hạ tầng dữ liệu nhất là dữ liệu về dân cư, y tế, giáo dục, bảo hiểm, doanh nghiệp, đất đai, nhà ở;...tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, để Hà Nội trở thành “Thủ đô số” vùng và quốc tế, là Trung tâm đào tạo và dòng chảy nguồn nhân lực chất lượng cao và nhân tài số ở Việt nam.

(3). Đột phá về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Xây dựng Thủ đô Hà Nội thực sự là trung tâm lớn, tiêu biểu của cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao, hội nhập quốc tế, đi đầu trong đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trọng tâm là hiện đại hóa và đổi mới phương thức giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng người Hà Nội hào hoa, thanh lịch, nghĩa tình, văn minh, tiêu biểu cho văn hoá, lương tri và phẩm giá con người Việt Nam. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao; có cơ chế chính sách vượt trội để thu hút, phát hiện và bồi dưỡng, trọng dụng và giữ chân nhân tài và chuyên gia cả trong và ngoài nước.

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có năng lực, trình độ cao, tư duy khoa học, chuyên nghiệp, có bản lĩnh, phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có ý chí vươn lên, khát vọng cống hiến cho sự nghiệp phát triển Thủ đô.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm R&D và đổi mới sáng tạo hàng đầu, trở thành thung lũng “silicon” về công nghệ xanh và kỹ thuật số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực và thế giới với hạt nhân là Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học...

- Phát triển mạnh thị trường khoa học - công nghệ; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hoạt động đổi mới công nghệ, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo các công nghệ xanh thông qua hợp tác công tư. Phát triển một số mô hình áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox).

- Xây dựng các cơ chế, chính sách vượt trội, khuyến khích, tài trợ và hỗ trợ đầu tư, nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ mới, công nghệ lõi, hình thành năng lực sản xuất mới nâng cao tính tự chủ và khả năng thích ứng, chống chịu của nền kinh tế.

(4). Đột phá về đô thị, môi trường và cảnh quan

- Thiết kế đô thị theo hướng xanh, văn minh, hiện đại, có bản sắc văn hóa của Thủ đô, khai thác tối đa các điểm đặc thù của đô thị Hà Nội để phát triển kinh tế đô thị. Thực hiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy cải tạo, chỉnh trang, khai thác các khu phố cổ, phố cũ, các không gian văn hóa – lịch sử để phát triển dịch vụ, công nghiệp văn hóa, du lịch văn hoá.

- Thực hiện cơ chế cải tạo tổng thể các khu chung cư cũ và các nhà ở thấp tầng phát triển không theo qui hoạch trong khu vực theo mô hình TOD để tạo lập các khu đô thị mới văn minh, hiện đại.

- Trước năm 2035, hoàn thành việc di dời trụ sở các cơ quan, trường học, viện nghiên cứu, cơ sở sản xuất không phù hợp với qui hoạch ra khỏi các quận nội đô lịch sử, tạo quỹ đất cho phát triển không gian công cộng, không gian văn hóa, không gian đổi mới sáng tạo, bổ sung hệ thống trường học phổ thông... Phát triển các mô hình đô thị TOD theo mô hình “đô thị 15 phút” với mật độ tập trung dân số cao tại các khu vực đô thị mở rộng để tạo lập những không gian đô thị mới hiện đại, có hạ tầng đồng bộ, kết nối thuận lợi với các khu trung tâm, tăng cơ hội việc làm, thu hút đầu tư... giải quyết việc ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường

- Làm sống lại các dòng sông, bảo vệ nghiêm ngặt các hồ, không gian mặt nước để tạo cảnh quan, điều hòa tiêu thoát nước; kết hợp với các giải pháp bổ cập nước, xử lý ô nhiễm môi trường, khai thác lợi thế cảnh quan hệ thống sông để tạo không gian sinh thái đặc sắc của Thủ đô. Xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải đô thị hiện đại, theo hướng thuận tự nhiên, kết hợp cả xử lý tập trung, xử lý phân tán và xử lý tại nguồn, giải quyết căn bản tình trạng ngập úng và ô nhiễm môi trường nước.

- Thực hiện giải pháp đột phá trong khai thác quỹ đất khu vực sông Hồng để sông Hồng thành trục cảnh quan, không gian văn hóa, du lịch, dịch vụ và vui chơi giải trí. Nghiên cứu, xác định hành lang thoát lũ, vị trí tuyến đê trong bối cảnh mới hiện nay, xây dựng đê mới siêu hiện đại, siêu bền vững để giảm diện tích chiếm đất và nâng cao chất lượng đê; quỹ đất còn lại giữa đê mới và đê cũ được sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng cho du lịch, cho dịch vụ. Triển khai xây dựng đập tràn trên hệ thống sông Hồng, sông Đuống để đảm bảo lượng nước ổn định, phục vụ các hoạt động kinh tế - xã hội trên các sông.

II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG

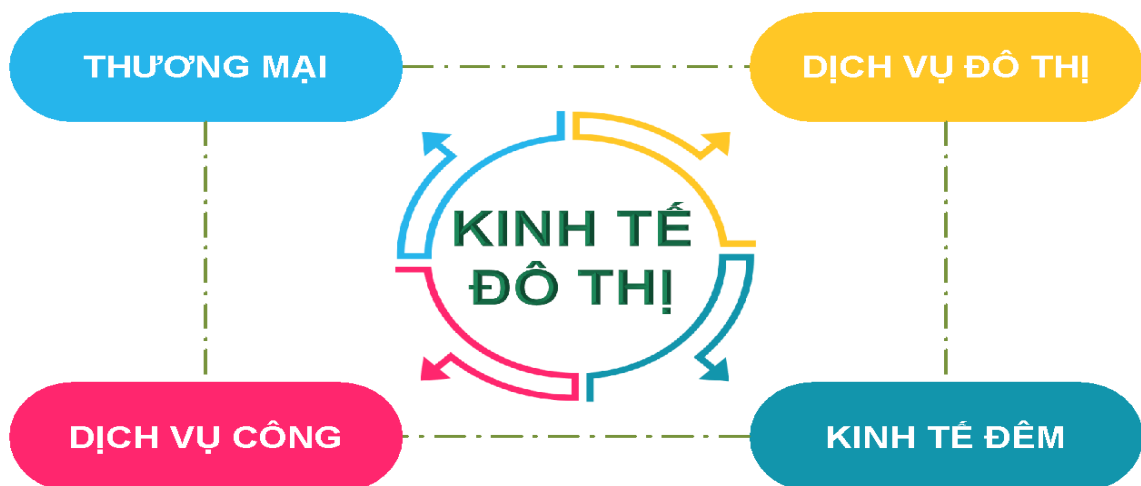
Trong kỷ nguyên số của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 cùng với những cam kết mạnh mẽ mang tính toàn cầu về cắt giảm phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, Thủ đô Hà Nội với sứ mệnh là hình mẫu đi đầu của cả nước, định hướng phát triển tất cả các ngành, lĩnh vực phải hướng đến xu thế phát triển của thời đại là chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tuần hoàn.



Hình 3.3: Xu hướng phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội Thủ đô

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng, các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác

1.1. Phương hướng phát triển ngành Dịch vụ: Phát triển kinh tế đô thị là động lực chủ yếu và là trụ cột phát triển kinh tế Thủ đô trên cơ sở phát triển các hoạt động thương mại, các dịch vụ đô thị, dịch vụ công và kinh tế ban đêm gắn với phát triển du lịch.



- Phát triển các ngành dịch vụ tương xứng với tiềm năng và vị thế của Thủ đô, góp phần phát huy các giá trị về văn hóa, lịch sử; hỗ trợ đặc lực cho sản xuất và tiêu dùng, thúc đẩy phát triển khu vực nông nghiệp, nông thôn nhằm tạo thêm việc làm, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ mang tầm khu vực và quốc tế, là trung tâm giao dịch quốc tế của cả nước. Tăng cường kết nối các trung tâm dịch vụ lớn của Thủ đô với các trung tâm trên các tuyến hành lang kinh tế, nhất là các loại hình dịch vụ du lịch, tài chính, logistic...

- Phát triển ngành dịch vụ hướng đến sự chuyển biến mạnh mẽ về phương thức kinh doanh mới, hiện đại; tiếp tục đẩy mạnh sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, đa dạng các loại hình sở hữu đối với doanh nghiệp, gắn phát triển các loại hình dịch vụ với thu hút đầu tư hiệu quả, trọng tâm.

- Chú trọng phát triển và có biện pháp quản lý các hoạt động thương mại điện tử, các dịch vụ trên nền tảng số, tiến tới các dịch vụ thương mại điện tử xuyên biên giới hướng tới thành phố kết nối toàn cầu.

- Phát triển dịch vụ trở thành trụ cột và động lực tăng trưởng mạnh mẽ; nâng cao chất lượng, hiệu quả ngành dịch vụ, cải thiện rõ rệt năng lực cạnh tranh trên nền tảng ứng dụng công nghệ hiện đại, chuyển đổi số để phát triển các dịch vụ trên không gian số. Phân đầu đưa Hà Nội trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch, tài chính mang tầm khu vực và quốc tế, là trung tâm phân phối và có vị thế trung chuyển quan trọng trong các hành lang kinh tế quốc tế. Tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ bình quân trên 9,5-10%/năm thời kỳ 2021 - 2030, tỷ trọng các ngành dịch vụ chiếm khoảng 65,17% trong tổng GRDP của Thành phố năm 2030.

a) Dịch vụ thương mại

- Đưa thương mại trở thành ngành có giá trị gia tăng cao, phát triển theo hướng văn minh, hiện đại; xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm thương mại, trung tâm giao dịch quốc tế. Tập trung phát triển dịch vụ bán buôn, dịch vụ bán lẻ, dịch vụ logistic, dịch vụ xuất nhập khẩu...; đẩy nhanh thương mại điện tử theo hướng tinh gọn, hiệu quả của chuỗi cung ứng, hiện đại hoá chu trình kinh doanh. Đến năm 2030, giá trị tăng thêm ngành thương mại tăng bình quân khoảng 9,0 -9,5%/năm; thương mại đóng góp khoảng 25% vào GRDP ngành dịch vụ và khoảng 15% GRDP chung toàn Thành phố.

- Tổ chức không gian phát triển dịch vụ thương mại:

- + Đẩy mạnh phát triển thương mại theo hướng hài hòa giữa các khu vực, hiện đại, tăng trưởng nhanh, nâng cao uy tín, thương hiệu và chất lượng các sản phẩm của Hà Nội. Phát triển các sản phẩm, giải pháp công nghệ số và hỗ trợ doanh nghiệp triển khai ứng dụng trong từng chu trình kinh doanh, các dịch vụ tích hợp dựa trên công nghệ tiên tiến như: thẻ thông minh, block chain, công nghệ nhận dạng, mã vạch... phục vụ thương mại điện tử.

- + Tại khu vực đô thị trung tâm: Phát triển các trung tâm thương mại phức hợp theo chuẩn quốc tế phân bố bao quanh khu vực lõi đô thị trung tâm và tại các khu vực phát triển đô thị theo mô hình TOD. Khu vực phố cổ, Hồ Tây và không gian văn hóa sông Hồng sẽ hình thành không gian đi bộ, phát triển các hoạt động kinh tế đêm và các dịch vụ ăn uống, lưu trú, mua sắm hàng phục vụ khách du lịch. Chú trọng phát triển kinh doanh thủ công mỹ nghệ truyền thống, là một trong những hoạt động quan trọng đóng góp vào sự phát triển kinh tế cũng như đề cao, nâng tầm giá trị văn hóa cho Thủ đô, đồng thời góp phần củng cố mối liên kết đô thị - nông thôn, đem lại lợi ích không chỉ cho các làng nghề nông thôn của Hà Nội mà còn của các tỉnh lân cận.

- + Cải tạo chợ truyền thống, chợ dân sinh, nâng cấp theo hướng kiến trúc chợ phù hợp với kiến trúc cảnh quan đô thị xung quanh, tạo mỹ quan đô thị; có các không gian

công cộng, không gian kinh doanh văn minh, góp phần tạo thêm các không gian giao lưu về văn hóa phục vụ người dân Thủ đô, du khách trong và ngoài nước. Phát triển diện tích kinh doanh thương mại tại khu vực được quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị (các đầu mối giao thông công cộng lớn của Thành phố, hầm ngầm cho người đi bộ, bãi đỗ xe công cộng ngầm...)

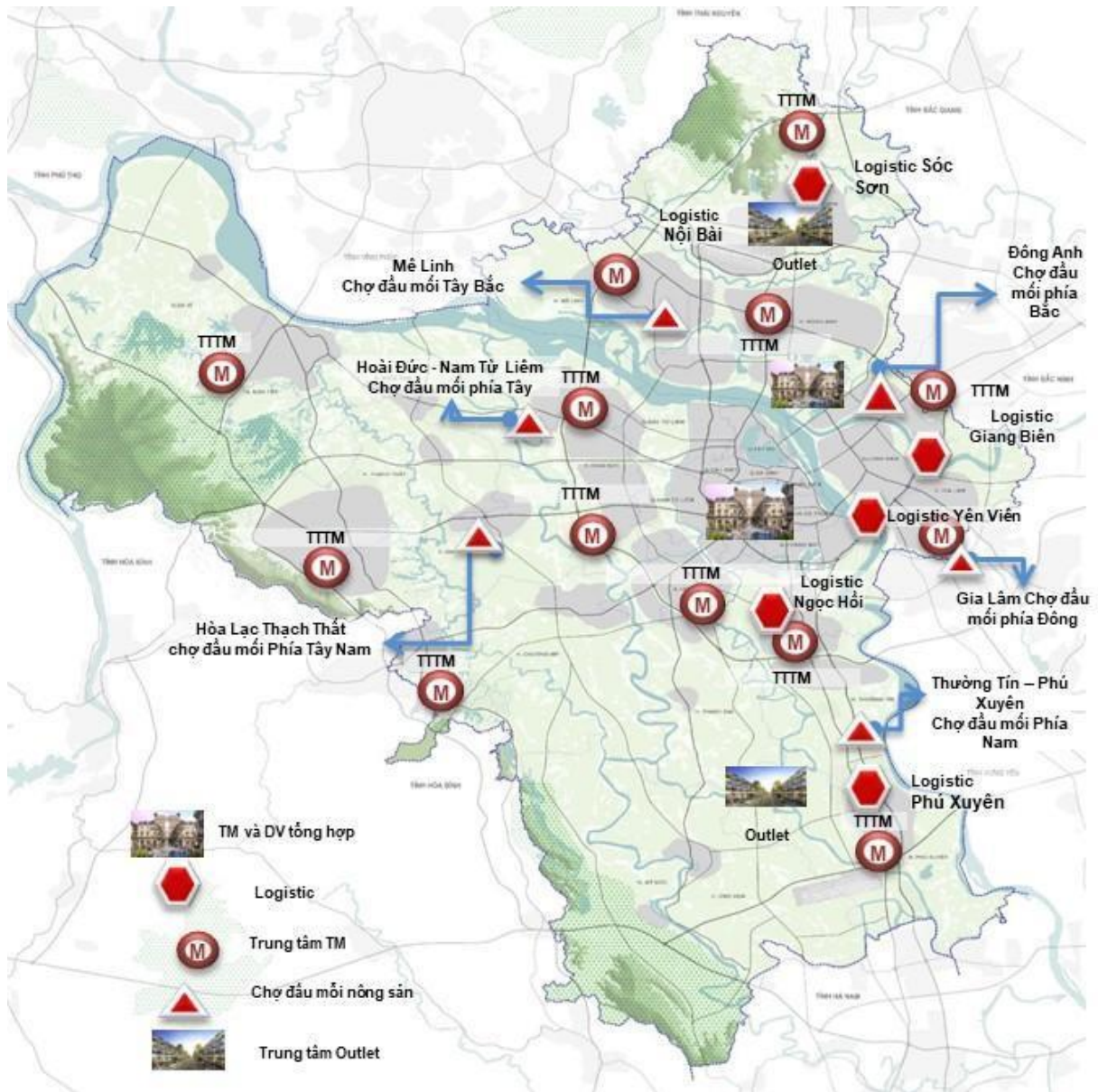
+ Tại khu vực nông thôn: Nghiên cứu hình thành các khu thương mại, dịch vụ tổng hợp gắn với những khu vực có di tích lịch sử - văn hóa; đẩy mạnh phát triển các tuyến phố thương mại trên cơ sở các chợ trung tâm tại các thị trấn. Đầu tư theo hình thức xã hội hóa hệ thống chợ tại khu vực nông thôn trên cơ sở khai thác năng lực phục vụ của hệ thống chợ gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới. Hình thành và phát triển các chợ đầu mối bán buôn nông sản - thực phẩm chuyên ngành và tổng hợp quy mô lớn, hiện đại ở khu vực giáp ranh giữa nội và ngoại thành, có vị trí và điều kiện giao thông thuận tiện.

+ Phát triển các trung tâm thương mại hiện đại, theo chuẩn quốc tế. Nghiên cứu hình thành trung tâm mua sắm bán buôn cấp vùng tại các đầu mối giao thông liên tỉnh, quốc tế ở khu vực phía Bắc và phía Nam Thủ đô.

+ Hình thành 05 trung tâm logistics tập trung, gồm: (1) Trung tâm logistics tại phía Nam Cảng hàng không quốc tế Nội Bài (hạng I); (2) Trung tâm logistics đường sắt tại ga Ngọc Hồi; (3) Trung tâm logistics tại huyện Phú Xuyên; (4) Trung tâm logistics đường bộ tại Yên Viên, Gia Lâm; (5) Trung tâm logistics đường thủy nội địa tại Giang Biên, Long Biên và các cảng cạn Phù Đổng - Cổ Bi - Long Biên, Hoài Đức, Đan Phượng, Đông Anh, Sóc Sơn, Hồng Vân.

+ Đối với trung tâm hội chợ triển lãm: Tiếp tục triển khai các trung tâm triển lãm đã được phê duyệt quy hoạch, phê duyệt chủ trương đầu tư; đồng thời nghiên cứu phát triển thêm 02 trung tâm: (1) Trung tâm hội chợ triển lãm cấp quốc gia tại khu vực phía Tây thành phố, nằm trong hoặc gắn với quần thể các công trình thuộc Trung tâm hội nghị quốc gia hoặc trung tâm thể thao quốc gia. (2) Trung tâm hội chợ triển lãm cấp vùng tại phía Nam Thành phố, phục vụ nhu cầu về hội chợ triển lãm và kết nối giao thương giữa trung tâm Hà Nội với khu vực ngoại thành và các tỉnh, thành phố lân cận.

- Phát triển hạ tầng cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt đảm bảo đầy đủ, an toàn, liên tục cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội. Hệ thống kho xăng dầu, kho tuyển sau, kho sân bay, kho nhiên liệu và hệ thống đường ống cung ứng xăng dầu, khí đốt cấp quốc gia thực hiện theo Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Di dời các trạm nạp LPG gần khu dân cư đến các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; xây thêm 14 trạm nạp LPG. Quy hoạch các trạm lưu trữ và cấp khí CNG cho phương tiện vận tải tại khu, cụm công nghiệp phù hợp với nhu cầu. Bố trí, phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu theo quy định, khuyến khích phát triển tích hợp các tiện ích phù hợp. Phát triển hệ thống trạm cấp khí city gas, đảm bảo quy định hoạt động. Ưu tiên phát triển hạ tầng trạm sạc xe điện tại các khu đô thị, các bến bãi đỗ xe, trung tâm thương mại, khu vực công cộng...



Hình 3.4: Phân bố không gian thương mại dịch vụ

b) Dịch vụ du lịch

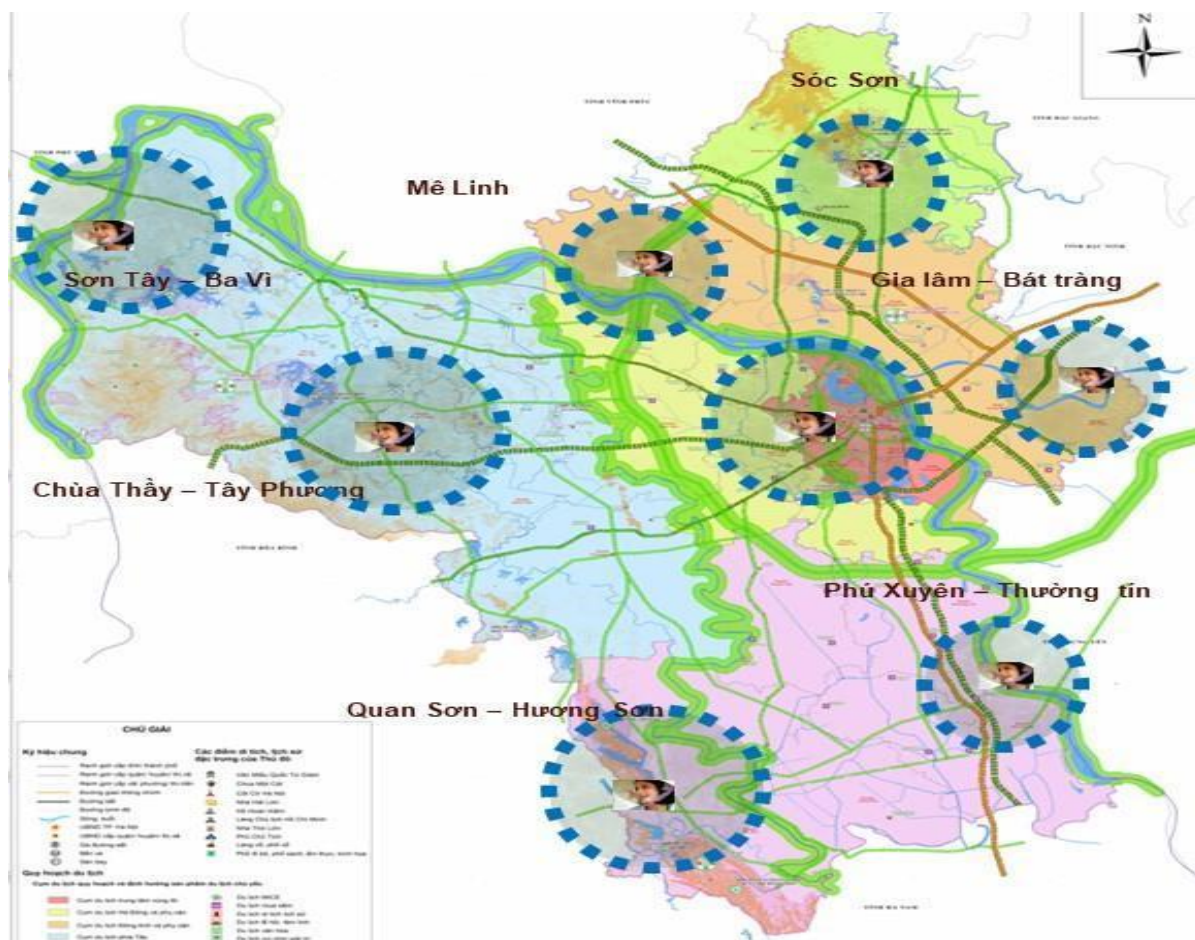
- Phát triển du lịch Thủ đô trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với sản phẩm đa dạng, độc đáo, gắn với phát huy giá trị của nền văn minh Sông Hồng. Đưa Hà Nội trở thành điểm đến được lựa chọn đầu tiên của du khách, là nơi đáng đến và lưu lại.

- Thực hiện chuyển đổi số trong du lịch, mỗi doanh nghiệp du lịch là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, phát triển các nền tảng số kết nối cung cầu về du lịch; số hóa tài nguyên du lịch, cập nhật thông tin, dữ liệu số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở du lịch, thị trường du lịch.

- Khai thác có hiệu quả các tiềm năng lợi thế, phát triển du lịch chuyên nghiệp, đẳng cấp, kết hợp truyền thống với hiện đại, đưa du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; tạo sức lan tỏa mạnh, thúc đẩy phát triển các ngành khác, khẳng định vị thế hàng đầu trong các ngành dịch vụ của Thủ đô, tạo thương hiệu nổi bật và sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế, trở thành nơi đáng đến, đáng lưu lại, đáng trở lại. Đến năm 2030, công nhận ít nhất 2 khu du lịch quốc gia trên địa bàn Thủ đô; đón khoảng 46 - 48 triệu lượt khách du lịch, trong đó có khoảng 12 - 14 triệu

lượt khách du lịch quốc tế. Đóng góp khoảng 7,0 - 7,5% vào GRDP Thành phố, trong đó, đóng góp trực tiếp khoảng 3,0%. Hà Nội trở thành điểm đến du lịch xanh và thông minh Đến năm 2050, Hà Nội là trung tâm du lịch lớn trên toàn cầu, điểm đến hàng đầu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

- Đa dạng hóa, nâng cấp chất lượng sản phẩm du lịch, chú trọng phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đẳng cấp và thương hiệu quốc tế. Khuyến khích phát triển các sản phẩm du lịch đô thị mang đậm bản sắc riêng của Thủ đô nghìn năm văn hiến. Đẩy mạnh phát triển du lịch văn hóa, du lịch lịch sử, khai thác hiệu quả các giá trị của Di sản văn hóa thế giới UNESCO Hoàng thành Thăng Long, văn bia Quốc Tử Giám, không gian văn hóa Hồ Tây, Hồ Hoàn Kiếm, lễ hội Chùa Hương, lễ hội Thánh Gióng... và du lịch sinh thái gắn với các không gian mặt nước trên địa bàn Thủ đô, nhất là các hồ nước lớn có giá trị lịch sử, văn hoá, cảnh quan. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch trải nghiệm làng nghề, nông nghiệp, nông thôn, du lịch dựa vào cộng đồng, du lịch ẩm thực, du lịch giải trí, trong đó phát triển một số mô hình du lịch độc đáo như làng cổ Đường Lâm, các làng nghề khu vực phía Nam Hà Nội, xã đảo Minh Châu, Ba Vì.... Đẩy mạnh đầu tư du lịch kết hợp hội nghị, sự kiện (du lịch MICE), du lịch đêm, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch thể thao. Phát triển sản phẩm du lịch số trên cơ sở tăng cường ứng dụng công nghệ, kết hợp đầu tư tôn tạo các di tích lịch sử, di sản văn hóa, hệ thống bảo tàng. Kết hợp các sản phẩm du lịch với các hoạt động văn hóa, lễ hội và sản phẩm nghề truyền thống.



- Phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ, thông minh, phục vụ du lịch. Quy hoạch phát triển các cụm du lịch, gắn với các sản phẩm du lịch đặc trưng như sau:

(1). Cụm du lịch Trung tâm Hà Nội: Gồm các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa và Tây Hồ và Cổ Loa - Đông Anh;

(2). Cụm du lịch Gia Lâm – Bát Tràng gắn với du lịch sông Hồng và Hưng Yên;

(3). Cụm du lịch Mê Linh: gắn du lịch tâm linh với lễ hội hoa và du lịch nông nghiệp sinh thái gắn với vùng đô thị hoa;

(4). Cụm du lịch Sóc Sơn phát triển du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, kết hợp các hoạt động thể thao, vui chơi giải trí;

(5). Cụm du lịch phía Tây gồm huyện Ba Vì, thị xã Sơn Tây và khu vực làng văn hóa các dân tộc Việt Nam: phát triển du lịch văn hóa, thăm quan làng cổ, văn hóa xứ Đoài, du lịch tâm linh, lịch sử và du lịch nghỉ dưỡng gắn với du lịch tại vườn quốc gia Ba Vì, du lịch nông nghiệp tại xã đảo Minh Châu;

(6). Cụm du lịch chùa Thầy, chùa Tây phương gắn du lịch văn hóa tâm linh, thăm quan các làng nghề và sản phẩm nghề truyền thống kết hợp các hoạt động trải nghiệm, giải trí;

(7). Cụm du lịch Quan Sơn - Hương Sơn là trung tâm du lịch nghỉ dưỡng tầm quốc gia kết hợp du lịch tâm linh kết hợp văn hóa tín ngưỡng, du lịch nghỉ dưỡng và du lịch mạo hiểm;

(8). Cụm du lịch phía Nam gồm Phú Xuyên, Ứng Hòa ... phát triển du lịch trải nghiệm kết hợp thăm quan các trung tâm triển lãm sản phẩm làng nghề, các trung tâm phân phối.

- Ưu tiên tổ chức không gian phát triển các hành lang du lịch, gồm (1) Hành lang du lịch dọc theo hai bờ sông Hồng, từ Ba Vì đến Phú Xuyên; (2) Hành lang du lịch đường bộ theo vành đai IV; (3) Hành lang du lịch dọc theo hai bờ sông Đáy từ Ba Vì, Phúc Thọ đến Mỹ Đức; (4) Hành lang du lịch theo sông Tô Lịch, được dự kiến phát triển sau năm 2030, tầm nhìn 2050. Quan tâm khai thác phát triển hành lang du lịch theo sông Cầu và sông Cà Lồ thuộc huyện Sóc Sơn gắn với du lịch trải nghiệm sinh thái nông nghiệp và các di tích lịch sử văn hóa; phát triển hành lang du lịch theo sông Tích gắn với du lịch văn hóa và sinh thái; hành lang du lịch theo sông Đáy, trong đó hữu ngạn sông Đáy là vành đai du lịch xanh, sinh thái, nghỉ dưỡng và tả ngạn sông Đáy là đô thị cổ kính và đô thị hiện đại.

- Ưu tiên số hóa các thông tin di sản để hình thành không gian du lịch thông minh; triển khai nền tảng mô hình hoá đa chiều phục vụ du lịch số; sử dụng công nghệ để tái hiện các di tích lịch sử của Hà Nội như Hoàng Thành Thăng Long, Thành Cổ Loa, Thành cổ Sơn Tây. Thực hiện số hóa và ứng dụng công nghệ số để phát triển các tour du lịch tự khám phá từng địa danh, từng di tích lịch sử không cần hướng dẫn viên. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hợp tác liên tỉnh, liên vùng về xúc tiến các tuyến du lịch quốc quốc, du lịch liên vùng lấy Hà Nội là trung tâm; tăng cường đào tạo nhân lực, đầu tư hạ tầng du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch.

c) Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

- Phát triển dịch vụ tài chính lành mạnh, cạnh tranh và hội nhập để đưa Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm tài chính giữ vị trí ảnh hưởng quan trọng về quan hệ tài chính quốc tế trong khu vực.

- Đa dạng các dịch vụ tài chính, chú trọng phát triển các dịch vụ tài chính ứng dụng công nghệ cao, hoạt động trên nền tảng số, đảm bảo an ninh, an toàn.

- Đẩy nhanh các phương thức kết nối dịch vụ tài chính đa phương tiện, chú trọng thanh toán điện tử, tăng cường kết nối giữa hạ tầng thanh toán điện tử, phát triển dịch vụ tài chính thông minh trong nền kinh tế số.

- Tiếp tục thu hút, phát triển mở rộng trụ sở chính của các tổ chức tài chính tại khu vực quận Hoàn Kiếm. Hình thành Trung tâm tài chính mang tầm khu vực với sự tham gia của các thể chế tài chính và các tập đoàn quốc tế ở khu vực thành phố phía Bắc Thủ đô, hai bên trục đường Nhật Tân - Nội Bài.

- Nâng cấp, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng dịch vụ quan trọng, nhất là viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng. Phát triển dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm theo hướng chuyển dần từ mô hình truyền thống sang mô hình số, cung ứng dịch vụ, sản phẩm trên nền tảng số, kết nối đa chiều và thông minh hóa.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuận tiện nhất trong việc tham gia bảo hiểm. Đa dạng hóa kênh phân phối bảo hiểm theo hướng phục vụ tốt nhất cho khách hàng và tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận bảo hiểm một cách dễ dàng nhất.

1.2. Phương hướng phát triển ngành công nghiệp và xây dựng

- Thủ đô Hà Nội trong nhóm đứng đầu cả nước về phát triển khoa học, chuyển giao công nghệ và ứng dụng công nghệ cao trong ngành công nghiệp; là thành phố có công nghiệp công nghệ cao, hiện đại của khu vực và quốc tế, có nhiều ngành, lĩnh vực công nghiệp có lợi thế cạnh tranh; phục vụ thị trường quốc tế, tham gia hiệu quả vào các chuỗi giá trị gia tăng và mạng phân phối toàn cầu. Giá trị sản phẩm công nghệ cao đạt khoảng 70% GRDP của Thành phố; giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chiếm trên 75% trong tổng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp và xây dựng vào năm 2030.

- Phát triển công nghiệp Thủ đô trở thành trung tâm hàng đầu, có vai trò dẫn dắt hỗ trợ các hoạt động sản xuất công nghiệp trong vùng về các ngành: công nghiệp bán dẫn, công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo, công nghệ xanh (công nghệ sạch, công nghệ khí hậu), công nghệ sinh học, hóa dược, mỹ phẩm; các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao, vật liệu kỹ thuật, công nghiệp cơ khí chính xác và hỗ trợ công nghiệp đường sắt.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ thông tin là ngành chủ lực, có vai trò động lực dẫn dắt phát triển, tạo không gian tăng trưởng và phát triển kinh tế số bền vững và tự chủ dựa trên các hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, sản xuất, cung cấp, ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ của ngành công nghiệp công nghệ thông tin; tập trung xuất khẩu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, thiết kế, phần mềm và trò chơi giải trí... gắn với công nghiệp văn hóa. Chú trọng ở các khâu tạo giá trị gia tăng cao, dựa trên quy trình sản xuất thông minh, tự động hoá, tiết kiệm năng lượng.

- Phát triển công nghiệp Thủ đô là trung tâm của vùng động lực tăng trưởng, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước; tham gia sâu vào chuỗi liên kết phát triển các hành lang công nghiệp: Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Bắc Ninh - Hải Dương - Quảng Ninh; Hà Nội - Vĩnh Yên - Việt Trì, Hà Nội - Lạng Sơn.

- Thực hiện chuyển đổi số trong công nghiệp và xây dựng theo hướng thiết lập môi trường phù hợp cho đổi mới sáng tạo, hướng tới các mô hình nhà máy thông minh, tăng trưởng xanh, bền vững và phù hợp với mô hình kinh tế tuần hoàn. Xây dựng và triển khai nền tảng số theo hướng kết nối sản xuất kinh doanh để tạo ra các giá trị mới, chia sẻ mạng lưới và tài nguyên dữ liệu trong các hoạt động kinh tế chia sẻ.

- Phát triển công nghiệp làng nghề truyền thống, hình thành các sản phẩm văn hóa kỹ nghệ, hình thành không gian giới thiệu sản phẩm nghề thủ công kỹ nghệ gắn với văn hóa truyền thống, có tính chất thu hút du lịch và cạnh tranh quốc tế cao.



Hình 3.5: Định hướng phát triển công nghiệp Thủ đô

- *Định hướng phát triển các KCN*

+ *Định hướng phân bố các khu công nghiệp:* Phân bố và quy hoạch các khu công nghiệp theo hướng tập trung xây dựng tại các huyện ngoại thành, bám theo các trục đường vành đai, trục xuyên tâm của Thành phố và thuận lợi trong di dời các doanh nghiệp, các khu công nghiệp có nguy cơ ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực nội đô. Không quy hoạch và phát triển khu công nghiệp ở những địa điểm ven đô thị. Ưu tiên quy hoạch và phát triển các khu công nghiệp tại khu vực thuận lợi, có thể dễ dàng kết nối sản xuất kinh doanh với các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; với các khu công nghiệp và doanh nghiệp trong Vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Thủ đô Hà Nội.

+ *Định hướng mô hình phát triển các khu công nghiệp:* Trong kỳ quy hoạch, Hà Nội sẽ tập trung phát triển các mô hình khu công nghiệp hướng theo khu công nghiệp công nghệ cao và khu công nghiệp sinh thái (KCN sạch, KCN xanh, KCN tuần hoàn...).

- *Định hướng phát triển các cụm công nghiệp*

+ Đến năm 2030, phát triển 174 cụm công nghiệp với tổng diện tích 6.252 ha (trong đó, diện tích đất hoàn thành đưa vào sử dụng đạt khoảng 2.825 ha); sau năm 2030, bổ sung 29 cụm công nghiệp với tổng diện tích 1.496 ha; đảm bảo sử dụng nguồn lực đất đai tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất gắn liền với bảo vệ môi trường.

+ Đối với các CCN gắn với làng nghề: chỉ ưu tiên xây dựng các CCN làng nghề đối với các làng nghề truyền thống được khuyến khích phát triển để phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa, phát triển du lịch. Quy hoạch, thiết kế và xây dựng các CCN làng nghề đồng bộ với không gian làng nghề để xây dựng không gian văn hóa làng nghề, là nơi để sản xuất của các hộ dân trong làng nghề, là không gian sáng tạo của làng nghề, đảm bảo tính thẩm mỹ, môi trường xanh, sạch.

+ Đối với các CCN còn lại: không khuyến khích phát triển hàng loạt CCN, nhất là tại các khu vực phát triển đô thị. Quy hoạch, xây dựng các CCN có các tiêu chuẩn kỹ

thuật tương ứng với các KCN, đảm bảo môi trường sản xuất xanh, sạch, ưu tiên các CCN ứng dụng công nghệ cao, CCN sinh thái. Giảm dần các CCN có các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường.

- Tổ chức không gian phát triển ngành công nghiệp như sau:

+ Tại khu vực đô thị trung tâm (gồm cả khu vực trung tâm mở rộng), thực hiện di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp ra khỏi khu vực, ưu tiên dành mặt bằng cho phát triển không gian công cộng; tập trung thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, các ngành công nghiệp tham gia vào hoạt động sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, có sử dụng liên kết, hợp tác trong sản xuất.

+ Tại khu vực phía Tây Thủ đô, bao gồm Phúc Thọ, Quốc Oai, Thạch Thất và Chương Mỹ, tập trung thu hút đầu tư các dự án công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn và trí tuệ nhân tạo; công nghệ xanh; công nghiệp công nghệ sinh học phục vụ phát triển nông nghiệp; hoá dược-mỹ phẩm; công nghệ điện tử, cơ điện tử; chế tạo máy móc, cơ khí chính xác; vật liệu kỹ thuật, vật liệu mới; vật liệu xây dựng, nội thất cao cấp, CNHT.

+ Tại khu vực phía Nam Thủ đô, gồm các huyện Thanh Oai, Thường Tín, Phú Xuyên, Ứng Hoà và Mỹ Đức: chú trọng phát triển công nghiệp sinh học phục vụ phát triển ngành nông nghiệp công nghệ cao; chế biến nông sản, thực phẩm chất lượng cao gắn với vùng nguyên liệu, cơ khí chế tạo, điện tử; công nghiệp hỗ trợ phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

+ Tại khu vực phía Bắc Thủ đô, gồm 02 huyện Mê Linh và Sóc Sơn, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn; công nghệ xanh; cơ khí chế tạo; vật liệu kỹ thuật; hoá dược-mỹ phẩm; chế biến nông sản, thực phẩm chất lượng cao; các ngành công nghiệp hỗ trợ.

1.3. Phương hướng phát triển ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, nông dân văn minh, phát triển xanh, sinh thái và bền vững. Nông nghiệp là phần cốt lõi của kinh tế nông thôn cùng với các ngành tiểu - thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến và dịch vụ phụ trợ phục vụ nông nghiệp ... có quan hệ liên kết chặt chẽ trong kinh tế nông thôn của Thủ đô. Phát triển nông nghiệp đồng thời gắn với cảnh quan đô thị, khai thác được các nét đặc trưng truyền thống của Thủ đô, tăng diện tích cây xanh góp phần trung hòa carbon bảo vệ môi trường. Nông nghiệp Thủ đô đi đầu trong ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; phát huy lợi thế về thời tiết, khí hậu, thổ nhưỡng để phát triển các sản phẩm nông nghiệp chứa hàm lượng khoa học công nghệ cao phục vụ xuất khẩu tại chỗ, có vai trò dẫn dắt phát triển nông nghiệp phía Bắc và cả nước về cây, con giống, các quy trình kỹ thuật mới; người nông dân trở thành công nhân kỹ thuật nông nghiệp.

- Tốc độ tăng trưởng GRDP nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt bình quân từ 2,5-3%/năm. Tỷ lệ sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản ứng dụng công nghệ cao trên 70% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp. Diện tích sản xuất thực hành nông nghiệp tốt chiếm khoảng 30 - 40% tổng diện tích gieo trồng. Diện tích trồng trọt hữu cơ đạt khoảng 2-3% tổng diện tích gieo trồng. Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt khoảng 2% - 3% tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi. Diện tích nuôi thủy sản chuyển đổi theo hướng hữu cơ đạt 500 ha.

- Phát triển mô hình nông nghiệp đô thị tạo các sản phẩm nông nghiệp trong khu vực đô thị có công nghệ cao, giá trị cao, đồng thời tạo cảnh quan và phát triển không gian xanh đô thị; quan tâm phát triển các sản phẩm nông nghiệp đô thị truyền thống, đặc

trung của Hà Nội như: chè sen Tây Hồ, đào Nhật Tân, quýt Tứ Liên, hoa Tây Tựu, Mê Linh Phát triển mô hình nông nghiệp trải nghiệm phục vụ người dân Thành phố và khách du lịch trải nghiệm; người nông dân kiêm hướng dẫn du lịch và dịch vụ. Vùng sản xuất nông nghiệp ổn định, phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái, sản phẩm hữu cơ có giá trị cao, góp phần cân bằng khí thải carbon.

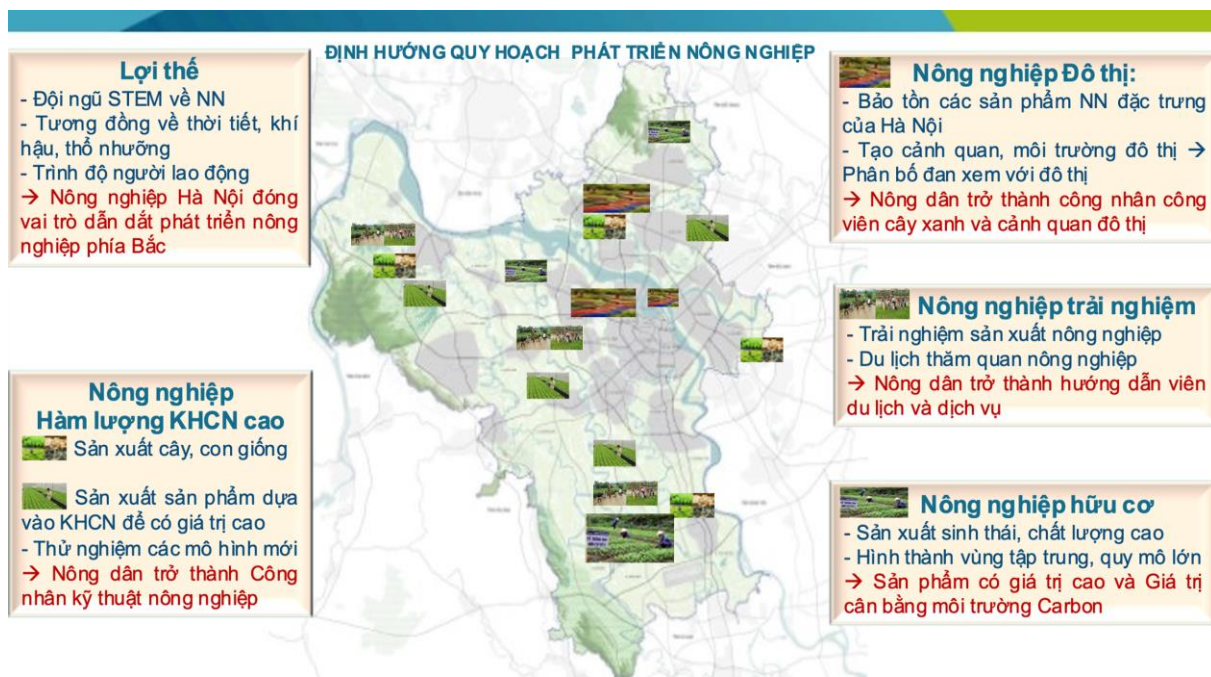
- Phát triển dịch vụ phục vụ nông nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, đặc biệt về máy móc, thiết bị sản xuất nông nghiệp, dịch vụ giống, phân bón, dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp, hướng tới thị trường Vùng và cả nước.

- Giảm dần diện tích trồng lúa, tăng cơ cấu giống chất lượng cao. Mở rộng diện tích gieo trồng rau, khuyến khích an toàn, rau hữu cơ. Tập trung trồng hoa, cây cảnh ở các huyện Đan Phượng, Phúc Thọ, Thạch Thất... Chú trọng cây trồng đặc sản địa phương có giá trị kinh tế cao như: nhãn chín muộn, bưởi Diễn, cam Canh, táo, ổi, chuối; tăng diện tích sản xuất quả an toàn được cấp giấy chứng nhận. Phát triển cây chè chất lượng cao khoảng tại Ba Vì, Sóc Sơn, Chương Mỹ, Quốc Oai.

- Đẩy nhanh phát triển các khu chăn nuôi tập trung, liên kết chăn nuôi theo chuỗi khép kín, chăn nuôi tuần hoàn, tập trung tại các huyện Phú Xuyên, Phúc Thọ, Ba Vì, Chương Mỹ, Quốc Oai, Ứng Hòa..., không khuyến khích phát triển thêm diện tích chăn nuôi, giảm dần và tiến tới không còn chăn nuôi nhỏ lẻ, trong khu dân cư.

- Khai thác hợp lý, hiệu quả không gian mặt nước; tiếp tục chuyển đổi một số diện tích đất vùng thấp, trũng sang nuôi trồng thủy sản; mở rộng các hình thức nuôi, phát triển nguồn lợi thủy sản trên hệ thống sông, ngòi, hồ... Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tự nhiên thuộc hai khu vực sông Đà và sông Hồng.

- Khai thác các tiềm năng sinh thái và khí hậu đặc thù của rừng quốc gia Ba Vì để phát triển thành Trung tâm nghiên cứu, bảo tồn đa dạng sinh học, là địa điểm tham quan động vật hoang dã (Safari), phát triển du lịch và nghỉ dưỡng. Phát triển mô hình Du lịch nghỉ dưỡng và lưu trú theo mô hình Phố trong rừng kèm theo cơ chế quản lý đồi rừng khu vực Sóc Sơn. Phát triển nguồn cây dược liệu đặc hữu vùng núi Ba Vì; cây dược liệu phục vụ chữa bệnh kết hợp du lịch nghỉ dưỡng khu vực rừng núi Hương Sơn.



Hình 3.6: Định hướng phát triển nông nghiệp Thủ đô

a) Các mô hình phát triển nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp theo mô hình ứng dụng công nghệ cao để phát triển các sản phẩm nông nghiệp chứa hàm lượng khoa học công nghệ cao, có vai trò dẫn dắt phát triển nông nghiệp phía Bắc như cây, con giống, các quy trình kỹ thuật mới để người nông dân trở thành công nhân kỹ thuật nông nghiệp.

- Phát triển nông nghiệp đô thị ở vùng có đô thị hóa cao với mục tiêu bảo tồn sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của Hà Nội, như Sen Hồ Tây, đào - quất Nhật Tân, Tứ Liên, hoa Tây Tựu, phát triển vùng hoa tập trung tại Mê Linh theo mô hình đô thị hóa; phát triển không gian cây trồng nông – lâm nghiệp liền kề các khu đô thị để hình thành vành đai xanh quanh các khu đô thị tập trung theo mô hình TOD tại các khu vực đô thị trung tâm mở rộng. Toàn bộ diện tích đất cho phát triển cây trồng nông, lâm nghiệp theo mô hình này được tính vào diện tích đất cây xanh cảnh quan đô thị, người nông dân được coi như người công nhân công viên cây xanh đô thị.

- Phát triển mô hình nông nghiệp trải nghiệm dành cho học sinh thành phố và khách du lịch trải nghiệm các quy trình thực hành sản xuất và làm quen với các cây trồng, vật nuôi nông nghiệp tại các khu vực Hà Đông, Gia Lâm, Đông Anh, Phúc Thọ, Mê Linh. Phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch thăm quan, thử nghiệm, mô hình nông nghiệp nhà vườn kết hợp kinh doanh dịch vụ theo mô hình “từ trang trại tới bàn ăn” ... tại Ba Vì, Phúc Thọ, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Chương Mỹ. Trong mô hình này, diện tích đất nông nghiệp đồng thời cũng có chức năng kết hợp thương mại dịch vụ, được phát triển hạ tầng phục vụ kinh doanh du lịch dịch vụ và người nông dân được xem như nhân viên kinh doanh dịch vụ du lịch.

- Mô hình sản phẩm nông nghiệp khoa học công nghệ: phát huy lợi thế là nơi tập trung đội ngũ các nhà khoa học và các trường, viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp hàng đầu, với điều kiện thời tiết, khí hậu, thổ nhưỡng khá tương đồng với các tỉnh trong vùng. Sản phẩm nông nghiệp Hà Nội sẽ là sản phẩm có giá trị cao vì chứa hàm lượng khoa học công nghệ cao; người nông dân sẽ trở thành người công nhân kỹ thuật giúp cho quá trình thực nghiệm và chuyển giao công nghệ, thử nghiệm và hướng dẫn quy trình sản xuất mới. Mô hình này sẽ được phát triển ở không gian nông nghiệp Gia Lâm, Phú Xuyên, Ứng Hòa, Chương Mỹ, Mê Linh, Phúc Thọ, Ba Vì. Đây mạnh các mô hình nông nghiệp công nghệ cao.

- Mô hình nông nghiệp hữu cơ ở vùng xa khu đô thị, xa khu dân cư nông thôn: Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm chất lượng cao, phục vụ nhu cầu tiêu dùng cao cấp của cư dân đô thị. Vùng lúa hữu cơ, có diện tích gieo trồng khoảng 1.000 ha chủ yếu tại các huyện Sóc Sơn, Quốc Oai, Ba Vì, thị xã Sơn Tây, huyện Chương Mỹ, Thanh Oai, Mỹ Đức. Diện tích gieo trồng rau hữu cơ khoảng 300 ha chủ yếu tại các huyện Sóc Sơn, Mê Linh, Gia Lâm, Ba Vì, Thạch Thất, Chương Mỹ, Đan Phượng. Diện tích gieo trồng chè hữu cơ khoảng 70 ha tập trung ở huyện Sóc Sơn, Ba Vì, Quốc Oai và thị xã Sơn Tây. Diện tích gieo trồng dược liệu hữu cơ khoảng 90 ha tại các huyện Sóc Sơn, Ba Vì, TX Sơn Tây, huyện Thường Tín, huyện Mỹ Đức, Quốc Oai và Phúc Thọ. Vùng sản xuất chăn nuôi hữu cơ tại các huyện Sóc Sơn, Gia Lâm, Ba Vì, Phúc Thọ, Đan Phượng và TX Sơn Tây, chủ yếu là bò, lợn và gia cầm. Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ khoảng 80 ha tại các huyện Mỹ Đức, Ba Vì, Quốc Oai, Chương Mỹ, Phúc Thọ, Phú Xuyên.

b) Các vùng sản xuất tập trung

- Vùng sản xuất lúa tập trung: Xây dựng các vùng sản xuất lúa tập trung chuyên canh tại các huyện với tổng diện tích khoảng 53.340 ha. Diện tích tập trung trung bình một vùng đạt từ 20 - 50 ha. Tại các vùng này sẽ sản xuất lúa chất lượng cao, lúa Japonica theo tiêu chuẩn xuất khẩu, mô hình sản xuất lúa theo VietGap.

- Vùng sản xuất rau tập trung: Xây dựng các vùng sản xuất rau tập trung tại các huyện với tổng diện tích khoảng 7.100 ha, trung bình các vùng có diện tích từ 10 - 15 ha, trong đó có vùng đạt diện tích trên 100 ha như Văn Đức - Gia Lâm, Tráng Việt - Mê Linh, Văn Nội - Đông Anh, Tân Minh - Thường Tín. Áp dụng các công nghệ tiên bộ vào canh tác; Sản xuất theo chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ rau như chuỗi sản xuất - tiêu thụ rau do HTX Thanh niên Văn Nội - Đông Anh; Chuỗi sản xuất tiêu thụ rau do HTX Đông Cao - Tráng Việt - Mê Linh, vận hành mô hình chuỗi trên rau áp dụng hệ thống đảm bảo có sự tham gia (PGS) giúp thu nhập của người sản xuất tăng lên nhờ tạo được lòng tin tiêu thụ rau an toàn cho người tiêu dùng do truy xuất được nguồn gốc sản phẩm đến hộ sản xuất.

- Vùng sản xuất hoa, cây cảnh tập trung: Xây dựng các vùng sản xuất hoa, cây cảnh tập trung tại các huyện với tổng diện tích khoảng 3.000 ha. Diện tích trung mỗi vùng từ 10 - 15 ha trong đó có một số vùng có diện tích trên 50 ha như xã Mê Linh, Văn Khê huyện Mê Linh, Hạ Mỗ, Tân Hội, Tân Lập huyện Đan Phượng, Tàm Xá huyện Đông Anh, Phù Đồng huyện Gia Lâm.

- Vùng sản xuất cây ăn quả tập trung: Xây dựng các vùng sản xuất cây ăn quả giá trị kinh tế cao tập trung với tổng diện tích khoảng 12.700 ha tại 16 huyện, thị. Diện tích trung bình một vùng từ 10-15 ha, có một số vùng có diện tích trên 50 ha như vùng trồng bưởi, vùng trồng ổi, vùng trồng nhãn tại Phúc Thọ, Hoài Đức, Quốc Oai, Chương Mỹ, Ba Vì, Thanh Trì, Thường Tín. Tại các vùng này trồng các loại cây ăn quả chính như cây có múi (bưởi, cam, quýt) ,ổi, táo, nhãn, thanh long, mít..... Áp dụng các biện pháp canh tác theo VietGap, hữu cơ... cho sản phẩm đạt chất lượng cao. Tiếp tục xây dựng các chuỗi sản xuất như chuỗi sản xuất và tiêu thụ chuối tại xã Thuận Mỹ - Ba Vì, chuỗi sản xuất và kinh doanh bưởi an toàn Quế Dương tại Cát Quế - Hoài Đức, chuỗi sản xuất và tiêu thụ nhãn chín muộn của HTX Đại Thành - Quốc Oai, chuỗi sản xuất và tiêu thụ bưởi Diễn của HTX nông nghiệp hữu cơ Nam Phương Tiến.

- Vùng sản xuất chè tập trung: Xây dựng các vùng sản xuất chè tập trung tại các huyện với tổng diện tích khoảng 1.700 ha. Diện tích thực hiện sản xuất chè an toàn, chè hữu cơ có xu hướng ngày càng mở rộng. Duy trì và phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ chè trên địa bàn các huyện Sóc Sơn, Chương Mỹ, Quốc Oai Ba Vì.

- Vùng chăn nuôi tập trung: Xây dựng các khu chăn nuôi tập trung ngoài khu dân cư với quy mô diện tích khoảng 4.000 ha tập trung tại các huyện Phú Xuyên, Phúc Thọ, Ba Vì, Chương Mỹ, Quốc Oai, Ứng Hòa... Tại các khu chăn nuôi sẽ chuyển dần từ sản xuất thương phẩm là chính sang sản xuất con giống chất lượng cao cung cấp cho Thành phố và các tỉnh khác trong vùng.

- Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung: Xây dựng các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại các huyện, thị với tổng diện tích khoảng 12.000 ha, chiếm 49% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của Thành phố. Các huyện có diện tích nuôi trồng thủy sản tập trung lớn là huyện Ứng Hòa 3.150 ha, Phú Xuyên 2.710 ha, Ba Vì 1.310 ha, Chương Mỹ 780 ha, Phúc Thọ 700 ha. Tổng diện tích ở các huyện chiếm khoảng 79% tổng diện tích nuôi trồng tập trung.

1.4. Phương hướng phát triển Kinh tế số

Đẩy mạnh triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số SMEdx; các chương trình hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp thông qua tích hợp, áp dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh.

Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp; khuyến khích phát triển các mô hình kinh doanh mới. Tham mưu thực hiện các hoạt động hỗ trợ xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, phát triển kinh tế số.

Thúc đẩy phát triển các nền tảng số, phù hợp với quy mô, ngành nghề và giai đoạn phát triển của doanh nghiệp. Triển khai phát triển các công cụ, nền tảng số hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số theo mô hình xã hội hóa.

Triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp về thuế, phí, lệ phí. Duy trì tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế điện tử, nộp thuế điện tử đạt 100%.

- *Phát triển thương mại điện tử*: Xây dựng, phát triển các hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ cho thương mại điện tử. Phát triển thanh toán số theo hướng phổ cập tài chính toàn diện, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, làng nghề truyền thống tại Hà Nội chuyển đổi số, làm kinh tế số. Hỗ trợ triển khai ứng dụng các nền tảng số (nền tảng mạng xã hội, nền tảng di động, ứng dụng bán hàng trực tuyến), sử dụng chữ ký số, hợp đồng điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Phối hợp với các sàn thương mại điện tử lớn, uy tín kết nối, hỗ trợ các hợp tác xã, doanh nghiệp, cá nhân lên sàn thương mại điện tử, mở rộng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ, sản phẩm OCOP, sản phẩm tiêu dùng.... Đẩy mạnh giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới giúp các doanh nghiệp thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa.

- *Phát triển công nghiệp ICT*: Hình thành hệ thống các khu công nghệ thông tin tập trung với quy mô hợp lý về diện tích mặt bằng, phân bố hợp lý về lĩnh vực chuyên môn. Ưu tiên bố trí tại khu vực vùng phía Bắc (bao gồm các huyện Sóc Sơn, Mê Linh) và khu vực phía Tây (bao gồm địa bàn Hòa Lạc, Xuân Mai và Ba Vì) để đảm bảo hiệu quả đầu tư, thu hút các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các sản phẩm công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông, phần mềm và nội dung số, Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo tạo ra các sản phẩm, dịch vụ Make in Viet Nam có giá trị kinh tế cao thúc đẩy phát triển kinh tế số của Thủ đô Hà Nội.

- *Phát triển công nghiệp phần cứng công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông*: Làm chủ một số thiết bị viễn thông, công nghệ số quan trọng góp phần chuyển đổi số như các thiết bị mạng 5G và các thế hệ tiếp theo, thiết bị IoT.

- *Phát triển công nghiệp phần mềm*: Phát triển các nền tảng, ứng dụng, giải pháp cho chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển các sản phẩm IoT nhằm thúc đẩy thông minh hóa trong các lĩnh vực sản xuất, y tế, nông nghiệp...

- *Phát triển dịch vụ công nghệ số*: Phát triển, cung cấp một số dịch vụ công nghệ thông tin có lợi thế cạnh tranh, có hàm lượng chất xám cao, được sử dụng nhiều trong các cơ quan nhà nước, dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây và các dịch vụ trên mạng có khả năng định hướng thông tin như mạng xã hội, công cụ tìm kiếm, các sản phẩm giải trí trên mạng.

- *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp công nghệ số*: hình thành các trường Đại học số; đẩy mạnh mô hình đào tạo trực tuyến

mở (MOOC); xây dựng và triển khai áp dụng chuẩn kỹ năng công nghệ số.... Đưa nội dung đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung, nâng cao kiến thức kỹ năng về quản lý, nghiệp vụ, các chuẩn, tiêu chuẩn, chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực công nghệ số vào các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Ưu tiên phát triển kinh tế số trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp; du lịch; giao thông; tài nguyên và môi trường.

2. Phương hướng phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội

2.1. Lĩnh vực văn hóa

- Phát huy mọi nguồn lực để phát triển văn hoá Thủ đô xứng tầm với truyền thống nghìn năm Thăng Long - Hà Nội, xây dựng Hà Nội thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hoá của cả nước, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, các xu hướng văn hóa thời đại để văn hóa trở thành nguồn lực, động lực phát triển mới cho Thủ đô. Phấn đấu đưa Thủ đô Hà Nội trở thành “Thành phố sáng tạo” của khu vực châu Á, thành phố kết nối toàn cầu trong lĩnh vực văn hóa, là trung tâm văn hóa, du lịch lớn đặc sắc, có sức cạnh tranh quốc tế.

- Chăm lo xây dựng con người Thủ đô hào hoa, thanh lịch, nghĩa tình, văn minh, tiêu biểu cho văn hoá, lương tri và phẩm giá con người Việt Nam. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, truyền thống văn hóa dân tộc, văn hóa Thăng Long - Hà Nội, khơi dậy niềm tin, khát vọng xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại.

- Xây dựng văn hóa công vụ, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, văn hóa nhân dân Thủ đô để tạo sự hấp dẫn cho các nhà đầu tư, du khách trong nước và quốc tế. Xây dựng các mô hình văn hóa tiêu biểu về thực hiện nếp sống văn minh gắn với việc thực hiện quy tắc ứng xử nơi công cộng. Quan tâm xây dựng môi trường văn hóa dành cho công nhân, người lao động làm việc tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề.

- Xây dựng, phát huy giá trị các không gian văn hóa, di tích văn hoá - lịch sử để phát triển du lịch, trong đó ưu tiên các không gian văn hoá đặc trưng Thăng Long - Hà Nội: không gian văn hóa khu vực phố cổ, phố cũ, kết nối khu vực cầu Long Biên lịch sử; không gian văn hóa khu vực Hoàng thành Thăng Long - Ba Đình - khu vực hồ Tây; không gian văn hóa công viên lịch sử Cổ Loa; không gian văn hóa đền Hát Môn (Phúc Thọ) kết nối đền Hai Bà Trưng (Mê Linh); không gian văn hóa xứ Đoài Sơn Tây, Ba Vì và vùng phụ cận; không gian di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh chùa Hương, Mỹ Đức; không gian văn hóa Tứ trấn Thăng Long.

- Thường xuyên thực hiện công tác xếp hạng các các cấp đối với hệ thống di tích văn hoá - lịch sử trên địa bàn. Trong đó, nghiên cứu, xác định một số không gian di sản, văn hóa đề nghị UNESCO công nhận là di sản thế giới như: quần thể di tích Cổ Loa; quần thể thắng cảnh Hương Sơn; khu di tích quần thể Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, K9 - Đá Chông; Cầu Long Biên... để bảo tồn, khai thác phát huy các giá trị di sản, xây dựng hình ảnh thành phố toàn cầu.

- Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, ưu tiên các di sản văn hóa được UNESCO ghi danh, di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt, bảo vật quốc gia, các di sản văn hóa thuộc Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, các di sản văn hóa tiêu biểu của cộng đồng dân tộc thiểu số trên địa bàn; giải quyết dứt điểm tình trạng lấn chiếm, xâm hại di tích, mở rộng không gian các hạng mục công trình phụ trợ, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và tạo lập môi trường cảnh quan thích hợp trong khu vực di tích.

- Chú trọng ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực văn hóa; phục dựng các di tích lịch sử, di sản văn hóa để tái hiện lịch sử, nâng tầm di sản bằng công nghệ. Thực hiện số hoá và lập bản đồ số các di tích được xếp hạng, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu; Phát triển hệ thống các thư viện số, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về văn hóa, nghệ thuật, đảm bảo kết nối, tích hợp đồng bộ với hệ cơ sở dữ liệu quốc gia, ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa.

- Phục hồi, tôn tạo, phát triển không gian văn hóa làng nghề, trong đó chú trọng các di tích liên quan đến giá trị văn hóa nghề, làng nghề truyền thống (nhà thờ tổ nghề, không gian, cảnh quan làng nghề...); khôi phục tổ chức các lễ hội, hoạt động văn hóa dân gian, hoạt động trải nghiệm phát huy các giá trị văn hóa của nghề và làng nghề trong xây dựng môi trường du lịch văn hóa, đồng thời tổ chức chuỗi giá trị, phát triển làng nghề gắn với du lịch, góp phần phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm làng nghề, làng cổ. Xây dựng Trung tâm “Tinh hoa Bách nghệ” (có chức năng bảo tồn, triển lãm di sản nghề thủ công truyền thống, thiết kế sáng tạo, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch).

- Hình thành một số công trình văn hóa mới của Thủ đô và cả nước, mang tính biểu tượng văn hóa có tầm cỡ khu vực và thế giới. Xây dựng một số công trình mang tính biểu tượng Thủ đô gắn với quảng trường và không gian lễ hội trên trục Hồ Tây - Cổ Loa, Hồ Tây - Ba Vì và các cầu qua sông Hồng.

- Phát triển các bảo tàng trở thành môi trường giáo dục, nghiên cứu về văn hóa của Thủ đô Hà Nội; là điểm đến du lịch hấp dẫn của khách du lịch trong nước và quốc tế. Xây dựng cơ sở dữ liệu số của bảo tàng theo hướng đồng bộ, hiện đại có khả năng liên kết, hợp tác quản lý và khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu số hóa tài liệu, hiện vật của hệ thống bảo tàng quốc gia, hệ thống bảo tàng chuyên đề. Đầu tư xây dựng, khai thác hiệu quả các bảo tàng, kết hợp không gian văn hoá - sáng tạo như Bảo tàng Hà Nội, Bảo tàng nhà máy Bia Hà Nội, Nhà máy Xe lửa Gia Lâm... Khuyến khích thành lập các bảo tàng tư nhân.

- Nâng cấp và cải tạo hạ tầng công nghệ thông tin của hệ thống thư viện công cộng nhằm tăng cường năng lực số hóa tài liệu và xử lý dữ liệu. Phát triển dữ liệu số ngành thư viện; xây dựng và phát triển nền tảng số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng... Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ thư viện trực tuyến. Đồng thời, chú trọng khai thác không gian bảo tàng, thư viện gắn với triển lãm, giới thiệu các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật và dịch vụ trải nghiệm.

- Từng bước xây dựng Thủ đô Hà Nội có thương hiệu trong khu vực và quốc tế về trao đổi tác phẩm mỹ thuật và tổ chức triển lãm trại sáng tác mỹ thuật, nhiếp ảnh quốc gia và quốc tế. Hình thành không gian triển lãm văn hóa nghệ thuật hai bên bờ sông Hồng; xây dựng các công trình mỹ thuật công cộng mang nét văn hóa biểu trưng của Thủ đô bố trí, tạo điểm nhấn cho không gian các đô thị cửa ngõ phía Bắc sông Hồng, phía Tây và phía Nam Thành phố, trục cảnh quan sông Hồng, sông Đáy, sông Tô Lịch... Xây dựng Trung tâm hội chợ, triển lãm quốc gia tại huyện Đông Anh.

- Đẩy mạnh phong trào văn hóa nghệ thuật quần chúng, nâng cao chất lượng hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp. Tổ chức đăng cai thường niên các sự kiện nghệ thuật biểu diễn quốc tế dân gian và hiện đại; phân đầu đưa một số sự kiện trở thành các thương hiệu mang tầm khu vực và quốc tế. Đầu tư xây dựng mới Nhà hát nghệ thuật tâm cỡ quốc gia tại khu vực quận Tây Hồ; nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị cho các nhà hát nghệ thuật truyền thống; xây dựng công trình Nhà hát nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Thành phố Hà Nội. Phát triển hệ thống rạp hát, sân khấu ngoài trời quy mô lớn đáp ứng yêu cầu tổ chức các sự

kiện nghệ thuật quốc gia và quốc tế trên cơ sở khai thác điều kiện tự nhiên các hồ lớn trên địa bàn Hà Nội (Hồ Tây, Hồ Đồng Mô...). Xây dựng Cung thanh niên tại quận Hoàn Kiếm.

- Phát triển mạng lưới quảng trường, công viên, phố đi bộ, mở rộng, nâng cấp công viên phục vụ nhu cầu vui chơi và giải trí cho người dân và khách du lịch (công viên Thống Nhất, công viên Thủ Lệ, Bách Thảo...). Xây mới các công viên văn hóa, vui chơi giải trí, thể thao gắn với trục cảnh quan sông Hồng; Phát triển không gian đi bộ khu vực Hồ Gươm, khu phố cổ Hoàn Kiếm, khu vực Hồ Tây, khu vực Văn Miếu và vùng phụ cận, khu vực hồ Ngọc Khánh, thành cổ Sơn Tây, dọc theo trục không gian văn hóa sông Hồng. ...

- Đầu tư công trình văn hóa nhằm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng các dân tộc thiểu số tại các huyện ngoại thành, miền núi và phục vụ khách du lịch như tại Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, Du lịch trải nghiệm tại cộng đồng các dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các huyện Ba Vì, Thạch Thất, Sơn Tây, Quốc Oai, Mỹ Đức. Hoàn thiện hệ thống các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa, thành phố sáng tạo; cung cấp dịch vụ lưu trú, nghệ thuật biểu diễn, trải nghiệm chế tác đồ thủ công và ẩm thực địa phương phục vụ khách du lịch tại các làng bản có cộng đồng dân tộc Mường và Dao sinh sống.

- Nghiên cứu chuyển đổi mô hình rạp chiếu phim công lập sang mô hình không gian văn hóa sáng tạo, triển lãm nghệ thuật. Khuyến khích phát triển mạng lưới các cơ sở chiếu phim trực tuyến, cơ sở đào tạo điện ảnh tư nhân, cung cấp các giải pháp phát triển hạ tầng kỹ thuật điện ảnh hiện đại. Hình thành không gian tổ chức các sự kiện điện ảnh quy mô như: liên hoan phim, trao giải thưởng điện ảnh quốc gia và quốc tế ở thành phố phía Bắc sông Hồng.

- Từng bước phát triển toàn diện ngành công nghiệp văn hóa Thủ đô cả về quy mô, chất lượng sản phẩm, dịch vụ và thị trường, bảo đảm phát triển bền vững, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, xây dựng và phát triển thương hiệu “Thành phố sáng tạo Hà Nội”. Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng hoàn thiện thị trường văn hóa, thực thi quyền sở hữu trí tuệ và các quyền liên quan, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa và văn hóa sáng tạo của Thủ đô có sẵn lợi thế cạnh tranh và tiềm năng phát triển mạnh mẽ: Du lịch văn hóa; Thủ công mỹ nghệ; Nghệ thuật biểu diễn; Điện ảnh; Thiết kế; Âm thực; Phần mềm và trò chơi giải trí. Đẩy mạnh liên kết vùng trong phát triển công nghiệp văn hóa.



Hình 3.7: Định hướng quy hoạch không gian văn hóa hướng đến phát triển công nghiệp văn hóa, đô thị sáng tạo

- Xây dựng và phát triển không gian văn hóa sông Hồng với các đặc trưng văn hóa nổi bật được hình thành bởi văn hóa Thăng Long và 4 tiểu vùng văn hóa: xứ Đoài, xứ Bắc (Kinh Bắc), xứ Đông (hướng biển) và xứ Sơn Nam. Xây dựng xã đảo Minh Châu thành không gian văn hóa tiêu biểu, đặc sắc phục vụ du lịch trải nghiệm. Hình thành con đường di sản dọc hai bên sông tái hiện lịch sử ngàn năm dựng nước và giữ nước, giới thiệu cảnh quan, đất nước con người, hình ảnh các các vùng, miền của Tổ quốc, kết hợp xây dựng công viên văn hóa, vui chơi giải trí.

- Hạn chế xây dựng những công trình văn hóa, thể thao cao tầng, ưu tiên nguồn lực bảo tồn di sản văn hóa khu phố cổ, khu phố mang dấu ấn văn hóa những năm đầu của thế kỷ XX tại khu vực nội đô lịch sử. Ưu tiên phát triển hệ thống vườn hoa, công viên, khu vui chơi, giải trí trên địa bàn thành phố, nhất là tại các khu vực có mật độ tập trung dân cư cao.

2.2. Giáo dục và đào tạo

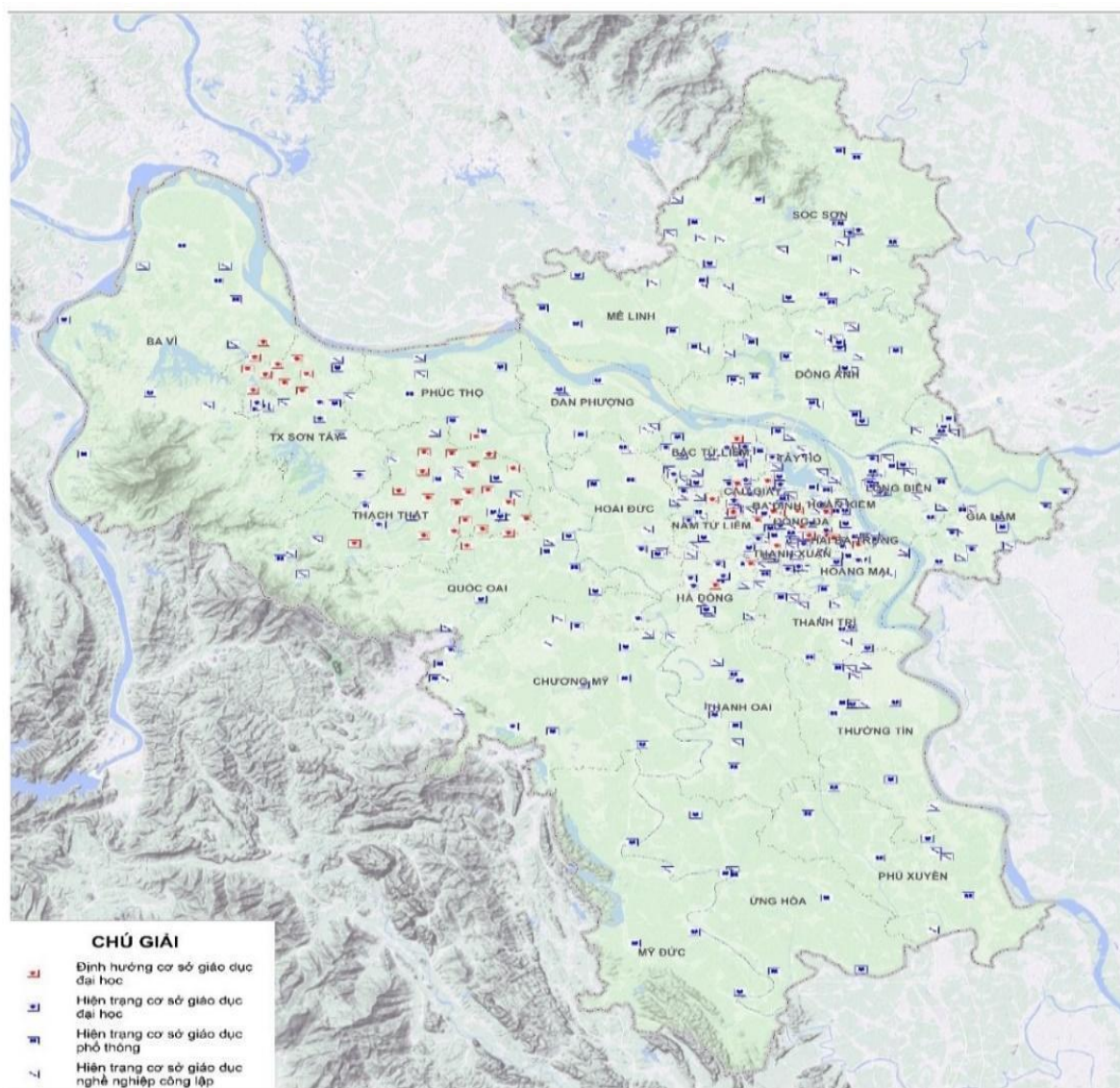
- Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo toàn diện. Xây dựng Thủ đô Hà Nội thực sự là trung tâm lớn, tiêu biểu của cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao, thích ứng với quá trình chuyển đổi số quốc gia, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế... Có cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo; hệ thống trường có nhiều cấp học, trường chất lượng cao; các loại hình liên kết đào tạo trong nước và quốc tế.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo toàn diện, bảo đảm công bằng trong hưởng thụ các thành quả giáo dục.

- Phát triển giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc tế; đột phá trong phát triển giáo dục thông minh. Quan tâm phát triển giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người yếu thế nhằm xây dựng xã hội học tập suốt đời. Thực hiện tốt chương trình hướng nghiệp cho học sinh; xây dựng xã hội học tập suốt đời.

- Đẩy mạnh ứng dụng thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ số trong quản lý, hoạt động dạy và học; đầu tư xây dựng các trung tâm dữ liệu tích hợp, các hệ thống hỗ trợ hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả. Các cơ sở giáo dục và đào tạo là các đơn vị tiên phong triển khai áp dụng công nghệ số, tạo môi trường hình thành thể hệ công dân số và doanh nghiệp số trong tương lai.

- Phát triển mạng lưới, quy mô cơ sở giáo dục các cấp theo hướng hiện đại, chuẩn hóa; đảm bảo xây dựng trường mầm non, trường phổ thông phù hợp với quy mô, khả năng tiếp cận và nhu cầu học tập của nhân dân, đặc biệt là tại các địa bàn đông dân cư, khu công nghiệp... Phát triển các trường phổ thông liên cấp chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế tại khu vực ven đô. Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành các trung tâm giáo dục hòa nhập, chuyên biệt tại khu vực phía Bắc Thủ đô. củng cố các cơ sở giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng.



Hình 3.8: Quy hoạch mạng lưới giáo dục và đào tạo

- Bảo đảm liên kết, đồng bộ và hệ thống giữa giáo dục đại học của Thủ đô Hà Nội với giáo dục đại học của các vùng và trong cả nước. Tập trung đầu tư một số cơ sở giáo dục đại học xuất sắc, đại học trọng điểm.

- Điều chỉnh phân bố mạng lưới các trường đại học, cao đẳng hợp lý ra khỏi khu vực đô thị trung tâm, phân bố tại các thành phố trực thuộc Thủ đô và các đô thị vệ tinh, đặc biệt là thành phố phía Tây với hạt nhân là khu vực Hòa Lạc.

- Sắp xếp, tổ chức lại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu quả, có phân tầng chất lượng, bảo đảm quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, đa dạng, linh hoạt có quy mô hợp lý, phù hợp với yêu cầu phát triển của trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, ưu tiên các ngành quan trọng trên địa bàn, có phân tầng chất lượng. Xây dựng hệ thống cơ sở đào tạo nghề đạt chuẩn, tiên tiến và hiện đại. Đầu tư xây dựng 01 trường thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao; 01 trường thực hiện chức năng trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao; 12 trường chất lượng cao, trong đó 8 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, có 02 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20.

2.3. Phương hướng phát triển Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Phát triển đồng bộ, toàn diện lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe theo hướng hiện đại, dự phòng từ sớm, chủ động, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe người dân ở tất cả các tuyến. Xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm y tế lớn của cả nước, tập trung phát triển một số lĩnh vực trình độ công nghệ thế giới; gắn phát triển dịch vụ y tế với du lịch khám, chữa bệnh và nghỉ dưỡng; tăng cường ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh khám chữa bệnh từ xa; kết nối nhanh, hiệu quả dịch vụ khám, chữa bệnh giữa hệ thống y tế thành phố với hệ thống y tế trung ương; phát triển hệ thống y tế gia đình. Phát triển nguồn nhân lực y tế, nhất là đào tạo đội ngũ bác sĩ, dược sĩ có chất lượng cao.

- Thực hiện đa dạng hóa các loại hình khám chữa bệnh; phát triển dịch vụ du lịch khám chữa bệnh, một số lĩnh vực y học chất lượng cao, y học mũi nhọn đáp ứng yêu cầu của nhân dân và thu hút khách quốc tế.

- Tăng khả năng tiếp cận và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh các cấp và hệ thống đánh giá phản hồi của người dân.

- Tăng cường ứng dụng và thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế. Xây dựng và triển khai nền tảng hỗ trợ tư vấn, khám chữa bệnh từ xa kết nối bệnh viện với bệnh viện, bệnh viện tuyến trên với tuyến dưới giúp giảm tải các cơ sở y tế; xây dựng và triển khai hồ sơ bệnh án điện tử; phát triển các nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu.

- Đầu tư phát triển các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa cấp thành phố trở thành bệnh viện tuyến cuối thuộc cấp chăm sóc chuyên sâu. Nâng cấp, cải tạo các bệnh viện, cơ sở y tế hiện có, đảm bảo khả năng tiếp cận thuận lợi của người dân đối với các dịch vụ kỹ thuật chăm sóc cơ bản, nhất là tại các khu vực có mật độ dân số đông. Huy động nguồn lực xã hội hóa xây mới 02 bệnh viện đa khoa (tại huyện Gia Lâm, huyện Thạch Thất); bệnh viện chuyên ngành Lão khoa Hà Nội (huyện Sóc Sơn), bệnh viện chuyên ngành Nội tiết Hà Nội (quận Bắc Từ Liêm). Sử dụng ngân sách xây mới bệnh viện Mắt thành phố (quận Hà Đông), bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Hà Nội (huyện Mê Linh), bệnh viện đa khoa (huyện Ứng Hòa), bệnh viện Nhi Hà Nội (quận Hà Đông) và bệnh viện Thận Hà Nội cơ sở 2 (quận Hà Đông). Di chuyển các cơ sở y tế điều trị các bệnh truyền nhiễm, mức độ lây nhiễm cao ra khỏi nội đô.

- Tiếp nhận một số bệnh viện của bộ, ngành đóng trên địa bàn (Bệnh viện Xây dựng, Bệnh viện Nông nghiệp, Bệnh viện Than khoáng sản, Bệnh viện Bưu điện, Bệnh viện Thể thao, Bệnh viện Dệt may).

- Đầu tư phát triển Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội ngang tầm khu vực, kết nối với mạng lưới kiểm soát bệnh tật thế giới và Trung tâm ứng phó với tình trạng y tế khẩn cấp của khu vực hoặc quốc tế đặt tại Việt Nam; phát triển trung tâm điều hành về y tế khi ứng phó với dịch bệnh quốc gia khẩn cấp.

- Tập trung nâng cấp Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm thành phố Hà Nội trở thành Trung tâm kiểm nghiệm vùng Đồng bằng sông Hồng; phát triển chuyên môn sâu trong lĩnh vực kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế.

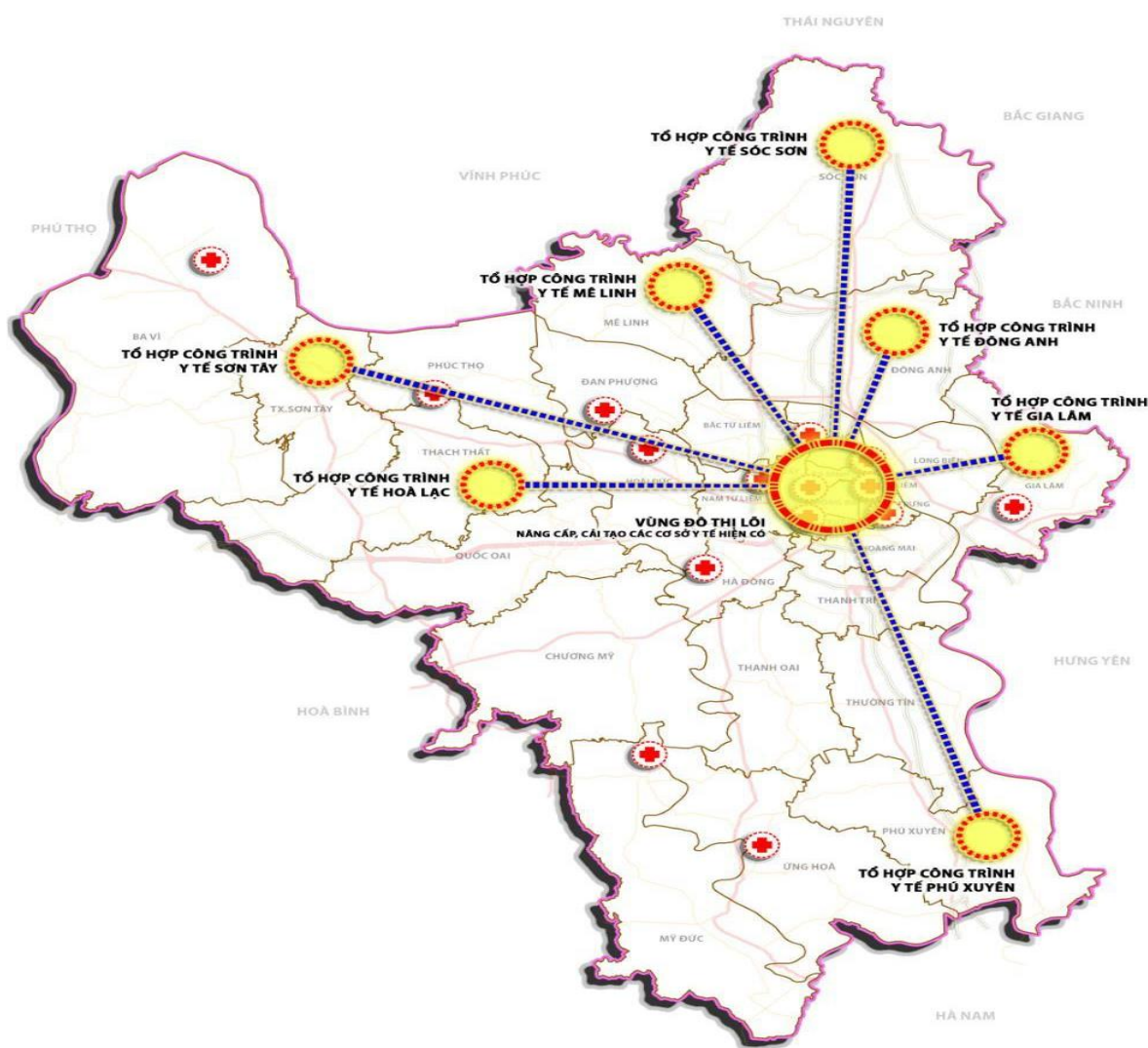
- Kiện toàn Trung tâm Giám định y khoa thành phố để đảm bảo chức năng chuyên trách về giám định y khoa theo quy định.

- Phát triển cơ sở đồng bộ về nghiên cứu - đào tạo - khám chữa bệnh chất lượng cao, gồm: (1) Tổ hợp công trình y tế Phú Xuyên là Trung tâm y tế vùng; (2) Tổ hợp công trình y tế Sóc Sơn; (3) Tổ hợp công trình y tế Hòa Lạc (4) Tổ hợp công trình y tế tại Sơn Tây; (5) Tổ hợp công trình y tế tại Gia Lâm.

- Đầu tư hệ thống bệnh viện quận/huyện thành bệnh viện đa khoa hoàn chỉnh; nâng cấp các trung tâm y tế quận/huyện đảm bảo đủ năng lực đáp ứng theo quy định. Khuyến khích phát triển cơ sở y tế ngoài công lập cung ứng các dịch vụ chất lượng cao.

- Đối với các cơ sở y tế cấp quốc gia và liên ngành: Thực hiện theo định hướng và phương án phát triển của Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đảm bảo đủ quỹ đất cho các cơ sở y tế cấp quốc gia do Bộ Y tế quản lý và cơ sở y tế ngành có vị trí không gian đặt trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Quy hoạch tổng thể quốc gia đã được phê duyệt.

- Chú trọng, phát triển cấp cứu ngoại viện bảo đảm khả năng tiếp nhận và vận chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong khoảng thời gian ngắn nhất.



SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN Y TẾ

Hình 3.9: Sơ đồ định hướng quy hoạch mạng lưới y tế Thủ đô Hà Nội

2.4. Dân số, lao động, việc làm, ASXH và bảo trợ xã hội

- Thủ đô Hà Nội phấn đấu dẫn đầu cả nước về bảo đảm an sinh xã hội toàn diện, bao trùm, bền vững; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống nhân dân. Thúc đẩy giảm nghèo đa chiều, bền vững; Thực hiện kịp thời, đầy đủ, linh hoạt các chế độ, chính sách và huy động nguồn lực xã hội hóa chăm lo cho người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội. Xây dựng môi trường an toàn, thân thiện, lành mạnh để mọi trẻ em được phát triển toàn diện, trở thành công dân toàn cầu. Đảm bảo bình đẳng giới về cơ hội và thụ hưởng thành quả phát triển. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, tiến tới ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Xây dựng và phát triển nền tảng số thúc đẩy thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội, tạo lập và duy trì cơ sở dữ liệu đầy đủ, kịp thời về đối tượng lao động và đối tượng chính sách trên địa bàn Thủ đô; thúc đẩy, khuyến khích các hình thức giao dịch điện tử, trực tuyến và trực tiếp, giảm các khâu trung gian.

- Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội đa dạng về loại hình, phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn, tương xứng với khả năng, điều kiện phát triển kinh tế, quy mô dân số và số lượng người dân có nhu cầu trợ giúp xã hội, đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, đảm bảo hiệu quả trong cung cấp dịch vụ trợ giúp. Quy hoạch giữ nguyên 06 Trung tâm điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công. Nâng cao hoạt động hiệu quả của 11 cơ sở bảo trợ xã hội công lập; khuyến khích xã hội hóa để phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi, viện dưỡng lão theo tiêu chuẩn các nước phát triển, đáp ứng nhu cầu của Nhân dân.

- Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo trong nền kinh tế đạt 85% năm 2030; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 62% năm 2030. Thực hiện đào tạo cho khoảng 260 nghìn lượt người mỗi năm vào năm 2030 và các giai đoạn tiếp theo. Tăng tỷ lệ lao động được đào tạo, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ của lao động có việc làm lên mức 50% năm 2030. Nâng cấp, mở rộng hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm; hiện đại hóa thị trường lao động, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về lao động việc làm trên địa bàn, kết nối liên thông với vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước; bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 20 nghìn lượt người trong cả giai đoạn.

- Chuyển dịch tích cực cơ cấu lao động, giảm dần lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản xuống còn 5%, tăng dần và duy trì tỷ lệ lao động làm việc trong công nghiệp - xây dựng ở mức 35%, và tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực dịch vụ lên mức 60% vào năm 2030 và lần lượt là 2%, 25% và 73% vào năm 2050.

2.5. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Xây dựng Thủ đô Hà Nội là trung tâm khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo quốc gia, dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo của vùng đồng bằng sông Hồng, vùng động lực phía Bắc và cả nước, ngang tầm các nước trong khu vực và thế giới ở một số lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh, là động lực chính để phát triển kinh tế, xã hội.

- Phấn đấu đầu tư cho khoa học công nghệ đạt 2% GRDP, trong đó đóng góp của xã hội cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt 70%. Năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng GRDP tăng bình quân 2-3%/năm, đến năm 2030 đạt ở mức 57- 58%. Giá trị giao dịch hàng hóa khoa học và công nghệ hàng năm tăng bình quân đạt 35%, trên 40% đối với một số lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực của Thủ đô. Số lượng công bố quốc tế tăng trung bình

12%/năm, số lượng đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 18%/năm; tỷ lệ sáng chế được khai thác, thương mại hóa đạt ít nhất 10% số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ. Đến năm 2030, Thủ đô Hà Nội thuộc nhóm dẫn đầu các thành phố khu vực ASEAN về trình độ sáng tạo, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ; tài sản trí tuệ mới của cá nhân, tổ chức gia tăng đáng kể về số lượng và chất lượng, góp phần cải thiện vượt bậc các chỉ số về sở hữu trí tuệ của Việt Nam trong chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII).

- Phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; phát triển hạ tầng thông tin và thống kê khoa học công nghệ theo hướng hiện đại hóa, đa dạng hóa. Tham gia phát triển tri thức Việt số hóa để thiết lập hạ tầng nền tảng, dữ liệu lớn, chia sẻ dữ liệu phục vụ quá trình chuyển đổi số quốc gia, tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0. Coi doanh nghiệp công nghệ số là lực lượng chủ chốt hàng đầu, thực hiện vai trò dẫn dắt về hạ tầng công nghệ, nền tảng cho nền kinh tế số, xã hội số ở Thủ đô.

- Hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ được cơ cấu lại gắn với định hướng ưu tiên phát triển của Thủ đô theo hướng liên kết, tiếp cận chuẩn mực quốc tế. Đến năm 2030, có ít nhất 5 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới. Số doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp khoa học và công nghệ và số doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tăng 4 lần so với năm 2020; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 70% trong tổng số doanh nghiệp. Nhân lực khoa học và công nghệ (quy đổi toàn thời gian) đạt trên 14 người/vạn dân, chú trọng phát triển nhân lực khoa học và công nghệ trong khu vực doanh nghiệp.

2.6. Phương hướng phát triển thể dục, thể thao

- Xây dựng và phát triển nền thể dục thể thao Thủ đô tiên tiến, hiện đại, khoa học và nhân dân. Coi thể dục thể thao là trụ cột trong phát triển bền vững, đầu tư thể dục thể thao là đầu tư cho con người, nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực, tâm vóc, chất lượng cuộc sống và kéo dài tuổi thọ của người dân Thủ đô.

- Phát triển mạng lưới cơ sở thể dục thể thao đồng bộ, hiện đại, có một số công trình xây dựng đạt tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm các điều kiện để sẵn sàng đăng cai tổ chức thành công các sự kiện thể thao lớn của Châu Á và thế giới. Giữ vững vị trí dẫn đầu cả nước về thành tích thể thao tại các kỳ đại hội thể dục thể thao toàn quốc, các kỳ đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games) châu Á (ASIAD) và Thế giới (Olympic).

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động thể dục, thể thao quần chúng. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học cho thanh thiếu niên, học sinh.

- Tận dụng khai thác và phát huy có hiệu quả hệ thống cơ sở thể dục thể thao quốc gia, cơ sở thể dục thể thao thuộc sự quản lý của các bộ ngành, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các doanh nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội. Xây dựng Khu liên hợp thể thao quốc gia mới tại thành phố phía Bắc, tổ hợp thể thao Mỹ Đình, Trịnh Hoài Đức, Hà Đông là các công trình thể thao cấp Thành phố. Xây dựng khu Liên hiệp thể thao dịch vụ thương mại quốc tế tại Mê Linh, Trung tâm thể thao tại thành phố phía Tây (bao gồm vùng Hoà Lạc, Xuân Mai) đáp ứng nhu cầu tập luyện và thi đấu thể thao của sinh viên các trường đại học và công nhân làm việc tại các cơ sở công nghiệp.

- Rà soát bổ sung mạng lưới cơ sở sân golf trên nguyên tắc đảm bảo dòng chảy thoát lũ, bố trí xen kẽ, tạo hành lang xanh, bố trí xen kẽ, nhằm tạo hành lang xanh đồng thời phát triển các loại hình dịch vụ thể thao, phục vụ tổ chức hoạt động văn hóa du lịch

tại các không gian được mở rộng trên hướng trục sông Hồng (Mê Linh, Sóc Sơn, Đông Anh,...), trục sông Đáy, kết nối với các hệ thống cơ sở sân golf hiện có.

- Củng cố, hoàn thiện mạng lưới cơ sở TDTT tuyến quận, huyện, thị xã, xây dựng các Trung tâm văn hóa, thông tin, thể thao có đủ 3 công trình thể thao cơ bản là sân vận động, nhà tập luyện, thi đấu và bể bơi.

- Bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian ở các khu vực trọng điểm phát triển văn hóa, du lịch: trục văn hóa Sông Hồng, trục văn hóa Hồ Tây-Ba Vì, trục văn hóa Trung tâm nội đô- các huyện phía Nam, trục văn hóa Sông Đáy. Phát triển các môn thể thao mạo hiểm (dù lượn, nhảy dù, leo núi, đua xe địa hình, các môn thể thao động vật,...) ở các huyện Ba Vì, Sóc Sơn, Mỹ Đức.

3. Phương hướng đảm bảo quốc phòng, an ninh và tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế

3.1. Về đảm bảo an ninh, quốc phòng

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn, giữ vững quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự xã hội trong mọi tình huống. Chủ động nắm bắt, xử lý có hiệu quả các vấn đề trọng yếu về quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và các tác động trực tiếp bởi yếu tố bất ổn, khó lường của khu vực và thế giới để giữ vững ổn định, phát triển kinh tế, xã hội.

- Thấm định chặt chẽ các chương trình, đề án, dự án, hợp tác quốc tế, đầu tư nước ngoài, chuyển nhượng cổ phần, góp vốn, mua phần vốn góp của các tổ chức, cá nhân có yếu tố nước ngoài đối với các dự án không để ảnh hưởng, tác động đến không gian quy hoạch, các khu vực địa hình có giá trị chiến lược, chiến dịch, chiến thuật trọng yếu trong thế bố trí khu vực phòng thủ quốc phòng, an ninh, đảm bảo phát triển kinh tế-xã hội Thủ đô gắn với tăng cường tiềm lực về quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh, xây dựng vững chắc thể trận lòng dân; đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ các cấp, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh; chú trọng xây dựng các công trình có tính lưỡng dụng cao. Thấm định chặt chẽ các chương trình, đề án, kế hoạch, quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực chiến lược về quốc phòng, an ninh; bảo đảm phát triển kinh tế Thủ đô với quy hoạch tổng thể bố trí thể trận quốc phòng, an ninh trong khu vực phòng thủ, hạn chế việc quy hoạch đơn phương chồng chéo.

- Triển khai quyết liệt các giải pháp trong phòng ngừa, đấu tranh, trấn áp, điều tra, xử lý các loại tội phạm. Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, các đối tượng cơ hội chính trị phản động. Tăng cường rà soát, triệt phá các băng, nhóm tội phạm có tổ chức; tội phạm xuyên quốc gia; tội phạm sử dụng công nghệ cao; tội phạm kinh tế, môi trường, ma túy; tội phạm có tính côn đồ, xã hội đen...

- Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh trong khu vực phòng thủ. Lực lượng vũ trang các cấp tập trung tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cấp mình đổi mới tư duy, nội dung, phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ này; không chỉ kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh đơn thuần, mà phải đặt trong mối quan hệ tổng thể kết hợp kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh, đối ngoại và ngược lại, nhằm tạo tiềm lực, động lực trên các lĩnh vực thúc đẩy Thủ đô phát triển toàn diện theo đúng chủ trương, quan điểm của Đảng. Thực hiện và hoàn

thành các quy hoạch quốc phòng, đảm bảo vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội theo quy định.

- Tăng cường, tuyên truyền công tác đối ngoại quốc phòng xây dựng tình đoàn kết hữu nghị với nhân dân các nước theo quan điểm, đường lối, phương châm đối ngoại của Đảng, nhất là trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và trên Biển Đông. Tổ chức tiếp đón chu đáo các đoàn công tác nước ngoài đến thăm và làm việc, tham quan tại Thủ đô Hà Nội; thúc đẩy công tác ngoại giao nhân dân.

3.2. Phương hướng tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế

- Nắm bắt tình hình, chủ động nghiên cứu, coi trọng công tác nghiên cứu, phân tích chiến lược và dự báo xu thế quốc tế để triển khai kịp thời các hoạt động, dự báo đúng đắn góp phần tạo môi trường hòa bình, ổn định và khuôn khổ pháp lý thuận lợi cho hoạt động kinh tế đối ngoại, thúc đẩy các hoạt động kinh tế đối ngoại, phát triển Thủ đô bền vững, có chiều sâu.

- Khai thác cơ hội, tranh thủ điều kiện thuận lợi của môi trường quốc tế tiếp tục đẩy mạnh hội nhập và phát triển. Bám sát các nhiệm vụ đối ngoại trọng tâm của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là đường lối đối ngoại theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, xác định mục tiêu đối ngoại trong từng lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Xây dựng các kế hoạch đối ngoại bám sát thực tế, có tính thống nhất và bổ trợ lẫn nhau, hướng đến mục tiêu phát triển Thủ đô Văn hiến - Văn minh - Hiện đại.

- Cùng với các hoạt động đối ngoại truyền thống, tiếp tục đổi mới sáng tạo trong xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động, chương trình đối ngoại với các hình thức đa dạng, đổi mới, phù hợp với hoàn cảnh mới; đẩy mạnh ứng dụng các hình thức công nghệ, chuyển đổi số trong tổ chức các hoạt động đối ngoại.

- Tổ chức các hoạt động đối ngoại có chọn lọc, ưu tiên phù hợp với thế mạnh của đối tác và nhu cầu của thành phố. Duy trì một cách tích cực các cam kết quốc tế đã thiết lập, tranh thủ điều kiện thuận lợi để tăng cường hiệu quả, làm sâu sắc hơn các mối quan hệ song phương và đa phương giữa thành phố Hà Nội với các thành phố, địa phương trên thế giới và các tổ chức quốc tế, bám sát và phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô trong từng thời kỳ. Tiếp tục tham gia, đóng góp tích cực vào các hoạt động ngoại giao kinh tế, vào các tổ chức quốc tế liên khu vực, thực hiện tốt các nội dung, dự án hợp tác, giao lưu kinh tế, văn hóa, nghệ thuật phù hợp với mục tiêu, nội dung, chức năng và nguyên tắc hoạt động của các tổ chức.

- Tiếp tục tăng cường hiệu quả phối hợp giữa các cấp các ngành để tạo bước tiến mạnh mẽ về thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại, quảng bá hình ảnh, phát triển văn hóa - xã hội, từng bước tạo dấu ấn riêng của thành phố Hà Nội. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương trong những vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách phát triển Thủ đô. Huy động tổng hợp nguồn lực trong và ngoài nước để xây dựng Hà Nội trở thành đô thị xanh, thành phố thông minh, hiện đại, có sức cạnh tranh cao trong nước và khu vực.

3.3. Phương án đảm bảo bố trí quỹ đất an ninh, quốc phòng

Triển khai bố trí quỹ đất thực hiện quy hoạch sử dụng đất an ninh với một số nội dung cụ thể như sau:

(1). Tiếp tục quy hoạch sử dụng đất an ninh đối với các địa điểm do Công an thành phố Hà Nội quản lý, sử dụng.

(2). Cập nhật lại diện tích đất an ninh do một số vị trí có một phần diện tích nằm trong chỉ giới đường đỏ hoặc chỉ giới thu hồi khác.

(3). Đưa ra khỏi quy hoạch sử dụng đất an ninh đối với 05 vị trí: Trụ sở CATP Hà Nội (Đội CSGT số 10 cũ) tại đường Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông; Trại Tạm giam Xã Tắc tại Phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây; Nhà khách Trại tạm giam Xã Tắc tại Phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây; CAP Hàng Đào tại số 2 Hàng Cá; CAP Điện Biên Phủ tại số 16 Điện Biên Phủ.

(4). Quy hoạch bổ sung phần đất khác và phần mở rộng vào mục đích an ninh đối với 05/07 vị trí là đất giao hàng nằm nằm trong quy hoạch. Quy hoạch bổ sung phần đất khác vào mục đích an ninh đối với một số vị trí không đảm bảo tiêu chuẩn định mức sử dụng đất đối với 16 vị trí thuộc Bộ Công an quản lý.

(5). Bố trí các địa điểm đất thực hiện quy hoạch mới khoảng 693 địa điểm đất an ninh, trong đó có 628 địa điểm đất an ninh của CATP Hà Nội và 65 địa điểm đất an ninh của Bộ Công an.

(6). Nghiên cứu bố trí quỹ đất xây dựng trụ sở Công an xã; trụ sở cho lực lượng Công an đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ tại các KCN, khu chế xuất, sân bay; đất xây dựng trụ sở cho lực lượng Công an đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, cứu hộ cứu nạn tại các tuyến đường cao tốc bố trí tại các trạm dừng nghỉ.

Đối với phương án sử dụng đất cho mục đích đảm bảo quốc phòng, thực hiện theo phương án quy hoạch riêng của Bộ Quốc phòng.

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng một cách tổng thể, đồng bộ, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với xu thế phát triển khoa học công nghệ, phát triển hạ tầng xanh, thông minh. Ưu tiên phát triển hạ tầng trọng yếu về giao thông, năng lượng, hạ tầng ứng phó biến đổi khí hậu, hạ tầng đô thị, hạ tầng số tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường sắt, đường thủy nội địa, cảng cạn, cảng hàng không: Thực hiện theo Quy hoạch tổng thể quốc gia và các Quy hoạch ngành quốc gia.

a) Về đường bộ

- Hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc, gồm 08 tuyến cao tốc hướng tâm, 03 tuyến cao tốc vành đai của thành phố; 02 tuyến cao tốc đô thị; ưu tiên nâng cấp mở rộng cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Pháp Vân - Cầu Giẽ. Từng bước nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ trong phạm vi vành đai 4 đạt tiêu chuẩn đường đô thị.

- Xây dựng, hoàn thiện 11 tuyến quốc lộ trên địa bàn, nâng cấp các đoạn tuyến đi qua khu vực đô thị theo quy mô đường đô thị.

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo đồng bộ, hiện đại hóa 39 tuyến đường tỉnh hiện có, xây mới 07 tuyến đường tỉnh, hệ thống đường liên huyện, đường huyện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển các tuyến trục chính đô thị, trục cảnh quan đô thị và trục phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng các nút giao thông khác mức tại các giao cắt của hệ thống đường vành đai, đường trục chính đô thị. Hoàn thiện hệ thống cầu vượt sông Hồng, sông Đà, sông Đuống, nghiên cứu phương án kết hợp hệ thống cầu đường sắt và cầu đường bộ vượt sông. Xây dựng trục Hồ Tây – Cổ Loa kết hợp cầu đi bộ và

vận tải nhẹ qua sông Hồng, là nơi tổ chức các sự kiện và lễ hội. Hoàn thành các trục Tây Thăng Long, trục Hồ Tây – Ba Vì; đường trục Bắc Nam và đường kết nối khu vực Ứng Hòa, Phú Xuyên. Xây dựng đường trên cầu cạn dọc hai bên sát mép nước sông Hồng làm trục giao thông du lịch và không gian đi bộ ngắm cảnh và tổ chức các hoạt động văn hóa, lễ hội.

- Từng bước chuyển đổi các bến xe trong khu vực vành đai thành bãi đỗ xe hiện đại, thông minh, tiết kiệm quỹ đất; đầu tư hệ thống bến xe liên tỉnh mới phù hợp với quá trình mở rộng và phát triển của đô thị. Bố trí quỹ đất hợp lý để xây dựng các điểm đỗ xe, bãi đỗ xe trên địa bàn thành phố phù hợp nhu cầu từng khu vực, gắn với hệ thống công trình dịch vụ, công viên cây xanh. Phát triển hệ thống giao thông tỉnh trên cơ sở khai thác không gian ngầm kết hợp các công trình thương mại, dịch vụ tập trung.

- Phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khu vực đô thị để đáp ứng 50-60% nhu cầu của người dân. Thực hiện nâng cấp, chuyển đổi xanh, thông minh đối với các tuyến xe buýt hiện có, mở thêm các tuyến mới, đặc biệt các tuyến liên kết vùng. Quy hoạch các điểm kết nối các phương tiện công cộng: đường sắt đô thị, xe buýt, xe cá nhân công cộng (xe máy, xe đạp). Bố trí quỹ đất tại các khu vực phù hợp để xây dựng các điểm gửi xe máy cá nhân, các trạm xe đạp công cộng phục vụ giao thông công cộng.

- Thực hiện lộ trình chuyển đổi giao thông xanh, thông minh; trong đó ưu tiên đầu tư giao thông xanh trong vận tải hành khách công cộng, thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi xe máy cá nhân sang xe máy điện, xe máy sử dụng năng lượng xanh. Xây dựng và triển khai tiêu chuẩn, quy chuẩn về khí thải các phương tiện giao thông trên địa bàn Thành phố đáp ứng yêu cầu về giao thông xanh.

b) Về đường sắt

- Đầu tư xây dựng 14 tuyến đường sắt đô thị. Ưu tiên hoàn thành hệ thống đường sắt vành đai thành phố và các ga đầu mối trên tuyến vành đai, các tuyến kết nối với thành phố phía Bắc, thành phố phía Tây, khu vực Yên Viên, Gia Lâm. Xây dựng mạng lưới đường sắt tại khu vực đô thị trung tâm đảm bảo mật độ các ga tàu có khoảng cách phù hợp dành cho người đi bộ, có thể di chuyển đến mọi vị trí trong thành phố, đủ năng lực thay thế phương tiện giao thông cá nhân; các trung tâm đô thị trong vùng và các huyện ngoại thành, đi ngầm đối với các đoạn tuyến nằm trong Vành đai 3,5, kết hợp điều chỉnh, bổ sung các tuyến xe buýt kết nối đồng bộ, làm cơ sở phát triển mô hình đô thị TOD.

- Xây dựng đường sắt nhẹ (monorail) trên cao, chạy ven hai bờ sông Hồng, kết hợp du lịch, cảnh quan và kết nối với khu vực phố cổ.

- Chuẩn bị các điều kiện để phối hợp với Trung ương xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam, đóng vai trò là trục “xương sống”, tạo động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.¹³

c) Về đường thủy nội địa

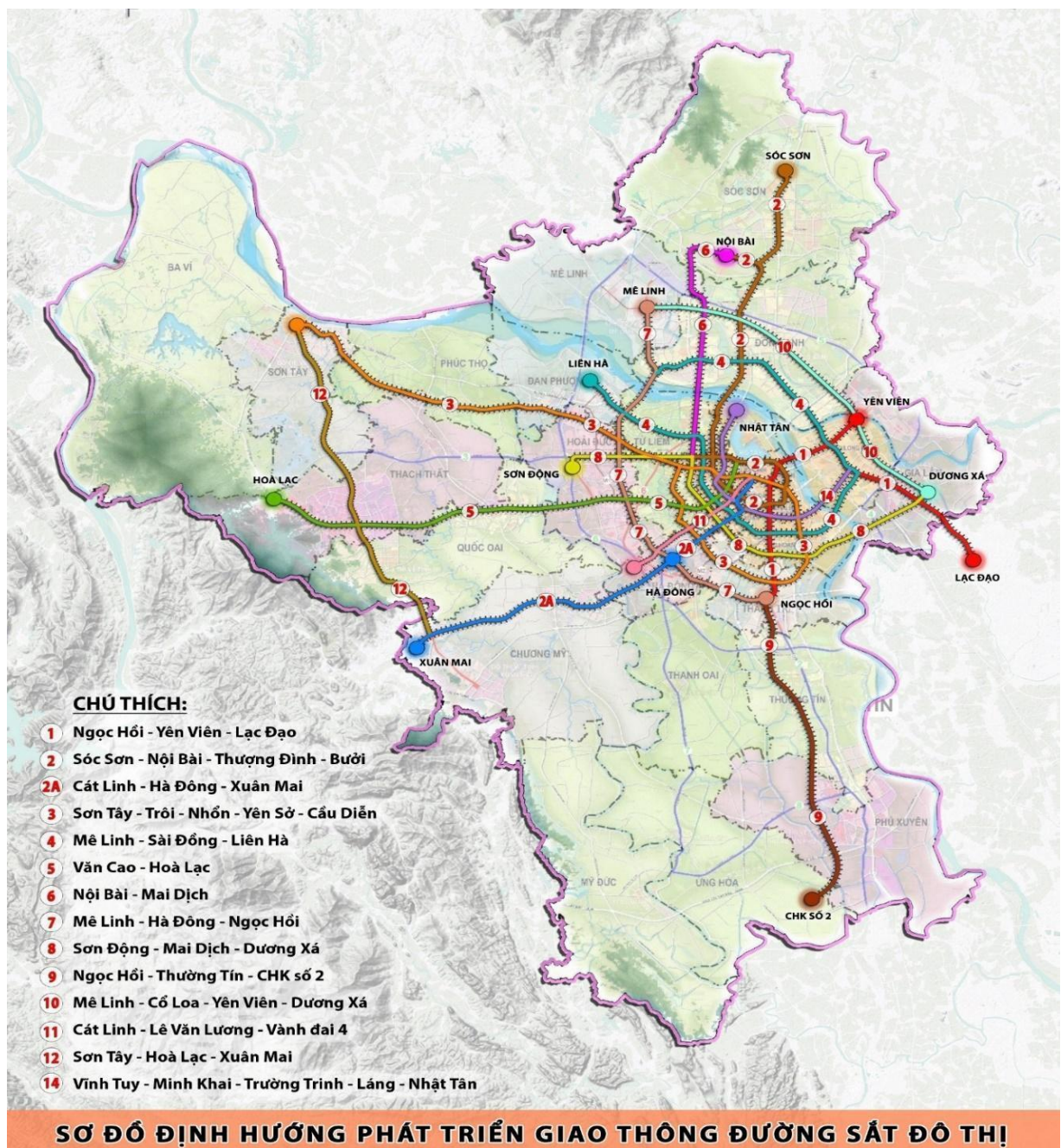
- Phát triển các tuyến đường thủy nội địa trên hành lang vận tải thủy nội địa Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội, Hà Nội - Nam Định - Ninh Bình và Hà Nội - Việt Trì - Lào Cai; nâng cấp, cải tạo các tuyến thủy nội địa có tiềm năng phát triển du lịch. Phát triển 07 luồng thủy nội địa, gồm: sông Hồng (đoạn qua thành phố cấp I – II); sông Đà, sông Cầu (đoạn qua thành phố cấp III); sông Đuống (đoạn qua thành phố cấp II),

¹³ Kết luận số 49-KL/TW, ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

sông Đáy (đoạn qua thành phố cấp IV); sông Công (đoạn qua thành phố cấp III-IV). Đồng bộ các luồng đường thủy nội địa địa phương có quy mô cấp V, bao gồm sông Đáy, sông Nhuệ, sông Tích, sông Cà Lồ, sông Tô Lịch, sông Thiếp (Ngũ Huyện Khê), chủ yếu phục vụ du lịch địa phương, thoát nước, thủy lợi và cảnh quan môi trường đô thị.

- Quy hoạch phát triển cảng khách đồng bộ theo các tuyến vận tải và phù hợp với quy hoạch đô thị của thành phố Hà Nội, không phát triển cảng hàng hóa tại hữu ngạn sông Hồng trong khu vực vành đai 3. Phát triển 05 cụm cảng hàng hóa, gồm cụm cảng trung tâm Hà Nội, cụm cảng Bắc Hà Nội, cụm cảng Nam Hà Nội, cụm cảng Đông Hà Nội và cụm cảng Tây Hà Nội.

- Quy hoạch các cảng, bến khách kết hợp thương mại, dịch vụ nhằm phát triển không gian đô thị trong khu vực vành đai 4; hình thành các cảng, bến khách phục vụ du lịch dọc sông Hồng, sông Đà, sông Đáy... và các khu vực có nhu cầu phát triển du lịch địa phương.



Hình 3.10: Sơ đồ định hướng phát triển giao thông ĐSDT Thủ đô Hà Nội

d) Về cảng cạn: Phát triển hệ thống cảng cạn gắn với các đầu mối vận tải lớn (cảng hàng không, ga đường sắt, cảng thủy nội địa) thành động lực để hình thành các trung tâm logistics cấp vùng và quốc gia tại khu vực phía Đông Nam và phía Tây Bắc.

đ) Về cảng hàng không, sân bay

- Nâng cấp, mở rộng cảng hàng không quốc tế Nội Bài; giai đoạn đến năm 2030: đạt 60 triệu HK/năm và 2,0 triệu tấn hàng hóa/năm; giai đoạn định hướng đến năm 2050, đạt 100 triệu HK/năm và 5,0 triệu tấn hàng hóa/năm.

- Quy hoạch phát triển cảng hàng không thứ hai vùng Thủ đô sau năm 2030 với chức năng hỗ trợ cho cảng hàng không quốc tế Nội Bài, phục vụ cho vận tải khách trong vùng Thủ đô; có quy mô cấp 4E, đón khoảng 30 – 50 triệu hành khách/năm và 1,0 triệu tấn hàng hóa/năm; bố trí hạ tầng giao thông kết nối đồng bộ; dự phòng quỹ đất phát triển trong tương lai. Khai thác sân bay Gia Lâm, sân bay Hòa Lạc phục vụ lưỡng dụng dân sự và quân sự.

e) Giao thông thông minh

Từng bước triển khai hoàn thiện hệ thống giao thông thông minh (ITS) trên địa bàn thành phố, phục vụ công tác quản lý điều hành giao thông thành phố có hiệu quả, thiết thực; tập trung.

- Ban hành Khung kiến trúc, tiêu chuẩn hệ thống ITS đảm bảo khả năng tương thích của các hệ thống được đầu tư từ các dự án khác nhau (có kế thừa các dự án đã triển khai đầu tư); Xây dựng các hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật các thiết bị phục vụ cho xây dựng hệ thống ITS. Trước mắt, áp dụng đối với hệ thống camera quan sát;

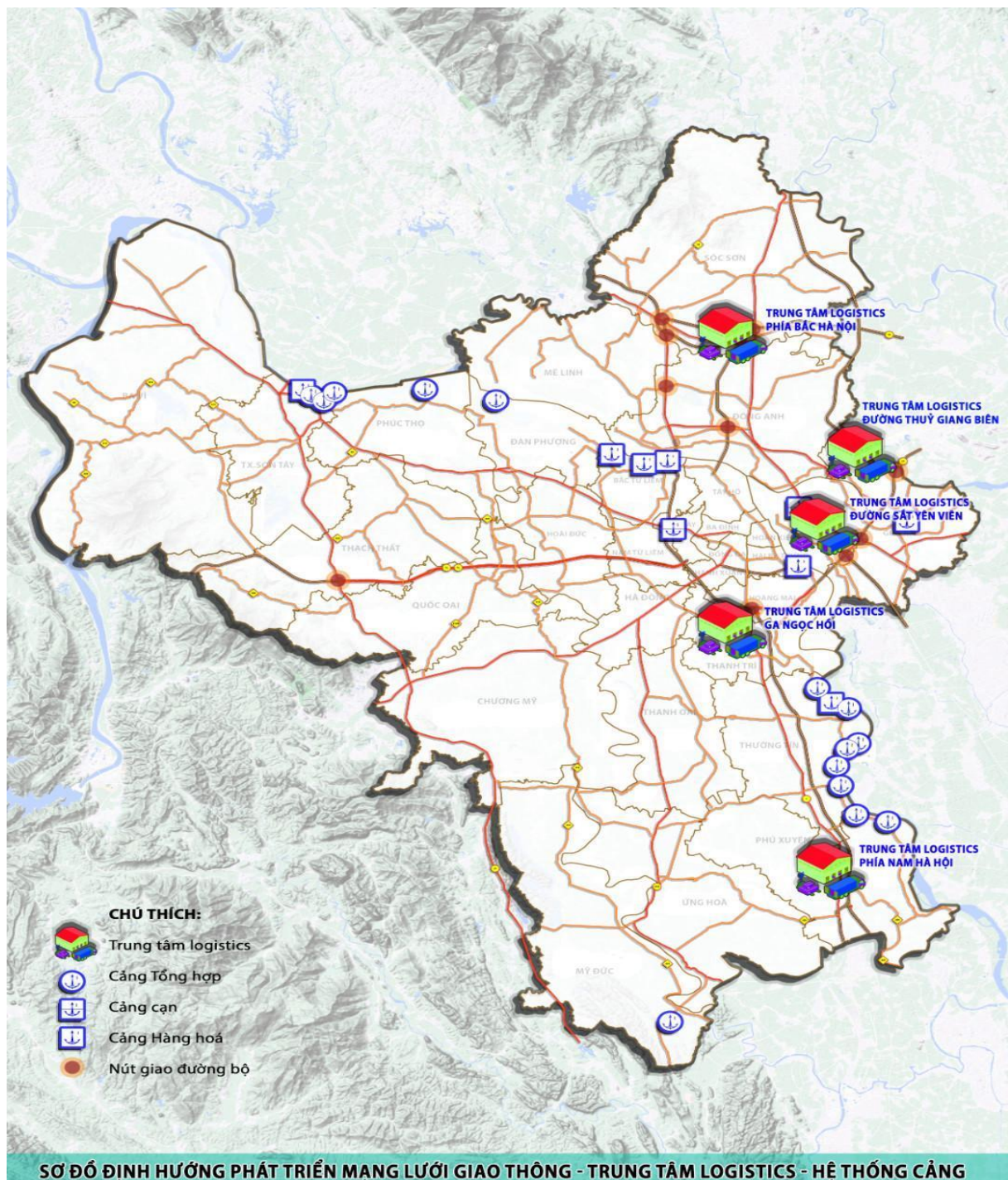
- Hình thành Trung tâm điều hành giao thông thông minh tích hợp (do Thành phố chủ động đầu tư, quản lý, khai thác vận hành kết hợp chia sẻ dữ liệu).

- Có cơ chế chính sách đặc thù trong việc khuyến khích thí điểm áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ cũng như nhập khẩu sử dụng các thiết bị hiện đại, chuyên dụng cho hệ thống ITS nhưng ở Việt Nam hiện nay vẫn chưa làm chủ được công nghệ sản xuất.

g) Hạ tầng phục vụ logistics

- Khai thác, vận hành một số công trình hạ tầng dịch vụ logistics quan trọng như: 5 trung tâm logistics (tại các huyện Phú Xuyên, Sóc Sơn, Gia Lâm, Thanh Trì), 02 cảng cạn ICD (tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm và xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức), 01 cảng container quốc tế (tại xã Cổ Bi, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm), 01 Trung tâm bưu chính, chuyển phát (tại xã Kim Hoa, huyện Mê Linh) và một số dự án trung tâm tiếp vận trên địa bàn Thành phố.

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các trung tâm logistics có quy mô phù hợp trên các tuyến đường vành đai Thành phố, kết nối các đầu mối gom hàng, các kho tập kết, phân phối hàng tại các khu vực tập trung sản xuất, nông nghiệp, công nghiệp, khu công nghiệp; chú trọng phát triển hệ thống kho bãi, kho bãi chuyên dụng.



Hình 3.11: Sơ đồ mạng lưới giao thông, trung tâm logistics, hệ thống cảng

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

a) Về nguồn điện

- Nguồn cấp điện cho thành phố từ hệ thống điện miền Bắc thông qua lưới điện truyền tải 500kV, 220kV và lưới điện phân phối 110kV.

- Ưu tiên, khuyến khích phát triển nguồn điện sản xuất từ rác, đến năm 2030, tổng công suất nguồn điện sản xuất từ rác là 332 MW. Trường hợp có yêu cầu xử lý môi trường thì có thể phát triển với quy mô lớn hơn.

- Phát triển năng lượng mang tính động, mở, thích ứng với bối cảnh, tình hình chuyển dịch năng lượng trên thế giới, nhất là năng lượng tái tạo, năng lượng mới; thúc đẩy phát

triển công nghệ năng lượng tái tạo sử dụng năng lượng mặt trời. Đến 2030, tổng quy mô công suất điện mặt trời tăng thêm là 75 MW.

b) Mạng lưới truyền tải

- Lưới điện 220-110kV:

+ Triển khai đồng bộ các giải pháp để đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đã được phê duyệt. Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, đảm bảo chất lượng điện năng và độ tin cậy cung cấp điện ngày càng được nâng cao.

+ Cấu trúc lưới điện 220-110kV được thiết kế mạch vòng hoặc được cấp điện từ 2 đường dây đến, đảm bảo cung cấp điện an toàn ổn định cho phụ tải trong chế độ làm việc bình thường và sự cố theo tiêu chí N-1. Ngoài ra lưới điện phải có dự phòng cho phát triển các năm tiếp theo.

+ Từ vành đai 3 trở vào trung tâm thành phố được hạ ngầm toàn bộ; từ vành đai 3 đến vành đai 4 ưu tiên phương án hạ ngầm, tại các khu đô thị mới hoặc các khu vực có tính chất đặc biệt về kinh tế, chính trị; tại những nơi chưa thể thực hiện hạ ngầm ngay sẽ được thực hiện hạ ngầm phù hợp với tốc độ đô thị hóa, hướng tuyến phù hợp với quy hoạch xây dựng.

+ Các đường dây trên không xây dựng mới hoặc cải tạo nên sử dụng cột thép nhiều mạch để tiết kiệm hành lang tuyến. Có thể thiết kế đường dây 500, 220kV và 110kV đi trên cùng một cột.

+ Trạm biến áp được thiết kế đảm bảo phương thức vận hành không người trực. Các TBA 220, 110kV được thiết kế mạng tải không lớn hơn 65% công suất định mức ở chế độ làm việc bình thường để có đủ dự phòng công suất khi xảy ra sự cố hoặc sửa.

+ Từ vành đai 3 trở vào trung tâm thành phố: sử dụng công nghệ GIS, trạm ngầm; từ vành đai 3 đến vành đai 4, các trạm tại những khu vực giới hạn về mặt bằng, hoặc phải đảm bảo yêu cầu về an toàn dân sinh bên cạnh hoặc có yêu cầu đặc biệt về cảnh quan đô thị thì sử dụng TBA công nghệ GIS hoặc có phương án kiến trúc phù hợp với cảnh quan khu vực trung tâm đô thị của thủ đô Hà Nội.

- Khối lượng xây dựng lưới điện:

+ Lưới điện 500kV: Xây dựng mới 04 TBA/ 5.400 MVA; cải tạo NCS 1 trạm/công suất tăng thêm 900MVA. Xây dựng mới 493 km đường dây 500kV

+ Lưới điện 220kV: Xây dựng mới 14 trạm 220kV/ 7.750 MVA, cải tạo nâng công suất 3 trạm, tổng công suất tăng thêm 750 MVA. Xây dựng mới 706 km đường dây 220kV, cải tạo nâng khả năng tải 257 km đường dây 220kV;

+ Lưới điện 110kV: Xây dựng mới 57 trạm 220kV/ 4.819 MVA, cải tạo nâng công suất 29 trạm, tổng công suất tăng thêm 1.833 MVA. Xây dựng mới 263,4 km đường dây, 310,4 km cáp ngầm 110kV; cải tạo nâng khả năng tải 245,5 km và hạ ngầm 97,6km đường dây 110kV;

c) Định hướng phát triển lưới điện trung áp: Thực hiện tiêu chuẩn hóa vận hành lưới điện trung áp thành phố Hà Nội ở cấp điện áp 35-22kV; hạn chế phát triển mới lưới 35kV, loại bỏ các trạm trung gian 35/10kV. Đến năm 2050 hoàn thành việc chuyển đổi, thống nhất sử dụng cấp điện áp 22kV cho lưới điện trung áp; tỷ lệ ngầm hóa đường dây điện cao, trung, hạ áp tại các quận lõi trung tâm, khu vực đô thị có quy hoạch ổn định đạt 100%.

3. Mạng lưới dự trữ xăng dầu, khí đốt

(1) Định hướng chung

- Phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt đảm bảo tính đàn hồi, năng lực dự trữ, yêu cầu phát triển bền vững trên địa bàn Thủ đô gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm và tránh lãng phí; đảm bảo hài hòa lợi ích của quốc gia, Thủ đô, doanh nghiệp và người dân.

- Phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt hiện đại; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của Thủ đô Hà Nội.

- Phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt trên cơ sở tận dụng năng lực kết nối giao thông vận tải, khai thác mọi nguồn lực và khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt.

- Cải tạo và nâng cấp hệ thống tuyến ống xăng dầu hiện có, đầu tư mới và hiện đại hóa phương tiện vận tải xăng dầu bao gồm các phương tiện vận tải đường biển, đường sông, đường bộ và đường sắt. Xây dựng hệ thống phân phối xăng dầu phân bố tương ứng với nhu cầu tiêu thụ xăng dầu của từng khu vực; tối ưu về chi phí đầu tư, quản lý và vận hành.

(2) Phương án phát triển theo từng lĩnh vực

a) Cụ thể hóa quy hoạch các kho tuyến sau, kho sân bay và hạ tầng cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia trên địa bàn thành phố Hà Nội và liên vùng¹⁴

- Mở rộng Kho tuyến sau Đỗ Xá lên tổng sức chứa 20.800 m³ trong giai đoạn 2021-2025;

- Mở rộng kho tuyến sau Nam Phong (K133) lên tổng sức chứa 34.000 m³, trong giai đoạn 2021-2025 mở rộng thêm 20.800 m³ và giai đoạn 2026-2035 mở rộng thêm 10.000 m³;

- Mở rộng Kho sân bay JetA1 Nội Bài lên tổng sức chứa 28.000 m³ trong giai đoạn 2021-2025;

- Đầu tư xây dựng mới kho xăng dầu Phú Thị, xã Phú Thị, Gia Lâm. Tổng sức chứa 120.000 m³, giai đoạn 2026-2030 có quy mô 88.000 m³ và giai đoạn 2031-2050 tăng thêm 32.000 m³;

- Đầu tư xây dựng mới Kho nhiên liệu Nội Bài, tổng sức chứa 40.000 m³, giai đoạn 2021-2025 có quy mô 15.000 m³ và giai đoạn 2026-2030 tăng thêm 25.000 m³.

- Di dời kho Jet A-1 Sân bay Nội Bài với quy mô 2.100 m³.

- Xây dựng đường ống Tiền Hải - Hải Phòng - Hải Dương - Bắc Giang - Hà Nội - Vĩnh Phúc; đường ống 22”, dự kiến sau 2030, tổng chiều dài toàn tuyến 320 km.

b) Phương án phát triển mạng lưới dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt

- Đối với hệ thống kho chiết nạp LPG, các trạm nạp đang hoạt động ổn định được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tiếp tục cho tồn tại lâu dài. Các trạm gần khu dân cư hoặc

¹⁴ Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050

trong quy hoạch phải di dời thì được chuyển đến các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Xây dựng thêm 14 trạm nạp.

- Đối với hệ thống cửa hàng bán lẻ khí đóng chai LPG: đến năm 2030, nâng tổng số cửa hàng bán lẻ LPG đóng chai lên 2.300 cửa hàng. Vị trí cụ thể của các cửa hàng bán khí chai do UBND các quận, huyện, thị xã quyết định, đảm bảo cân đối, hài hòa giữa mật độ số dân phục vụ và số lượng cửa hàng hiện tại.

- Cải tạo cửa hàng chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện để đảm bảo theo quy định; những cửa hàng không đáp ứng điều kiện sẽ phải tiến hành di dời/ngừng hoạt động.

- Đối với trạm cấp khí CNG, các trạm lưu trữ và cấp khí CNG cho phương tiện vận tải cần định hướng vị trí tại khu, cụm công nghiệp thành phố tùy theo diễn biến phát triển của loại hình phương tiện này.

- Hệ thống cửa hàng xăng dầu: dự kiến xây dựng thêm 283 cửa hàng xăng dầu, nâng số lượng cửa hàng bán lẻ xăng dầu lên 774 trên toàn thành phố. Khuyến khích các cửa hàng xăng dầu hiện có và xây dựng mới tùy theo điều kiện diện tích, khả năng tài chính của chủ sở hữu, tích hợp thêm nhiều tiện ích mới phù hợp với xu thế như là trạm sạc xe điện, rửa xe tự động, dịch vụ tạp hóa,...

- Hệ thống trạm cấp khí City gas: hệ thống trạm cấp khí đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sẽ tiếp tục được duy trì, nâng cấp; số trạm cấp dừng hoạt động sẽ tiến hành đánh giá lại nhu cầu tiêu thụ để tiến hành cải tạo hoặc di dời. Hệ thống trạm cấp khí trung tâm mới cho các chung cư cao tầng, khu dân cư mới, khu đô thị mới do chủ đầu tư quyết định và phải phù hợp quy hoạch chung xây dựng toàn thành phố và từng quận, huyện. Dự kiến đến năm 2030, có 134 trạm cấp.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

- Về tưới, cấp nước

- + Đối với công trình khai thác nguồn nước các dòng sông chính: Cải tạo, nâng cấp các công trình đầu mối hoặc bổ sung trạm bơm đã chiến tại vị trí các công trình thủy lợi hiện đang gặp khó khăn trong việc lấy nước như Trung Hà, Cẩm Đình, Liên Mạc ... Tiếp tục triển khai hoàn thành dự án tiếp nước, cải tạo, khôi phục sông Tích.

Nghiên cứu xây dựng các công trình đập Xuân Quan trên sông Hồng, đập Long Tửu trên sông Đuống để dâng mực nước, cải thiện khả năng lấy nước vào các hệ thống thủy lợi, làm sống lại đoạn thượng lưu sông Đáy, sông Tích và cải thiện dòng chảy trên trục sông Nhuệ; cải tạo toàn diện cụm công trình đầu mối và dòng chính sông Đáy đảm bảo phục vụ đa mục tiêu.

- Đối với hệ thống tưới, cấp nước nội đồng, gồm:

- (1). Vùng Hữu Đáy: Tiếp tục tiếp nước cải tạo, khôi phục sông Tích; cải tạo, nâng cấp các trạm bơm tưới nước sông Đà, sông Hồng, các hồ chứa nước (tại các huyện Ba Vì, Thạch Thất, Chương Mỹ, Quốc Oai), các trạm bơm tưới nhỏ, cục bộ, đảm bảo an toàn hồ đập và kiên cố hóa hệ thống kênh mương.

- (2). Vùng Tả Đáy: Cải tạo, nạo vét, nâng cấp trục chính sông Nhuệ từ Liên Mạc đến đường Vành đai 4, hệ thống kênh tưới phía Đông sông Nhuệ thuộc huyện Phú Xuyên phù hợp với nhiệm vụ của trạm bơm Thụy Phú 1, 2.

(3). Vùng Bắc Hà Nội: Cắm mốc giới hành lang bảo vệ công trình thủy lợi; cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới Đình Thông và các trạm bơm tưới đã xuống cấp thuộc huyện Sóc Sơn, Đông Anh, Gia Lâm, kết hợp kiên cố hóa hệ thống kênh mương. Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nước vừa, nhỏ thuộc huyện Sóc Sơn.

- Về tiêu, thoát nước

+ Cải tạo, nạo vét hệ thống kênh, trục tiêu; cắm mốc bảo vệ hành lang các trục tiêu trên các hệ thống thủy lợi. Xây mới, cải tạo, nâng cấp các trạm bơm tiêu đã cũ, xuống cấp bằng các máy bơm có công nghệ tiên tiến, hiệu suất cao, tiết kiệm điện năng. Tiếp tục triển khai xây dựng các hệ thống công trình tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt, úng.

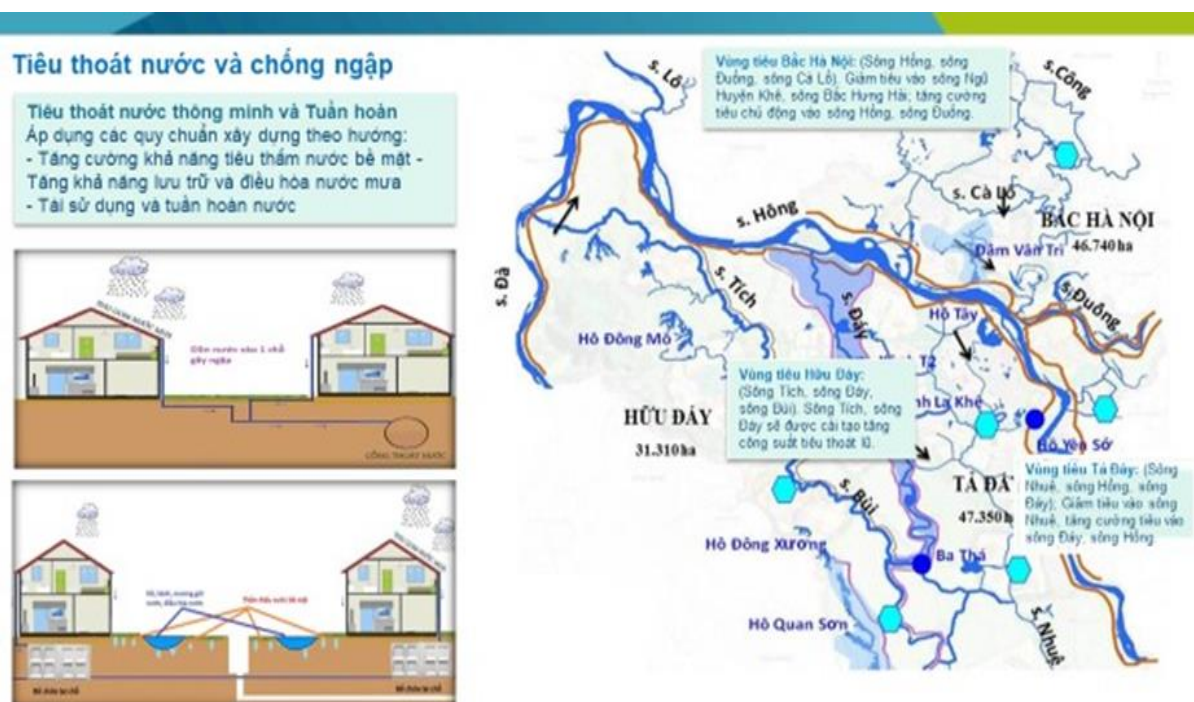
+ Hoàn thiện hệ thống kênh, mương tiêu thoát đảm bảo năng lực tiêu ra các công trình tiêu lớn, gồm: Yên Sở (ra sông Hồng), Yên Nghĩa (ra sông Đáy)... Cải tạo, nạo vét, nâng cấp trực chính sông Nhuệ từ Liên Mạc đến đường Vành đai 4; cải tạo, nạo vét trực sông Đáy từ huyện Hoài Đức, huyện Ứng Hòa và sông Mỹ Hà, huyện Mỹ Đức.

+ Đối với các hệ thống tiêu, thoát nước nội đồng:

(1). Vùng Hữu Đáy: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các trạm bơm vùng tiêu bằng động lực huyện Ba Vì; cải tạo, nạo vét hệ thống tiêu Cổ Đô - Vạn Thắng, Phú Sơn - Yên Bò. Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm tiêu huyện Thạch Thất, huyện Quốc Oai...; xây dựng mới một số trạm bơm tiêu thuộc huyện Phúc Thọ, thị xã Sơn Tây.

(2). Vùng Tả Đáy: Cải tạo, nâng cấp, xây mới một số trạm bơm tại huyện Hoài Đức, Thanh Trì.

(3). Vùng Bắc Hà Nội: Hoàn thành xây dựng hệ thống trạm bơm tiêu vùng tiêu phía Đông Nam huyện Sóc Sơn, đảm bảo năng lực tiêu chủ động đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, công nghiệp và dịch vụ. Xây mới trạm bơm tiêu chủ động tại khu vực úng, trũng. Nâng cấp các trục tiêu trên địa bàn huyện Mê Linh. Nâng cấp, cải tạo một số trạm bơm tiêu tại huyện Đông Anh, Mê Linh.



Hình 3.12: Phương hướng tiêu thoát nước đô thị

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

- Đảm bảo cấp nước theo hướng ưu tiên khai thác nguồn nước mặt, nhất là các nguồn nước mặt sông Đà, sông Hồng, sông Đuống; từng bước giảm dần khai thác nguồn nước ngầm, nguồn nước ngầm không khai thác sẽ chuyển thành nguồn nước dự phòng. Xây dựng hệ thống quan trắc và bảo vệ nguồn nước.

- Đầu tư và mở rộng, nâng công suất các nhà máy nước mặt có quy mô cấp vùng đảm bảo cấp nước cho Thủ đô Hà Nội đáp ứng yêu cầu phát triển, Nghiên cứu thêm xây dựng bổ sung các nhà máy nước mặt tại khu vực phía Nam Hà Nội và phía Bắc Hà Nội sử dụng nguồn nước mặt sông Hồng

- Phát triển mạng vòng cấp nước truyền tải cấp 1 để đảm bảo kết nối các Nhà máy nước mặt có quy mô lớn, đảm bảo an toàn và hỗ trợ cho nhau trong trường hợp có sự cố về nguồn nước. Tiếp tục đầu tư xây dựng mạng lưới cấp nước cho các khu vực chưa có nước sạch hoặc xây dựng các trạm cấp nước cục bộ cho các khu vực khó khăn kết nối với mạng lưới cấp nước của thành phố đảm bảo 100% khu vực nông thôn được tiếp cận mạng lưới cấp nước sạch.

- Phát triển hệ thống cấp nước đồng bộ với mạng lưới cấp nước bao phủ rộng khắp các quận huyện của Thủ đô. Xây dựng đồng bộ các trạm bơm tăng áp chính và trạm bơm tăng áp cục bộ (tại các quận, huyện là Hà Đông, Sơn Tây, Phúc Thọ...). Nghiên cứu để cải tạo các nhà máy nước ngầm ngừng hoạt động thành các trạm bơm tăng áp phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

c) Phương án phát triển hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

- Phương án thoát, xử lý nước mưa

+ Bảo vệ các ao, hồ làm nơi điều hòa nước mưa; tăng cường khả năng tiêu thoát nước mưa trên bề mặt để khắc phục tình trạng ngập úng cục bộ khi mưa. Tăng chiều cao công trình xây dựng, giảm diện tích xây dựng bề mặt, tăng tỷ lệ diện tích đất trồng trồng cây, sử dụng các loại vật liệu có khả năng thấm thấu nước mặt vào trong đất. Phát triển kinh tế tuần hoàn trong sử dụng nước mưa.

+ Xây dựng các trục thoát nước lớn, xuyên tâm, kết nối hệ thống thoát nước của khu vực trung tâm ra các trục tiêu thoát chính của thành phố. Phát triển đồng bộ hệ thống thoát nước mưa đô thị với nguyên tắc tự chảy. Đầu tư phát triển hệ thống tiêu liên hoàn, đặc biệt là trong đô thị trung tâm, đảm bảo có quỹ đất dự phòng dành cho hệ thống công trình tiêu.

+ Mở rộng và nạo vét các kênh trục chính: sông Nhuệ, sông Tích, sông Hang, La Khê, Vân Đình, Duy tiên, sông Thiếp, kênh Xuân Nộn, sông Hoàng Giang - Ngũ Huyện Khê, sông Cầu Bầy...

- Phương án thoát nước, xử lý nước thải

+ Nâng cấp, mở rộng nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung quy mô lớn tại các đô thị, khu kinh tế và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Quy hoạch phân vùng xử lý nước thải theo khu vực với quy mô phù hợp, đảm bảo hiệu quả trong thu gom và công suất xử lý. Đảm bảo quy mô nhà máy xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu phát triển trên địa bàn Thủ đô, tạo dòng chảy các sông Tô Lịch, sông Tích góp phần làm sạch sông, hồ trong đô thị trung tâm, Sơn Tây và các khu đô thị mới.

+ Tại khu vực đô thị trung tâm phía Nam sông Hồng (thuộc lưu vực Tô Lịch và một phần lưu vực Tả Nhuệ): Phân chia thành 05 lưu vực chính thu gom và xử lý nước thải; phát triển hệ thống thoát nước hỗn hợp trên cơ sở mạng lưới thoát nước chung đã có và xây dựng mới mạng lưới thu gom nước thải theo từng lưu vực; xử lý nước thải tập trung tại 07 nhà máy và trạm xử lý nước thải, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi thải ra môi trường.

+ Tại khu vực đô thị trung tâm phía Nam sông Hồng (thuộc khu vực từ Hữu Nhuệ đến sông Đáy và một phần lưu vực Tả Nhuệ còn lại): Phân chia thành 13 lưu vực chính; hoàn thiện hệ thống thoát nước riêng; xử lý nước thải tập trung tại 14 nhà máy, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi thải ra môi trường.

+ Tại khu vực đô thị phía Bắc sông Hồng: Phân thành 13 lưu vực chính; phát triển hệ thống thoát nước riêng; xử lý nước thải tập trung tại 13 nhà máy; bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi thải ra môi trường.

+ Tại khu vực đô thị Sơn Tây, Hòa Lạc, Xuân Mai, Sóc Sơn và Quốc Oai: Phân chia thành các lưu vực; từng bước hoàn thiện hệ thống thoát nước riêng cho nước mưa và nước thải; cải tạo hệ thống thu gom nước thải đối với các khu đô thị cũ xen lẫn; phát triển 10 hệ thống thu gom nước thải riêng và 12 nhà máy xử lý nước thải tập trung; bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi thải ra môi trường.

+ *Khu vực các thị trấn các huyện*: Hệ thống thoát nước thải được bố trí phù hợp với đặc điểm của từng đô thị;

+ Khu vực nông thôn: Tại các khu vực nông thôn liền kề đô thị, nước thải được thu gom và đưa về các nhà máy xử lý tập trung hoặc các trạm xử lý cục bộ bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi thải ra môi trường. Các khu vực nông thôn khác sẽ được nghiên cứu xử lý nước thải phân tán tại chỗ.

5. Phương án phát triển mạng lưới thông tin, truyền thông

- Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông đồng bộ, công nghệ hiện đại theo định hướng chia sẻ dùng chung, kết nối, phù hợp với xu hướng hội tụ của công nghệ thông tin trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đón đầu các xu hướng mới của thế giới; đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và thử nghiệm các công nghệ, mô hình mới. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng lưới thông tin và truyền thông.

- Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số trong bưu chính; là hạ tầng thiết yếu cho kinh tế số, đặc biệt là thương mại điện tử, góp phần thúc đẩy chính phủ số, xã hội số. Xây dựng trung tâm bưu chính Thủ đô Hà Nội. Phát triển trung tâm khai thác bưu chính Thủ đô Hà Nội và 03 trung tâm khai thác khu vực ở phía Nam, phía Bắc và ở phía Đông. Phát triển hệ thống bưu cục thông minh cung cấp dịch vụ bưu chính số.

- Chuyển dịch hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số, làm chủ các công nghệ nền tảng; phát triển mạng lưới hạ tầng viễn thông hiện đại, rộng khắp, có tốc độ và chất lượng cao; tập trung đầu tư vào các lĩnh vực trọng điểm như giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh... Đầu tư, xây dựng tuyến truyền dẫn liên tỉnh mới. Đẩy mạnh ngàm hóa hạ tầng viễn thông theo hướng tập trung, đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội; ưu tiên thực hiện tại các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp và các tuyến giao thông mới. Phát triển mới các tuyến cáp quang theo hướng Ba Vì - Thạch Thất - Quốc Oai- Chương Mỹ - Hà Đông; Hà Đông -Thanh Oai -

Ứng Hòa - Mỹ Đức; Thanh Trì - Thường Tín- Phú Xuyên; Long Biên - Đông Anh - Sóc Sơn; Thanh Trì - Gia Lâm.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin mạng di động 5G phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số; từng bước làm chủ công nghệ nền tảng như: IoT, Big Data, AI... Phát triển hạ tầng số trên nền tảng công nghệ đồng bộ, hiện đại và hệ thống cơ sở dữ liệu lớn, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Xây dựng chính quyền số, phát triển xã hội số bao trùm, toàn diện, phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng của Thủ đô Hà Nội. Xây dựng đô thị thông minh, kết nối với đô thị thông minh trong khu vực và trên thế giới, nhất là theo trục Nhật Tân - Nội Bài. Tập trung phát triển các nền tảng số, dữ liệu số dùng chung, tích hợp đầy đủ các dữ liệu về kinh tế - xã hội (đất, dân cư, doanh nghiệp...); đảm bảo kết nối đồng bộ, liên thông dữ liệu và phát triển hệ thống trung tâm dữ liệu tập trung của thành phố thúc đẩy phát triển công nghiệp dữ liệu lớn. Hoàn thiện nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu của thành phố, góp phần tạo ra một không gian phát triển mới. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, đặc biệt là cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế số với 4 trụ cột: công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số và dữ liệu số. Phát triển thanh toán số theo hướng phổ cập tài chính toàn diện, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, thương mại, công nghiệp, du lịch, giao thông, tài nguyên và môi trường. Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, làng nghề truyền thống tại Hà Nội chuyển đổi số, làm kinh tế số.

- Phát triển xã hội số, trọng tâm là chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Phát triển danh tính số và hệ thống định danh, xác thực điện tử. Đảm bảo đến năm 2030, trên 80% người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản; 70% dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ công trực tuyến và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số cá nhân.

- Duy trì bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp, vận hành hệ thống giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) kết nối hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn thông tin phục vụ Chính quyền số.

- Hình thành hệ thống các khu công nghệ thông tin tập trung với quy mô hợp lý về diện tích mặt bằng, phân bổ hợp lý về lĩnh vực chuyên môn.

- Khai thác, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên số, là tài nguyên quan trọng, là đầu vào và đầu ra cho sự phát triển ngành công nghiệp CNTT. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển các sản phẩm phần mềm, nền tảng số, sản phẩm ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo.

- Hình thành trung tâm tính toán hiệu năng cao. tạo thành mạng lưới để đẩy mạnh nghiên cứu phát triển công nghệ thông tin, công nghệ lõi, nền tảng, những công nghệ mới, phức tạp, có quy mô và phạm vi lớn như trí tuệ nhân tạo (AI), IoT, dữ liệu lớn (big data)...

- Phát triển mạng lưới báo chí, thông tin truyền thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu về thông tin của người dân và phù hợp với xu thế phát triển, tạo đồng thuận và niềm tin xã hội, khơi dậy khát vọng phát triển Thủ đô Hà Nội; chú trọng phát triển các loại hình thông tin điện tử; tăng cường quản lý truyền thông trên nền tảng số...

6. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

- Phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy đồng bộ, hiện đại, phù hợp với điều kiện phát triển của Thủ đô, tiến tới đạt tiêu chuẩn các nước tiên tiến trên thế giới, kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, kìm chế sự gia tăng về cháy, nổ, bảo vệ tính mạng, sức khỏe con người và tài sản.

- Quy hoạch mạng lưới trụ sở, doanh trại phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ bảo đảm cho việc tập luyện, thường trực sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng cơ sở hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ phù hợp với Quy hoạch ngành quốc gia về hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Đẩy mạnh xã hội hoá trong công tác PCCC&CNCH, đảm bảo theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Xây dựng hệ thống cơ sở của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH được bảo đảm về mạng lưới trụ sở, doanh trại, cơ cấu biên chế, lực lượng và trang thiết bị, phương tiện; hoạt động ổn định, chất lượng, hiệu quả; đáp ứng yêu cầu công tác về PCCC và CNCH của Thành phố. Nghiên cứu, nâng cấp Trung tâm thông tin chỉ huy 114 của Công an Thành phố. Đẩy mạnh chuyển đổi số hóa trong công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH.

- Đảm bảo thông tin, liên lạc phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, hiện đại hóa hạ tầng thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu; hoàn thành chuyển đổi số và cung cấp dịch vụ công mức độ cao nhất trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy.

IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN THỦ ĐÔ HÀ NỘI

1. Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn Thủ đô

- Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng: thực hiện theo Quy hoạch tổng thể Quốc gia, Quy hoạch các ngành quốc gia đã được phê duyệt, Dự thảo quy hoạch vùng ĐBSH.

- Bố trí không gian các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, gồm: Vườn Quốc gia Ba Vì (diện tích 10.749,7 ha); Dự trữ thiên nhiên Quan Sơn (diện tích 2.741 ha); Cảnh quan Chùa Thầy diện tích (37,13 ha); Hồ Đồng Mô - Ngải Sơn (900ha); Hồ Hoàn Kiếm (16 ha); Hồ Suối Hai (1.200 ha); Hồ Tây (440 ha); Hương Sơn (2.719,8 ha); K9 - Lăng Hồ Chí Minh (423 ha); Vật Lại (11,28 ha).

2. Xây dựng phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của Thủ đô Hà Nội với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng

(1). Phương án kết nối kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, logistics

- Nâng cấp, hoàn thiện các tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông qua địa bàn vùng, các cao tốc kết nối Thủ đô Hà Nội với các địa phương trong và ngoài vùng, đường vành đai 4, vành đai 5 Hà Nội.

- Thủ đô Hà Nội đóng vai trò thúc đẩy liên kết trong xây dựng các tuyến đường, tuyến hành lang kinh tế kết nối các tỉnh Bắc và Nam ĐBSH. Tăng cường đầu tư hạ tầng và xây dựng, hoàn thiện các cơ chế hợp tác để phát triển theo các hành lang kinh tế quan trọng trên địa bàn Thủ đô như: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh (tham gia hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội -

Hải Phòng), hành lang QL1 (Bắc Ninh - Hà Nội - Ninh Bình), hành lang QL18 (Nội Bài - Hạ Long).

- Phát triển các tuyến đường sắt, đường thủy nội địa chất lượng cao để phát huy vai trò vận tải, hỗ trợ cho vận chuyển hàng hóa, nhất là tuyến đường sắt Hà Nội-Hải Phòng kết nối với các cảng biển tại Đình Vũ (Hải Phòng), góp phần khai thác tiềm năng lớn về kinh tế biển của vùng ĐBSH.

- Tiếp tục liên kết để mở các đường bay quốc tế tại sân bay quốc tế Nội Bài phục vụ khách du lịch, có xét tới việc đảm bảo an ninh quốc phòng.

(2). Phương án kết nối với các kết cấu hạ tầng khác

- *Phương án kết nối mạng lưới điện của tỉnh với mạng lưới điện quốc gia và vùng:* Tiếp tục đầu tư xây dựng, mở rộng năng lực truyền tải của hệ thống điện do thành phố quản lý, xây dựng mới một số công trình đầu nối mới với mạng lưới điện quốc gia trên địa bàn thành phố, đảm bảo hệ thống điện của thành phố đủ năng lực truyền tải toàn bộ lượng điện từ các nguồn phát lên hệ thống điện quốc gia, đồng thời đảm bảo phân phối điện từ mạng lưới điện quốc gia đến các khu vực có nhu cầu sử dụng điện, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng điện.

- *Phương án kết nối kết cấu hạ tầng viễn thông:* Cập nhật các tuyến viễn thông trục quốc tế, quốc gia, liên thành phố đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn. Nâng cấp, hoàn thiện nền tảng CQĐT và Trục tích hợp chia sẻ dữ liệu thành phố (LGSP) đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông, kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

3. Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội, xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển

(1). Xác định các khu vực khuyến khích phát triển

- Các khu vực khuyến khích phát triển trong giai đoạn 2021-2030 là các khu vực đóng vai trò quan trọng trong việc chia sẻ chức năng về hạ tầng, giảm tải mật độ dân số, bổ trợ phát triển đối với khu vực nội đô. Các khu vực này gồm các quận còn nhiều quỹ đất và dư địa cho phát triển; các huyện có điều kiện để lên quận; các khu vực dự kiến hình thành thành phố trong Thủ đô Hà Nội.

- Các đô thị đóng vai trò động lực, chia sẻ và giảm tải các chức năng đối với khu vực nội đô, gồm các không gian đô thị: Đô thị phía Tây, đô thị phía Nam, đô thị Sơn Tây - Ba Vì, đô thị phía Bắc. Các đô thị này cần tiếp tục đầu tư hạ tầng giao thông kết nối, các tiện ích công cộng và hình thành các chức năng chính trong tổng thể không gian phát triển của Thủ đô theo mô hình Thành phố trong Thủ đô.

- Các khu vực khuyến khích phát triển trong giai đoạn 2021-2030 phải thể hiện được vai trò là các động lực trong tăng trưởng của Thủ đô, là các khu vực còn nhiều dư địa để phát triển, khai thác các dư địa đối với phát triển các ngành quan trọng của Thủ đô: Khu vực dọc theo các tuyến vành đai 4, 5 trên địa bàn Thủ đô; khu vực dọc hai bên bờ Sông Hồng, sông Đuống; các hành lang và các trục động lực phát triển phát triển, Khu công nghệ cao; khu - cụm công nghiệp; khu nông nghiệp công nghệ cao.

(2). Các khu vực hạn chế phát triển

Các khu vực hạn chế các hoạt động phát triển trên địa bàn Thủ đô Hà Nội được xác định như sau:

- Các vùng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn Thủ đô: Trên cơ sở đặc điểm môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội cần phải xem xét bố trí các hoạt động kinh tế phù hợp để bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn cho từng đơn vị hành chính cấp huyện.

- Khu vực bảo vệ I các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia, di tích lịch sử - văn hóa quốc gia đặc biệt (15 khu).

- Các khu vực Quốc phòng - An ninh: gồm những địa điểm do quân đội, công an quản lý trực tiếp, các khu vực được quy hoạch sử dụng cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Việc bố trí không gia các hoạt động kinh tế - xã hội cần nghiên cứu, xem xét hạn chế bố trí, chống lấn và không làm ảnh hưởng đến công trình quốc phòng, công trình an ninh, các khu vực quân sự, khu vực an ninh, các khu vực có địa hình đặc biệt, điểm cao có giá trị trong Thế trận quân sự khu vực phòng thủ Thành phố Hà Nội.

4. Phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội

(1). Phương án liên kết quốc tế

- Cảng hàng không quốc tế Nội Bài đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối Thủ đô Hà Nội cũng như các tỉnh phía Bắc ra quốc tế. Giai đoạn 2030-2050, quy hoạch cảng hàng không thứ 2 phía Nam Thủ đô Hà Nội

- Các tuyến hành lang kết nối Hà Nội với quốc tế gồm:

(1). Kết nối Hà Nội với các tỉnh và Quốc tế (Trung Quốc) thông qua hành lang thông qua hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh: Kết nối Thủ đô Hà Nội với tỉnh Nam Ninh (Trung Quốc).

(2). Kết nối Hà Nội với các tỉnh và quốc tế (Trung Quốc) thông qua hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh: Kết nối Thủ đô Hà Nội với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

(3). Kết nối Hà Nội với các tỉnh và Quốc tế (Lào) thông qua tuyến Hành lang kinh tế Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội: Trong tương lai đây sẽ là tuyến hành lang kết nối Thủ đô Hà Nội với các tỉnh Đông Bắc của Lào.

(2). Phương án tổ chức liên kết Thủ đô Hà Nội với các địa phương khác trong nước

- Liên kết Thủ đô với các tỉnh/thành phố trên cả nước và quốc tế thông qua hệ thống các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường sắt, sân bay và thủy nội địa.

- Liên kết Thủ đô với các tỉnh/thành phố thông qua các tuyến hành lang:

(i) Các tuyến hành lang kết nối thủ đô với các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc

Ngoài các tuyến hành lang quan trọng được xác định trong quy hoạch quốc gia, Thủ đô Hà Nội kết nối với các tỉnh trong vùng trung du và miền núi phía Bắc thông qua các tuyến hành lang như sau:

- Hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội (một phần của HLKT Lào Cai - Hà Nội -

Hải Phòng - Quảng Ninh)¹⁵: Đây là tuyến hành lang về thương mại, du lịch và một phần về công nghiệp. Bên cạnh đó, đây cũng là tuyến HLKT có vai trò kết nối đối ngoại quan trọng giữa Việt Nam và Trung Quốc.

- *Hành lang kinh tế Lạng Sơn - Bắc Giang - Hà Nội (một phần của HLKT Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh)*¹⁶: Đây là tuyến hành lang về thương mại, công nghiệp, đồng thời đóng vai trò quan trọng về kết nối trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

- *Hành lang kinh tế Thái Nguyên - Hà Nội*¹⁷: Đây là tuyến hành lang phục vụ cho cụm sản xuất công nghiệp điện tử mà trung tâm là nhà máy Samsung Thái Nguyên.

(ii) *Các tuyến hành lang kết nối thủ đô với các tỉnh trong vùng ĐBSH*

- *Hành lang kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh*¹⁸: Đây là hành lang công nghiệp - thương mại quan trọng nhất của vùng ĐBSH, có vai trò kết nối với khu vực và quốc tế.

- *Hành lang kinh tế Hà Nội - Hà Nam - Nam Định - Ninh Bình*¹⁹: Đây là hành lang mở rộng không gian phát triển của vùng xuống các tỉnh Nam ĐBSH, với định hướng phát triển công nghiệp và kết nối du lịch.

5. Phương án sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp liên tỉnh, liên huyện trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

Cấu trúc không gian phát triển của Thủ đô Hà Nội bao gồm: 5 không gian phát triển - 5 hành lang và vành đai kinh tế - 5 trục động lực - 5 vùng kinh tế - xã hội - 5 vùng đô thị. Cùng với Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ đô Hà Nội đóng vai trò là cực tăng trưởng của đất nước, đóng vai trò trọng yếu trong tam giác động lực của vùng đồng bằng sông Hồng (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh) và tứ giác phát triển khu vực miền Bắc (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh - Thanh Hoá). Cụ thể:

*** Năm không gian phát triển:** (1). Không gian trên cao; (2). Không gian công cộng; (3) Không gian văn hóa- sáng tạo; (4) Không gian số; (5). Không gian ngầm.

(1). *Không gian trên cao*: Không gian trên cao là không gian trên mặt đất gắn với khoảng không để phát triển các công trình xây dựng theo chiều cao thay cho phát triển mở rộng trên bề mặt; phát triển các công trình trên cao không giới hạn bởi mặt đất hoặc phát triển kiến trúc tạo giá trị gia tăng cho công trình.

(2). *Không gian công cộng*: Không gian dành cho các hoạt động công cộng để mọi người dân được tiếp cận và thụ hưởng, gồm các công viên, cây xanh, sông, hồ mặt nước, là nét đặc trưng riêng của đô thị Hà Nội.

(3). *Không gian văn hóa - sáng tạo*: Không gian các di tích lịch sử, di sản văn hóa, tổ chức các lễ hội truyền thống, các hoạt động văn hóa nghệ thuật và sinh hoạt văn

¹⁵ Gắn với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai và đường sắt Lào Cai - Hà Nội; đi qua các tỉnh trên địa bàn vùng là Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ.

¹⁶ Gắn với QL1, đường bộ cao tốc Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn, đường sắt Đồng Đăng - Hà Nội

¹⁷ Gắn với đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên

¹⁸ Là một phần của hai HLKT quan trọng là Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

¹⁹ Gắn với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và QL1.

hóa công đồng, các không gian sáng tạo hướng tới phát triển ngành công nghiệp văn hóa tương xứng với tiềm năng và lợi thế và giá trị ngàn năm văn hiến Thủ đô.

(4). *Không gian số*: Không gian mạng và viễn thông gắn với phát triển Chính quyền số - kinh tế số - xã hội số, đưa Hà Nội đứng trong nhóm dẫn đầu khu vực về dữ liệu số và Trí tuệ nhân tạo (AI).

(5). *Không gian ngầm*: Không gian phát triển giao thông có khối lượng vận chuyển lớn, các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm; không gian phát triển các hoạt động kinh doanh dịch vụ đô thị²⁰.

* **Năm hành lang và vành đai kinh tế**: Trên cơ sở các tuyến hành lang kinh tế được xác định trong Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch Thủ đô Hà Nội xác định vị trí đầu mối, hội tụ, đóng vai trò lan tỏa phát triển của Hà Nội tới các tỉnh, thành dọc theo các tuyến hành lang quốc gia để Thủ đô Hà Nội trở thành đầu mối giao lưu, kết nối và lan tỏa phát triển, đóng vai trò hạt nhân dẫn dắt, tạo điều kiện kích thích phát triển các địa phương vùng trung du miền núi Bắc bộ, vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng nằm trên các tuyến hành lang. Cụ thể:

- **Hành lang Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh**: có tính chất kết nối quốc tế với Vân Nam - Trung Quốc tại Hà Khẩu, Lào Cai: là trục kết nối chủ đạo của vùng động lực phía Bắc và kết nối vùng Trung du và miền núi phía Bắc với các trung tâm kinh tế, cảng biển lớn của cả nước; thúc đẩy hợp tác thương mại, đầu tư giữa các địa phương của Việt Nam và khu vực phía Tây Nam Trung Quốc. Trước năm 2030, tập trung phát triển mạnh mẽ tại khu vực Nội Bài - Sóc Sơn, giao cắt với QL18, hình thành trung tâm logistics phía Bắc, kết nối các tỉnh vùng trung du miền núi Bắc Bộ với 3 động lực phát triển phía Bắc của đất nước và vùng đồng bằng sông Hồng (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh). Ưu tiên tập trung phát triển thương mại, trung tâm phân phối hàng hóa khu vực phía Bắc và công nghiệp công nghệ cao, có khối lượng nhẹ, vận chuyển theo đường hàng không, các ngành công nghiệp có giá trị xuất khẩu lớn vận chuyển theo hướng QL18 ra cảng Cái Lân - Quảng Ninh, QL5 ra cảng Hải Phòng.

- **Hành lang Đông Bắc**: (Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh). Đây là tuyến hành lang đối ngoại quan trọng của quốc gia về kết nối trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc, kết nối giữa Thủ đô Hà Nội và tỉnh Nam Ninh (Trung Quốc). Tập trung đầu tư tại khu vực huyện, Long Biên, Gia Lâm. Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao; trung tâm logistics hiện đại gắn với cảng thủy nội địa Giang Biên và tuyến đường sắt tốc độ cao Yên Viên - Cái Lân.

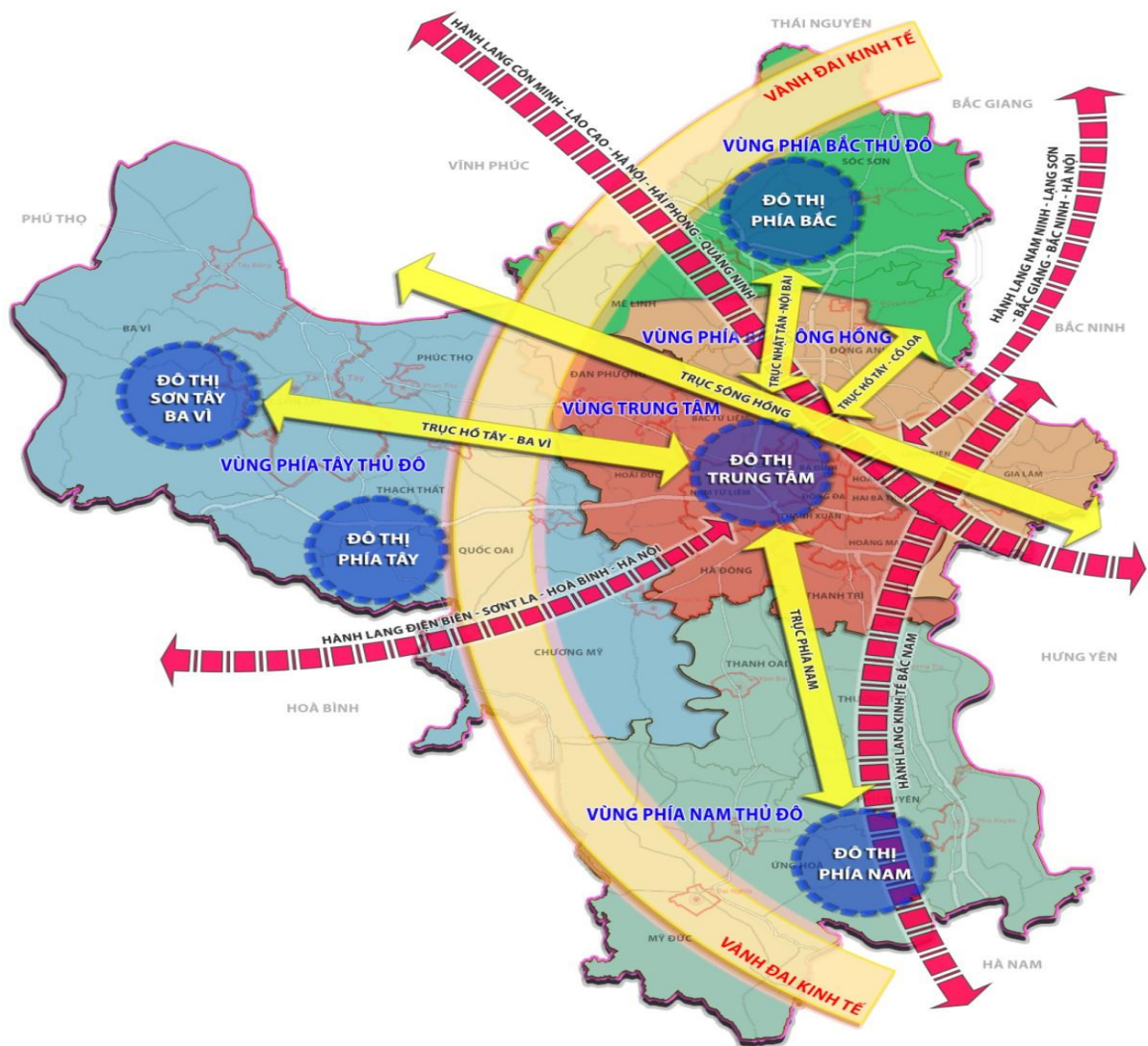
- **Hành lang Bắc Nam**: (theo trục hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh - Cà Mau). Hình thành trên cơ sở trục giao thông Bắc - Nam (đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Quốc lộ 1A; đường sắt Bắc - Nam và đường sắt tốc độ cao...). Đây là hành lang kinh tế có vị trí đặc biệt quan trọng, kết nối các vùng động lực, các đô thị lớn, trung tâm kinh tế, đóng góp lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, tạo tác động lan tỏa thúc đẩy sự phát triển đất nước, trong đó Thủ đô Hà Nội đóng vai trò là cực tăng trưởng. Tập trung đầu tư trung tâm logistics cấp vùng, tiến tới cấp quốc gia tại khu vực Ngọc Hồi - Thường Tín. Tập trung phát triển dịch vụ logistics, thương mại, công nghiệp hỗ trợ vận tải đường bộ, công nghiệp đường sắt. Trước năm

²⁰ Đảm bảo tính kế thừa về phát triển không gian ngầm theo Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 13/3/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm - thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000

2030, tập trung mở rộng cửa ngõ phía Nam Thủ đô, đặc biệt là các nút giao thông kết nối QL1A, 1B với nội đô.

- **Hành lang phía Tây - Bắc:** (kết nối các tỉnh Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội): tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng phục vụ trực tiếp thị trường rộng lớn là Thủ đô Hà Nội; Hình thành trung tâm đầu mối nông sản, chuỗi liên kết cung ứng - tiêu thụ nông sản dọc theo cao tốc Hà Nội – Hòa Bình – Sơn La, có tính chất thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tiểu vùng Tây Bắc; là tuyến hành lang kết nối năng lượng của Thủ đô.

- **Vành đai kinh tế vùng Thủ đô:** Là vành đai kết nối phát triển công nghiệp, dịch vụ thương mại và logistics của khu vực vùng Thủ đô dọc theo các tuyến đường vành đai 4, vành đai 5 - vùng Thủ đô đang được hình thành, có chức năng kết nối các tỉnh trung du miền núi phía Bắc với các tỉnh Nam đồng bằng sông Hồng.



Hình 3.13: Phương án sắp xếp và tổ chức không gian trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

*** Năm trục động lực:**

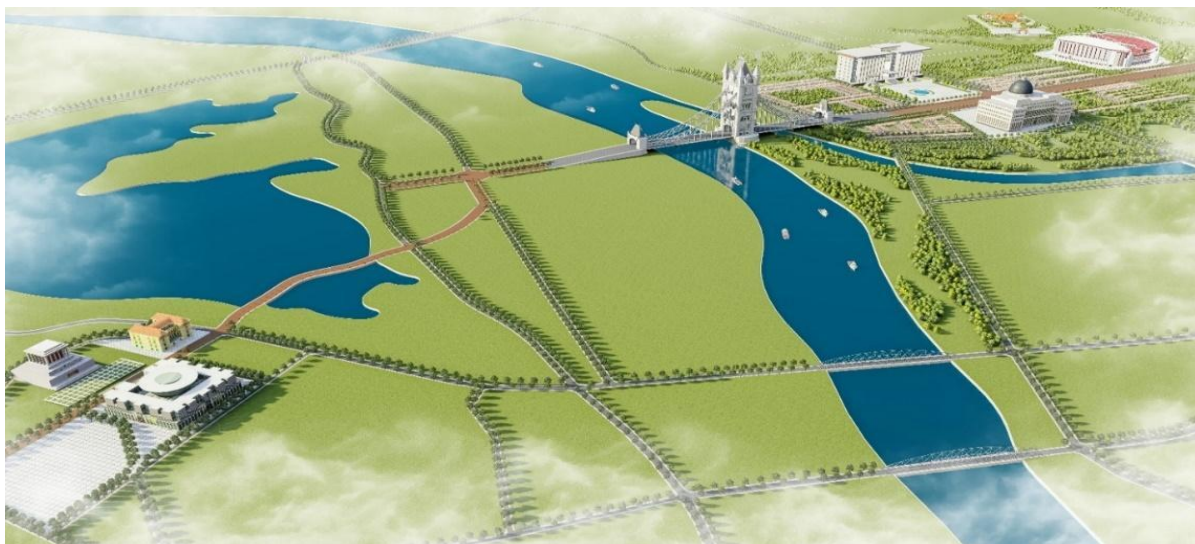
(1)- Trục sông Hồng: là trục không gian chủ đạo của đô thị trung tâm với đặc trưng cây xanh mặt nước, văn hóa lịch sử. Sông Hồng trở thành dòng sông nằm giữa khu vực đô thị phía Bắc - Nam Thủ đô, chảy qua trung tâm Thành phố. Về mặt hình thái, đô thị của Thủ đô Hà Nội sẽ quay mặt ra sông. Hai bên sông sẽ xây dựng con đường di sản văn hóa tái hiện lịch sử ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc và con đường giới thiệu cảnh quan, đất nước con người, hình ảnh đặc trưng của các vùng miền để phát triển các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng; là không gian tái hiện các lễ hội văn hóa truyền thống từ mọi miền Tổ quốc; kết nối với khu vực Hồ Tây, khu vực cầu Long Biên và phố cổ hình thành không gian phát triển các hoạt động du lịch, giải trí và kinh tế ban đêm.

(2)- Trục Hồ Tây - Cổ Loa: là trục kết nối di sản đô thị lịch sử, với cảnh quan, danh thắng, không gian văn hóa khu vực Hồ Tây và không gian văn hóa Cổ Loa; hình thành đại lộ với cầu Tứ Liên cùng với các công trình kiến trúc mang tính biểu tượng của Thủ đô tạo điểm nhấn thu hút du khách tham quan, ngắm cảnh hai bên sông Hồng.

(3)- Trục Nhật Tân - Nội Bài: là trục động lực kinh tế phía Bắc sông Hồng, là trục thông minh, đối ngoại, đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện hình ảnh của Thủ đô Hà Nội và Việt Nam ra thế giới; nơi thu hút các tổ chức quốc tế, các tập đoàn lớn nước ngoài đặt trụ sở và là trung tâm tài chính phía Bắc Thủ đô. Hình thành các trung tâm phát triển mới như: Trung tâm Hội chợ triển lãm quốc gia, Trung tâm công cộng, thương mại tài chính, đô thị thông minh, dịch vụ logistics, vui chơi giải trí, nơi tổ chức các sự kiện của khu vực và quốc tế.

(4)- Trục Hồ Tây - Ba Vì: là trục di sản văn hóa, kết nối khu vực trung tâm nội đô với các làng cổ, các di tích, danh thắng xung quanh Hồ Tây với vùng văn hóa xứ Đoài...; kết nối giữa trung tâm văn hóa Hồ Tây với trung tâm văn hóa xứ Đoài tạo nên trục di sản thu hút phát triển du lịch văn hóa, lịch sử và nghỉ dưỡng; là khu vực xây dựng các công trình văn hóa mang tính biểu tượng thời đại của Thủ đô Hà Nội.

(5)- Trục liên kết phía Nam: là trục đóng vai trò kết nối giữa đô thị trung tâm với khu vực phía Nam để thúc đẩy sự phát triển vùng huyện Phú Xuyên, Ứng Hòa, Mỹ Đức. Khi sân bay thứ 2 vùng Thủ đô được đầu tư phát triển, đây sẽ là trục kết nối đô thị trung tâm với sân bay quốc tế thứ hai và đô thị Phú Xuyên, Ứng Hòa; là trục kết nối di sản Thăng Long - Hoa Lư, gắn với vùng di tích Hương Sơn - Tam Chúc, kết nối giữa khu đô thị trung tâm với khu vực kinh tế tiềm năng phía Nam, liên kết Thủ đô với các tỉnh phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng và các tỉnh động lực phía Bắc vùng duyên hải miền Trung.



Hình 3.14: Hình ảnh kết nối của Trục Hồ Tây - Cổ Loa

** Năm vùng kinh tế - xã hội*

(1)- Vùng Trung tâm: (i) Tiểu vùng đô thị lõi gồm các quận: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Tây Hồ, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Cầu Giấy, Hoàng Mai, Thanh Xuân, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm, là Trung tâm chính trị, hành chính của cả nước, tập trung các cơ quan đầu não quốc gia, Trung ương Đảng, các Bộ, ngành Trung ương. Phát triển không gian văn hoá, khai thác di sản hình thành không gian dịch vụ mua sắm, ẩm thực, lưu trú và phát triển kinh tế ban đêm phục vụ du lịch (ii) Tiểu vùng đô thị mở rộng, gồm các quận/huyện: Hà Đông, Đan Phượng, Hoài Đức, Thanh Trì; là trung tâm đầu mối trung chuyển, các chợ đầu mối phân phối hàng hóa, dịch vụ phía Nam và Tây Nam cung cấp cho khu vực nội đô.

(2)- Vùng phía Bắc sông Hồng: đóng vai trò cửa ngõ kết nối Thủ đô với các tỉnh tiểu vùng phía Bắc vùng đồng bằng sông Hồng, gồm các quận/huyện: Long Biên, Gia Lâm và phân tập trung đô thị của huyện Đông Anh; là nơi dự kiến đặt trụ sở trung tâm hành chính mới; Trung tâm thể thao, vui chơi giải trí quốc gia, quốc tế; trung tâm thương mại dịch vụ và đầu mối trung chuyển phía Bắc và Đông Bắc; Trung tâm kinh tế, tài chính - ngân hàng mới của Thủ đô.

(3)- Vùng phía Nam Thủ đô: đóng vai trò cửa ngõ liên kết với các tỉnh phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng, gồm các huyện: Thường Tín, Phú Xuyên, Ứng Hòa, Thanh Oai, Mỹ Đức; là động lực phát triển của khu vực phía Nam Thủ đô và các tỉnh phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng khi hình thành sân bay thứ hai.

(4)- Vùng Tây Nam Thủ đô: đóng vai trò cửa ngõ kết nối với các tỉnh phía Tây Bắc, gồm các huyện: Phúc Thọ, Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ và thị xã Sơn Tây; là trung tâm giáo dục - đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao của cả nước và Thủ đô.

(5)- Vùng phía Bắc Thủ đô: gồm huyện Sóc Sơn, Mê Linh và 1 phần huyện Đông Anh. Là đô thị cửa ngõ phía Bắc, trung tâm sản xuất công nghiệp công nghệ cao, trung tâm nghiên cứu và triển khai phục vụ các hoạt động sản xuất linh kiện điện tử và công nghiệp ô tô, trung tâm dịch vụ bán buôn, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao, trung tâm logistic và phân phối gắn với cảng hàng không quốc tế Nội Bài và các tuyến đường bộ, đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Quảng Ninh - Hải Phòng.

SƠ ĐỒ PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG KINH TẾ - XÃ HỘI THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050



Hình 3.15: Tổ chức không gian các hoạt động KT-XH hội Thủ đô thời kỳ 2021-2030

* **Năm vùng đô thị**, gồm: (1) Đô thị Trung tâm; (2) Thành phố phía Tây; (3) Vùng đô thị Sơn Tây- Ba Vì; (4) Thành phố phía Bắc; (5) Đô thị phía Nam.

- Vùng đô thị Trung tâm: gồm hai tiểu vùng phía Bắc sông Hồng và phía Nam sông Hồng gồm các quận hiện có và các quận sẽ hình thành quận trong tương lai, có vai

trò phát huy giá trị nội đô lịch sử, kết hợp hài hòa các xu thế phát triển văn minh, hiện đại.

- Thành phố phía Tây (vùng Hoà Lạc - Xuân Mai): Định hướng phát triển thành phố khoa học và đào tạo.

- Thành phố phía Bắc gồm Sóc Sơn, Mê Linh và một phần Đông Anh: Định hướng trở thành thành phố với chức năng công nghiệp công nghệ cao và trung tâm logistic kết nối đa phương thức vận tải.

- Vùng đô thị phía Nam (Phú Xuyên - Ứng Hòa): Định hướng phát triển thành Thành phố phía Nam khi sân bay thứ 2 vùng Thủ đô hình thành.

- Vùng đô thị Sơn Tây- Ba Vì gồm thị xã Sơn Tây và một phần huyện Ba Vì:: Định hướng trở thành thành phố văn hóa - du lịch.

V. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Phương án phát triển đô thị

1.1. Quan điểm phát triển và tổ chức không gian

- Thủ đô Hà Nội là đô thị đặc biệt, bao gồm không gian đô thị trung tâm và không gian ngoài đô thị trung tâm gồm cả khu vực đô thị và nông thôn được tổ chức theo mô hình Thành phố thuộc Thủ đô, đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái được quản lý và phát triển theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn của đô thị đặc biệt của Thủ đô, không thực hiện theo các tiêu chuẩn phân loại đô thị.

- Phát triển Hà Nội trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; có bản sắc, tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị phía Bắc và cả nước. Phát triển nông nghiệp nông thôn sinh thái, văn minh, có bản sắc của nông thôn đồng bằng Bắc bộ.

- Phát triển đô thị theo mô hình chùm đô thị với đô thị trung tâm và các thành phố, các đô thị vệ tinh. Xây dựng mô hình thành phố trực thuộc Thủ đô với điều kiện đặc thù về mô hình quản trị, thể chế để trở thành khu vực động lực phát triển Thủ đô; nghiên cứu, hình thành các mô hình đô thị mới theo chức năng đặc thù; mô hình đô thị với tiêu chuẩn, tiện nghi vượt trội để thu hút giới tinh hoa trong nước và thế giới.

- Phát triển đô thị gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh; phát triển nhà ở; hệ thống công sở, văn phòng làm việc; mạng lưới đường sắt đô thị, các điểm TOD tích hợp sử dụng đất; mạng lưới dịch vụ thương mại, công nghiệp; các công trình văn hóa; mạng lưới thể dục thể thao; mạng lưới giáo dục đào tạo; nông lâm ngư nghiệp...; coi trọng phát triển khai thác không gian ngầm, không gian trên cao, hạn chế sử dụng không gian bề mặt để tăng diện tích cho không gian xanh, không gian công cộng.

1.2. Mục tiêu phát triển

- Phát triển Thủ đô là Thành phố “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại; ***Hà Nội trở thành đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết*** vùng đô thị; có mức sống và chất lượng cuộc sống cao; kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hoà.

- Phát triển đô thị theo hướng đô thị trung tâm gắn với thúc đẩy ***phát triển các thành phố trực thuộc Thủ đô***; quản lý chặt chẽ mật độ xây dựng và không gian xanh tại khu vực trung tâm; rà soát và triển khai đồng bộ các chương trình cải tạo, chỉnh trang

tái thiết đô thị. Ưu tiên phát triển các điểm đô thị hiện đại, đồng bộ ở vùng ven đô. Đầu tư phát triển các đô thị có giá trị về văn hóa, lịch sử, di sản, du lịch, đô thị, gắn với những địa bàn có nhiều tiềm năng phát triển du lịch kết hợp hài hòa với phát triển nông thôn, bảo vệ môi trường cảnh quan, tạo sự bền vững.

- **Sông Hồng là trục xanh cảnh quan văn hóa, du lịch, dịch vụ trung tâm Thành phố**, phát triển đô thị phía Bắc sông Hồng cân đối đô thị phía Nam: xây dựng trung tâm hành chính mới và trung tâm thể thao quốc gia, trung tâm vui chơi giải trí ở khu vực đô thị phía Bắc sông Hồng, xây dựng trục đô thị Nhật Tân – Nội Bài là đô thị thông minh – kết nối toàn cầu; nghiên cứu tăng tỉ lệ đất phát triển đô thị; quy hoạch phát triển không gian ngầm đô thị, không gian xanh và không gian công cộng. Quy hoạch xây dựng khu vực nông thôn hài hòa, gắn với xu thế phát triển đô thị, giữ gìn bản sắc mô hình nông thôn truyền thống; khai thác hiệu quả cảnh quan thiên nhiên vùng nông thôn, hành lang xanh kết hợp với phát triển du lịch sinh thái.

1.3 Định hướng phát triển không gian đô thị

a) Định hướng chung phát triển đô thị

(1). *Phát triển Thủ đô Hà Nội theo hướng thành phố kết nối toàn cầu, trung tâm động lực phát triển quốc gia.* Đảm bảo hoàn thiện các tiêu chí xây dựng thành phố kết nối và có năng lực cạnh tranh toàn cầu về phát triển kinh tế. Khai thác tối đa các điểm đặc thù của đô thị Hà Nội để phát triển kinh tế đô thị, thúc đẩy cải tạo, chỉnh trang, khai thác các khu phố cổ, phố cũ, các không gian văn hóa - lịch sử để phát triển dịch vụ, công nghiệp văn hóa, du lịch. Nghiên cứu - triển khai, phát triển văn hóa, môi trường đô thị, khả năng tiếp cận và sử dụng giao thông công cộng vì chất lượng cuộc sống của người dân; chủ động thích ứng với xu thế phát triển xanh, phát triển tuần hoàn trong quy hoạch không gian, phát triển hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cải thiện chất lượng môi trường đô thị.

Cải tạo các không gian, cơ sở hạ tầng hiện hữu tại khu vực nội đô để đáp ứng các yêu cầu, điều kiện hợp tác quốc tế, kết nối toàn cầu. Phát triển các cơ sở hạ tầng mới tại các khu vực đô thị mở rộng, đặc biệt là khu vực phía Bắc sông Hồng thuộc Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn với cơ sở hạ tầng hiện đại, đạt chuẩn quốc tế. Khai thác tối ưu khu vực nội đô mở rộng và phát triển phía Bắc sông Hồng gắn với sân bay Nội Bài trở thành trung tâm kết nối quốc tế; hợp tác phát triển, chia sẻ chức năng vùng với các địa phương lân cận, nhất là các địa phương nằm trong chuỗi vành đai 4, vành đai 5 và mở rộng ra hành lang phía Đông kết nối Hải Phòng - Quảng Ninh. Kết nối không gian vùng đô thị lớn hiện đại, sinh thái, năng động theo cấu trúc vành đai và trục hướng tâm. Các khu vực phát triển đô thị tập trung theo mô hình TOD được định hướng theo các nhà ga và trục đường sắt đô thị.

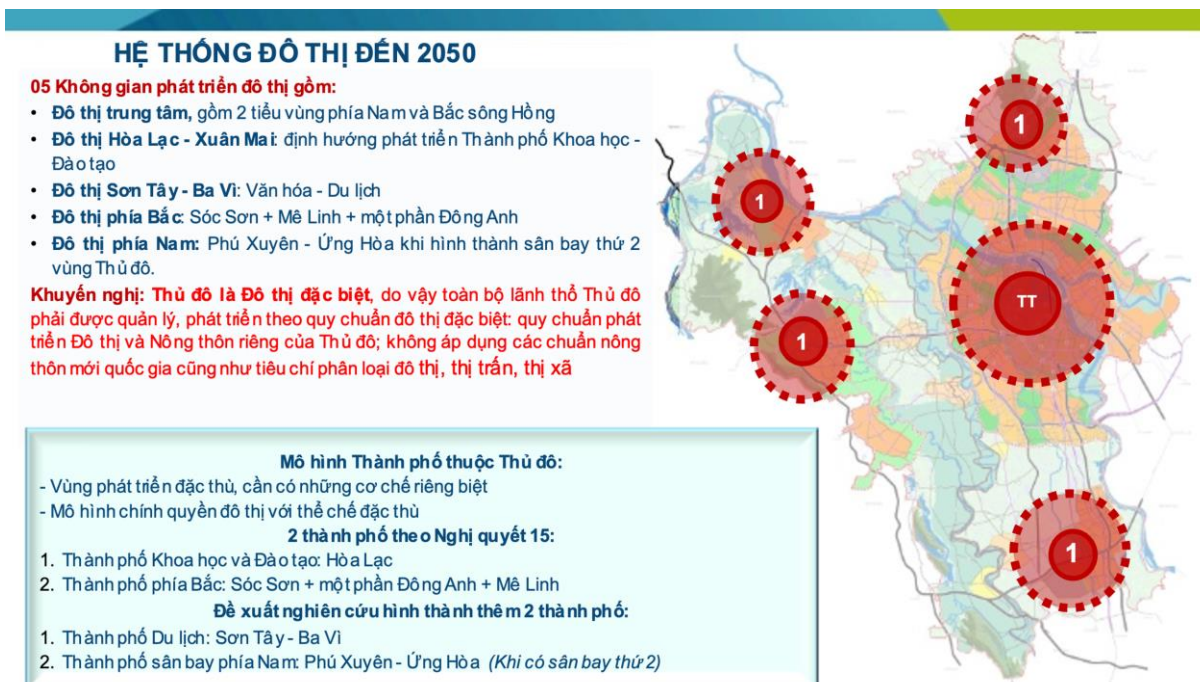
(2). *Phát triển không gian đô thị theo hướng theo cấu trúc vành đai và hướng tâm.* Tập trung hình thành một số cực tăng trưởng mới, từng bước tạo ra chùm đô thị, mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD); Tái thiết đô thị trung tâm giàu bản sắc văn hóa theo định hướng bảo tồn; đồng thời phát triển đô thị thông minh, chất lượng sống cao, có khả năng thu hút dân cư trong nội thành; Dự trữ quỹ đất để phát triển trung tâm chức năng mới của Thủ đô theo hướng dịch chuyển ra các khu vực đô thị mới, giảm tải cho khu vực nội đô; lấy sông Hồng là trục phát triển. Ưu tiên phát triển các chức năng mới của Thủ đô, tạo điều kiện việc làm, điều kiện nhà ở và chất lượng sống cao, thu hút chuyên gia, trí thức.

(3). *Phát triển đô thị theo mô hình TOD.* Ưu tiên phát triển mạng lưới giao thông công cộng, đường sắt đô thị gắn với hình thành hệ thống chuỗi đô thị phía Tây Nam và chuỗi đô thị phía Bắc sông Hồng theo mô hình TOD; phát triển tập trung cao tầng, đảm bảo

mật độ dân số để khai thác vận hành hiệu quả các tuyến giao thông công cộng. Tại khu vực nội đô, tập trung cải tạo tổng thể các khu chung cư cũ và các nhà ở thấp tầng theo mô hình TOD để tạo lập các khu đô thị mới văn minh, hiện đại, đảm bảo liên kết đa phương tiện chặt chẽ, thuận tiện, kết hợp khai thác cảnh quan, trung tâm thương mại, giải trí, trung tâm công cộng. Tại khu vực phát triển mở rộng khu vực phía Nam sông Hồng và phía Bắc sông Hồng, phát triển các khu đô thị tập trung, hỗn hợp, thông minh theo mô hình TOD; phát triển tập trung, cao tầng tại trung tâm, thấp tầng tại không gian xanh. Tại khu vực đô thị ngoài trung tâm, thị trấn sinh thái, phát triển giao thông công cộng, kết nối nhanh để thúc đẩy các đô thị Hòa Lạc, Sơn Tây, Sóc Sơn, Xuân Mai, phát triển mô hình TOD theo chức năng (dịch vụ, du lịch, nhà ở) gắn với các đầu mối giao thông.

(4). *Phát triển đô thị hiện đại thông minh*, linh hoạt: (i) Cấu trúc đô thị thông minh, áp dụng mô hình TOD; (ii) sử dụng phương tiện giao thông công cộng thông minh, tiết kiệm nhiên liệu; (iii) người dân thông minh trên nền tảng có trình độ dân trí cao; (iv) hoạt động kinh tế thông minh; (v) chính quyền đô thị thông minh, áp dụng công nghệ trong quản lý; (vi) bố trí và xây dựng các công trình hạ tầng xã hội vận hành thông minh, thân thiện với cư dân, đảm bảo nhu cầu an sinh xã hội của người dân trong khu vực. Sử dụng đất đa chức năng cho phép nhiều thành phần khác nhau cùng hoạt động và phát triển, tăng tính tương tác; cho phép sử dụng đất thay đổi theo nhu cầu của nền kinh tế.

(5). *Phát triển không gian đô thị gắn với chiến lược phát triển xanh* theo nguyên tắc bảo tồn không gian cảnh quan sinh thái tự nhiên của khu vực, đặc biệt bảo vệ nghiêm ngặt các hồ, không gian mặt nước để tạo cảnh quan, điều hòa tiêu thoát nước; kết hợp với các giải pháp bổ cập nước, xử lý ô nhiễm môi trường, khai thác lợi thế cảnh quan hệ thống sông để tạo không gian sinh thái đặc sắc của Thủ đô; Bảo tồn các di sản, làng nghề, làng truyền thống, các di tích văn hóa lịch sử, cảnh quan tự nhiên; Thu hút phát triển các lĩnh vực sản xuất công nghệ cao, sinh thái, đảm bảo điều kiện môi trường. Áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, phát triển xanh, hạ tầng xanh. Phát triển các đô thị tập trung tại thị Hòa Lạc, Sơn Tây, Xuân Mai, Sóc Sơn, Phú Xuyên, thị trấn sinh thái. Phát triển mạng lưới đô thị nông thôn thấp tầng, mật độ thấp trong vùng hành lang xanh; kiểm soát phát triển mở rộng, hoàn thiện (không gian, hạ tầng, dịch vụ) các điểm dân cư nông thôn.

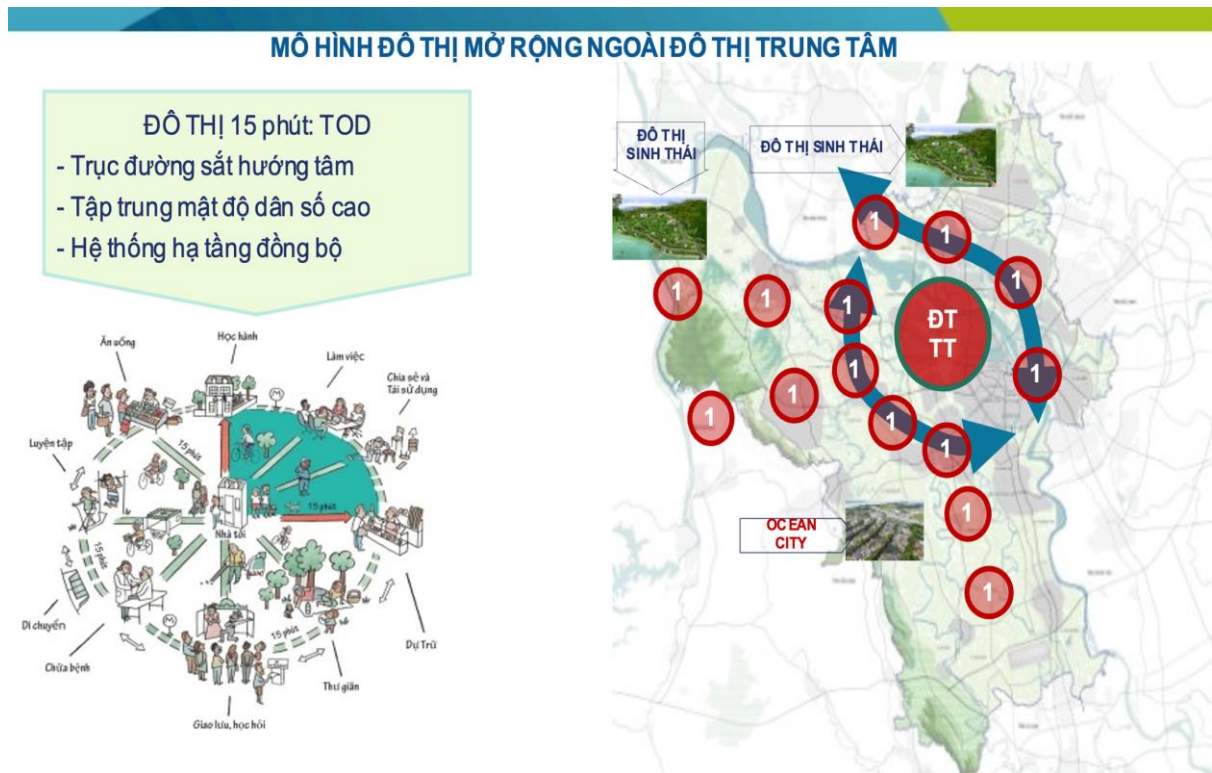


Hình 3.16: Mô hình đô thị trung tâm và thành phố thuộc Thủ đô

(6) *Phát triển đô thị sinh thái, áp dụng mô hình thành phố trực thuộc Thủ đô để hỗ trợ thúc đẩy các khu vực phát triển đô thị mở rộng, trước mắt tập trung áp dụng cho Hòa Lạc, Đông Anh, Mê Linh; từng bước hình thành đô thị với đầy đủ chức năng để người dân, người lao động sinh sống làm việc tại chỗ; từng bước hình thành thành phố với các khu vực đô thị ngoài trung tâm và thành lập quận với các khu vực nằm ở đô thị trung tâm; phát triển các đô thị mới xanh, thông minh, thị trấn sinh thái để giảm tải áp lực từ đô thị trung tâm và tạo động lực phát triển cho khu vực nông thôn; xây dựng đồng bộ về cơ sở hạ tầng, quy hoạch kiến trúc hiện đại, sinh thái, thông minh, gắn với các trung tâm, chức năng động lực của quốc gia. Xây dựng mô hình các quận xanh, sinh thái thành hình mẫu tiêu biểu của cả nước.*

b) Mô hình cấu trúc phát triển không gian đô thị

(1). *Mô hình cấu trúc vành đai và hướng tâm:* Phát triển tập trung theo khu vực, hành lang, hạn chế phát triển lan tỏa (theo kiểu vết dầu loang), tự phát giữa đô thị và nông thôn. Phát triển vành đai đô thị đồng bộ, hiện đại theo mô hình TOD xung quanh đô thị lịch sử. Bảo vệ, bảo tồn các giá trị kiến trúc, cảnh quan, di tích, di sản đô thị nông thôn hiện. Kết hợp hài hòa giữa cấu trúc không gian với cấu trúc giao thông, cấu trúc tự nhiên và mạng lưới trung tâm chức năng đô thị tạo mạng lưới đô thị nông thôn đặc trưng. Kiểm soát chặt việc phát triển mở rộng các điểm dân cư nông thôn nằm trong hành lang xanh.

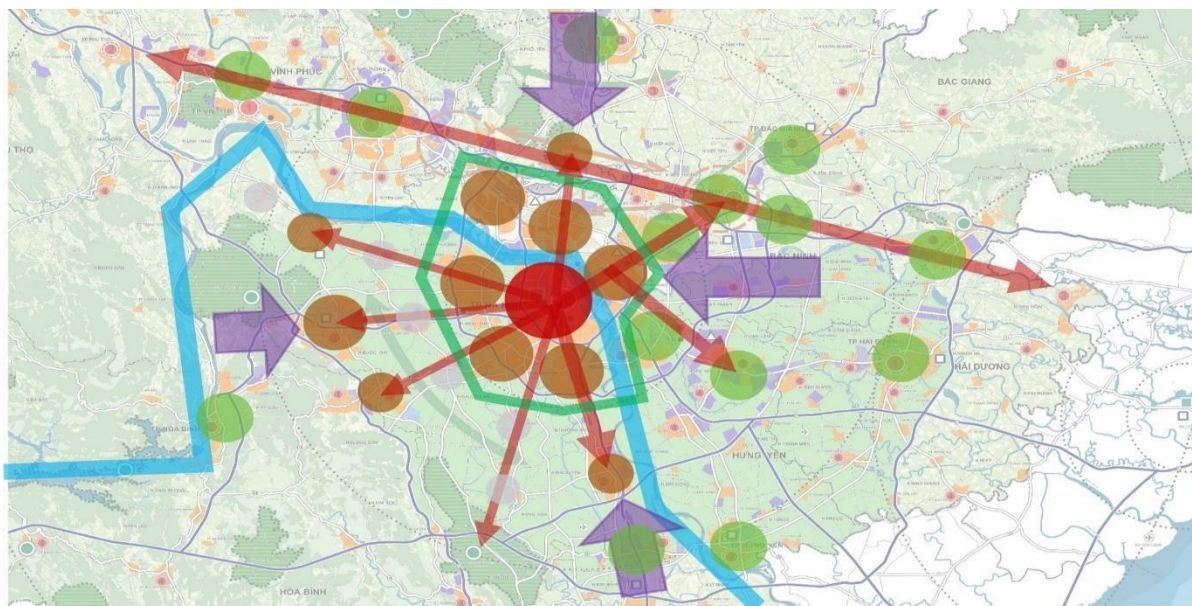


Hình 3.17: Mô hình đô thị ngoài trung tâm theo cấu trúc vành đai hướng tâm

(2). *Mô hình cấu trúc đa cực:* Hình thành các trung tâm chức năng cấp vùng, quốc gia và quốc tế để tạo nên động lực cho các khu vực phát triển đô thị mở rộng. Các trung tâm cấp quốc gia nằm phía Nam sông Hồng, các trung tâm chức năng quốc tế nằm phía Bắc sông Hồng. Trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia ở khu vực Ba Đình; Trung tâm thành phố Hà Nội hiện tại khu vực Hồ Gươm, định hướng quy hoạch phát triển Trung tâm hành chính mới phía Bắc sông Hồng; hình thành trục đại lộ - quảng trường kết nối Trung tâm hành chính mới phía Bắc sông Hồng với Trung tâm hành chính Quốc gia ở Ba Đình. Phát triển các trung tâm khoa học công nghệ, dịch vụ quốc tế, tài

chính quốc tế, đổi mới sáng tạo ... Dự trữ không gian để phát triển các chức năng trong tương lai tại phía Tây và phía Bắc.

(3). *Mô hình cấu trúc theo vùng đô thị lớn*: Khai thác 05 không gian (không gian trên cao; không gian công cộng; không gian văn hóa – sáng tạo; không gian số; không gian ngầm), hình thành cấu trúc vành đai và hướng tâm gồm 01 trung tâm (Khu vực nội đô); 03 vành đai (VĐ3, VĐ4, VĐ5); 08 trục hướng tâm (QL1; QL6; Đại lộ Thăng Long; Quốc lộ 32; Quốc lộ 5; Hà Nội Bắc Ninh; Quốc lộ 3; Quốc lộ 2) và 01 trục không gian cảnh quan sông Hồng; các vùng liên huyện. Hệ thống đô thị gồm 1 đô thị trung tâm và các thành phố thuộc Thủ đô.



Hình 3.18: Cấu trúc không gian đô thị Hà Nội

c) Phương án phát triển không gian hệ thống đô thị

Hệ thống đô thị Hà Nội đến 2030 và tầm nhìn 2050 sẽ tổ chức theo mô hình: ***đô thị trung tâm, các trục đô thị hướng tâm, các chùm đô thị là trung tâm vùng và tiểu vùng kết nối với đô thị trung tâm***. Tại mỗi khu vực phát triển đô thị, đảm bảo hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng kinh tế xã hội đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu giao thông, tiếp cận tốt nhất các dịch vụ xã hội, nhất là yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dịch vụ giáo dục có chất lượng. Tăng cường đầu tư hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh, xã hội số và kinh tế số. Thiết kế, xây dựng các công trình kiến trúc, các khu phố, vùng đô thị mang bản sắc và các đặc trưng văn hóa Hà Nội. Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa phù hợp với điều kiện phát triển hạ tầng, gắn với nâng cao hiệu quả kinh tế đô thị, cải thiện chất lượng cuộc sống người dân. Định hướng phát triển không gian đô thị như sau:

(1). Khu vực nội đô gồm 10 quận nội thành hiện hữu:

Thực hiện bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị của khu vực phố cổ, các di sản văn hóa, các tích lịch sử, các khu kiến trúc Pháp, khu trung tâm hành chính Ba Đình, hệ thống các di tích văn hóa lịch sử, cảnh quan sinh thái, làng truyền thống có giá trị ... trở thành trung tâm văn hóa của Hà Nội; Thực hiện các chính sách khuyến khích người dân sinh sống tại khu vực bảo tồn di dời nơi ở, cải tạo khu bảo tồn thành không gian phát triển thương mại, lưu trú phục vụ du lịch, tạo thêm cơ hội việc làm mới.

Cải tạo, tái thiết khu vực nội đô, các khu vực đô thị hiện hữu. Phân loại đô thị hiện hữu thành các khu vực: giữ lại chỉnh trang; khu vực cải tạo bổ sung hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khu vực chuyển đổi, tái thiết đô thị như các khu tập thể cũ, các khu sản xuất chuyển đổi, khu dân cư đô thị hóa tự phát, nhà ở tự xây không đảm bảo an toàn, không phù hợp các tiêu chí đô thị văn hiến, văn minh, hiện đại, theo hình thức và lộ trình phù hợp. Áp dụng mô hình phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng (TOD) tại các khu vực có quy hoạch ga đường sắt đô thị. Áp dụng mô hình thu gom điều chỉnh đất tại các khu vực phù hợp trên nguyên tắc đảm bảo các tiêu chuẩn về cứu hỏa, cứu nạn, diện tích kích thước tối thiểu, mật độ và chiều cao xây dựng. Có chính sách hỗ trợ phù hợp đối với người dân khi thực hiện các mô hình cải tạo, chỉnh trang đô thị.

Thực hiện bảo tồn, phát huy các giá trị của các khu vực Hoàng thành Thăng Long, Phố cổ, phố cũ, di tích văn hóa lịch sử, cảnh quan sinh thái và các khu vực quy hoạch kiến trúc có giá trị. Tái thiết đô thị các khu tập thể cũ, khu dân cư đô thị hóa tự phát, các khu vực làng xóm đô thị hóa. Kiểm soát hài hòa giữa xây dựng mới, xây dựng cải tạo và bảo tồn các khu vực có giá trị. Tập trung vào cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông công cộng, cải thiện cảnh quan môi trường hệ thống sông hồ mặt nước, bổ sung hạ tầng xã hội thiết yếu, kiểm soát chặt công trình cao tầng. Phát triển sáng tạo, tạo sức hấp dẫn cho đô thị.

(2). *Phát triển mở rộng đô thị trung tâm về phía Tây và phía Nam thuộc địa giới hành chính Đan Phượng, Hoài Đức, Hà Đông, Thanh Trì và một phần Thanh Oai, Thường Tín*: gắn với trục đô thị theo hành lang vành đai 4, Tại các khu vực phát triển đô thị mở rộng thuộc đô thị trung tâm và các trục đô thị hướng tâm, trục đô thị dọc vành đai 4, phát triển mô hình đô thị tập trung gắn với các đầu mối giao thông công cộng, trung tâm dịch vụ, văn hóa thể thao, gắn với các không gian dịch vụ, việc làm và các tiện ích công cộng đô thị. Ngoài phạm vi phát triển đô thị nén tập trung, phát triển không gian công cộng, công viên cây xanh, mô hình nông nghiệp đô thị và mô hình đô thị sinh thái, với tỷ lệ diện tích xây dựng thấp, diện tích dành phát triển cây xanh, mặt nước chiếm tỷ lệ cao; hạn chế phát triển đô thị theo mô hình phân lô phát triển nhà ở thấp tầng.

(3). *Khu vực đô thị phía Đông* gồm Long Biên, Gia Lâm và phần quận Đông Anh (sẽ hình thành trong tương lai) phát triển các dịch vụ đầu mối về thương mại logistics, dịch vụ hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực, y tế, văn hóa chất lượng cao, thương mại tài chính cho vùng phía Đông thuộc đồng bằng Sông Hồng, giảm áp lực trực tiếp vào khu vực Nội đô. Khai thác các khu vực chuyển đổi, phát triển các khu đô thị nén tập trung cao tầng, gắn với các dịch vụ hiện đại, thông minh của vùng.

(4). *Khu vực đô thị phía Bắc* gồm Mê Linh, Sóc Sơn và một phần Đông Anh (ngoài phạm vi hình thành quận), bao gồm cả không gian đô thị, các vùng nông thôn và khu công nghiệp, với trung tâm là khu vực sân bay quốc tế Nội Bài với hệ thống các dịch vụ và trung tâm phân phối, trung chuyển hàng hóa, hành khách theo đường hàng không, trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao giải trí; trung tâm y tế phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh khu vực phía Bắc, thu hút phát triển các trung tâm về nghiên cứu phát triển, dịch vụ tài chính, đào tạo nguồn nhân lực và dịch vụ hỗ trợ.

(5). *Khu vực đô thị nông thôn phía Tây Thủ đô*, gồm thị xã Sơn Tây và các huyện Phúc Thọ, Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ: Là trung tâm nghiên cứu khoa học, đào tạo và chuyển giao, ứng dụng phát triển các sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm bán dẫn, công nghiệp phần mềm và trí tuệ nhân tạo; xây dựng thành phố Khoa học và Đào tạo tại khu vực Hòa Lạc. Khu vực Sơn Tây – Ba Vì là trung tâm du lịch văn hóa, thăm quan các làng cổ, di tích lịch sử, du lịch sinh thái, kết hợp nghỉ dưỡng; Phát triển

hành lang sinh thái dọc sông Đáy, sông Tích gắn với phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái, sạch, công nghệ cao kết hợp với du lịch trải nghiệm; Phát triển các sản phẩm công nghiệp làng nghề, hình thành không gian văn hóa du lịch sản phẩm kỹ nghệ nghề truyền thống. Thu hút phát triển dân cư gắn với thị trấn sinh thái Phúc Thọ, Quốc Oai, Chúc Sơn, bổ sung cơ sở hạ tầng dịch vụ hiện đại, chất lượng tương đương đô thị tại các làng xóm hiện hữu, hạn chế việc mở rộng lan tỏa, tự phát.

(6). *Khu vực đô thị phía Nam Thủ đô*, gồm các huyện Thường Tín, Phú Xuyên, Ứng Hòa, Thanh Oai, Mỹ Đức: Trở thành trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh hiện đại; là trung tâm đầu mối logistics lớn của vùng Thủ đô kết nối khu vực phía Nam; là trung tâm công nghiệp hỗ trợ vận tải, phân phối và công nghiệp đường sắt; là trung tâm du lịch văn hóa, tín ngưỡng trên tuyến du lịch văn hóa, tín ngưỡng kết nối với Hà Nam và Ninh Bình, kết hợp du lịch nghỉ dưỡng sinh thái và du lịch nghỉ dưỡng trên vùng hồ nước.

(7). *Phát triển Trục Sông Hồng trở thành không gian văn hóa, kinh tế, sinh thái, biểu tượng cho Thủ đô Hà Nội*. Phân thành 3 khu vực gồm: đoạn 1 từ Ba Vì đến cầu Hồng Hà dài 90km; đoạn 2 từ cầu Hồng Hà đến cầu Mễ Sở dài 40km qua đô thị trung tâm; đoạn 3 từ Mễ Sở đến hết Phú Xuyên dài 30km được phát triển vận tải đường thủy, khai thác du lịch, dịch vụ văn hóa, dịch vụ sinh thái, nông nghiệp.

Trên cơ sở phương án phòng chống lũ lụt xác định 3 hành lang bao gồm: Hành lang thuộc chỉ giới thoát lũ đã được phê duyệt cấm mốc: đảm bảo di dời các công trình xây dựng, vật cản. Cho phép xây dựng công trình hạ tầng, cầu, cảng, bến trên cột, không ảnh hưởng tới dòng chảy thoát lũ; Hành lang từ chỉ giới thoát lũ đến chỉ giới đô thị mới khai thác các dịch vụ sinh thái thích ứng với cao độ và tần suất ngập nước. Hành lang được xác định hình thành các tuyến mới được quản lý theo chức năng đô thị, ưu tiên các công trình dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng, các công trình tạo cảnh quan dọc sông Hồng. Xây dựng hai bên sông thành con đường di sản giới thiệu lịch sử, văn hóa dân tộc và giới thiệu hình ảnh, cảnh quan đất nước con người của mọi miền tổ quốc, tạo điểm nhấn dọc sông Hồng. Kiểm soát chặt sự chuyển đổi các khu vực hiện hữu. Hạn chế phát triển nhà ở; có chính sách khuyến khích các khu dân cư hiện hữu ở khu vực trung tâm chuyển đổi chức năng sang du lịch, dịch vụ.

(8). *Tiến hành chỉnh trang, cải tạo, khai thác khu vực hồ Tây và phụ cận*, tạo lập các không gian văn hoá, không gian sáng tạo, không gian công cộng, không gian xanh, sinh thái.

(9). *Khai thác không gian khu vực phố cổ*, thí điểm đầu tư theo hình thức đầu tư công quản trị tư đối với một số không gian ngầm khu vực nội đô lịch sử. Phục dựng, nâng tầm kiến trúc đặc thù “phố Pháo” gắn liền với các hoạt động kinh tế cốt lõi, trung tâm tài chính, thương mại quốc gia. Bảo tồn và phục dựng các giá trị của các công trình kiến trúc và các trục không gian đô thị có giá trị.

(10). *Phát triển không gian trên mặt đất với các mô hình tuần hoàn*, tự thâm thấu trong thoát nước đô thị; từng bước nghiên cứu, áp dụng hình thức tự điều chỉnh đất đai để giãn dân khu vực nội đô. Khai thác các không gian trên cao với nguyên tắc việc đầu tư xây dựng phải đảm bảo đáp ứng được điều kiện về giao thông và hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, tạo công trình điểm nhấn tại các cửa ngõ, trục hướng tâm. Khai thác không gian mặt nước phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, áp dụng mô hình đô thị TOD nhằm tạo dựng các khu vực đô thị nén có hiệu quả sử dụng đất tối ưu, cân đối dân số phù hợp với lợi thế của mạng lưới giao thông công cộng khối lượng lớn tại khu vực này.

(11). *Nghiên cứu, xây dựng mô hình thành phố trực thuộc Thủ đô* trở thành các vùng động lực phát triển với 6 yếu tố cốt lõi: (i) Ưu tiên phát triển các ngành quan trọng; (ii) Hạ tầng đồng bộ, hiện đại, sẵn sàng cho tương lai; (iii) Nơi đáng sống (người dân hạnh phúc, cộng đồng vững mạnh, môi trường sống an toàn, lành mạnh); (iv) Thể chế, chính sách đặc thù, vượt trội; (v) Kết nối toàn cầu; (vi) Đô thị 15 phút.

- Thành phố phía Bắc (vùng Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn): Đô thị dịch vụ, công nghiệp công nghệ cao, kết nối quốc tế, tiên phong trong khởi nghiệp sáng tạo. Được hỗ trợ bởi các cơ chế chính sách hỗ trợ đặc thù vượt trội để phát triển các mô hình đô thị xanh, đô thị xanh, được xây dựng đồng bộ, hiện đại, để thu hút các tập đoàn đa quốc gia, nhà đầu tư chiến lược hàng đầu của cả nước đến xây dựng trụ sở, phát triển sản xuất kinh doanh. Phát triển không gian đô thị theo mô hình TOD, đô thị 15 phút, khai thác trọng tâm sân bay quốc tế Nội Bài, trục động lực phát triển Nhật Tân - Nội Bài, gắn với bảo vệ và phát huy hệ thống mặt nước sông Hồng, sông Thiếp, sông Cà Lồ, các di sản khu di tích Cổ Loa, di tích hiện có trên địa bàn.

- Thành phố phía Tây (vùng Hoà Lạc, Xuân Mai): Đô thị đại học, trung tâm hàng đầu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của quốc gia với Khu công nghệ cao Hoà Lạc là hạt nhân. Xây dựng đô thị sinh thái, hiện đại, với các dịch vụ, tiện ích công cộng hiện đại, chất lượng cao với khu vực Sơn Tây là hạt nhân, tạo môi trường hấp dẫn thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, có chính sách hỗ trợ đặc thù thu hút các chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu đến sinh sống làm việc.

(12). *Mô hình phát triển không gian đô thị của Thủ đô* gồm: đô thị trung tâm và các Thành phố thuộc Thủ đô, đô thị vệ tinh, các thị trấn sinh thái. Trong thành phố thuộc Thủ đô bao gồm có cả khu vực đô thị và nông thôn được quản lý và phát triển theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn riêng của đô thị Hà Nội. Trước mắt thành lập thành phố phía Bắc và thành phố phía Tây; trong tương lai sẽ nghiên cứu hình thành thêm thành phố Sơn Tây và thành phố phía Nam.

2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

2.1. Quan điểm phát triển

- Phát triển nông thôn Hà Nội theo đặc trưng riêng của nông thôn trong Thủ đô về mọi phương diện cơ sở vật chất, văn hóa lối sống, lao động việc làm và môi trường sản xuất.

- Phát triển cân bằng và hài hòa giữa đô thị và nông thôn; xây dựng hạ tầng khu vực nông thôn theo tiêu chuẩn đô thị. Hạn chế tối đa sự phân hóa giàu nghèo và điều kiện sống.

- Hình thành các khu vực phát triển ổn định và ban hành các công cụ quản lý phát triển cụ thể cho khu vực nông thôn. Nghiên cứu mô hình phát triển làng hiện nay thành mô hình làng nông thôn - đô thị, dựa trên những nền tảng: đơn vị cư trú là khuôn viên nhà vườn, sản xuất nông nghiệp trồng trọt- chăn nuôi, không gian sống lành mạnh- sinh thái, tiện nghi và chất lượng sống tương đương đô thị, tiếp nối truyền thống gia đình- dòng họ và cộng đồng xưa nay...

- Từng bước chuyển dịch nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa chất lượng cao, cung ứng các sản phẩm cho nhu cầu của Thủ đô.

- Phát triển nông thôn nhằm bảo tồn được các giá trị cảnh quan, văn hóa lối sống và di sản, di tích trong vùng nông thôn

- Khắc phục được các vấn đề môi trường trong nông thôn hiện nay.

2.2. Mục tiêu phát triển

- Phát triển nông thôn hiện đại; nông dân và cư dân nông thôn văn minh, có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nhất là các tiêu chí về y tế, giáo dục, văn hóa, môi trường và thu nhập. Phấn đấu đến năm 2030, Thành phố có 50% số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 30% số huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn được đầu tư đồng bộ hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân. Duy trì phát triển làng nghề, văn hóa truyền thống... Hệ thống chính trị vững mạnh; an ninh, trật tự và an toàn xã hội được đảm bảo.

- Thu nhập của nông dân khu vực nông thôn Thủ đô đạt 120 triệu đồng/người/năm trở lên. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt 95% trở lên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 80-85%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 60%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ở các huyện, thị xã đạt 100%.

2.3. Các định hướng tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

- Phát triển khu vực nông thôn hài hoà, gắn với phát triển đô thị, giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống vùng đồng bằng sông Hồng (nông thôn Bắc Bộ), kết nối đồng bộ với quy hoạch khu vực đô thị. Xây dựng các khu vực nông thôn theo hướng mô hình làng nông nghiệp đô thị (Agritown) với không gian sống lành mạnh - sinh thái, tiện nghi và chất lượng sống tương đương khu vực đô thị.

- Phát triển kinh tế nông thôn gắn với dịch vụ hỗ trợ đô thị, kinh tế sinh thái, khai thác các giá trị văn hóa, di tích văn hóa lịch sử, làng nghề truyền thống ... phát triển các dịch vụ du lịch. Phát triển nông thôn sinh thái, xanh, hiện đại, nông dân văn minh, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử truyền thống dân tộc, quản lý xây dựng các làng xã khu vực nông thôn vừa giữ gìn được nét văn hoá truyền thống, giàu bản sắc, vừa có khu phát triển hiện đại, văn minh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tổ chức không gian khu vực nông thôn gắn với sản xuất ***nông nghiệp sinh thái***, thân thiện với môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, hỗ trợ chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến và kinh doanh nông nghiệp, hỗ trợ về hạ tầng, giống, quảng bá sản phẩm, đào tạo bồi dưỡng... khi đầu tư vào phát triển nông nghiệp sinh thái, du lịch nông thôn, du lịch trải nghiệm, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn của Thủ đô; lấy nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn làm yếu tố căn bản trong phát triển.

- Xây dựng ***nông thôn hiện đại*** gắn với những tiến bộ trong thực hiện tiêu chí về thu nhập, giảm nghèo đa chiều, có tỷ lệ lao động được đào tạo nghề cao, phát triển đa dạng các mô hình liên kết, mô hình hợp tác xã, khuyến nông, phát triển làng nghề,... để sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Xây dựng nông thôn hiện đại phải gắn với phát triển văn hóa - xã hội - môi trường, đặc biệt là lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm; đồng thời, xây dựng nông thôn hiện đại, gắn với xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức có kiến thức, kinh nghiệm, có phẩm chất, đạo đức tốt, luôn gắn bó, gần gũi với nhân dân. Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển

kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hóa, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn “sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững”.

- **Nông dân văn minh:** cần sớm bổ sung cơ chế, chính sách để hỗ trợ nông dân tiếp cận; đào tạo kiến thức, huấn luyện kỹ năng, cập nhật kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, trang bị kiến thức mới, khả năng làm chủ máy móc, thiết bị công nghệ,... cho nông dân. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo khu vực nông thôn để tạo điều kiện người dân được tiếp cận các dịch vụ giáo dục hiện đại, tương đồng như khu vực đô thị. Tiếp tục bổ sung cơ chế, chính sách để tạo môi trường, điều kiện tốt nhất cho sự gắn kết “bốn nhà”: Nhà nông, nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp. Sự gắn kết này ngày càng chặt chẽ, thì tri thức người nông dân được nâng cao, nông nghiệp sẽ phát triển nhanh, bền vững. Nghiên cứu đề quy hoạch và phát triển các trường đào tạo cho nông dân, con em nông dân, tạo đội ngũ nông dân chuyên nghiệp hóa; đồng thời, trang bị kiến thức để người nông dân tự chủ, tự giác đóng góp sức mình nhằm bảo vệ, tôn tạo, phát huy các di sản, truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc anh em. Người nông dân văn minh là người có ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường, xây dựng “tình làng, nghĩa xóm”, ủng hộ, tự nguyện xây dựng các tổ hợp tác, hợp tác xã, xây dựng các mối liên kết để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và phát triển toàn diện nông thôn.

- Định hướng xây dựng nông thôn mới theo các tiêu chuẩn tiệm cận tiêu chuẩn đô thị, đặc biệt hệ thống hạ tầng, bảo vệ môi trường theo mô hình: Nông thôn - Đô thị hoá. Xây dựng các tiêu chí và quy chuẩn phát triển các vùng nông thôn đô thị hóa tiệm cận với các tiêu chí của phường, giúp các địa phương có bước phát triển tốt hơn khi trở thành phường tiệm cận phát triển lên đô thị.

- Phát triển nông thôn gắn với các làng nghề có giá trị văn hoá - lịch sử, giá trị kinh tế. Bảo tồn làng cổ, hình thành không gian bảo tồn kiến trúc, phát triển du lịch trải nghiệm. Phát triển nghề, làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch, tạo thành các tua du lịch hấp dẫn... Quy hoạch cụm công nghiệp làng nghề. Xây dựng không gian giới thiệu sản phẩm làng nghề toàn thành phố thành trung tâm giới thiệu sản phẩm văn hóa làng nghề Hà Nội. Giải quyết môi trường theo tiêu chuẩn đô thị phù hợp với nông thôn.

- Phát triển hệ thống điểm dân cư nông thôn Hà Nội phải đáp ứng được các yêu cầu về CNH, HDH nông nghiệp, nông thôn; các tiêu chí xây dựng nông thôn mới khu vực Hà Nội; nâng cao dịch vụ du lịch, nghỉ ngơi cho đô thị; xây dựng môi trường văn hoá, thiên nhiên cảnh quan và sống tốt cho đô thị; yêu cầu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và tổ chức theo mô hình công nhân nông nghiệp.

3. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

- Giai đoạn 2023 - 2025: Thực hiện sắp xếp đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

- Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Việc lập và thực hiện quy hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 ngoài tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cần phải tính đến kết quả sắp xếp giai đoạn trước, đơn vị hành chính ổn định từ lâu, có vị trí biệt lập, có các yếu tố đặc thù và các đơn vị hành chính nông thôn đã được quy hoạch thành đơn vị hành chính đô thị.

- Phạm vi ranh giới cụ thể của từng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thời kỳ quy hoạch Thủ đô Hà Nội.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NHỮNG KHU VỰC KHÓ KHĂN, ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN, NHỮNG KHU VỰC CÓ VAI TRÒ ĐỘNG LỰC

1. Khu công nghệ cao

1.1. Khu công nghệ cao Hòa Lạc

a. Vị trí, quy mô: Khu công nghệ cao Hòa Lạc nằm phía Tây, cách trung tâm Hà Nội khoảng 30 km. Khu công nghệ cao được quy hoạch ở 02 phía của Đại lộ Thăng Long và xây dựng chủ yếu trên địa bàn huyện Thạch Thất với tổng quy mô khoảng 1.650 ha (khu vực phía Bắc của Đại lộ Thăng Long khoảng 1.262,2 ha và phía Nam Đại lộ Thăng Long khoảng 323,7 ha).

b. Mục tiêu và Định hướng phát triển:

- *Mục tiêu:* Trở thành hạt nhân xây dựng và thúc đẩy thành phố Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới, sáng tạo hàng đầu của cả nước và khu vực.

Tập trung các cơ sở ươm tạo công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao và đào tạo nhân lực công nghệ cao; hình thành chuỗi gắn kết giữa nghiên cứu và sản xuất, tạo sự lan tỏa, dẫn dắt một số lĩnh vực mũi nhọn; thực thi vai trò đầu mối cung cấp công nghệ và là trung tâm chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước.

Đến năm 2030, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cơ bản hoàn thành mục tiêu xây dựng và đi vào hoạt động hoàn chỉnh, vận hành theo mô hình đô thị thông minh, góp phần xây dựng thành phố đổi mới sáng tạo Hòa Lạc, là phần lõi của đô thị vệ tinh Hòa Lạc.

- *Định hướng phát triển:* phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc theo mô hình mở, trở thành đầu mối quan trọng của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, có hạ tầng hiện đại và thông minh; thúc đẩy phát triển chuỗi hoạt động tri thức và công nghệ giữa các trường đại học, tổ chức nghiên cứu và triển khai, doanh nghiệp và thị trường.

Tập trung phát triển các lĩnh vực công nghệ có nhiều khả năng thu hút nguồn lực nghiên cứu và phát triển. Phát triển các sản phẩm công nghệ cao (bao gồm các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của Thủ đô Hà Nội); phát triển hệ sinh thái ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao theo hướng năng động, sáng tạo, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

1.2. Khu công nghiệp Công nghệ cao Sinh học - Hà Nội

a. Vị trí, quy mô: Thuộc địa phận quận Bắc Từ Liêm, diện tích khoảng 203,66 ha (khu công nghệ cao sinh học có vị trí giáp với KCN Nam Thăng Long về phía Đông);

b. Mục tiêu và Định hướng phát triển:

- *Mục tiêu:* Phát triển thành khu khoa học kỹ thuật chất lượng cao, hiện đại; nghiên cứu, giáo dục, phát triển ứng dụng sản xuất thực nghiệm và chuyển giao công nghệ cao.

- *Định hướng phát triển:*

Hoàn thành các thủ tục đầu tư, phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng và đưa Khu công nghệ cao sinh học vào đầu tư xây dựng trước năm 2025;

Hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng trong và ngoài hàng rào, phân đầu thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh từ năm 2025-2026 với diện tích giai đoạn 1 khoảng 45 ha.

Thu hút đầu tư từ các tập đoàn, công ty hàng đầu thế giới về phát triển công nghệ sinh học góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ sinh học trong khu vực.

1.3. Khu CNTT tập trung Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội

a. Vị trí, quy mô: Khu có diện tích 32,14 ha, thuộc địa bàn Quận Long Biên.

b. Mục tiêu và Định hướng phát triển:

- *Mục tiêu:* Thu hút đầu tư các dự án phát triển CNTT, các doanh nghiệp công nghệ thông tin hiện đại, có sức cạnh tranh cao, góp phần đưa ngành công nghiệp công nghệ thông tin Hà Nội trở thành ngành kinh tế chủ lực, trong đó công nghiệp phần mềm, nội dung số và dịch vụ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần quan trọng vào tăng trưởng GRDP và xuất khẩu của thành phố.

- *Định hướng phát triển:*

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật để thu hút đầu tư, phát triển.

Lựa chọn, triển khai đầu tư một số vườn ươm điểm, chuyên nghiên cứu phát triển các sản phẩm đặc thù phục vụ công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp.

Hỗ trợ, khuyến khích đầu tư các hoạt động nghiên cứu phát triển trong Khu công nghệ thông tin Hà Nội; đẩy mạnh việc trao đổi, kết hợp các hoạt động sản xuất và nghiên cứu giữa các khu công nghệ thông tin và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.

Xây dựng và phát triển mạng liên kết giữa các Khu công nghệ thông tin Hà Nội với các trường đại học, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực công nghệ thông tin để chia sẻ thông tin, tri thức giữa các đơn vị đào tạo, nghiên cứu với các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Danh mục quy hoạch các khu công nghệ cao

TT	Loại hình	Số lượng	Diện tích (ha)	
			Giai đoạn đến năm 2030	Sau năm 2030
1	Khu công nghệ cao	02	1.789,66	1.789,66

TT	Loại hình	Số lượng	Diện tích (ha)	
			Giai đoạn đến năm 2030	Sau năm 2030
	- Khu CNC Hoà Lạc		1.586	1.586
	- Khu CNC sinh học		203,66	203,66
2	Khu CNTT tập trung Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội (Quận Long Biên)	01	32,14	32,14

2. Khu công nghiệp

a) Định hướng chung phát triển các khu công nghiệp:

Thời kỳ 2021-2030: Trên địa bàn Thành phố Hà Nội sẽ có 22 khu công nghiệp (gồm 17 khu công nghiệp đã phê duyệt và 05 khu công nghiệp bổ sung) với tổng diện tích 3.828 ha (tổng diện tích quy hoạch khoảng 5.594 ha).

Đến năm 2030, tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp toàn thành phố đạt 65-70% (bao gồm 07 khu công nghiệp đã lấp đầy 100% và 07 khu công nghiệp phát triển mới) và tất cả các khu công nghiệp hoạt động, hoàn thành đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

Thời kỳ 2031 - 2050: Quy hoạch và phát triển mở rộng hoàn thiện 22 khu công nghiệp với tổng diện tích quy hoạch 5.594 ha. Ổn định các doanh nghiệp sản xuất trong khu công nghiệp. Khuyến khích và tạo điều kiện cho doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị và công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp đã thành lập giai đoạn trước năm 2030; thu hút lấp đầy diện tích đất công nghiệp của giai đoạn trước; ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Rà soát, xử lý các dự án chậm tiến độ, dự án hoạt động không hiệu quả để thu hồi đất, tạo quỹ đất tiếp tục thu hút đầu tư các dự án có hiệu quả. Đến năm 2050, cơ bản các khu công nghiệp của Thủ đô được xây dựng và chuyển đổi theo mô hình khu công nghiệp sinh thái (Eco-Industrial Park). Phát triển một số khu công nghiệp công nghệ cao gắn với xây dựng đô thị khởi nghiệp sáng tạo.

b) Danh mục quy hoạch các khu công nghiệp

STT	Danh mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Tình trạng
	Tổng		5.594	
1	KCN Thăng Long	Xã Hải Bối và Kim Chung (Đông Anh)	274,3	Đã thành lập; hoàn thành hạ tầng, lấp đầy 100%

STT	Danh mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Tình trạng
2	KCN Nội Bài	Xã Quang Tiến và Mai Đình (Sóc Sơn)	114,1	Đã thành lập; hoàn thành hạ tầng, lấp đầy 100%
3	KCN Sài Đồng B	Quận Long Biên	40	Đã thành lập; hoàn thành hạ tầng, lấp đầy 100%
4	KCN Nam Thăng Long	Phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm	31,5	Đã thành lập; hoàn thành hạ tầng, lấp đầy 100%
5	KCN Quang Minh I MR	TT Quang Minh, huyện Mê Linh	407,9	Hoàn thành hạ tầng, lấp đầy 100%
6	KCN Quang Minh II	TT Quang Minh, huyện Mê Linh	160	Đang trong quá trình triển khai ĐTXD và điều chỉnh giảm diện tích QH
7	KCN Thạch Thất - Quốc Oai	H. Thạch Thất và Quốc Oai	150,78	Đã thành lập; hoàn thành hạ tầng, lấp đầy 100%; Điều chỉnh giảm diện tích
8	KCN Phú Nghĩa	H. Chương Mỹ	170,1	Đã thành lập; hoàn thành hạ tầng, lấp đầy 100%
9	KCN Hồ Trợ Nam Hà Nội - Giai đoạn I	xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên	76,9	Đã thành lập; tỷ lệ lấp đầy gần 100%
10	KCN sạch Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn	302,8	Đã thành lập
11	KCN Hồ Trợ Nam Hà Nội - Giai đoạn II	xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên	368	
12	KCN Bắc Thường Tín	Huyện Thường Tín	112	Điều chỉnh giảm diện tích
13	KCN Phụng Hiệp	Huyện Thường Tín	174,8	
14	KCN Đông Anh	Huyện Đông Anh	300	
15	KCN Tiến Thắng	Huyện Mê Linh	450	Điều chỉnh tăng diện tích
16	Phú Nghĩa II	H. Chương Mỹ	389	Đổi tên từ Phú Nghĩa mở rộng
17	KCN Khu Cháy	Huyện Ứng Hoà	550	
18	KCN Bắc Phú Xuyên	Huyện Phú Xuyên	215	
19	KCN Phụng Hiệp (mở rộng)	Huyện Thường Tín	87	Bổ sung mới
20	KCN Thanh Văn-Tân Ước	Huyện Thanh Oai	350	Bổ sung mới
21	KCN Xuân Dương	Huyện Thanh Oai	150	Bổ sung mới

STT	Danh mục	Địa điểm	Diện tích quy hoạch (ha)	Tình trạng
22	KCN Ba Vì	Huyện Ba Vì	310	Bổ sung mới
23	KCN Phù Đồng	Huyện Gia Lâm	410	Bổ sung mới

3. Khu du lịch

(1). Khu du lịch Di tích lịch sử Đá Chông và Vườn quốc gia Ba Vì:

- Phạm vi: Toàn bộ khu vực Di tích Đá Chông, Khu vực vườn quốc gia Ba Vì, khu vực Đền Thờ Bác trên núi Ba Vì, khu vực Đền Thượng.

- Định hướng phát triển: Du lịch văn hóa, lịch sử và tâm linh kết hợp du lịch sinh thái, tham quan, nghiên cứu, bảo tồn đa dạng sinh học, vườn thú tự nhiên trong rừng quốc gia Ba Vì kết hợp lưu trú nghỉ dưỡng.

(2). Khu du lịch Suối Hai:

- Vị trí, quy mô: Hồ Suối Hai là hồ nước ngọt nhân tạo nằm dưới chân núi Ba Vì, thuộc địa bàn xã Cẩm Lĩnh, Ba Trại, Thụy An, Tản Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Quy mô Khu du lịch dự kiến khoảng 2.000 - 2.200 ha.

- Định hướng phát triển: Trở thành trung tâm du lịch sinh thái, du lịch vui chơi giải trí, thể thao, sân golf, hàng đầu cả nước với hệ thống khu nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp các hoạt động trải nghiệm thiên nhiên như leo núi, cắm trại, tham quan tự nhiên... Gắn kết du lịch khu vực hồ Suối Hai với các điểm du lịch trên địa bàn, hình thành sản phẩm du lịch đa dạng, chất lượng theo hướng phát triển du lịch văn hoá lịch sử, tâm linh kết hợp với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nhằm tạo ra những bút phá.

(3). Khu du lịch Làng VHDL các dân tộc Việt Nam - Hồ Đồng Mô

- Vị trí, quy mô: Thị xã Sơn Tây. Quy mô diện tích khoảng 2.000 - 2.200 ha.

- Định hướng phát triển: tiếp tục hoàn thiện Làng văn hóa - du lịch các dân tộc Việt Nam gắn với hồ Đồng Mô - Ngải Sơn và vùng du lịch Ba Vì - Viên Nam, phát triển hệ thống hạ tầng đô thị hiện đại và đồng bộ gắn với hệ sinh thái tự nhiên tại khu vực.

(4). Khu du lịch danh thắng Hương Sơn - Lễ hội chùa Hương

- Vị trí, quy mô: Huyện Mỹ Đức. Quy mô diện tích khoảng 4.900-5.000 ha.

- Định hướng phát triển: Xây dựng không gian du lịch văn hóa, tín ngưỡng và khám phá tự nhiên “Chùa Hương - Nam Thiên Đệ Nhất Động” thành một quần thể du lịch và tổ chức lễ hội văn hóa kết hợp khu nghỉ dưỡng cao cấp ven hồ, phát triển du lịch mạo hiểm khám núi rừng Hương Sơn; phát triển du lịch văn hoá lịch sử, tâm linh kết hợp với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; Bảo vệ cảnh quan sinh thái, bảo vệ khu bảo tồn, đa dạng sinh học, xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

(5). Khu du lịch sinh thái hồ Quan Sơn - Tuy Lai

- Vị trí, quy mô: Huyện Mỹ Đức. Quy mô diện tích khoảng 2.300-2.500 ha.

- Định hướng phát triển: phát triển theo mô hình các trang trại, nhà vườn sinh thái ven sông; du lịch nghỉ cuối tuần: hình thành một số khu du lịch nghỉ dưỡng Làng quê Việt, du lịch văn hóa: Tham quan, nghiên cứu hệ thống di tích lịch sử văn hóa, kiến

trúc nghệ thuật; Phát triển ở khu vực hồ Quan Sơn với các loại hình sản phẩm chính như: gôn, thể thao nước, du lịch đường thủy trên sông Đáy.

(6). Khu du lịch sinh thái, văn hoá và vui chơi giải trí Sóc Sơn

- Vị trí, quy mô: Huyện Sóc Sơn. Quy mô diện tích khoảng 700-900 ha.

- Định hướng phát triển: Du lịch văn hóa lễ hội, tâm linh gắn liền với tín ngưỡng tôn sùng Thánh Gióng một trong Tứ Bất tử của dân tộc; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, dã ngoại cuối tuần gắn giá trị sinh thái ở khu vực Hồ Đồng Quan, Đàm Lai Cách, Núi Sóc, núi Hàm Lợn, Núi Đồi...; du lịch thể thao, vui chơi giải trí như đua ngựa, đua chó, thi đấu thể thao, marathon, xe đạp, đi bộ trekking..., du lịch nông nghiệp.

(7). Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí Đàm Vân Trì

- Vị trí, quy mô: Huyện Đông Anh. Quy mô diện tích khoảng 500 ha

- Định hướng phát triển: Du lịch văn hóa, lễ hội kết hợp tham quan di tích và trải nghiệm, tìm hiểu làng nghề truyền thống; du lịch thể thao, vui chơi giải trí; du lịch golf, phim trường, công viên tổng hợp; du lịch sinh thái, VCGT tổng hợp, nghỉ cuối tuần, du lịch MICE...

(8). Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí thể thao cao cấp hồ Văn Sơn

- Vị trí, quy mô: Huyện Chương Mỹ. Quy mô diện tích khoảng 200-300 ha.

- Định hướng phát triển:

(9). Khu du lịch và giải trí Tuần Châu

- Vị trí, quy mô: Huyện Quốc Oai. Quy mô diện tích khoảng 200 ha.

- Định hướng phát triển: trang trại, nhà vườn sinh thái, du lịch nghỉ cuối tuần, du lịch thể thao, vui chơi giải trí cao cấp.

(10). Khu du lịch nghỉ dưỡng An Phú

- Vị trí, quy mô: Huyện Mỹ Đức Quy mô diện tích khoảng 1.000 ha.

- Định hướng phát triển: Du lịch văn hóa lễ hội tâm linh: Phát triển khu vực Hương Sơn với lễ hội Chùa Hương; du lịch nghỉ dưỡng, nghỉ cuối tuần và sinh thái: khai thác tiềm năng du lịch sinh thái nổi bật ở khu vực hồ Quan Sơn – hồ Tuy Lai, xã An Phú...

4. Khu nghiên cứu, đào tạo

Hình thành các khu nghiên cứu, đào tạo dựa trên các quỹ đất phát triển các trường đại học (gồm mô hình trung tâm đầu não tại nội đô và phân tán các trường đại học ra các đô thị ngoài trung tâm), tận dụng phát huy nguồn nhân lực có trình độ cao, từng bước đầu tư xây dựng các trường đại học nằm trong danh sách những trường được đánh giá cao của khu vực Châu Á và thế giới.

Xây dựng mới các cơ sở trường theo hướng các khu, cụm đại học tập trung, được đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất phù hợp với môi trường giáo dục đào tạo để hình thành khu đô thị khoa học công nghệ và đào tạo. Tại khu vực đô thị trung tâm sẽ hạn chế phát triển các cơ sở trường có quy mô đào tạo lớn, loại hình đào tạo mang tính chất đại trà, hướng nghiệp và có những cơ chế nghiêm ngặt để quản lý việc cải tạo chất lượng cơ sở vật chất hiện có góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Phát triển các mô hình đô thị đại học, khu đại học tập trung, cụm trường tại các khu vực đô thị Hòa Lạc, Xuân Mai, Sơn Tây, Sóc Sơn. Hệ thống trường này gắn kết với

các cảnh quan tự nhiên, cây xanh sinh thái và các giải pháp tổ chức hình thái đô thị để tạo nên các không gian đô thị sinh thái phù hợp với môi trường đào tạo đại học.

Quỹ đất dự kiến bố trí xây dựng các cơ sở đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu gắn kết giữa đào tạo - nghiên cứu - ứng dụng, kết nối dễ dàng, điều kiện tự nhiên phù hợp với chức năng đào tạo, hạn chế sử dụng đất nông nghiệp và đáp ứng các nhu cầu dự trữ cho phát triển trong dài hạn. Quỹ đất bố trí phát triển trường bao gồm các chức năng: học tập, nghiên cứu, dịch vụ công cộng, thể dục thể thao, ký túc xá sinh viên, nhà ở cán bộ, công viên cây xanh, dự trữ phát triển và hệ thống hạ tầng hỗ trợ khác.

Bảng 3.2: Quy hoạch khu nghiên cứu, đào tạo

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô	Định hướng
1	Khu đô thị Đại học tại Hòa Lạc (Đại học quốc gia Hà Nội và cơ sở 2 của một số Trường Đại học KHCN và Kinh tế)	Thạch Thất	2.500 ha	Trung tâm đầu não về khoa học kỹ thuật công nghệ cao, trung tâm chuyển giao, phát triển thị trường KHCN và khởi nghiệp.
2	Khu giáo dục đào tạo tại Sơn Tây	Sơn Tây, Ba Vì	300-350 ha	Đào tạo lĩnh vực An ninh quốc phòng, văn hóa, nghệ thuật, du lịch và sư phạm
3	Khu giáo dục đào tạo tại Xuân Mai	Chương Mỹ	300 ha	Trung tâm đào tạo, nghiên cứu về Lâm nghiệp, Khoa học đất và hỗ trợ khởi nghiệp
4	Khu giáo dục đào tạo tại Sóc Sơn	Sóc Sơn	200-300 ha	Cụm trường đào tạo, nghiên cứu phát triển ngành hàng không,
5	Cơ sở nghiên cứu thực nghiệm	Phú Xuyên	300 ha	Cơ sở nghiên cứu Khoa học công nghệ cao Sinh học và nông nghiệp
6	Cụm cơ sở nghiên cứu, Gia Lâm	Gia Lâm	200 ha	Khu vực Gia Lâm bố trí cụm trường đào tạo, nghiên cứu ngành nông nghiệp và phụ trợ

5. Khu thể dục thể thao, trung tâm công nghiệp văn hóa, sáng tạo

Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở đảm bảo yêu cầu huấn luyện và thi đấu thể thao tại khu liên hiệp TDTT Mỹ Đình. Định hướng xây Khu thể thao phía Bắc sông Hồng (phục vụ đại hội thể thao cấp quốc tế Olympic, Asiad),.... Khu nghiên cứu phát triển thể thao điện tử quốc tế tại Thanh Trì, khu thể thao phía Tây (tổ hợp thể thao địa hình tầm cỡ quốc tế)...

Bảng 3.3: Quy hoạch các khu thể dục, thể thao

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô	Định hướng
1	Khu liên hợp thể thao Mỹ Đình	Nam Từ Liêm	245 ha	Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật tại Khu Liên hợp thể thao quốc gia Mỹ Đình theo quy hoạch chi tiết được duyệt gồm có 02 khu chính: (1) Khu thể thao, đào tạo vận

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô	Định hướng
				động viên cấp cao Hà Nội do thành phố Hà Nội quản lý có diện tích 55 ha; (2) Khu Liên hợp thể thao Quốc gia thuộc Bộ VHTTDL quản lý có diện tích 192 ha. Hình thành 01 trung tâm huấn luyện quốc gia trọng điểm phục vụ huấn luyện vận động viên cho các môn thể thao trọng điểm, xác định mục tiêu huy chương tại Đại hội thể thao Châu Á và Đại hội thể thao thế giới”; Hoàn thiện đầu tư công trình đạt tiêu chuẩn tổ chức Đại hội thể thao Châu Á.
2	Khu liên hợp thể thao quốc gia phía Bắc sông Hồng	Đông Anh Mê Linh Sóc Sơn	250 ha 250 ha 150 ha	Khu vực Đông Anh phát triển tổ hợp các công trình đa năng phục vụ đại hội thể thao cấp quốc tế Olympic, Asiad,...; Khu vực Sóc Sơn phát triển trung tâm đua ngựa, đua chó, trường đua xe, đặt cược thể thao; Khu vực bãi sông Hồng thuộc Mê Linh phát triển tổ hợp sân golf và các môn thể thao trên mặt nước sông Hồng
3	Khu liên hợp thể thao Nam Hà Nội	Thanh Trì, Thường Tín	150-200 ha	Phát triển Trung tâm Nghiên cứu phát triển thể thao điện tử Quốc tế
4	Khu thể thao phía Tây tại Sơn Tây	Sơn Tây	60ha	Tổ hợp thể thao địa hình tầm cỡ quốc tế
5	Khu liên hợp thể thao Miếu Môn	Xã Miếu Môn- Huyện Mỹ Đức	20ha	Khu liên hợp thể thao quân sự Army Games Miếu Môn (Trung tâm HLQSQG 4)
6	Khu thể thao phía Tây	Hòa Lạc- Xuân Mai	20ha	Tổ hợp liên hiệp thể thao học sinh – sinh viên quốc gia, hệ thống phụ trợ khi có các sự kiện thể thao quốc tế đặt tại Thành phố phía Tây; hình thành tổ hợp huấn luyện và ương mầm thể thao quốc gia mới dành cho giới trẻ
7	Khu thể thao dân tộc và trò chơi dân gian sông Hồng	(Trung tâm văn hóa, thể thao và du lịch sông Hồng)	20ha	Thể thao dân tộc và trò chơi dân gian

6. Phương án phát triển vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn

Vùng khó khăn của thành phố Hà Nội tập trung chủ yếu ở các huyện Ba Vì (07 xã: Khánh Thượng, Ba Vì, Vân Hòa, Yên Bài, Tân Lĩnh, Minh Quang, Ba Trại), Thạch Thất (03 xã: Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung), Quốc Oai (02 xã: Đông Xuân, Phú Mãn), Mỹ Đức (01 xã: An Phú). Đây cũng là vùng có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao, điều kiện hạ tầng kém phát triển, thiếu hệ thống giao thông kết nối, các điều kiện và nguồn lực sản xuất hạn chế, sinh kế thiếu ổn định.

Phân đầu đưa mức sống và thu nhập của nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ngang bằng với nhân dân các xã vùng ngoại thành Hà Nội; cơ bản không

còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Thành phố; giữ vững tỷ lệ 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 60% đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Ưu tiên tập trung đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đến vùng khó khăn với khu vực phát triển kinh tế năng động để tiềm năng du lịch – du lịch sinh thái tại các vùng: An Phú (Mỹ Đức), Ba Vì, Tân Lĩnh ... để thay đổi sinh kế từ sản xuất tự nhiên thiếu bền vững sang phục vụ kinh doanh du lịch có giá trị thu nhập cao. Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng gia tăng giá trị sản lâm nghiệp gắn với chế biến sản phẩm, trồng rừng đi đôi với khoanh nuôi, bảo vệ và giữ rừng gắn với các hoạt động du lịch và dịch vụ để nâng cao thu nhập và đời sống kinh tế từ chính các tiềm năng lợi thế tại địa phương.

Ưu tiên đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tại các vùng khó khăn, kèm với chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn để tăng khả năng tiếp cận giáo dục, nâng cao trình độ người dân. Tăng cường hỗ trợ đào tạo nghề gắn với điều kiện sản xuất và phát triển các ngành nghề mới gắn với khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương. Đầu tư trang thiết bị và đội ngũ cán bộ y tế cơ sở để tăng cường năng lực và điều kiện phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu của hệ thống y tế, cơ sở y tế tại các vùng khó khăn.

Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số phù hợp với tình hình thực tế, đặc biệt chú trọng địa bàn các dân tộc có nguy cơ mai một văn hóa. Gắn công tác bảo tồn di sản văn hoá với phát triển du lịch bền vững. Xây dựng hạ tầng viễn thông làm nền tảng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin đưa người dân tiếp cận nhanh với thị trường và tiếp thu công nghệ mới để thay đổi tư duy, phong tục tập quán lạc hậu, tiếp cận với những thành tựu văn minh, hiện đại.

Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.

VII. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

- Thăm dò, khai thác khoáng sản bảo đảm hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, không làm ảnh hưởng môi trường sinh thái, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, các tài nguyên thiên nhiên khác và bảo đảm quốc phòng, an ninh; gắn với phát triển bền vững công nghiệp khai khoáng; đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân ở vùng có khoáng sản.

- Cân đối giữa khai thác với dự trữ khoáng sản; ưu tiên phát triển mỏ đối với các vùng nguyên liệu tập trung, các mỏ nguyên liệu gắn với nhu cầu sản xuất hoặc các loại khoáng sản chất lượng thấp nhưng đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn có thể mang lại giá trị kinh tế cao. Ưu tiên sử dụng các loại khoáng sản khai thác cho các hoạt động kinh tế xã hội của thành phố.

- Không đưa vào thăm dò, khai thác các mỏ thuộc khu vực vùng đệm vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan... Xác định các mỏ, khu vực địa điểm có khoáng sản nhưng không đưa vào thăm dò (cả thăm dò mở rộng), khai thác (cả khai thác bổ sung), cần bảo vệ đối với khoáng sản năng lượng, kim loại, khoáng chất công nghiệp và phân, khoáng sản vật liệu xây dựng, vật liệu xây dựng thông thường.

- Thăm dò, khai thác vị trí khu mỏ đá vôi, sét xi măng, nước khoáng và nước nóng, mỏ khoáng sản theo các quyết định phê duyệt và quy định của pháp luật; không thực hiện thăm dò, khai thác bổ sung mới. Thăm dò, khai thác sử dụng với các mỏ than bùn đã được tính trữ lượng hoặc đã điều tra chi tiết và tính tài nguyên.

- Duy trì công suất theo giấy phép khai thác còn hiệu lực, gia hạn tiếp nếu mỏ còn trữ lượng, phục hồi cải tạo môi trường phần diện tích đã khai thác và mở rộng, cấp mới các dự án khai thác đảm bảo đáp ứng nhu cầu; phát triển hợp lý các sản phẩm vật liệu xây dựng mới, chế biến sâu, gồm: đá xây dựng thông thường, cát xây dựng, cát san lấp.

- Rà soát đưa vào thăm dò, khai thác diện tích sét gạch ngói đã được quy hoạch thời kỳ trước; khuyến khích các dự án đầu tư sản xuất gạch siêu nhẹ, gạch block để thay thế dần gạch nung.

- Điều tra khoanh định bổ sung mới các điểm mỏ là vật liệu san lấp nhằm đảm bảo nhu cầu làm vật liệu san lấp phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng của trên địa bàn.

- Rà soát các mỏ, khu vực địa điểm có khoáng sản cần bảo vệ gồm có: Các mỏ, khu vực địa điểm có khoáng sản nằm trong khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định; các mỏ, khu vực địa điểm có khoáng sản đã được xác định nhưng chưa đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Bảng 3.4: Số lượng mỏ đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050

TT	Loại khoáng sản	Số mỏ quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng	Tổng diện tích các mỏ (ha)
1	Nước khoáng		
2	Đá vôi xi măng	01	48,0
3	Sét xi măng	01	34,5
4	Đá bazan	02	56,76
5	Cát xây dựng, san lấp	30	1.289,29
6	Sét gạch ngói	11	267,73
7	Puzolan	01	18,9
8	Than Bùn	03	83,24
9	Đất san lấp	03	31,43
Tổng cộng		52	1.829,85

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

(1). Định hướng chung: Điều hòa, phân phối, khai thác, sử dụng nước công bằng, tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, nâng cao giá trị sử dụng nước. Ưu tiên nước cho sinh hoạt, sử dụng nước mang lại giá trị kinh tế cao; khai thác, sử dụng gắn liền với bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái thủy sinh, phát triển bền vững; bảo vệ

tài nguyên nước trên cơ sở bảo vệ chức năng nguồn nước, bảo vệ trữ lượng, chất lượng nước đáp ứng cho phát triển kinh tế - xã hội; phòng, chống tác hại do nước gây ra với phương châm phòng, ngừa là chính, giảm thiểu tối đa thiệt hại về người và tài sản do các tác hại do nước gây, ổn định an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn thủ đô. Khuyến khích công tác xã hội hóa trong bảo vệ tài nguyên nước, đầu tư phát triển các công trình cấp nước sinh hoạt.

(2). Phân vùng chức năng nguồn nước

Kết quả phân vùng chức năng cơ bản của nguồn nước, đoạn sông trên địa bàn thành phố Hà Nội được xác định như trong bảng sau:

Bảng 3.5: Phân vùng chức năng nguồn nước mặt một số sông chính

TT	Tên sông	Điểm đầu		Điểm cuối		Chức năng nguồn nước
		Xã	Huyện	Xã	Huyện	
1	Sông Công	Bắc Sơn	Sóc Sơn	Trung Giã	Sóc Sơn	Giao thông thủy
2	Sông Cầu	Trung Giã	Sóc Sơn	Việt Long	Sóc Sơn	Giao thông thủy
3	Sông Cà Lồ	Tân Dân	Sóc Sơn	Thụy Lâm	Đông Anh	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
4	Phụ Lưu số 6 (Ngòi Cầu Trắng)	Hiền Ninh	Sóc Sơn	Thanh Xuân	Sóc Sơn	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
5	Kênh Anh Hùng	Minh Phú	Sóc Sơn	Minh Phú	Sóc Sơn	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
6	Sông Hoàng Giang	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	Cổ Loa	Đông Anh	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
7	Phụ lưu số 26 (Ngòi Cầu Đắng)	Phù Linh	Sóc Sơn	Việt Long	Sóc Sơn	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
8	Sông Hồng	Phong Vân	Ba Vì	Quang Lãng	Phú Xuyên	Cấp nước sinh hoạt Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Cấp nước cho du lịch, dịch vụ Giao thông thủy
9	Sông Đà	Khánh Thượng	Ba Vì	Phong Vân	Ba Vì	Cấp nước sinh hoạt Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Giao thông thủy
10	Sông Đáy	Đông Thấp	Đan Phượng	Hương Sơn	Mỹ Đức	Cấp nước cho du lịch, dịch vụ Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Môi trường
11	Sông Bùi	Yên Bài	Ba Vì	Hòa Chính	Chương Mỹ	Cấp nước sinh hoạt Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Cấp nước cho du lịch, dịch vụ

TT	Tên sông	Điểm đầu		Điểm cuối		Chức năng nguồn nước
		Xã	Huyện	Xã	Huyện	
12	Sông Tích Giang	Tòng Bạt	Ba Vì	Thụy An	Ba Vì	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Cấp nước cho du lịch, dịch vụ
		Thụy An	Ba Vì	Tích Giang	Phúc Thọ	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
13	Suối Hai	Minh Quang	Ba Vì	Ba Trại	Ba Vì	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
14	Sông Con	TT Xuân Mai	Chương Mỹ	TT Xuân Mai	Chương Mỹ	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
15	Suối Ngang	Bình Yên	Thạch Thất	Bình Yên	Thạch Thất	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
16	Sông Cầu Du	Vân Hòa	Ba Vì	P. Trung Sơn Trầm	TX. Sơn Tây	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
17	Phân lưu số 19	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	Tri Trung	Phú Xuyên	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
18	Sông Thanh Hà	An Phú	Mỹ Đức	Độc Tín	Mỹ Đức	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
19	Suối Yên	Hương Sơn	Mỹ Đức	Hương Sơn	Mỹ Đức	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Cấp nước cho du lịch, dịch vụ
20	Sông Ngoại Độ	Minh Đức	Ứng Hòa	Hồng Quang	Ứng Hòa	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
21	Sông Nhuệ	Xuân Phương	Bắc Từ Liêm	Minh Tân	Phú Xuyên	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Môi trường
22	Sông Măng Giang	Đội Bình	Ứng Hòa	Đông Lỗ	Ứng Hòa	Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp
23	Sông Đuống	Tâm Xá	Đông Anh	Lệ Chi	Gia Lâm	Cấp nước sinh hoạt Cấp nước sản xuất nông nghiệp Cấp nước sản xuất công nghiệp Giao thông thủy

(3). Về phân phối, khai thác, sử dụng tài nguyên nước

- Phân phối nguồn nước phải đảm bảo linh hoạt, công bằng, hiệu quả và thứ tự ưu tiên đảm bảo nguyên tắc sau: (i) Trong mọi trường hợp, ưu tiên đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt. (ii) Trong điều kiện bình thường thực hiện phân phối, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho các ngành theo nhu cầu, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước. (iii) Trong điều kiện hạn hán, thiếu nước, căn cứ vào nguồn nước đến, thứ tự ưu tiên, tỷ lệ phân phối cho các ngành/lĩnh vực như sau: (1) Cấp nước cho công nghiệp (90%); (2) Cấp nước cho du lịch, dịch vụ (90%); (3) Cấp nước cho nông nghiệp (80%).

- Nước mặt là nguồn cung cấp chính cho hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước giảm dần trữ lượng và duy trì hoạt động của các giếng khai thác nước ngầm để làm nguồn dự phòng cho sinh hoạt trong trường hợp nguồn nước mặt bị ô nhiễm. Nguồn nước mặt chủ yếu là nguồn nước mặt sông Hồng, sông Đà, sông Đuống, đối với

tưới cho nông nghiệp được bổ sung từ một số hồ chứa Suối Hai, Đồng Mô, hồ Miếu, Đồng Suong, Văn Sơn, Tân Xã, Xuân Khanh, Đồng Đà, Đồng Quan, Quan Sơn... Đối với lượng nước thiếu cho nông nghiệp, cần nghiên cứu nâng cao khả năng lấy nước từ nguồn nước mặt sông Hồng, sông Đà thông qua hệ thống thủy lợi sông Nhuệ, sông Đáy và sông Tích. Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng nước của các ngành, trong đó rà soát, xem xét giảm tỷ trọng cấp nước các ngành sử dụng nước không tiết kiệm, không hiệu quả. Ưu tiên cấp nước cho các nhu cầu thiết yếu, các ngành sử dụng nước đem lại hiệu quả kinh tế cao.

(4). Về bảo vệ tài nguyên nước

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xả nước thải vào nguồn nước để bảo đảm chức năng nguồn nước theo quy định. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước. Kiểm soát các nguồn thải, các hoạt động xả nước thải, chất thải vào nguồn nước, đặc biệt giám sát chất lượng nước và giám sát việc tuân thủ pháp luật để kiểm soát nguồn ô nhiễm từ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, các khu vực nội đô, khu vực có tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa cao; đầu tư, xây dựng hệ thống thu gom nước thải. Xây dựng đề án thí điểm xã hội hóa đầu tư cải tạo phục hồi nguồn nước các sông Nhuệ, Đáy, Tô Lịch.

- Phục hồi mực nước sông Hồng để tạo cảnh quan, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước. Quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông theo quy định; xem xét hạn chế, tạm ngừng việc khai thác cát trên sông Hồng, góp phần nâng cao mực nước sông Hồng để tăng khả năng lấy nước vào các sông Đáy - Nhuệ, Tô Lịch và hệ thống công trình thủy lợi khác.

- Điều tra, khoanh định khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất; phục hồi các tầng chứa nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; bảo vệ miền cấp nước dưới đất; tăng cường bổ sung nhân tạo cho nước dưới đất, đặc biệt là việc bổ sung nhân tạo từ nguồn nước mưa tại các khu vực đô thị.

- Xác định khu vực xâm nhập mặn do khai thác nước dưới đất; đề xuất giải pháp giảm thiểu xâm nhập mặn do khai thác nước dưới đất; bảo vệ nguồn nước dưới đất để sử dụng làm nguồn dự phòng cấp nước cho sinh hoạt, phục vụ cấp nước an toàn, an ninh nguồn nước; quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác nước dưới đất ở khu vực có nguy cơ sụt lún đất.

- Tăng cường quản lý, bảo vệ chất lượng nguồn nước các hồ, ao trên địa bàn, đặc biệt đối với các hồ có chức năng điều hòa, cấp nước, văn hóa, lịch sử, du lịch.

- Nghiên cứu, điều tra, đánh giá, thăm dò trữ lượng nước dưới đất dọc ven sông Hồng, chuyển một số công trình khai thác nước ra khu vực ven sông đảm bảo mục tiêu về lưu lượng khai thác, ít suy giảm mực nước, chất lượng nguồn nước nhằm bảo vệ nguồn nước ngầm cấp nước cho sinh hoạt.

- Tăng cường đầu tư hệ thống quan trắc tài nguyên nước, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, dự báo, cảnh báo mức độ thiếu nước, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước, xâm nhập mặn. Đẩy mạnh đầu tư điều tra cơ bản, giám sát, kiểm kê, đánh giá về năng lực kết cấu hạ tầng ngành nước, trữ lượng, chất lượng nguồn nước, kịp thời cung cấp số liệu phục vụ công tác lập quy hoạch và quản lý, chỉ đạo, điều hành. Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu, giám sát tài nguyên nước.

- Áp dụng các công nghệ tiên tiến theo dõi, giám sát chặt chẽ, phát hiện những

vấn đề bất thường về lưu lượng, mực nước, chất lượng của nguồn nước. Xây dựng và triển khai lộ trình cấm sử dụng các loại hóa chất độc hại gây ô nhiễm nguồn nước.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng và yêu cầu khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững tài nguyên nước; tăng cường năng lực tổ chức thực hiện và cơ chế giám sát, đánh giá việc thực thi các chiến lược, quy hoạch, chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên nước.

(5). Về phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do sạt lở bờ sông

+ Điều tra, đánh giá, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, sạt, lở lòng, bờ, bãi sông; nghiên cứu sự biến đổi lòng dẫn, quy luật tự nhiên tác động đến sự ổn định của lòng, bờ, bãi sông; lập hành lang bảo vệ nguồn nước và thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hành lang bảo vệ nguồn nước.

+ Kiểm soát, phòng chống sạt, lở bờ, bãi sông tại các khu vực trên sông Hồng, Đáy, Bùi, Đà thuộc địa phận của các huyện Quốc Oai, Chương Mỹ, Ba Vì, Phúc Thọ.

+ Tăng cường quản lý các hoạt động khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác, hoạt động giao thông thủy trên sông; các quy hoạch, xây dựng khu đô thị, công nghiệp, công trình giao thông, khu dân cư ven sông, bãi sông bảo đảm không gây cản trở dòng chảy, không gây ngập úng nhân tạo, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, không phát sinh nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, sạt, lở lòng, bờ sông.

+ Điều tra, đánh giá, cập nhật cơ sở dữ liệu về sạt lở bờ sông; xây dựng bản đồ cảnh báo về hiện trạng sạt lở; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, giám sát sạt lở và quản lý bờ sông, lòng sông, giảm thiểu tác động làm gia tăng nguy cơ sạt, lở bờ, bãi sông. Điều tra, xác định khu vực bị sụt, lún đất, xâm nhập mặn hoặc có nguy cơ bị sụt, lún đất, xâm nhập mặn do khai thác nước dưới đất.

+ Xây dựng kế hoạch và lồng ghép nội dung sạt lở bờ sông vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của các quận, huyện, thị xã. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong đó bao gồm loại hình thiên tai sạt, lở bờ sông.

+ Xây dựng bản đồ ngập lụt để ứng phó, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; quản lý chặt chẽ việc xây dựng công trình, nhà, các hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước; chủ động sắp xếp lại dân cư, di dời dân cư ra khỏi khu vực nguy hiểm có nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông.

- Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do hạn hán

+ Nâng cao khả năng tích trữ nước của các hồ trong mùa lũ để điều tiết, cấp nước cho mùa kiệt; Nâng cao khả năng lấy nước của các công trình đầu mối lấy nước vào sông Nhuệ, Đáy và sông Tích trên sông Hồng.

+ Sử dụng nước một cách tiết kiệm, hiệu quả; sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước, giảm thiểu tổn thất nước trong các hệ thống công trình thủy lợi.

+ Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, từng bước phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn bị suy thoái.

+ Tổ chức quan trắc và cung cấp kịp thời thông tin, dự báo về khí tượng thủy văn để phục vụ phòng, chống hạn hán. Theo dõi chặt chẽ các nguồn nước và điều hành

nước công trình lấy nước có thể giảm thiểu các tác động của việc giảm thấp của nguồn nước trong thời gian hạn hán.

- Phòng, chống cạn kiệt, ô nhiễm, xâm nhập mặn, sụt, lún do thăm dò, khai thác nước dưới đất.

- + Hạn chế khai thác nước dưới đất, nhất là các khu vực đã bị hạ thấp mực nước lớn, quá mức, khu vực đã từng xảy ra sụt, lún nền đất có liên quan đến hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất, khu vực đã bị ô nhiễm, nhiễm mặn nước dưới đất; từng bước bổ sung và thay thế nguồn nước dưới đất bằng nguồn nước mặt cho những vùng đã và đang có nguy cơ bị cạn kiệt, ô nhiễm, nhiễm mặn, sụt lún nền đất.

- + Thực hiện bổ sung nhân tạo cho nước dưới đất, trong đó cần bổ sung nhân tạo từ nguồn nước mưa tại các khu vực đô thị, khu vực có nguy cơ suy thoái, cạn kiệt nguồn nước dưới đất.

- + Quản lý, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động thăm dò, khai thác sử dụng nước dưới đất thông quan việc cấp phép, thanh kiểm tra các hoạt động có liên quan.

- + Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống quan trắc tài nguyên nước; xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu, giám sát tài nguyên nước. Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện mạng giám sát sụt lún kết hợp với mạng quan trắc mực nước dưới đất đảm bảo phù hợp tại những vùng trọng điểm khai thác nước dưới đất cho những khu vực đã, đang và có nguy cơ gây sụt, lún đất.

(6). Xác định nguồn nước dự phòng cấp nước cho sinh hoạt

Định hướng sử dụng nguồn cấp nước sinh hoạt của thành phố Hà Nội là ưu tiên sử dụng nước mặt và hạn chế khai thác, sử dụng nguồn nước ngầm. Các nhà máy hiện đang khai thác nước ngầm sẽ chuyển thành nguồn dự trữ cho Thủ đô Hà Nội trong trường hợp xảy ra sự cố đối với nguồn nước mặt trên các vùng:

- Đối với Vùng I sẽ sử dụng nhà máy khai thác nước ngầm: NMN Sơn Tây là nguồn dự nước dự phòng có thể bổ sung cho nhu cầu sinh hoạt đến năm 2030 là 6.000 m³/ngày đêm và đến năm 2050 là 10.000 m³/ngày đêm và NMN sạch Hữu Bằng có thể bổ sung cho nhu cầu sinh hoạt đến năm 2030 là 2.900 m³/ngày đêm và đến năm 2050 là 29.000 m³/ngày đêm.

- Đối với Vùng II sẽ sử dụng các nhà máy khai thác nước ngầm gồm: NMN Lương Yên, NMN Yên Phụ, NMN Pháp Vân, NMN Ngọc Hà, NMN Hạ Đình, NMN Cáo Đình, NMN Nam Dư, NMN Tương Mai, NMN Dương Nội, NMN Cơ Sở I, II Hà Đông và các trạm nhỏ là nguồn dự nước dự phòng có thể bổ sung cho nhu cầu sinh hoạt.

- Đối với Vùng III sẽ sử dụng các nhà máy khai thác nước ngầm gồm: NMN Gia Lâm, NMN Sân Bay Gia Lâm, NMN Yên Viên và các Trạm cấp nước nhỏ là nguồn dự nước dự phòng có thể bổ sung cho nhu cầu sinh hoạt.

(7). Định hướng mạng lưới quan trắc tài nguyên nước

- Mạng lưới trạm quan trắc chất lượng nước sông được thiết lập trên các dòng chính của các sông liên quốc gia, liên tỉnh thuộc các lưu vực sông lớn và trên các sông là nguồn tiếp nhận nước thải của các vùng KTTĐ, khu vực tập trung nhiều nguồn nước thải.

- + Mạng quan trắc tài nguyên nước mặt: Trong giai đoạn quy hoạch, trên địa bàn thành phố Hà Nội được bổ sung thêm 3 trạm quan trắc nước mặt.

- + Mạng quan trắc tài nguyên nước dưới đất: quy hoạch bổ sung thêm 5 điểm với

7 công trình.

- Mạng giám sát khai thác, sử dụng nước: Tiếp tục được đầu tư xây dựng gắn với các đối tượng sử dụng nước thuộc quy mô cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước ở cả trung ương và địa phương. Trên địa bàn thành phố Hà Nội có 27 vị trí giám sát tài nguyên nước, giám sát khai thác, sử dụng nước, chất lượng nước, trong đó có 16 trạm giám sát nguồn nước mặt và 11 trạm quan trắc nước dưới đất

- Phương án về vị trí điểm, trạm quan trắc chất lượng nước: trên các sông: (i) Kế thừa các điểm, trạm quan trắc hiện có đã được thiết lập trong kỳ quy hoạch trước. (ii) Bổ sung các điểm, trạm quan trắc chất lượng nước mặt trên các sông liên quốc gia, sông liên tỉnh và sông nội tỉnh trên địa bàn Thủ đô. (iii) Bổ sung các điểm quan trắc định kỳ trên các hồ, ao, đầm có ý nghĩa quan trọng về cảnh quan, lịch sử - văn hóa, môi trường và kinh tế - xã hội chưa đưa vào quan trắc trong kỳ quy hoạch trước. (iv) Bổ sung các điểm quan trắc mới tại các khu vực chịu tác động của hoạt động công nghiệp lớn và tập trung (KCN, cụm công nghiệp, làng nghề); khu vực chịu ảnh hưởng của bãi chứa, khu chôn lấp, xử lý chất thải; khu nghĩa trang; khu vực khai thác khoáng sản; khu vực chịu ảnh hưởng do tồn lưu hóa chất độc hại; khu vực lưu giữ nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất; khu vực đông dân cư, khu vực tập trung nhiều hoạt động khai thác nước dưới đất.

3. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

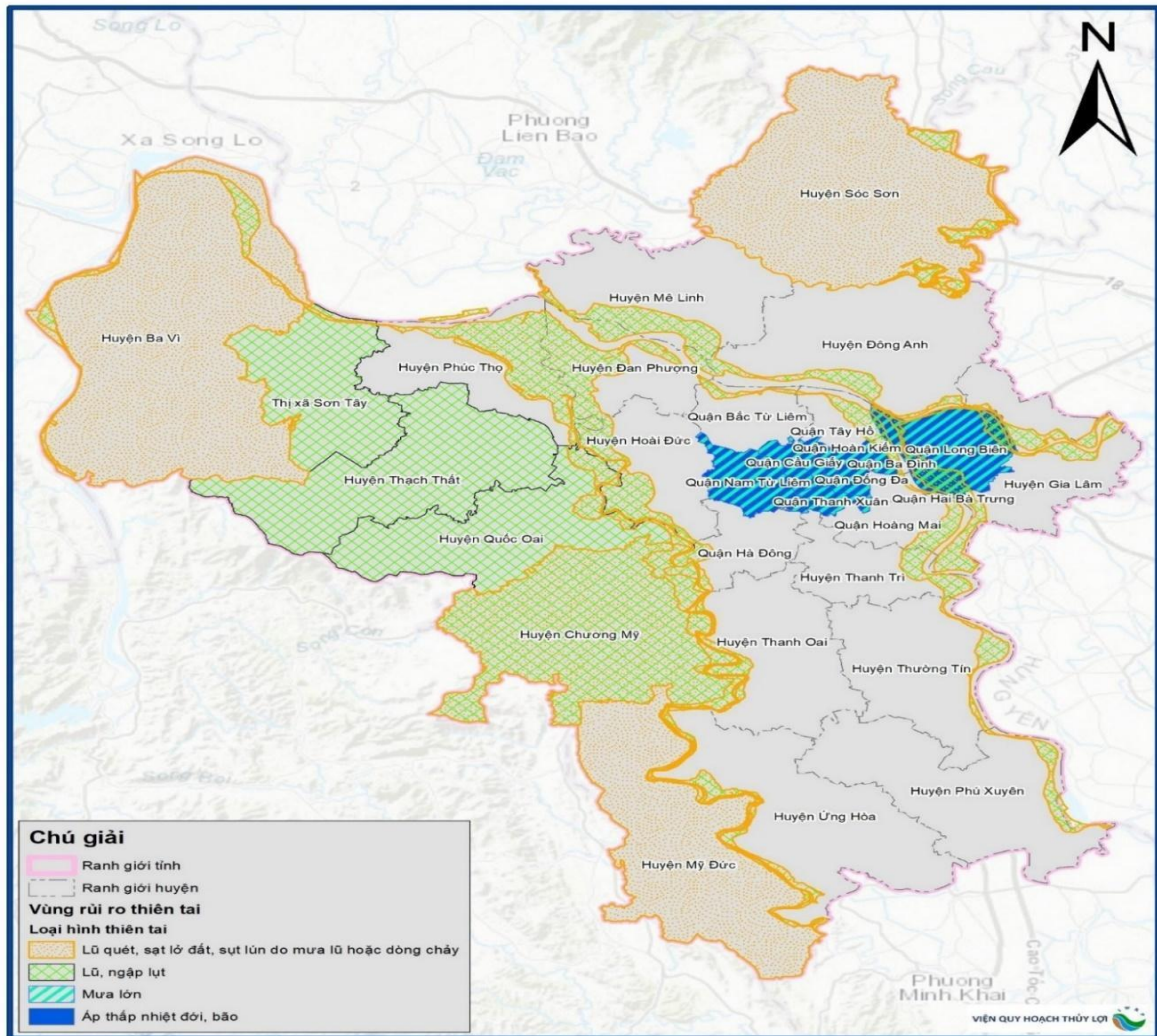
(1). Phân vùng rủi ro thiên tai

Trên địa bàn thành phố Hà Nội có 11 loại hình thiên tai từng xuất hiện với cấp độ rủi ro từ 1 đến 3, trong đó các loại hình thiên tai chủ yếu gồm: áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ ngập lụt và lũ quét, sạt lở đất, sụt lún do mưa lũ hoặc dòng chảy. Phân vùng rủi ro đối với các loại hình thiên tai này như sau:

Áp thấp nhiệt đới, bão: Đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp của loại hình thiên tai này gồm có: Các khu dân cư ven sông, khu vực trũng thấp thường xuyên xảy ra tình trạng ngập úng; các khu vực canh tác, sản xuất nông nghiệp.

Mưa lớn: Đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp của loại hình thiên tai này gồm có: các khu dân cư ven sông, khu vực trũng thấp thường xuyên xảy ra tình trạng ngập úng; các khu vực canh tác, sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là tại các khu vực trũng thấp, ven sông, bãi sông. Trong khu vực nội thành, mưa lớn còn gây ra tình trạng ngập úng cục bộ tại một số khu vực gây ảnh hưởng đến đời sống của người dân và các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lũ, ngập lụt: Đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp của loại hình thiên tai này gồm có: Các khu dân cư ven sông; các hoạt động sản xuất ven và trên sông như đánh bắt và nuôi trồng thủy sản; các khu vực canh tác, sản xuất nông nghiệp ven sông, bãi sông.



Hình 3.19: Phân vùng rủi ro thiên tai trên địa bàn Thủ đô Hà Nội

(2). Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, nâng cao mức bảo đảm tiêu thoát nước, chống úng ngập, bảo vệ môi trường sinh thái, từng bước thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo kịp thời, chủ động phòng, chống các loại thiên tai thường xuyên xảy ra, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra. Kịp thời di dời, sơ tán dân ở khu vực nguy hiểm, có nguy cơ mất an toàn cao.

- Đảm bảo an toàn phòng, chống được lũ thiết kế cho các tuyến sông. Xác định quy mô các tuyến đê kết hợp đa mục tiêu; củng cố các công trình phòng, chống lũ; tăng cường công tác quản lý, chống lấn chiếm trong phạm vi bảo vệ đê điều, vùng thoát lũ, bãi sông.

- Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, giảm thiệt hại về người đối với các loại hình thiên tai có cường độ, quy mô tương đương đã xảy ra trong giai đoạn trước; số hộ dân thuộc khu vực nguy hiểm thường xuyên xảy ra thiên tai có nơi ở đảm bảo an toàn.

(3). Phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê

- Xác định tiêu chuẩn phòng chống lũ:

+ Vùng chịu ảnh hưởng điều tiết của các hồ chứa lớn ở thượng lưu, gồm các khu vực dọc tuyến sông Đà, Hồng, Đuống: Đến năm 2030, tại khu vực đô thị trung tâm phía

hữu ngạn sông Hồng (trong phạm vi đường vành đai IV), đảm bảo an toàn với lũ thiết kế có chu kỳ lặp lại 500 năm (tần suất 0,2%); tại các khu vực còn lại, đảm bảo an toàn với lũ thiết kế có chu kỳ lặp lại 300 năm (tần suất 0,33%). Tầm nhìn đến năm 2050, xem xét nâng mức đảm bảo an toàn cho thành phố Hà Nội phía hữu ngạn sông Hồng (trong phạm vi đường vành đai IV) lên mức 700 năm, các khu vực khác lên mức 500 năm (tần suất 0,20%).

- + Vùng ít chịu ảnh hưởng điều tiết của các hồ chứa lớn, gồm các khu vực dọc tuyến sông Cầu, Cà Lồ: Đảm bảo an toàn với lũ thiết kế có chu kỳ lặp lại 50 năm (tần suất từ 2,0%).

- + Vùng chịu ảnh hưởng chuyển lũ sông Đáy dọc tuyến sông Đáy, Bùi, Mỹ Hà: Đảm bảo chống với lũ nội tại, đồng thời chống được lũ trong trường hợp chuyển lũ từ sông Hồng vào sông Đáy với lưu lượng 2.500m³/s.

- + Vùng ít chịu ảnh hưởng chuyển lũ sông Đáy dọc tuyến sông Tích: Đảm bảo an toàn với lũ thiết kế có chu kỳ lặp lại 50 năm (tần suất từ 2,0%).

- *Giải pháp phòng, chống lũ:*

- + Nâng cấp, tu bổ hệ thống đê (đê, công trình dưới đê, trồng cây chắn sóng, lát mái và trồng cỏ mái đê, cứng hóa mặt đê...); tổ chức quản lý và hộ đê.

- + Cải tạo lòng dẫn và chỉnh trị sông: nạo vét lòng dẫn sông Hồng, sông Đáy, sông Cà Lồ; tiếp tục triển khai dự án tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích; chỉnh trị cửa sông Đuống để tăng khả năng thoát lũ.

- + Nâng cao hiệu quả cắt lũ của hệ thống hồ chứa; xây dựng phương án ứng phó khẩn cấp đối với các tình huống lũ lớn; quản lý việc khai thác cát, sỏi lòng sông; tăng cường công tác quan trắc, cảnh báo, dự báo; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin địa lý về công trình phòng chống thiên tai; nâng cao nhận thức của người dân về phòng, chống lũ.

(4). Phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai

- Hoàn chỉnh mặt cắt đê đảm bảo chiều cao chống lũ và kích thước mặt cắt ngang bằng việc đắp tôn cao, áp trúc, mở rộng mặt đê, đắp cơ thượng, hạ lưu, cứng hóa mặt đê cho các tuyến đê; xử lý ẩn họa (mạch đùn, mạch sủi, thấm lậu, rò rỉ, sạt trượt, tổ mối, lấp đầm ao ven đê). Đầu tư mở rộng mặt đê; xây mới, nâng cấp kè bảo vệ đê, hệ thống cống... trồng cây chắn sóng.

- Để đảm bảo chất lượng thân, nền đê cần xử lý khối lượng theo chiều dài tuyến đê gồm: 1.230m xử lý mạch đùn, mạch sủi, ẩn họa thân đê; 8.907m xử lý thấm lậu, rò rỉ; 73.540m đầm, ao sát chân đê (phía sông và phía đồng); 43.204m tổ mối.

- Cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đê điều, đường bao khu dân cư hiện có; áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới, tiên tiến trong tu bổ, nâng cấp đê; nâng cao hiệu quả quản lý, điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan chuyên trách quản lý đê điều.

- Nghiên cứu, xác định hành lang thoát lũ, vị trí tuyến đê trong bối cảnh mới hiện nay, xây dựng đê mới siêu hiện đại, siêu bền vững để giảm diện tích chiếm đất và nâng cao chất lượng đê; quỹ đất còn lại giữa đê mới và đê cũ được sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng cho du lịch, cho dịch vụ.

4. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

4.1. Về bảo vệ môi trường

- Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ cấp bách cần được đặt ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển đối với Thủ đô; phát triển KT-XH Thủ đô phải bảo đảm phù hợp với sức chứa lãnh thổ, ngưỡng sinh thái và sức chịu tải của môi trường (hài hòa với tự nhiên); không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế.

- Chủ động phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, ưu tiên nguồn lực giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; ngăn chặn ô nhiễm, suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường, nhất là đối với môi trường nước các sông, hồ, ao, đầm nội thành; kết hợp với bảo tồn đa dạng sinh học, chủ động ứng phó hiệu quả với BĐKH.

- Đa dạng hóa nguồn đầu tư cho bảo vệ môi trường Thủ đô; huy động tối đa nguồn lực xã hội kết hợp tăng chi ngân sách; áp dụng nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả chi phí xử lý và bồi thường thiệt hại, người hưởng lợi từ các giá trị môi trường phải trả tiền; sử dụng hiệu quả công cụ kinh tế và cơ chế thị trường trong bảo vệ môi trường Thủ đô, thí điểm thu tiền theo khối lượng rác thải phát sinh và lượng nước sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư để chủ động tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn Thủ đô.

- Phân vùng môi trường trên địa bàn Thủ đô Hà Nội thành 03 vùng như sau: Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác: + Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, gồm: Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm: nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Vùng hạn chế phát thải bao gồm: Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt, bao gồm vùng đệm của khu bảo tồn thiên nhiên và di sản thiên nhiên, khu vực bảo vệ 2 của di tích lịch sử - văn hóa; vùng đất ngập nước quan trọng đã được xác định theo quy định của pháp luật; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

+ Vùng khác là khu vực còn lại trên địa bàn.

Bảng 3.6: Phương án phân vùng môi trường Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

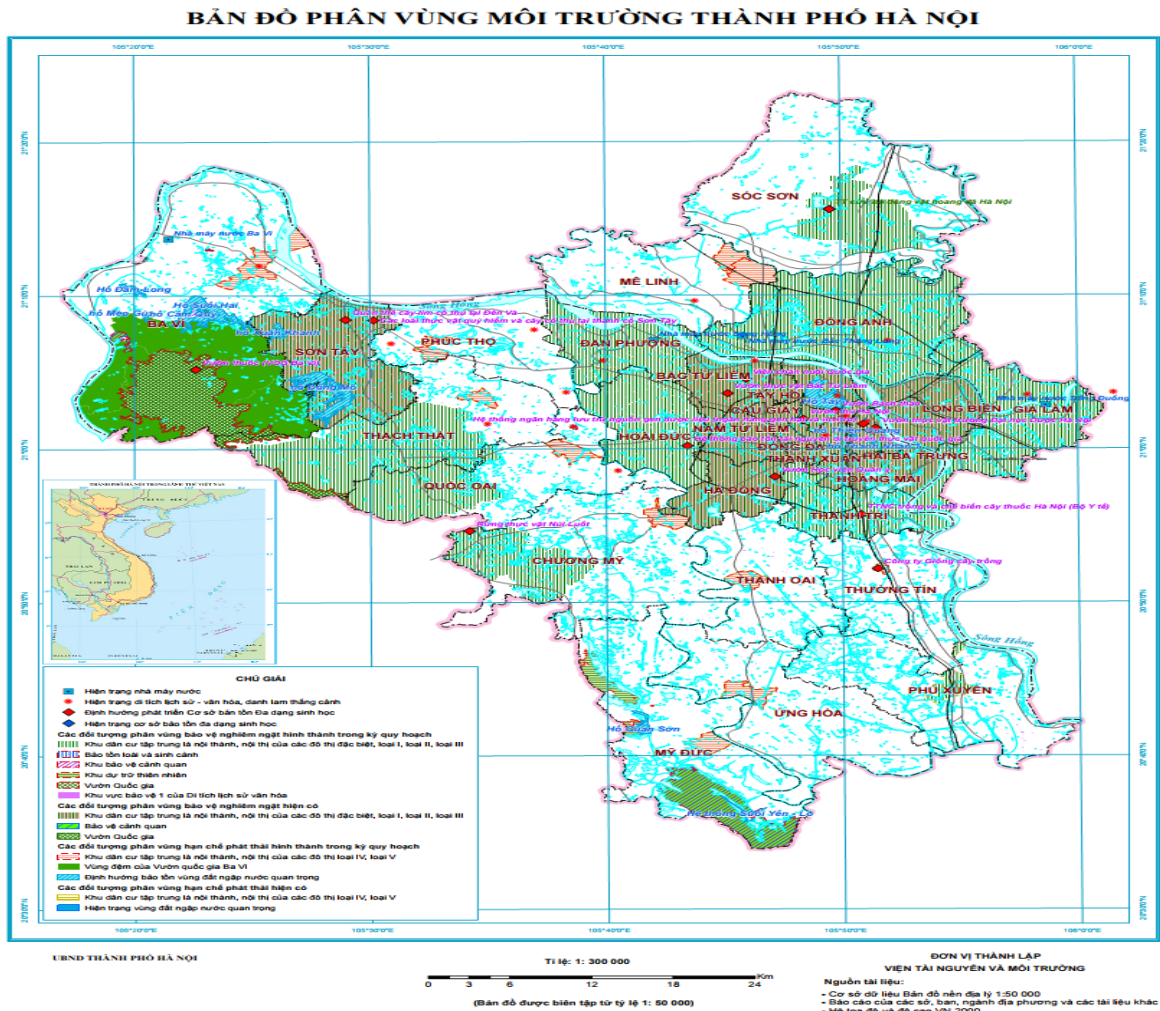
STT	Vùng môi trường	Phạm vi	Diện tích (ha)
I	Vùng bảo vệ nghiêm ngặt		
1	Khu dân cư tập trung của các quận	- Gồm các quận hiện nay: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Thanh Xuân, Cầu Giấy, Hoàng Mai, Tây Hồ, Long Biên, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Hà Đông	83.475

STT	Vùng môi trường	Phạm vi	Diện tích (ha)
		- Quận dự kiến thành lập trong kỳ quy hoạch: Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng ²¹	
2	Khu dân cư tập trung của Thành phố phía Bắc và Thành phố phía Tây	Thành phố phía Bắc Thành phố phía Tây	
3	Khu dân cư tập trung của đô thị loại II	Đô thị Hòa Lạc	17.274,00
4	Khu dân cư tập trung của đô thị loại III	Đô thị Sơn Tây: phát triển từ TX. Sơn Tây Đô thị Sóc Sơn: phát triển từ TX. Sóc Sơn Đô thị Xuân Mai: phát triển từ TX. Xuân Mai Đô thị Phú Xuyên: phát triển từ TT. Phú Xuyên và Phú Minh	12.185,22 5.459,39 6.537,66 3.982
5	Khu bảo tồn thiên nhiên	Vườn Quốc gia Ba Vì Khu bảo vệ cảnh quan Chùa Thầy Khu bảo vệ cảnh quan Hương Sơn Khu bảo vệ cảnh quan K9 - Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh Khu bảo vệ cảnh quan Vật Lại Khu bảo vệ cảnh quan Đền Và Khu Dự trữ thiên nhiên Quan Sơn: Thành lập mới Khu bảo vệ cảnh quan hồ Hoàn Kiếm: Thành lập mới Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Đồng Mô - Ngải Sơn: Thành lập mới Khu bảo vệ cảnh quan hồ Suối Hai: Thành lập mới Khu bảo vệ cảnh quan Hồ Tây: Thành lập mới Khu bảo tồn loài và sinh cảnh hồ Xuân Khanh: Thành lập mới	9.702,41 37,13 2.719,8 423 11,28 5,7 2.741,1 11,5 900 1.200 524 85,25
6	Khu di sản văn hóa thế giới	Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long	350
	Di tích quốc gia cấp đặc biệt	Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, tại Phủ Chủ tịch, phường Điện Bàn, quận Ba Đình Đền Sóc, thôn Vệ Linh, xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn Chùa Tây Phương, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất Chùa Thầy và khu vực núi đá Sài Sơn, Hoàng Xá Phụng Cách, tại xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai Đình Tây Đằng, tại thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm Đền Phù Đồng, tại xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm Đền Hát Môn, tại xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ Đền Hai Bà Trưng, tại thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh Văn Miếu - Quốc Tử Giám, tại phường Văn Miếu, quận Đống Đa Thành Cổ Loa, tại xã Cổ Loa, Dục Tú và Việt Hùng, huyện Đông Anh	

²¹ HĐND thành phố Hà Nội đã thông quan Đề án thành lập quận Đông Anh vào tháng 7/2023 và quận Gia Lâm vào tháng 9/2023. Huyện Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng đang xây dựng đề án thành lập quận

STT	Vùng môi trường	Phạm vi	Diện tích (ha)
		Chùa Đậu, tại xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín	
		Di tích nhà số 48 Hàng Ngang, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm	
		Đình Đại Phùng, tại xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng	
		Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Quần thể Hương Sơn, huyện Mỹ Đức	
		Đình Chèm, tại Phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm	
7	Di tích quốc gia	1.182 di tích	
8	Di tích cấp Thành phố	1.202 di tích	
9	Nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	Khu vực nhà máy nước Bắc Thăng Long, xã Kim Trung, huyện Đông Anh	
		Khu vực nhà máy nước Ba Vì, tại xã Phú Sơn, huyện Ba Vì	
		Khu vực nhà máy nước Sông Đuống, tại xã Phù Đổng và xã Trung Mậu, huyện Gia Lâm	
		Khu vực nhà máy nước Sông Hồng, tại xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng	
		Khu vực nhà máy nước nội bộ (Phúc Thọ, Minh Quang, Minh Châu, Tiến Thịnh...)	
II	Vùng hạn chế phát thải		
1	Vùng đệm của Vườn quốc gia Ba Vì	Xã Ba Trại, xã Ba Vì, xã Tân Lĩnh, xã Vân Hòa, xã Yên Bài, xã Khánh Thượng, xã Minh Quang (huyện Ba Vì); xã Yên Bình, xã Yên Trung, xã Tiên Xuân (huyện Thạch Thất), xã Đông Xuân (huyện Quốc Oai)	27.190,91
2	Khu dân cư tập trung của đô thị loại IV	Thị trấn sinh thái Phúc Thọ	703,63
		Thị trấn sinh thái Quốc Oai	1.900
		Thị trấn sinh thái Chúc Sơn	2.024,23
3	Khu dân cư tập trung của đô thị loại V	Phân khu đô thị N2 (huyện Mê Linh)	245
		Thị trấn Liên Quan (huyện Thạch Thất)	326,3
		Thị trấn Kim Bài (huyện Thanh Oai)	432,25
		Thị trấn Thường Tín (huyện Thường Tín)	136,45
		Thị trấn Tây Đằng (huyện Ba Vì)	1.217,47
		Thị trấn Tân Viên Sơn (huyện Ba Vì)	810,2
		Thị trấn Đại Nghĩa (huyện Mỹ Đức)	495,06
		Thị trấn Vân Đình (huyện Ứng Hòa)	559,87
		Thị trấn Nĩ (huyện Sóc Sơn)	204,19
4	Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	Các hành lang bảo vệ nguồn nước được lập theo quy định tại Điều 31 Luật Tài nguyên nước và Điều 7 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước và Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt	
4	Vùng đất ngập nước quan trọng	Hồ Cẩm Quỳ	69
		Hồ Đàm Long	103
		Hồ Mèo Gù	32

STT	Vùng môi trường	Phạm vi	Diện tích (ha)
		Hệ thống suối Yên – Long Vân	18
		Suối Tuyết Sơn	14
		Hồ Bảy Mẫu	21,29
		Hồ Thanh Nhàn 1 (trong khuôn viên Công viên Thống Nhất)	8,43
		Hồ Thuyền Quang	6,02
5	Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt	Các hành lang bảo vệ nguồn nước được lập theo quy định tại Điều 31 Luật Tài nguyên nước và Điều 7 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước	
6	Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường cần được bảo vệ	Không gian xanh: bao gồm toàn bộ hành lang xanh, vành đai xanh, các nêm xanh và các công viên đô thị Khu rừng phòng hộ	5.229,2
III	Vùng khác	Gồm các khu vực phát triển đa mục tiêu, bao gồm các khu vực nằm ngoài vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn các huyện của Thủ đô Hà Nội	



Hình 3.20: Bản đồ phương án phân vùng môi trường Hà Nội đến năm 2030

4.2. Về bảo tồn đa dạng sinh học

- Bảo tồn, phát triển bền vững và sử dụng hiệu quả tài nguyên đa dạng sinh học.

- Chuyển tiếp 05 khu BTTN, thành lập mới 07 khu BTTN, chuyển tiếp 01 cơ sở bảo tồn, cấp giấy chứng nhận cho 02 cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đang hoạt động, xác lập 14 khu đất ngập nước quan trọng; chú trọng nâng cao chất lượng đa dạng sinh học. Phục hồi, bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên được bảo vệ, nhất là các hệ sinh thái sông, hồ, ao; phát triển các không gian xanh, hành lang xanh và rừng trồng, cây phân tán.

- Kết hợp bảo tồn tại chỗ với bảo tồn chuyển chỗ và các hình thức bảo tồn khác; bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học đô thị và khu vực nông thôn. Thiết lập và bảo vệ hiệu quả các khu BTTN, cơ sở bảo tồn, khu đất ngập nước quan trọng nhằm lưu giữ, bảo tồn và phát huy giá trị của các nguồn gen quý, hiếm và giống cây trồng, giống vật nuôi đặc sản của Thủ đô Hà Nội. Đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong bảo tồn đa dạng sinh học.

- Hoàn thành công tác giao đất, giao rừng cho các chủ rừng. Quản lý, kiểm soát chặt chẽ các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; hạn chế được việc săn bắn, buôn bán, vận chuyển, tiêu thụ các loài hoang dã; ngăn chặn tình trạng phá hủy các hệ sinh thái tự nhiên, chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các khu vực có hệ sinh thái tự nhiên được bảo vệ. Triển khai đồng bộ chính sách chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, dịch vụ hệ sinh thái cho các khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn và các vùng đất ngập nước quan trọng.

- Chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học của hệ sinh thái đô thị đặc thù Hà Nội. Bảo vệ và phát triển không gian xanh gắn với các công viên, vườn hoa sinh thái; bảo vệ diện tích, cải tạo và nâng cao chất lượng nước trong hệ thống các sông, hồ trong đô thị; bổ sung và cải tạo hệ thống cây xanh đường phố. Phát triển hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh, đô thị sinh thái, khu sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, vùng trồng hoa, vùng bảo tồn cây xanh, nhất là hai bên sông Hồng, sông Đáy và sông Nhuệ.

4.3. Về quan trắc chất lượng môi trường

- Chủ động theo dõi chặt chẽ, kiểm soát có hệ thống hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường nước mặt, nước dưới đất, không khí, đất; xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường hiện đại trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, thiết lập và vận hành hiệu quả, đồng bộ, thống nhất với mạng lưới quan trắc, cảnh báo môi trường quốc gia trên địa bàn Thủ đô Hà Nội. Xây dựng hoàn thiện mạng lưới các trạm quan trắc tự động, liên tục đối với môi trường không khí và nước mặt.

- Cung cấp chủ động, kịp thời cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường cho công tác dự báo, cảnh báo về xu thế diễn biến chất lượng các thành phần môi trường (nước mặt, nước dưới đất, không khí, đất), tình trạng ô nhiễm môi trường trên toàn địa bàn Thủ đô Hà Nội. Kiểm soát chặt chẽ và cảnh báo được các vấn đề môi trường do các nguồn thải từ bên ngoài tác động đến môi trường của Thủ đô Hà Nội, đặc biệt đối với môi trường không khí và môi trường nước sông liên tỉnh.

- Mạng lưới điểm, trạm quan trắc bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý toàn diện chất lượng môi trường, cung cấp dữ liệu quan trắc chủ động dự báo, cảnh báo các vấn đề môi trường trên địa bàn. Quan trắc chất lượng môi trường nước mặt tự động tại 9 điểm và định kỳ tại 68 điểm đối với các sông, hồ; quan trắc tác động tại 93 điểm đối với nghĩa trang, khu vực sản xuất nông nghiệp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, khu vực bãi chôn lấp rác thải, khu xử lý chất thải tập trung, khu vực xả thải của các khu công nghiệp,

cum công nghiệp, các làng nghề. Quan trắc chất lượng môi trường nước dưới đất tối thiểu tại 84 vị trí, nhất là tại các khu vực chịu tác động của hoạt động công nghiệp quy mô lớn và tập trung. Quan trắc chất lượng môi trường không khí tự động, liên tục tối thiểu tại 12 trạm và quan trắc định kỳ tối thiểu tại 95 vị trí, quan trắc tác động tại 8 vị trí tại khu vực nghĩa trang, khu vực chôn lấp chất thải và khu xử lý chất thải tập trung. Quan trắc chất lượng môi trường đất tối thiểu tại 81 vị trí.

Vị trí quan trắc, thông số quan trắc và tần suất quan trắc môi trường do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định của pháp luật và phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu bảo vệ môi trường từng giai đoạn trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

4.4. Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Quản lý và bảo vệ hiệu quả diện tích rừng đặc dụng hiện có tại các khu bảo tồn thiên nhiên; kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trên diện tích rừng đặc dụng tại các huyện Ba Vì, Sóc Sơn, Thạch Thất, Quốc Oai theo quy định. Bảo vệ và phát triển diện tích đất rừng phòng hộ là các khu vực rừng tự nhiên, núi đá khu vực đầu nguồn nước, lưu vực các hồ đập có tác dụng bảo vệ nguồn nước, có độ dốc lớn phù hợp với quy hoạch rừng phòng hộ; phục hồi chất lượng rừng, đảm bảo chức năng phòng hộ, bảo tồn đa dạng sinh học. Đối với diện tích rừng sản xuất, phát triển lâm nghiệp đa chức năng, trồng cây gỗ quý, lâm sản ngoài gỗ có giá trị cao; xây dựng mô hình sản xuất nông lâm kết hợp dưới tán rừng để phát triển kinh tế hộ gia đình, phát triển du lịch sinh thái, kết hợp du lịch lịch sử, văn hóa tại địa phương.

- Phát triển nông lâm kết hợp lâm nghiệp đô thị, tạo cảnh quan sinh thái; phát triển mô hình gắn kết cộng đồng, địa phương tham gia trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn các huyện Ba Vì, Chương Mỹ, Mỹ Đức, Quốc Oai, Sóc Sơn, Thạch Thất và thị xã Sơn Tây.

- Tập trung sửa chữa, nâng cấp những công trình kết cấu hạ tầng lâm nghiệp xuống cấp, hư hỏng. Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, gồm: Hệ thống mốc giới khu rừng và các phân khu trong rừng đặc dụng; xây dựng các chòi canh lửa; xây dựng hệ thống đường dân sinh kết hợp tuần tra rừng; đường tuần tra kết hợp du lịch sinh thái.

4.5. Phương án sắp xếp, phân bố các khu nghĩa trang

- Ưu tiên đầu tư và phát triển hình thức hỏa táng với công nghệ hiện đại. Duy trì hoạt động nghĩa trang Mai Dịch; xây mới nghĩa trang cấp quốc gia tại xã Yên Trung, huyện Thạch Thất. Mở rộng nghĩa trang Yên Kỳ.

- Tiếp tục sử dụng đài hỏa táng Văn Điển, bổ sung chức năng cát táng tro cốt phục vụ khu vực đô thị trung tâm. Mở rộng nghĩa trang Vĩnh Hằng, Thanh Tước; xây dựng mới nghĩa trang theo hình thức không tập trung ở các huyện Thạch Thất, Sóc Sơn và Chương Mỹ.

- Quy hoạch, chỉnh trang và xây dựng nghĩa trang theo hướng công viên nghĩa trang; đầu tư xây dựng các nhà tang lễ và các công trình phụ trợ đảm bảo văn minh và vệ sinh môi trường. Rà soát, nghiên cứu khả năng chuyển đổi các nghĩa trang cấp thành phố (nghĩa trang Xuân Nộn, huyện Đông Anh; nghĩa trang Trung Mầu, huyện Gia Lâm, không còn phù hợp thành các nghĩa trang cấp huyện; rà soát địa điểm đối với nghĩa trang Trần Phú (huyện Chương Mỹ) để đáp ứng nhu cầu quy tập mộ trên địa bàn huyện

4.6. Phương án sắp xếp, phân bố các khu xử lý chất thải

- Thực hiện hiệu quả việc phân loại, thu gom, xử lý, chất thải; chú trọng xây dựng, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn; khuyến khích thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi. Chất thải nguy hại cần được thu gom và vận chuyển theo đúng quy định. Có cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa trong thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

- Đa dạng hóa các công nghệ xử lý chất thải, khuyến khích áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; tiếp tục tăng cường đồng xử lý, xử lý kết hợp thu hồi năng lượng.

- Bố trí hợp lý các cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn thành phố, ưu tiên công nghệ đốt thu hồi năng lượng. Đầu tư xây dựng, cải tạo các trạm trung chuyển, điểm tập kết chất thải rắn để thuận lợi cho việc thu gom và vận chuyển đến các khu xử lý tập trung.

- Hoàn thiện khu xử lý CTR tập trung tại Sóc Sơn vụ cho khu vực đô thị trung tâm và khu vực phía Bắc sông Hồng của Thành phố.

- Đầu tư công nghệ hiện đại, ưu tiên công nghệ đốt phát điện đối với các liên hợp xử lý chất thải rắn tập trung, gắn với 03 vùng thu gom, gồm: (i) Sóc Sơn, Phù Đổng, Việt Hùng, Cầu Diễn tại khu vực 1²²; (ii) Châu Can, Tả Thanh Oai, Cao Dương tại khu vực 2²³; (iii) Xuân Sơn, Núi Thong, Đồng Ké tại khu vực 3²⁴.

- Từng bước đóng cửa và phục hồi môi trường các bãi rác tạm, khu chôn lấp đã hết diện tích sử dụng, các bãi chôn lấp rác thải tạm và các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh. Bổ sung, chuyển đổi các khu xử lý chất thải rắn cấp thành phố không còn phù hợp thành các khu xử lý cấp huyện, đảm bảo mỗi huyện có ít nhất 01 khu xử lý chất thải tập trung.

VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án phát triển các vùng liên huyện

Xác định vùng liên huyện là vùng bao gồm các huyện có điều kiện tự nhiên và xã hội tương thích, hỗ trợ nhau nhằm phân công phát triển từng vùng, phân bổ các chỉ tiêu về phát triển kinh tế, xã hội, đô thị, bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội dùng chung, đầu tư trọng tâm, phát triển chung các địa phương trong vùng. Kết quả xác định dựa trên nguyên tắc đảm bảo kết nối không gian, kết nối hoạt động kinh tế xã hội, kết nối về hạ tầng, kết nối về hành chính và quản trị; đảm bảo cân đối giữa các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường, quản lý sử dụng đất. Theo đó, trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, có 05 vùng liên huyện như sau:

(1). Vùng 1 - Khu vực nội đô lịch sử

²² Bao gồm khu vực nội đô lịch sử; các quận Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm, Long Biên, Hà Đông; các huyện Mê Linh, Đông Anh, Gia Lâm, Sóc Sơn.

²³ Bao gồm các huyện Thanh Trì, Phú Xuyên, Thường Tín, Thanh Oai, Ứng Hòa, Mỹ Đức.

²⁴ Bao gồm các huyện Đan Phượng, Hoài Đức, Phúc Thọ, Quốc Oai, Ba Vì, Thạch Thất, Chương Mỹ; thị xã Sơn Tây.

- Phạm vi: gồm toàn bộ địa giới hành chính 10 quận Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Tây Hồ, Cầu Giấy, Hoàng Mai, Thanh Xuân, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm.

- Tính chất: là trung tâm chính trị hành chính, kinh tế, văn hoá lịch sử, dịch vụ, y tế, đào tạo chất lượng cao của thành phố Hà Nội và cả nước.

(2). Vùng 2 - Khu vực nội đô mở rộng

- Phạm vi: Gồm toàn bộ địa giới hành chính 4 quận, huyện Hà Đông, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng.

- Tính chất: Trung tâm dịch vụ chất lượng cao hỗ trợ vùng đô thị trung tâm; trung tâm công cộng, dịch vụ y tế, giáo dục.

(3). Vùng 3 - Khu vực phía Bắc

- Phạm vi: Gồm toàn bộ địa giới hành chính 5 quận, huyện Long Biên và Gia Lâm, Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn.

- Tính chất: Trung tâm dịch vụ chất lượng cao hỗ trợ công nghiệp vùng phía Đông - vùng thủ đô Hà Nội; trung tâm dịch vụ y tế, giáo dục cấp vùng phía Đông Bắc, trung tâm nghiên cứu khoa học - ứng dụng chất lượng cao; là đầu mối giao thông đường bộ, đường sắt, đường thuỷ. Trung tâm hành chính, thương mại, giao dịch quốc tế, công nghiệp kỹ thuật cao, phát triển du lịch gắn với bảo tồn di tích văn hoá, đóng vai trò động lực phát triển ở phía Bắc Thủ đô.

(4). Vùng 4 – Khu vực phía Tây

- Phạm vi: Gồm toàn bộ địa giới hành chính 6 huyện Sơn Tây, Ba Vì, Phúc Thọ, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ.

- Tính chất: Thành phố khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo; trung tâm kết nối trí tuệ toàn cầu; trung tâm về nông nghiệp công nghệ cao gắn với bảo tồn các làng nghề truyền thống. Trung tâm du lịch văn hoá lịch sử; trung tâm du lịch nghỉ dưỡng sinh thái và vùng bảo tồn thiên nhiên.

(5). Vùng 5 – Khu vực phía Nam

- Phạm vi: Gồm toàn bộ địa giới hành chính 5 huyện Thường Tín, Phú Xuyên, Thanh Oai, Ứng Hoà, Mỹ Đức.

- Tính chất: là trung tâm đầu mối về giao thông, trung chuyển hàng hoá; đô thị cửa ngõ phía Nam của Thủ đô. trung tâm du lịch văn hoá tâm linh; trung tâm du lịch nghỉ dưỡng sinh thái và vùng bảo tồn thiên nhiên.

2. Phương án phát triển vùng huyện

(1). Vùng huyện Mê Linh

- Phạm vi: Diện tích tự nhiên là 141,2 km², bao gồm 18 đơn vị hành chính: 2 thị trấn (thị trấn Quang Minh và thị trấn Chi Đông) và 16 xã trực thuộc.

- Tính chất, chức năng: Là khu vực dự kiến trực thuộc thành phố phía Bắc Thủ đô có chức năng dịch vụ, hội nhập quốc tế; có các trung tâm hành chính, thương mại, văn hóa thể thao, giao dịch quốc tế, công nghiệp công nghệ cao, phát triển đô thị dịch vụ. Là cửa ngõ phía Tây Bắc Thủ đô kết nối với các tỉnh dọc theo hành lang Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội, tuyến đường sắt cao tốc dự kiến hình thành trong tương lai. Một số khu vực ngoài khu vực đô thị của thành phố phía Bắc sẽ phát triển nông nghiệp đô thị,

công nghệ cao, kết hợp dịch vụ thân thiện môi trường, đóng vai trò động lực phát triển ở phía Bắc Thủ đô.

(2). Vùng huyện Đông Anh

- Phạm vi: Diện tích tự nhiên là 185,68 km², bao gồm 24 đơn vị hành chính: 1 thị trấn (thị trấn Đông Anh) và 23 xã trực thuộc.

- Tính chất, chức năng: Một phần trực thuộc thành phố phía Bắc Thủ đô, có hạ tầng thông minh, hiện đại; có chức năng phát triển dịch vụ, hội nhập quốc tế; là trung tâm hành chính mới, phát triển các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng hiện đại, đẳng cấp quốc tế; trung tâm văn hoá thể thao, giao dịch quốc tế; tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao, phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị các di sản khu vực Cổ Loa và đầm Vân Trì. Là trung tâm của thành phố phía Bắc có vai trò chủ đạo trong việc liên kết và hình thành các chuỗi đô thị, trong đó, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh gắn với phát triển vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ phía Bắc vùng Thủ đô. Khu vực nông thôn được phát triển theo hướng sinh thái, có bản sắc để thu hút du lịch.

(3). Vùng huyện Hoài Đức

- Phạm vi: Diện tích tự nhiên khoảng 84,92 km², bao gồm 20 đơn vị hành chính: 1 thị trấn (thị trấn Tràm Trôi) và 19 xã trực thuộc.

- Tính chất, chức năng: dự kiến là khu vực thuộc phạm vi đô thị mở rộng của Thủ đô, có hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại, bền vững, có các khu đô thị với các tiện ích xã hội đồng bộ, tiện lợi, có hệ thống công viên cây xanh, các hoạt động dịch vụ, thương mại gắn với phát triển các cụm công nghiệp làng nghề góp phần tạo việc làm và phát triển kinh tế địa phương. Khu vực nông thôn kết nối hài hoà với khu vực đô thị hoá và được bảo tồn, giữ gìn bản sắc gắn với các không gian làng nghề (khu vực nằm ngoài đô thị) để phục vụ phát triển du lịch.

(4). Vùng huyện Mỹ Đức

- Phạm vi: Diện tích tự nhiên khoảng 226,3 km², bao gồm 22 đơn vị hành chính: 2 thị trấn và 20 xã trực thuộc.

- Tính chất, chức năng: là vùng văn hoá, di sản đặc thù phía nam Thủ đô, kết nối với các tuyến di sản Bái Đính, Tràng An, Tam Chúc của các tỉnh phía nam đồng bằng sông Hồng, phát triển các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với tâm linh, lịch sử, văn hoá với thị trấn Hương Sơn là trung tâm. Phát triển kinh tế tổng hợp, đa ngành tại khu vực trung tâm huyện (Thị trấn Đại Nghĩa), phát triển tiểu thủ công nghiệp làng nghề, các ngành nông nghiệp chất lượng cao phía Nam Thủ đô gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ không gian mặt nước các sông, suối, hồ lớn để tạo cảnh quan và thu hút du lịch chất lượng cao.

(5). Vùng huyện Phú Xuyên

- Phạm vi: Diện tích tự nhiên khoảng 173,56 km², bao gồm 27 đơn vị hành chính: 2 thị trấn (thị trấn Phú Xuyên và thị trấn Phú Minh) và 25 xã trực thuộc.

- Tính chất, chức năng: là khu vực cửa ngõ phía Nam Thủ đô kết nối với các tỉnh phía Nam đồng bằng sông Hồng, tập trung phát triển dịch vụ, công nghiệp, logistic, đào tạo, y tế và hỗ trợ phát triển vùng nông thôn các huyện phía Nam; Là trung tâm đầu mối giao thông, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển làng nghề truyền thống. Ưu tiên các hoạt động sản xuất nông nghiệp theo hình thức chuyên canh, xanh, sạch, công nghệ cao, các mô hình tổ hợp sản xuất – dịch vụ - nghiên cứu trong nông nghiệp kết nối

với các tỉnh phía Nam đồng bằng sông Hồng và Bắc miền Trung; hình thành các không gian thể thao, văn hoá tại các khu vực dọc sông Hồng; phát triển hệ thống hạ tầng thương mại với các dịch vụ vận tải và logistics dựa trên lợi thế trục cao tốc và hệ thống đường sắt Bắc Nam.

(6). Vùng huyện Sóc Sơn

- Phạm vi: Diện tích tự nhiên khoảng 306,51 km², bao gồm 26 đơn vị hành chính: 1 thị trấn Sóc Sơn và 25 xã trực thuộc.

- Tính chất, chức năng: là khu vực dự kiến trực thuộc thành phố phía Bắc; là trung tâm công nghiệp công nghệ cao, tiên tiến, các hoạt động dịch vụ logistic, dịch vụ hàng không gắn với sân bay quốc tế Nội Bài và trục đường 18, cao tốc Hà Nội – Lào Cai. Khu vực đô thị phát triển theo hướng sinh thái, xanh, hoà nhập thiên nhiên. Tại khu vực nông thôn, tập trung cải tạo môi trường khu vực bãi rác Nam Sơn, chú trọng bảo tồn và phát triển các không gian xanh với các mô hình nhà trong rừng, vườn rừng sinh thái; nông nghiệp phát triển theo hướng sinh thái, công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất để dự trữ phát triển trong tương lai.

(7). Vùng huyện Gia Lâm

- Phạm vi: Tổng diện tích tự nhiên là 116,64 km², bao gồm 22 đơn vị hành chính: 2 thị trấn (thị trấn Trâu Quỳ, thị trấn Yên Viên) và 20 xã trực thuộc.

- Tính chất, chức năng: Là khu vực dự kiến phát triển đô thị hài hoà với khu vực nông thôn với hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có vai trò là cửa ngõ kết nối Thủ đô với khu vực phía Đông với các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, hướng ra các cảng biển dọc theo trục cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Quảng Ninh và tuyến đường sắt cao tốc Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trong tương lai, tuyến đường thủy dọc sông Hồng, sông Đuống, có chức năng trung chuyển hàng hóa, trung tâm thương mại, logistic và dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển công nghiệp; là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng chất lượng cao, trung tâm dịch vụ y tế, giáo dục cấp vùng; hành lang xanh của thành phố dọc hai bên bờ sông Hồng, sông Đuống; Là vùng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp đô thị sinh thái với công nghệ cao.

(8). Vùng huyện Thường Tín

- Phạm vi: Tổng diện tích tự nhiên là 130,13 km², bao gồm 29 đơn vị hành chính: 1 thị trấn (thị trấn Thường Tín) và 28 xã trực thuộc.

- Tính chất, chức năng: là vùng sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp làng nghề lớn phía Nam Thủ đô; có chức năng là trung tâm thương mại dịch vụ quan trọng phía Nam Thủ đô, trung tâm logistic quan trọng, hệ thống chợ đầu mối nông sản tổng hợp cấp vùng; trung tâm trung chuyển hành khách liên tỉnh; Vùng sản xuất nông nghiệp sạch với công nghệ cao. Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông kết nối với các hệ thống đường trục, đường vành đai, hệ thống cảng đường thủy nội địa.

(9). Vùng huyện Thanh Trì

- Phạm vi: Diện tích tự nhiên khoảng 63,49 km², bao gồm 16 đơn vị hành chính, bao gồm 01 thị trấn Văn Điển và 15 xã trực thuộc.

- Tính chất, chức năng: Là huyện nằm ở phía Nam Thủ đô Hà Nội; Là điểm đến đối với người dân Thủ đô và các tỉnh trong vùng về dịch vụ y tế; Là nơi bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa, làng nghề; Nơi có nền kinh tế đa dạng; đô thị phát triển hài

hoà với nông thôn; Là điểm kết nối giao thương quan trọng của Thủ đô với các tỉnh lân cận. Phát triển công nghiệp làng nghề truyền thống theo hướng bảo tồn, công nhận các sản phẩm truyền thống nhưng phải đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; phát triển nông nghiệp sạch, sản xuất giống theo hướng công nghệ cao; Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật để thực hiện mục tiêu kép là vừa hoàn thành mục tiêu nông thôn mới nâng cao và định hướng phát triển thành quận khi hội tụ đủ các điều kiện theo quy định.

(10). Vùng huyện Ba Vì

- Phạm vi: Huyện Ba Vì có tổng diện tích tự nhiên là 424 km², bao gồm 31 đơn vị hành chính: Thị trấn Tây Đằng và 30 xã trực thuộc.

- Tính chất, chức năng: Là huyện phía Tây Bắc Thủ đô, có tính chất cơ bản là sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch, có không gian xanh, là cửa ngõ kết nối giữa Thủ đô với các tỉnh vùng trung du miền núi phía Bắc, là khu vực có lợi thế phát triển du lịch phía Tây Bắc Thủ đô với các loại hình nghỉ dưỡng sinh thái, trải nghiệm chất lượng cao, đẳng cấp quốc tế. Là khu vực dự trữ phát triển của Thủ đô trong tương lai, nơi có những điều kiện đặc thù để phát triển du lịch. Khu vực xã đảo Minh Châu (xã đảo duy nhất đặc biệt của Thủ đô) dự kiến phát triển thành khu vực du lịch trải nghiệm, sinh thái đặc sắc. Một phần của huyện Ba Vì dự kiến cùng với Sơn Tây sẽ trở thành thành phố du lịch vùng Thủ đô. Hướng tới trở thành Trung tâm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp của Hà Nội, du lịch văn hóa, tâm linh của cả nước.

(11). Vùng huyện Chương Mỹ

- Phạm vi: Tổng diện tích tự nhiên là 237,48 km², bao gồm 32 đơn vị hành chính: 2 thị trấn (thị trấn Chúc Sơn, thị trấn Xuân Mai) và 30 xã trực thuộc.

- Tính chất, chức năng: Là huyện ngoại thành phía Tây Nam Thủ đô Hà Nội, phát triển mạnh về đô thị, công nghiệp dịch vụ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại, hệ thống hạ tầng xã hội chất lượng cao, gắn kết với mạng lưới hạ tầng chung của Thủ đô Hà Nội nhằm hỗ trợ chia sẻ chức năng với đô thị trung tâm và trở thành động lực thúc đẩy phát triển vùng hành lang xanh. Là không gian phát triển du lịch văn hóa tín ngưỡng gắn với bảo vệ cảnh quan tự nhiên; Là không gian phát triển các khu, cụm đại học tập trung nhằm cụ thể hóa chương trình di dời trường học từ trong nội đô ra ngoại thành với các khu vực Chúc Sơn và Xuân Mai là hạt nhân phát triển; Là vùng có các hoạt động sản xuất nông nghiệp năng suất, chất lượng cao và tiểu thủ công nghiệp làng nghề truyền thống. Phát triển vùng hành lang xanh gắn với chương trình phát triển nông thôn mới, song hành với bảo tồn, phát huy các giá trị về văn hóa, cảnh quan và bảo vệ môi trường.

(12). Vùng huyện Quốc Oai

- Phạm vi: Huyện Quốc Oai có diện tích tự nhiên là 151,122 km², bao gồm 20 đơn vị hành chính: 01 thị trấn Quốc Oai và 19 xã trực thuộc.

- Tính chất, chức năng: Là trung tâm nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ cao; nơi ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển sản xuất, cung ứng dịch vụ và kinh doanh sản phẩm công nghệ; Là khu vực phát triển nền nông nghiệp sạch, hiệu quả kinh tế cao với các mô hình chuyên canh và nông nghiệp sinh thái. Phát triển du lịch trải nghiệm, du lịch tâm linh, mô hình trang trại, nghiên cứu khoa học phục vụ nông nghiệp; Là đô thị sinh thái, phát triển bền vững, cân bằng giữa các yếu tố văn hóa, lịch sử, môi trường tự nhiên và vùng cảnh quan sông Đáy, sông Tích. Phát triển đô thị sinh thái gắn với việc kết nối với hệ thống trục Láng Hoà Lạc, đường

sắt đô thị Văn Cao – Hoà Lạc.

(13). Vùng huyện Thạch Thất

- Phạm vi: Tổng diện tích tự nhiên là 187,53 km², bao gồm 23 đơn vị hành chính: 1 thị trấn Liên Quan và 22 xã trực thuộc.

- Tính chất, chức năng: Một phần của khu vực sẽ là hạt nhân phát triển thành phố phía Tây của Thủ đô, có chức năng phát triển khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo chất lượng cao, tiểu thủ công nghiệp làng nghề gắn với bảo vệ môi trường, thương mại dịch vụ, du lịch, nông nghiệp, sinh thái; đảm bảo vai trò không gian cửa ngõ tích cực phía Tây của Thủ đô Hà Nội. Ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao với trọng tâm là Khu công nghệ cao Hoà Lạc. Các khu, CCN sẽ được mở rộng quy mô. Nông nghiệp sẽ được định hướng phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ. Các làng nghề, nghề thủ công truyền thống sẽ được bảo tồn và phát triển. Lĩnh vực dịch vụ, thương mại sẽ được đầu tư phát triển đồng bộ với các khu đô thị, KCN. Về phát triển đô thị, huyện sẽ hình thành các khu đô thị công nghệ cao dọc theo các trục giao thông chính như đại lộ Thăng Long, quốc lộ 21. Khu vực trung tâm huyện trở thành hạt nhân để hình thành thành phố phía Tây của Thủ đô.

(14). Vùng huyện Phúc Thọ

- Phạm vi: Tổng diện tích tự nhiên là 118,5 km², bao gồm 21 đơn vị hành chính: 1 thị trấn Phúc Thọ và 20 xã.

- Tính chất, chức năng: Là một huyện ngoại thành, nằm ở cửa ngõ phía Tây của đô thị trung tâm, có vai trò quan trọng trong giao thương với tỉnh Vĩnh Phúc; thuộc hành lang xanh của Hà Nội; Có nền kinh tế tổng hợp, đa dạng; phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái, phát triển mạnh các CCN làng nghề, đẩy nhanh du lịch trải nghiệm nông nghiệp nông thôn; phát triển mạnh thương mại theo hướng hiện đại; đồng thời, là một điểm đến hấp dẫn về du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, chăm sóc sức khỏe. Hướng phát triển chủ yếu là: công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm; may mặc và da giày với các sản phẩm thời trang, xanh, tiện lợi, cơ khí sản xuất chi tiết, phụ tùng, sản xuất thiết bị, nội thất xây dựng, sản xuất nội thất cao cấp; nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; hình thành một số trung tâm thương mại tổng hợp dọc trục đường Tây Thăng Long và đường nối quốc lộ 32 với cầu Vân Phúc.

(15). Vùng huyện Thanh Oai

- Phạm vi: Tổng diện tích tự nhiên là 124,47 km², bao gồm 21 đơn vị hành chính: 1 thị trấn (thị trấn Kim Bài) và 20 xã.

- Tính chất, chức năng: Là huyện ngoại thành phía Nam Thủ đô Hà Nội, nằm trong quy hoạch vành đai xanh của Thủ đô; Là vùng sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp làng nghề; trung tâm thương mại, dịch vụ, logistic quan trọng phía Nam Thủ đô; Là vùng sản xuất nông nghiệp sạch, sinh thái quan trọng của Thủ đô (đến năm 2030) ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, phương thức canh tác hữu cơ. Các sản phẩm chủ lực như rau sạch, hoa cây cảnh, các loại cây ăn quả và thủy sản sẽ là thế mạnh xuất khẩu của địa phương. Hạ tầng từng bước được đầu tư hiện đại, đồng bộ nhằm phát triển đô thị, kinh tế, xã hội với các không gian phát triển dọc theo trục Bắc Nam và đường vành đai 4 đoạn đi qua địa bàn huyện.

(16). Vùng huyện Ứng Hòa

- Phạm vi: Tổng diện tích tự nhiên là 188,23 km², bao gồm 29 đơn vị hành chính:

1 thị trấn Vân Đình và 28 xã trực thuộc.

- Tính chất, chức năng: Là huyện ngoại thành phía Nam Thủ đô Hà Nội. Nằm trong quy hoạch vành đai xanh của Thủ đô; Là vùng sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, làng nghề lớn; Là vùng sản xuất nông nghiệp chất lượng cao trọng điểm phía Nam Thủ đô. Phát triển theo hướng đô thị hóa, hiện đại hóa gắn với nông nghiệp đô thị, xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường. Phát triển thị trấn Vân Đình theo hướng trở thành đô thị sinh thái, văn minh với cơ sở hạ tầng đồng bộ. Khu vực nông thôn được chia thành 5 tiểu vùng, phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Phát triển nông nghiệp gắn với du lịch trải nghiệm.

(17). Vùng huyện Đan Phượng

- Phạm vi: Tổng diện tích tự nhiên là 77,83 km², bao gồm 16 đơn vị hành chính: 1 thị trấn Phùng và 15 xã trực thuộc.

- Tính chất, chức năng: Định hướng phát triển thành quận, đóng vai trò quan trọng trong việc chia sẻ chức năng, giảm tải cho khu vực trung tâm thủ đô. Huyện có các trung tâm hành chính, thương mại - dịch vụ, các khu đô thị mới hiện đại gắn với tuyến vành đai 4 của Thủ đô. Khu vực phía Tây Vành đai 4 (ngoài khu vực mở rộng đô thị hai bên đường vành đai 4) ưu tiên phát triển giáo dục đào tạo, y tế, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, dịch vụ, thương mại và đô thị sinh thái. Là nơi hoạt động du lịch sinh thái, thương mại, dịch vụ, thể dục thể thao dọc sông Hồng gắn với xây dựng cảng sông Hồng tạo động lực cho cả vùng phát triển vận tải đường thủy nội địa, du lịch.

IX. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI THEO KHU CHỨC NĂNG VÀ THEO LOẠI ĐẤT ĐẾN TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Quan điểm và định hướng sử dụng đất

- Sử dụng tiết kiệm, hợp lý và hiệu quả quỹ đất, đảm bảo hài hòa giữa các mục đích sử dụng đất gắn với mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố ở từng thời kỳ. Tại các quận nội thành quỹ đất hạn chế, mật độ dân số đông; các huyện ngoại thành, nhất là khu vực phía tây việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đang diễn ra nhanh chóng. Việc sử dụng khoa học, tiết kiệm và hợp lý quỹ đất đai của Thành phố rất có ý nghĩa vừa để tăng diện tích sử dụng, hệ số sử dụng và làm đẹp cảnh quan chung.

- Chỉnh trang các khu dân cư hiện trạng, mở rộng diện tích đất ở thông qua xây dựng các khu dân cư mới quy mô tập trung (xây dựng hạ tầng và thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất); không chuyển mục đích diện tích đất công và đất khác (ngoài đất ở) sang đất ở; diện tích đất công được bảo vệ để dự trữ cho các mục đích công cộng.

- Ổn định quỹ đất dành cho sản xuất nông nghiệp, ưu tiên phát triển các ngành mũi nhọn có khả năng tạo sự tăng trưởng nhanh trong nông nghiệp, ưu tiên phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất sản phẩm chất lượng, giá trị kinh tế cao phục vụ nhu cầu của Thủ đô. Đảm bảo ổn định diện tích đất trồng lúa (đặc biệt là diện tích đất chuyên trồng lúa), duy trì và bảo vệ diện tích rừng hiện có, phát triển rừng và sản xuất lâm nghiệp theo quy hoạch được phê duyệt. Hạn chế đến mức thấp nhất chuyển đổi đất nông nghiệp trồng 2 vụ lúa sang phát triển các khu công nghiệp, sân golf, các khu đô thị.

- Đảm bảo quỹ đất cho nhu cầu phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng hạ tầng

kỹ thuật, các công trình phúc lợi công cộng, phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn. Bố trí quỹ đất hợp lý để phát triển các khu, cụm công nghiệp tại các vị trí phù hợp và phải bảo vệ môi trường theo quy định.

- Đảm bảo quỹ đất cho an ninh, quốc phòng; khai thác, sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội cần phải gắn chặt với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Cần quan tâm bố trí các khu vực đất quốc phòng dự trữ tại các vị trí chiến lược đã được lựa chọn, không cho phép chuyển mục đích sang các loại đất khác nhằm đảm bảo khi có nhu cầu, nhà nước có thể trưng thu, trưng dụng thuận tiện và nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu chiến sự. Chuyển đổi đất quốc phòng, an ninh sang các mục đích khác, phải phù hợp với quy hoạch chung được phê duyệt, có sự thống nhất của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an cũng như của toàn thành phố, không làm ảnh hưởng đến công tác quốc phòng, an ninh của địa phương.

- Có kế hoạch khai thác quỹ đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp.

2. Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất

Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh; tạo động lực cho sự phát triển của Thủ đô. Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được cân đối trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các địa phương, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 phân bổ cho thành phố Hà Nội.

- Đến năm 2030, tổng diện tích đất tự nhiên của thành phố Hà Nội là 335.984 ha; Trong đó: đất nông nghiệp khoảng 173.175 ha; đất phi nông nghiệp khoảng 161.812 ha; đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng khoảng 1.712 ha.

- Diện tích đất cần thu hồi khoảng 38.009,82 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp phải thu hồi là 26.386,89 ha và đất phi nông nghiệp phải thu hồi là 11.622,92 ha.

- Để thực hiện phương án quy hoạch sử dụng thời kỳ 2021-2030 cần chuyển 26.386,89 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp; chuyển mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp khoảng 9.110,2 ha.

Bảng 3.7: Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã đất	Hiện trạng 2020		Quy hoạch đến 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		335 983,58	100,00	335 983,58	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	198 082,83	58,96	173 174,58	51,54
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	100 724,92	29,98	89 857,00	26,74
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	94 053,08	27,99	87 925,00	26,17
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	29 364,92	8,74	25 956,53	7,73
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	3 950,67	1,18	5 881,03	1,75
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	10 295,29	3,06	11 017,04	3,28
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	6 087,17	1,81	4 991,02	1,49

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã đất	Hiện trạng 2020		Quy hoạch đến 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TĐ: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	1 556,87	0,46	1 528,03	0,45
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	135 192,10	40,24	161 812,00	48,16
	Trong đó:					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	7 278,91	2,17	8 620,00	2,57
2.2	Đất an ninh	CAN	487,31	0,15	583,95	0,17
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1 701,08	0,51	3 828,05	1,14
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	1 159,92	0,35	2 825,32	0,84
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1 834,93	0,55	2 945,06	0,88
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3 941,31	1,17	4 037,97	1,20
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	438,20	0,13	654,00	0,19
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	46 759,27	13,92	60 059,84	17,88
	Trong đó:					
-	Đất giao thông	DGT	30 114,71	8,96	38 300,00	11,40
-	Đất thủy lợi	DTL	8 783,08	2,61	8 896,04	2,65
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1 073,41	0,32	1 809,97	0,54
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	410,43	0,12	747,05	0,22
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3 847,46	1,15	6 044,99	1,80
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	1 688,83	0,50	2 204,97	0,66
-	Đất công trình năng lượng	DNL	156,77	0,05	784,01	0,23
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	89,27	0,03	92,84	0,03
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			20,00	0,01
2.10	Đất cơ sở tôn giáo	TON	803,62	0,24	867,65	0,26
2.11	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, hỏa táng	NTD	3 367,62	1,00	3 794,56	1,13
2.12	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	263,37	0,08	350,00	0,10
2.13	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	523,41	0,16	761,00	0,23
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	69,82	0,02	147,99	0,04
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT	28 618,45	8,52	22 056,77	6,56
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT	11 133,62	3,31	22 751,01	6,77
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	621,18	0,18	954,81	0,28
2.18	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	415,03	0,12	461,51	0,14
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	40,53	0,01	47,23	0,01
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2 708,65	0,81	997,00	0,30

Nguồn: Tổng hợp của đơn vị tư vấn

X. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

1. Các nguyên tắc chung

a) 8 Ưu tiên:

(1). Ưu tiên các công trình, dự án hiện thực hóa mục tiêu thành phố kết nối toàn cầu; thành phố sáng tạo, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế, vai trò của Thủ đô Hà Nội, của Việt Nam trên trường quốc tế.

(2). Ưu tiên các công trình, dự án có quy mô lớn, có tính chất và quy mô phát triển ở cấp Thành phố, liên quận, huyện để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch.

(3). Ưu tiên các công trình, dự án đóng vai trò thúc đẩy phát triển các ngành quan trọng; các công trình thuộc 6 nhiệm vụ trọng tâm, 4 đột phá phát triển.

(4). Ưu tiên các công trình, dự án được xác định ở quy hoạch cấp cao hơn trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (gồm: Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch Ngành quốc gia, quy hoạch Vùng DBSH...).

(5). Ưu tiên các công trình, dự án trọng điểm, hiện đang là vấn đề cấp bách hoặc bức xúc của nhân dân cần phải giải quyết ngay như: đảm bảo an ninh quốc phòng, an toàn xã hội, phòng chống thiên tai, ô nhiễm môi trường, ngập úng đô thị, ùn tắc giao thông....

(6). Ưu tiên lựa chọn các dự án có tính chất định hướng phát triển “Văn hiến – Văn minh – Hiện đại”, có tính chất kết nối, lan tỏa, có tính chất “vùng”.

(7). Ưu tiên các công trình, dự án triển khai các nhiệm vụ trọng tâm theo quy hoạch Thủ đô Hà Nội về: giao thông kết nối, phát triển nhân lực, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường; chủ động phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.

(8). Ưu tiên các dự án tạo không gian xanh, không gian công cộng cho Thủ đô.

b) 5 Không

(1). Không đưa vào các dự án mang tính chất chung chung, các dự án phải thể hiện tính ưu tiên phát triển theo quan điểm và định hướng quy hoạch.

(2). Không đưa vào danh mục các dự án đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư theo quy hoạch thời kỳ trước và không có sự thay đổi tại quy hoạch thời kỳ 2021-2030 (bao gồm cả các công trình dự án hiện có);

(3). Không đưa các dự án có tên của nhà đầu tư và chỉ đưa vào danh mục dự án thể hiện tính chất liên huyện trở lên, đồng thời đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch.

(4). Không thể hiện cụ thể quy mô, địa điểm mà chỉ là dự kiến đối với các danh mục để đảm bảo tính động, tính mở, linh hoạt.

(5) Không thể hiện trong Danh mục dự án ưu tiên đối với các công trình, dự án cấp quốc gia đã được xác định trong Quy hoạch cấp quốc gia, tránh trùng lặp về nội dung với các Quyết định phê duyệt Quy hoạch cấp quốc gia.

2. Nguyên tắc ưu tiên lựa chọn theo các ngành, lĩnh vực

(1). *Mạng lưới giao thông*: Ưu tiên xây dựng các tuyến đường bộ và đường sắt kết nối Thủ đô với các tỉnh trong vùng ĐBSH, vùng trung du và miền núi Bắc bộ đã được xác định trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia. Tập trung nguồn lực đầu tư các trục phát triển, các hành lang kinh tế, các tuyến đường vành đai 4, 5 để tạo không gian phát triển mới, tạo tiền đề bố trí các KCN - dịch vụ - đô thị quy mô lớn. Xây dựng các tuyến đường, đầu mối giao thông phục vụ phát triển du lịch, logistics, vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm... Hình thành các tuyến đường sắt mới từ Hà Nội kết nối các cảng biển, cửa khẩu quốc tế lớn; Đầu tư các dự án đường sắt đô thị để hình thành mạng lưới đường sắt đô thị đủ năng lực và khả năng tiếp cận để thay thế phương tiện giao thông cá nhân. Đầu tư xây dựng thêm các cầu qua Sông Hồng, Sông Đuống. Mở rộng, nâng cấp sân bay quốc tế Nội Bài; Các dự án quan trọng trong việc hình thành thêm 1 sân bay quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển vùng Thủ đô và khu vực phía Bắc. Tách rõ các tuyến đường bộ hiện có và bổ sung mới trong thời kỳ quy hoạch

(2). *Dịch vụ - Thương mại*: Ưu tiên các dự án thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; các dự án đẩy mạnh các ngành công nghiệp văn hóa của Thủ đô; dự án hình thành trung tâm bán buôn mua sắm cấp vùng; chợ đầu mối; Trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia. Lược bỏ danh mục các công trình hiện có, các công trình mới tên dự kiến giống nhau chỉ khác địa điểm thực hiện, do đó cân nhắc ghi chung vào phần phương án phát triển.

(3). *Du lịch*: Ưu tiên các dự án phát triển hạ tầng hình thành các trung tâm du lịch quốc gia mang đẳng cấp quốc tế khu vực Ba Vì, khu vực Mỹ Đức, khu vực Sóc Sơn thành các trung tâm điểm đến kết hợp nghỉ dưỡng có cơ sở vật chất du lịch hiện đại, có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu khách du lịch trong nước và quốc tế; Ưu tiên dự án phát triển du lịch theo hướng ứng dụng công nghệ số; các tuyến du lịch văn hóa, làng nghề truyền thống, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Đề nghị cập nhật định hướng quy hoạch hệ thống du lịch quốc gia.

(4). *Công nghiệp*: Ưu tiên các dự án sản xuất công nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, giá trị gia tăng cao như: công nghiệp bán dẫn, công nghiệp phần mềm và trí tuệ nhận tạo, công nghệ mới trong lĩnh vực năng lượng, công nghệ sinh học, công nghệ y học, công nghiệp dược, các ngành mới nổi/hydrogen..., công nghiệp đường sắt. Ưu tiên việc hình thành các khu, CCN tại các tuyến hàng lang công nghiệp Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Bắc Ninh - Hải Dương - Quảng Ninh, Hà Nội - Vĩnh Yên - Việt Trì, Hà Nội - Lạng Sơn và khu vực phía Nam Thủ đô gắn với hành lang Bắc Nam. Lược bỏ các CCN đang hoạt động và không có sự thay đổi trong thời kỳ quy hoạch. Tách rõ các CCN có thay đổi và các CCN thành lập mới trong thời kỳ quy hoạch. Rà soát lại số lượng, diện tích các CCN để đảm bảo thống nhất với diện tích đất cho CCN.

(5). *Nông nghiệp, nông thôn*: Ưu tiên các dự án nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử truyền thống dân tộc; các mô hình nông nghiệp đô thị, nông nghiệp trải nghiệm kết hợp với phát triển du lịch; mô hình nông nghiệp hữu cơ có giá trị cao; mô hình nông nghiệp thông minh và phát triển tuần hoàn.

(6). *Điện lực, năng lượng*: Ưu tiên dự án xây dựng mới, nâng cấp mở rộng các trạm biến áp, mạng lưới cấp điện cho các khu vực phải vận hành trong tình trạng đầy tải; các dự án cấp điện phục vụ các KCN, CCN, khu đô thị mới. Về danh mục các dự án và nguồn vốn đầu tư phải đồng bộ với Quy hoạch điện VIII;

(7). *Đô thị*: Ưu tiên các dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị khu vực đô thị cũ các quận nội đô. Hình thành các đô thị - thương mại - dịch vụ theo mô hình TOD dọc các tuyến đường sắt đô thị hướng tâm. Xây dựng đô thị thông minh - kết nối toàn cầu quy tụ các tập đoàn lớn trên thế giới trên trục Nhật Tân - Nội Bài; Dự án xây dựng không gian văn hóa, du lịch, dịch vụ và nghỉ dưỡng hai bên bờ Sông Hồng; Trục đại lộ - quảng trường ánh sáng Hồ Tây - Cổ Loa kết nối lịch sử và trung tâm hành chính Thủ đô (mới) với trung tâm hành chính quốc gia Ba Đình, kết nối đô thị phía Bắc và phía Nam sông Hồng; các dự án giãn mức độ tập trung người học của các cơ sở giáo dục đại học và bệnh nhân của các bệnh viện ra khu vực ngoài trung tâm.

(8). *Lĩnh vực văn hóa*: Ưu tiên đầu tư các dự án tạo lập không gian văn hóa sông Hồng, Hồ Tây; trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; các dự án phát triển trung tâm thể thao quốc gia (mới) các trung tâm vui chơi giải trí tầm khu vực, các thiết chế văn hóa, thể thao quan trọng... dự kiến một số địa điểm đã xác định rõ.

(9). *Giáo dục - đào tạo*: Ưu tiên đầu tư phát triển loại hình giáo dục, đào tạo chất lượng cao đáp ứng được quá trình chuyển đổi số quốc gia, đổi mới sáng tạo hội nhập với khu vực và quốc tế. Ưu tiên các dự án đầu tư đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của phát triển theo hướng ứng dụng KHCN mới như công nghiệp bán dẫn, nông nghiệp ứng dụng KHCN cao, chuyển đổi số, phát triển thông minh, kinh tế tuần hoàn; Hình thành các trung tâm Quốc gia, trung tâm Vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

(10). *Y tế*: Ưu tiên các dự án đầu tư các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tại Hà Nội ngang tầm các trung tâm chuyên sâu kỹ thuật cao của khu vực và thế giới. Chỉ nêu các hạ tầng có thay đổi trong thời kỳ quy hoạch hoặc dự kiến phát triển thêm trong thời kỳ quy hoạch.

(11). *Khoa học và công nghệ*: Ưu tiên việc hình thành thành trung tâm nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ tại Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học. Ưu tiên đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ số, phục vụ quá trình chuyển đổi số, hình thành chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

(12). *Môi trường*: Ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường các dòng sông, làm sạch các hồ lớn, quan trắc và xử lý ô nhiễm không khí khu vực nội đô.

c) Dự án thu hút đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài

- Các dự án thu hút được nhiều nhà đầu tư tư nhân (cả trong và ngoài nước) có tiềm lực mạnh, quy mô lớn, thương hiệu mạnh tầm cỡ toàn cầu.

- Các dự án sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai, đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, áp dụng các tiêu chuẩn xanh và ứng dụng công nghệ số, tăng năng suất lao động, hiệu quả sử dụng vốn cao, giá trị lớn.

- Áp dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ cao của thế giới: Với những dự án đầu tư nước ngoài, ưu tiên dự án có chuyển giao công nghệ, hạn chế tối đa việc biến đổi, phá vỡ cấu trúc sinh thái môi trường hiện có.

XI. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư

1.1. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư

Để hiện thực hóa các mục tiêu quy hoạch ước 8,8 – 9,5 triệu tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 cần khoảng 3,1- 3,26 triệu tỷ đồng, giai đoạn 2026 - 2030 là khoảng 5,69-6,25 triệu tỷ đồng. Cơ cấu vốn đầu tư chuyển dịch theo xu hướng giảm dần nguồn vốn từ khu vực nhà nước; đến năm 2030, tỷ trọng vốn đầu tư từ khu vực này còn khoảng 27,5-28,5%; tỷ trọng vốn đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước khoảng 54 - 55%; tỷ trọng vốn đầu tư FDI khoảng 16,5-17,5%. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư được cải thiện, hệ số ICOR bình quân thời kỳ 2021 - 2030 khoảng 5,1.

Bảng 3.8: Dự báo nhu cầu vốn đầu tư thời kỳ 2021 – 2030

STT	Nội dung	Đơn vị	Thời kỳ 2021-2030
1	Vốn đầu tư phát triển	1.000 tỷ đồng	8,8 – 9,5
2	ICOR		5,1
3	Cơ cấu vốn đầu tư	%	
-	Khu vực nhà nước	%	27,5- 28,5
-	Khu vực ngoài nhà nước	%	54,0-55
-	Khu vực FDI	%	16,5 – 17,5

1.2. Giải pháp huy động vốn đầu tư

1.2.1. Giải pháp huy động vốn ngân sách nhà nước

a. Huy động nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô

(1). Nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu và thường cho thành phố Hà Nội tương ứng toàn bộ số tăng thu ngân sách trung ương so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, nhưng không vượt quá số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố, các khoản thu ngân sách Trung ương hưởng 100% vượt so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao.²⁵

(2). Ngoài các phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, thành phố Hà Nội chủ động quyết định áp dụng trên địa bàn phí phương tiện cơ giới đường bộ vào một số khu vực trên địa bàn thành phố Hà Nội có nguy cơ ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường và các loại phí, lệ phí khác; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án và các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách Trung ương hưởng 100%.

(3). Ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu phí do việc điều chỉnh chính sách phí, lệ phí theo quy định để đầu tư phát triển cơ sở

²⁵ Trừ các khoản: (i). Khoản thu thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu; (ii). Khoản chênh lệch thu, chi của Ngân hàng nhà nước; (iii). Khoản thu không giao cho thành phố Hà Nội quản lý thu, không phát sinh trên địa bàn Thành phố nhưng hạch toán nộp ở Thành phố; (iv). Các khoản thu đã được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng cho nhiệm vụ chi cụ thể; (v). Các khoản hạch toán ghi thu, ghi chi và các khoản thu được để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

hạ tầng kinh tế - xã hội và chi hoạt động kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và phúc lợi xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội; các khoản thu này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố Hà Nội.

(4). Mức dư nợ vay của ngân sách thành phố Hà Nội không vượt quá 120% số thu ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng theo phân cấp. Thu ngân sách thành phố Hà Nội được xác định trên cơ sở dự toán thu ngân sách thành phố Hà Nội được Quốc hội quyết định của năm dự toán. Tổng mức vay và bội chi ngân sách thành phố Hà Nội hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Hằng năm, trong quá trình chấp hành ngân sách, thành phố Hà Nội được chủ động quyết định cụ thể nguồn vay trong nước và nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, nhưng phải đảm bảo trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách thành phố Hà Nội đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

(5). Ngân sách thành phố Hà Nội được giữ lại 100% các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố Hà Nội để tạo nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội; dự án, công trình trọng điểm, có tính chiến lược của Thủ đô, Vùng Thủ đô, các dự án PPP, dự án giao thông công cộng; hỗ trợ di dời các cơ sở, đơn vị thuộc danh mục phải di dời theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

(6). Thành phố Hà Nội chủ động nghiên cứu, phê duyệt đề án thu tiền sử dụng không gian ngầm và không gian trên cao trong khu vực TOD. Trên cơ sở quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và khu vực TOD. Thành phố Hà Nội tổ chức đấu giá hoặc đấu thầu quyền sử dụng đất, quyền sử dụng không gian ngầm, không gian trên cao trong khu vực TOD.

(7). Thành phố Hà Nội quy định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách mới hoặc cao hơn của Trung ương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách thành phố Hà Nội mà ngân sách trung ương không hỗ trợ.

b. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp trong việc sử dụng hiệu quả, linh hoạt nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô

(1). Thành phố Hà Nội quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách cấp thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương thành phố Hà Nội sau khi đã dành nguồn để thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô theo quy định.

(2). Thành phố Hà Nội được quyết định sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách địa phương để nâng cấp, cải tạo, mở rộng công trình tài sản công; xây dựng mới các hạng mục trong phạm vi công trình tài sản công đã có do thành phố Hà Nội quản lý.

(3). Thành phố Hà Nội được quyết định tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, đã có quyết định phê duyệt dự án và thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội trong trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Thời gian mỗi khoản tạm ứng không quá 36 tháng kể từ ngày tạm ứng. Tổng các khoản tạm ứng này tại một thời điểm không quá 50% số dư Quỹ dự trữ tài chính của thành phố Hà Nội đến ngày 31 tháng 12 của năm

trước. Thành phố Hà Nội quyết định việc bố trí dự toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm cho các dự án trên để thu hồi vốn tạm ứng, hoàn trả Quỹ dự trữ tài chính theo quy định của pháp luật.

(4). Thành phố Hà Nội được bố trí kinh phí từ ngân sách hỗ trợ di dời, xây dựng mới, bố trí đất cho các cơ sở sản xuất, cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, bệnh viện trong đô thị trung tâm; hỗ trợ di dời trụ sở các cơ quan trung ương theo biện pháp, lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các cơ quan, đơn vị sau khi di dời phải bàn giao nhà, đất cho cơ quan có thẩm quyền của thành phố Hà Nội để sử dụng theo quy hoạch.

(5). Thành phố Hà Nội được quyết định sử dụng ngân sách cấp thành phố hỗ trợ các địa phương khác trong nước, các địa phương của nước ngoài trong các trường hợp cần thiết; cho phép cấp huyện sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các quận, huyện, thị xã khác của thành phố Hà Nội và các đơn vị cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố khác trên cả nước trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ an sinh xã hội.

(6). Thành phố Hà Nội quyết định sử dụng ngân sách của thành phố Hà Nội để thực hiện dự án, công trình trọng điểm có tính chất vùng, liên tỉnh nằm trên ranh giới, địa giới hành chính giữa Thủ đô và địa phương khác, các dự án quốc lộ, cao tốc đi qua địa bàn Thủ đô phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(7). Thành phố Hà Nội sớm quy định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách mới hoặc cao hơn của Trung ương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách thành phố Hà Nội mà ngân sách trung ương không hỗ trợ.

1.2.2. Giải pháp huy động vốn ngoài nhà nước

(1). Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài; Khuyến khích và thực hiện các giải pháp khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo. Xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô vào các dự án, công trình trọng điểm, các dự án có tính chiến lược của Thành phố.

(2). Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện, nâng cao hơn nữa chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư, kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch.

(3). Công khai minh bạch thông tin ở tất cả các bước trong triển khai dự án PPP cần được đẩy mạnh, như: chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng được công khai, minh bạch trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiểm toán dự án PPP; có chế tài xử phạt, quy định rõ ràng về trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các bên liên quan. Xử lý dứt điểm những vướng mắc đối với dự án PPP đã được thực hiện trong giai đoạn trước, đặc biệt là dự án BOT giao thông. Ưu tiên bố trí nguồn lực để thúc đẩy nghiên cứu, lựa chọn và triển khai hiệu quả dự án PPP mới, đồng thời tạo các kênh huy động vốn khác bên cạnh nguồn vốn tín dụng.

(4). Đổi mới mạnh mẽ chính sách thu hút đầu tư nước ngoài và chuẩn bị đồng bộ các điều kiện như hạ tầng, thể chế, nhân lực... để tăng hiệu quả đầu tư nước ngoài phục vụ cho các mục tiêu phát triển. Định hướng thu hút các doanh nghiệp lớn có công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, hệ thống quản lý hiện đại, các tập đoàn đa quốc gia hàng đầu

thể giới đầu tư hình thành những cụm liên kết ngành, tạo sức lan tỏa lớn.

(5). Tạo điều kiện để các nhà đầu tư trong và ngoài nước có thể huy động rộng rãi mọi nguồn vốn trong xã hội khi thực hiện dự án

(6). Huy động vốn vay nước ngoài với điều kiện, lãi suất ưu đãi, phù hợp, hiệu quả, tập trung cho một số lĩnh vực chủ chốt, quan trọng.

1.2.3. Nâng cao hiệu quả quản lý tài sản công và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát

(1). Mở rộng phạm vi và đối tượng thực hiện phương thức đầu tư hợp tác công tư trong các lĩnh vực y tế, giáo dục; đầu tư, bảo tồn, tôn tạo và khai thác các di sản, các cơ sở văn hóa nghệ thuật để tổ chức các hoạt động văn hóa và phát triển du lịch, dịch vụ. Thành phố Hà Nội được nhượng quyền kinh doanh, quản lý đối với các công trình hạ tầng văn hóa, thể thao do Nhà nước đầu tư trên địa bàn Thủ đô, cho phép tư nhân đầu tư vào khai thác, quảng bá các di sản văn hóa, lịch sử theo phương thức PPP; áp dụng phương thức xây dựng, chuyển giao, thuê dịch vụ (BTL) hoặc xây dựng, thuê dịch vụ, chuyển giao (BLT) đối với các công trình do tư nhân xây dựng, sở hữu và thành phố Hà Nội có nhu cầu sử dụng cho các mục đích công cộng; cơ chế sử dụng, quản lý, khai thác tài sản công của cơ sở văn hóa, thể thao, cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội khi thực hiện liên kết với tổ chức, cá nhân để cung cấp dịch vụ theo cơ chế thị trường.

(2). Thành phố Hà Nội chủ động xây dựng các quy định việc đấu giá quyền thuê nhà cổ, biệt thự cũ thuộc sở hữu nhà nước để kinh doanh du lịch, dịch vụ văn hóa, nghệ thuật, ẩm thực. Đồng thời, tạo không gian và quy hoạch kiến trúc các công trình hạ tầng là điểm nhấn, có cơ chế phù hợp, cởi mở để các tỉnh, thành phố trong cả nước, các tập đoàn doanh nghiệp đầu tư các công trình công cộng lưu danh và hình ảnh, dấu ấn tại Thủ đô.

(3). Thành phố Hà Nội chủ động nghiên cứu và áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát: (i). Trong khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội đối với các giải pháp công nghệ mới; (ii). Đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách của thành phố Hà Nội và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để ươm tạo, đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ trọng điểm của thành phố Hà Nội; (iii). Tại các khu phát triển thương mại và văn hóa ở một số địa điểm có tiềm năng, lợi thế về thương mại, dịch vụ, du lịch, văn hóa trên địa bàn Thủ đô.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

2.1. Đối với nguồn nhân lực khu vực công

(1). Thủ đô Hà Nội đi đầu cả nước trong tổ chức thực hiện nghiêm túc, bài bản, sáng tạo công tác sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy quản lý hành chính nhà nước các cấp gắn với tinh giản biên chế.

(2). Quán triệt sâu sắc trong nhận thức và hành động của cả hệ thống cơ quan hành chính nhà nước ý thức phục vụ dân, gần dân, giúp dân, học dân. Khắc phục tình trạng vô trách nhiệm hoặc đùn đẩy khó khăn của cán bộ, công chức cho người dân và doanh nghiệp. Xây dựng và đưa vào thực hiện các quy định về quyền được thông tin của người dân, tạo điều kiện để người dân tham gia, giám sát hoạt động của cơ quan hành chính.

(3). Đẩy mạnh cải cách hành chính với trọng tâm là cải cách thể chế, thủ tục hành chính trong công tác quy hoạch, xây dựng và đầu tư xây dựng; tăng cường phân cấp, phân quyền, ủy quyền trong quản lý hành chính nhà nước; nâng cao hiệu quả quản lý

nhà nước theo mô hình chính quyền điện tử phù hợp với đặc điểm đô thị; nâng cao ý thức, trách nhiệm, năng lực, trình độ và chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường phối hợp hiệu quả giữa các cấp, các ngành trong thực thi công vụ.

(4). Làm tốt công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch cán bộ, công chức; thông qua việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, xác định rõ những người đủ và không đủ tiêu chuẩn. Có chính sách thích hợp đối với những người không đủ tiêu chuẩn phải đưa ra khỏi bộ máy. Đổi mới chế độ tuyển dụng và quản lý cán bộ, công chức. Tuyển dụng cán bộ, công chức phải căn cứ vào nhu cầu, vị trí, cơ cấu và tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức. Thông qua việc thi tuyển, sát hạch, kiểm tra để tuyển dụng cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực vào làm việc trong bộ máy. Khắc phục tình trạng vào cơ quan rồi mới đưa đi đào tạo và chủ yếu là đào tạo tại chức.

(5). Đổi mới phương thức và nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức sát với thực tế, hướng vào các vấn đề thiết thực đặt ra từ quá trình thực thi công vụ, nâng cao kỹ năng hành chính. Thực hiện cơ chế đào tạo tiền công vụ và đào tạo, bồi dưỡng trong công vụ theo định kỳ bắt buộc hàng năm; thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm.

(6). Thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên do thành phố Hà Nội quản lý theo năng lực, hiệu quả công việc, ngoài việc thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập áp dụng chung trong cả nước. Tổng mức chi phù hợp với khả năng ngân sách của Thành phố Hà Nội và không vượt quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

2.2. Đối với nguồn nhân lực khu vực tư

(1). Đẩy mạnh chuyển đổi số trong đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực, quản trị, vận hành thị trường lao động và tháo gỡ khó khăn để tạo điều kiện cho người lao động tiếp cận thông tin về thị trường lao động, tham gia học nghề và các hoạt động giao dịch việc làm, người sử dụng lao động dễ tiếp cận cung lao động. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp, tăng số lượng đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Thành phố.

(2). Đầu tư phát triển hiện đại Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả đóng vai trò đầu mối thông tin thị trường lao động, điều phối, hỗ trợ và quản trị thị trường lao động trên địa bàn Hà Nội. Nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu lao động và hệ thống thông tin thị trường lao động với nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động hiện đại, đồng bộ, có sự kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội. Đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với doanh nghiệp; cung ứng kịp thời nhân lực cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động cục bộ.

(3). Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động nhằm tạo chuyển biến trong xây dựng xã hội học tập; kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ trì tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông theo hướng đẩy mạnh phân luồng và bảo đảm quyền lợi của học sinh vừa được học nghề, vừa được

học văn hóa ngay tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(4). Nâng cao mức sống, cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt của người lao động; đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người lao động; trước mắt tập trung phát triển nhà ở xã hội, nhà ở và hạ tầng xã hội khác cho người lao động, chính sách hỗ trợ tín dụng để giải quyết vấn đề về chỗ ở cho người lao động.

(5). Tập trung đào tạo nghề, tạo việc làm để phát triển thị trường lao động ở nông thôn phục vụ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

2.3. Nghiên cứu, xây dựng các chính sách cụ thể đối với nguồn nhân lực trong lĩnh vực xã hội

2.3.1. Nguồn nhân lực về y tế

- Có chính sách thu hút nhân lực về làm việc tại các cơ sở y tế trên địa bàn nói chung và thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao về làm việc tại tuyến y tế cơ sở nói riêng, trọng tâm là nguồn bác sĩ làm việc tại các Trạm Y tế xã.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo nguồn nhân lực y tế, tạo điều kiện cử y, bác sĩ ra nước ngoài học tập kiến thức mới thuộc các lĩnh vực chuyên môn, quản lý mà ngành Y tế Hà Nội đang có yêu cầu phát triển.

- Thực hiện cơ chế tự chủ hoàn toàn đối với các bệnh viện công lập là cơ hội để bệnh viện chủ động đầu tư trang thiết bị y tế hiện đại, phát triển kỹ thuật cao, nâng cao thu nhập cho nhân viên y tế. Cho phép các bác sĩ được thực hành chuyên môn khám, chữa bệnh tại tuyến y tế cơ sở với các chuyên khoa phù hợp, tạo điều kiện thu hút bác sĩ về công tác tại tuyến y tế cơ sở.

2.3.2. Nguồn lực về giáo dục và đào tạo

- Nghiên cứu, xây dựng các chính sách hỗ trợ của Thủ đô trong việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về giáo dục; khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, tài trợ, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ và xây dựng một số cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố. Khuyến khích việc học tập và nghiên cứu ở nước ngoài bằng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách.

- Nghiên cứu, xây dựng các chính sách, cơ chế mang tính đặc thù, thực hiện tốt chế độ, chính sách đãi ngộ cho cán bộ ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thủ đô.

- Áp dụng hiệu quả các chính sách về nguồn lực ngành giáo dục và đào tạo được quy định trong Luật Thủ đô sửa đổi, theo đó thực hiện việc cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng nghề cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên của Thủ đô đi học tập tại các cơ sở đào tạo ở nước ngoài; Hỗ trợ hình thành các trung tâm quốc gia, trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô; hỗ trợ học phí cho học viên học nghề tại các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao của thành phố Hà Nội; Hỗ trợ từ ngân sách của thành phố Hà Nội để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ sở đào tạo trọng điểm quốc gia có nhiều cấp học trên địa bàn Thủ đô.

2.3.2. Nguồn nhân lực về thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ

- Đổi mới chính sách nhằm thu hút, đào tạo, đãi ngộ và sử dụng đội ngũ trí thức, nhất là đội ngũ chuyên gia công nghệ, nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, nhà khoa học quốc tế. Có chính sách khuyến khích, động viên các nhà

khoa học trẻ phấn đấu theo đuổi và gắn bó với sự nghiệp khoa học lâu dài. Xây dựng và triển khai Chương trình hỗ trợ thanh niên Thủ đô khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Quan tâm phát triển cán bộ khoa học trình độ cao cho các lĩnh vực khoa học và công nghệ; ưu tiên, trọng điểm, lĩnh vực công nghệ mới. Thực hiện tốt chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành cho đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ, các nhà khoa học trẻ có tài năng.

- Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo về công nghệ thông tin. Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn thông tin mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

2.4. Chính sách thu hút nhân tài và nguồn nhân lực chất lượng cao

2.4.1. Chính sách thu hút nhân tài

(1). Công dân Việt Nam có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực vượt trội và kinh nghiệm thực tiễn đang làm việc trong các lĩnh vực, ở trong nước, ở ngoài nước có công trình, sản phẩm, thành tích, công trạng hoặc cống hiến đặc biệt để phát triển một lĩnh vực, một ngành của Thủ đô được hưởng các ưu đãi về tuyển dụng không qua thi tuyển, xếp lương, bổ nhiệm vào chức vụ lãnh đạo, quản lý, điều kiện làm việc, phát triển năng lực.

(2). Người có tài năng đặc biệt được ký hợp đồng làm việc hoặc được đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc thành phố Hà Nội.

2.4.2. Chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao

(1). Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đạt trình độ khu vực và quốc tế ở các ngành, lĩnh vực: khoa học và công nghệ; quy hoạch, xây dựng; văn hóa, nghệ thuật, thể thao; giáo dục đào tạo, dạy nghề; y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân; quản trị doanh nghiệp; tài chính, ngân hàng;

(2). Có chính sách hỗ trợ từ ngân sách của thành phố Hà Nội để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ sở đào tạo trọng điểm quốc gia có nhiều cấp học trên địa bàn Thủ đô; Cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng nghề tại các cơ sở đào tạo ở nước ngoài cho cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên của Thủ đô; Các cơ sở đào tạo của Thủ đô được hợp tác liên doanh, liên kết với các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;

(3). Hỗ trợ hình thành các trung tâm quốc gia, trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô; hỗ trợ học phí cho học viên học nghề tại các cơ sở đào tạo nghề của thành phố Hà Nội nhằm phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao.

(4). Người nước ngoài có trình độ chuyên môn cao; nhiều kinh nghiệm thực tiễn; có công trình hoặc sản phẩm đã được nghiệm thu, công nhận, ứng dụng đem lại hiệu quả cao thì được ký hợp đồng làm việc để thực hiện một số nhiệm vụ trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, y tế, giáo dục với chế độ đãi ngộ phù hợp.

3. Giải pháp bảo vệ môi trường

(1). Thực hiện nghiêm các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; tăng cường sự phối hợp, chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành; tổ chức công tác thanh tra, kiểm soát môi trường và xử lý các sai phạm một cách toàn diện, hiệu quả. Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch kết hợp với thanh tra, kiểm tra đột xuất, giám sát chặt chẽ đối với những cơ sở phát sinh chất thải lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm cao.

(2). Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường ngày càng lớn, phức tạp. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đối với lực lượng cảnh sát môi trường và chú trọng hiện đại hoá cơ sở vật chất, thiết bị trong công tác kiểm tra, giám sát môi trường. Thiết lập hạ tầng công nghệ quan trắc môi trường thông minh, được tích hợp và sử dụng chung cho tất cả các ứng dụng thành phố thông minh, được tích hợp với các thiết bị hạ tầng kỹ thuật đô thị khác như chiếu sáng, biển báo giao thông... Hạ tầng quan trắc cũng cần được hiểu theo nghĩa rộng, không chỉ bao gồm các thiết bị quan trắc do Thành phố đầu tư mà còn phải có khả năng tích hợp dữ liệu từ các camera dân dụng của cư dân, của các tòa nhà, khu đô thị, công nghiệp do tư nhân sở hữu và vận hành và đặc biệt từ các camera điện thoại thông minh của cá nhân thành một hệ quan trắc rộng khắp mà Thành phố không cần đầu tư quá lớn. Hạ tầng quan trắc là tai mắt của thành phố thông minh, là hạ tầng dùng chung cho tất cả các ngành, các lĩnh vực, có giá trị sử dụng và giá trị tài sản rất lớn do vậy cần được quy hoạch, xây dựng và quản lý trên nền GIS, có vai trò quan trọng trong hạ tầng kỹ thuật thiết yếu của quản lý môi trường đô thị.

(3). Thực hiện phân loại rác thải tại nguồn để tăng hiệu quả xử lý, tái chế, tái sử dụng theo phương thức tuần hoàn; thu gom tách riêng nước thải sinh hoạt với nước mưa để có phương án xử lý cục bộ kết hợp các khu vực xử lý tập trung đạt yêu cầu môi trường trước khi đổ vào các cống tiêu thoát, đồng thời thực hiện các tái sử dụng. Hạ thấp tỷ lệ diện tích xây dựng, giảm bê tông hóa bề mặt và sử dụng các vật liệu có khả năng thấm nước để tăng khả năng thấm thấu nước mưa, bổ sung nguồn nước ngầm, điều hòa độ ẩm; xây dựng các bể ngầm chứa nước mưa ngay tại mỗi công trình có kết nối với hệ thống điều tiết thông minh để lưu trữ tạm thời nước mưa, chống ngập cục bộ và tái sử dụng nước mưa dùng cho tưới cây, rửa đường và các hoạt động vệ sinh công cộng.

(4). Triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh đầu tư ứng dụng công nghệ cao để giảm thiểu, tái sử dụng chất thải. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn Thủ đô. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải; xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái do trước đây để lại. Tiếp tục triển khai các dự án ưu tiên về bảo vệ môi trường từ nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức quốc tế.

(5). Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong vùng, các vùng lân cận và tổ chức quốc tế trong quản lý, giải quyết các vấn đề môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và đa dạng hóa các hình thức truyền thông đến các đối tượng để nâng cao nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường.

(6). Có các chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp, người dân trong việc bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường Thủ đô, gồm: (i). Hỗ trợ, ưu đãi đối với các cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch và lộ trình thực hiện; thu mua, đổi phương tiện giao thông cũ sang phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch để giảm ô nhiễm môi trường; đầu tư phát triển phương tiện giao thông công cộng kết hợp lộ trình hạn chế phương tiện giao thông cá nhân để hạn chế ùn tắc giao thông,

giảm phát thải; (ii). Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư sản xuất nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ sinh học, nông nghiệp tuần hoàn; các hoạt động xử lý, tái chế, tái sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp; (iii). Hỗ trợ, ưu đãi và lộ trình thực hiện việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong khu dân cư, làng nghề ở nông thôn.

(7). Bảo vệ, chống san lấp các ao, hồ, kênh, mương điều hòa nước mặt; tích cực triển khai công nghệ mới, xử lý cơ bản ô nhiễm môi trường nước của hệ thống ao, hồ, làm sống lại các dòng sông và hồ nước.

4. Giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

(1). Hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật phù hợp cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, dỡ bỏ các rào cản hành chính hóa hoạt động KH&CN trên địa bàn Thủ đô. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế và tăng cường đầu tư ngân sách của Hà Nội cho hoạt động KH&CN nhằm phân bổ nguồn lực ngân sách nhà nước tương xứng với nhu cầu phát triển KH&CN. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt của thủ đô để thúc đẩy hoạt động sáng chế, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, làm chủ công nghệ mới và hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo.

(2) Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng cách mạng 4.0 vào xây dựng và thiết lập hạ tầng công nghệ cho thành phố Hà Nội thông minh, hạ tầng thông tin đô thị thông minh, sử dụng các công nghệ số mới nhất (AI, IoT, IoE, Big Data, Block chain, Cloud, VR/ AR...) như "hệ thần kinh" của đô thị, phục vụ đắc lực cho các cấp chính quyền trong công việc hàng ngày, đồng thời phục vụ cho toàn cộng đồng dân cư và doanh nghiệp trong cuộc sống và kinh doanh của họ. Hạ tầng thông tin phải được xây dựng theo nguyên tắc hệ thống mở, được "cấy gene", để đảm bảo ngày càng thông minh hơn, hiệu quả hơn, duy trì một cách liên tục và lâu dài và được thiết kế một cách tổng thể, đồng bộ, liên thông với tất cả các ngành, lĩnh vực.

(3). Thu hút nguồn lực phát triển khoa học và công nghệ Thủ đô. Bảo đảm chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ. Tạo thuận lợi trong hình thành và sử dụng quỹ tài chính, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; cơ chế hỗ trợ, chuyển giao, ứng dụng kết quả, sản phẩm từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố. Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, hệ thống quản lý, quản trị tiên tiến, các công cụ nâng cao năng suất, chất lượng, hỗ trợ áp dụng chỉ dẫn địa lý, truy suất nguồn gốc, xây dựng, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, nhãn hiệu sản phẩm chủ lực.

(4). Phát triển mạnh thị trường khoa học công nghệ; Hình thành, phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ đánh giá, định giá, thẩm định công nghệ, môi giới mua bán, chuyển giao công nghệ, tài sản trí tuệ. Mở rộng và nâng cao hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Thủ đô.

(5). Xây dựng chương trình trọng điểm phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và phát triển sản phẩm chủ lực của thủ đô trên cơ sở các hoạt động: hỗ trợ ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ (đặc biệt là công nghệ nguồn, công nghệ mới, công nghệ cốt lõi của cuộc cách mạng 4.0 như công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, in 3D, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường...); hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế thông qua hỗ trợ các tiêu chuẩn hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, áp dụng chỉ dẫn địa lý, áp dụng và quản lý

hệ thống truy xuất nguồn gốc; xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu sản phẩm, làng nghề...; tăng cường công tác bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

(6). Phát triển nền tảng đổi mới sáng tạo mở (Open Innovation Platform) để tăng tính kết nối hạ tầng nghiên cứu của các tổ chức nghiên cứu trung ương và Hà Nội, các tập đoàn, doanh nghiệp để tạo lập môi trường phát triển và thử nghiệm các công nghệ mới. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; lựa chọn các đối tác đến từ các quốc gia phát triển có nền KH&CN tiên tiến, hiện đại. Tăng cường truyền thông nhằm nâng cao nhận thức xã hội, thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

(7). Có chính sách ưu đãi đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ:

- Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách của thành phố Hà Nội được áp dụng hình thức khoán kinh phí theo kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thực hiện việc mua sắm, thuê hàng hóa, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ mà không phải thực hiện thủ tục đấu thầu trong các trường hợp: nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thành phố; hàng hóa, dịch vụ đặc biệt hoặc hàng hóa, dịch vụ chỉ có một nhà cung cấp;

- Thu nhập của chuyên gia, nhà khoa học từ việc chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô được xác định là thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân;

- Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ được hỗ trợ từ ngân sách của thành phố Hà Nội để mua sắm, vận hành máy móc, thiết bị phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô; được nhận chuyển giao không bồi hoàn tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ; doanh nghiệp được hưởng ưu đãi tương tự như doanh nghiệp công nghệ cao trong thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô;

- Doanh nghiệp được hỗ trợ một phần kinh phí hình thành trung tâm nghiên cứu và phát triển, phòng thí nghiệm thuộc lĩnh vực công nghệ trọng điểm của Thủ đô.

- Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực công nghệ trọng điểm của Thủ đô được hưởng các ưu đãi sau: (i). Hỗ trợ chi phí ươm tạo bao gồm chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia, công lao động trực tiếp; dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung cho các dự án đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; (ii). Triển khai thực hiện thí điểm và ưu tiên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ cho thành phố Hà Nội theo nguyên tắc bảo đảm cạnh tranh công bằng, bình đẳng về chất lượng, giá dịch vụ.

- Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được hưởng các chính ưu đãi sau: (i). Được sử dụng kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ có sử dụng ngân sách nhà nước để thành lập, vận hành doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các trường đại học và viện nghiên cứu; (ii). Ưu tiên bố trí quỹ đất cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các khu công nghiệp, khu kinh tế của Thành phố Hà Nội; được ưu tiên miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước; (iii). Hỗ trợ việc thành lập và vận hành cơ sở

uơm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

5.1. Giải pháp chung

(1). Hoàn thiện hệ thống pháp luật của Thủ đô với cơ chế, chính sách phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển của Thủ đô trong giai đoạn tới đặc biệt là Bộ Luật Thủ đô sửa đổi. Tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành trong quá trình xây dựng hoàn thiện chính sách, pháp luật về đất đai, đầu tư, quy hoạch, phát triển đô thị, kiến trúc, xây dựng bảo đảm thống nhất, loại bỏ các mâu thuẫn, chồng chéo. Tập trung nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện pháp luật liên quan đến đất đai, cơ chế bồi thường giải phóng mặt bằng, quy định về lựa chọn chủ đầu tư dự án có sử dụng đất, đấu thầu, đấu giá; đặc biệt cần có cơ chế lựa chọn nhà đầu tư có năng lực vượt trội, đáp ứng được việc phát triển các khu đô thị thông minh, mang tính đột phá.

(2). Đẩy mạnh công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, hợp tác phát triển nâng cao vị thế, vai trò của Thủ đô. Tăng cường hợp tác với các đô thị, các tổ chức quốc tế; chủ động tích cực tham gia hệ thống mạng lưới các đô thị xanh, thích ứng, bản sắc, bền vững và thông minh ở khu vực và quốc tế. củng cố quan hệ truyền thống, tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các Thủ đô, thành phố trên thế giới, trong đó chú trọng các hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ, xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá du lịch. Chú trọng nâng cao năng lực, chất lượng hội nhập quốc tế; chủ động nắm bắt cơ hội, thúc đẩy thực thi có hiệu quả các cam kết quốc tế, nhất là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; tranh thủ cơ hội về vốn, công nghệ, kiến thức và kỹ năng quản lý để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm. Tăng cường đối ngoại nhân dân; tích cực tuyên truyền, thông tin đối ngoại về Thủ đô với bạn bè quốc tế và động bào ở nước ngoài.

(3). Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc liên kết phát triển, xử lý các vấn đề liên tỉnh trong vùng ĐBSH theo quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng điều phối vùng ĐBSH; Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc liên kết phát triển, xử lý các vấn đề liên tỉnh trong vùng Thủ đô theo quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng điều phối vùng Thủ đô và Nghị định số 91/2021/NĐ-CP ngày 21/10/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô.

5.2. Có chính sách ưu tiên đầu tư phát triển Vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Trung du miền núi phía Bắc

5.2.1. Đối với vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Trung du và miền núi phía Bắc

(1). Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách, đầu tư để khuyến khích, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu, tạo nguồn lực, động lực phát triển mới cho Thủ đô và cho vùng; cho phép các địa phương trong vùng được sử dụng ngân sách địa phương đầu tư cho các dự án vùng, liên vùng.

(2). Liên kết trong việc nâng cao trình độ, chất lượng đào tạo và kỹ năng của nguồn nhân lực của các tỉnh trong vùng đáp ứng nhu cầu thị trường và bối cảnh phát triển mới. Trong đó, Thủ đô Hà Nội là trung tâm giáo dục, đào tạo lao động chất lượng cao của vùng. Phối hợp trong việc sắp xếp, tổ chức lại hệ thống các trường đại học, cao đẳng, các cơ sở đào tạo nghề, hệ thống y tế cho phù hợp tình hình phát triển chung, giảm

tải cho Thủ đô Hà Nội.

(3). Phối hợp với các địa phương trong vùng trong việc triển khai đồng độ các chương trình, dự án đã được xác định tại Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch các ngành quốc gia và quy hoạch vùng; Tăng cường năng lực, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa thành phố Hà Nội và các địa phương trong việc khai thác có hiệu quả hệ thống sân bay, hệ thống các tuyến đường cao tốc, hệ thống cảng biển và hợp tác quốc tế.

(4). Phối hợp, liên kết phát triển với các địa phương trong vùng thông qua phát triển mạng lưới giao thông, vận tải; quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; phát triển du lịch; nông nghiệp; vực y tế; giáo dục và đào tạo. Thực hiện thí điểm một số mô hình, cơ chế, chính sách mới vượt trội, cạnh tranh quốc tế cao nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng; tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Tứ giác tăng trưởng Thanh Hóa - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; các tuyến hành lang kinh tế; vành đai 4, vành đai 5 đã được xác định trong quy hoạch Thủ đô, quy hoạch vùng và Quy hoạch quốc gia.

(5). Nâng cao hiệu quả liên kết trong việc sử dụng năng lượng bền vững, thúc đẩy việc sử dụng năng lượng sạch, năng lượng hiệu quả trong các công trình, các khu công nghiệp và dịch vụ vận tải.

5.2.2. Chính sách đối với vùng Thủ đô

a) Chính sách liên kết trong huy động nguồn lực, triển khai dự án đầu tư quy mô cấp vùng

(1). Ngân sách Trung ương hỗ trợ một phần cho các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư cho các chương trình, dự án trọng điểm của Vùng; Ưu tiên huy động nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô.

(2). Ưu tiên tổng hợp các công trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô vào danh mục dự án kêu gọi đầu tư của các chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

(3). Các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô ưu tiên bố trí nguồn vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) cho các chương trình, dự án trọng điểm của Vùng.

(4). Các công trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, quản lý và bảo vệ môi trường được đầu tư toàn bộ từ nguồn vốn xã hội hóa được hưởng các ưu đãi theo quy định.

b) Cơ chế phối hợp và trách nhiệm của các tỉnh/thành phố trong vùng Thủ đô

(1). Xây dựng chương trình, kế hoạch để phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô thực hiện các nội dung phối hợp.

(2). Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô nghiên cứu, đề xuất các chương trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô.

(3). Cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của Vùng Thủ đô trên địa bàn của tỉnh/thành phố.

(4). Xây dựng và cung cấp các thông tin, dữ liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định và công bố thông tin về các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô.

(5). Hoàn thiện các cơ chế, chính sách cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, ban hành các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế và thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào các chương trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô.

6. Giải pháp quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

6.1. Về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị

(1) Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn quản lý đầu tư xây dựng, phát triển các khu vực đô thị, nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù và định hướng phát triển Thủ đô Văn hiến – Văn minh – Hiện đại, phù hợp với các mô hình phát triển đô thị và mô hình nông thôn trong Thành phố thuộc Thủ đô.

(2). Cải tạo, chỉnh trang tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị và khai thác hiệu quả, bền vững các công trình, không gian lịch sử văn hóa tại khu vực nội đô lịch sử. Xác định phạm vi các khu vực không gian văn hóa lịch sử đô thị và xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, phát triển. Bảo tồn, phục hồi không gian kiến trúc cảnh quan đô thị một số khu vực, tuyến phố có đặc trưng văn hóa. Khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, người dân đầu tư, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết nhà ở tại các phố cổ, phố cũ theo quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc phố cổ, phố cũ và thiết kế đô thị; hỗ trợ, ưu đãi cho người dân, doanh nghiệp và các cơ chế hợp tác giữa Nhà nước và tư nhân đối với việc cải tạo, trung tu, bảo tồn và phát huy giá trị các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử. Đảm bảo người dân di dời chỗ ở để phát triển các khu vực bảo tồn, chuyển đổi công năng sử dụng vẫn tiếp tục được giữ quyền tài sản đối với nhà, đất tại nơi ở cũ và được hỗ trợ nơi ở mới.

(3). Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ. Quản lý chặt chẽ quy hoạch, cấp phép xây dựng công trình nhà ở cao tầng phù hợp với khả năng đáp ứng của hạ tầng kỹ thuật, xã hội của khu vực. Tập trung huy động nguồn lực xây dựng lại các khu chung cư cũ có nhà nguy hiểm cấp D, hư hỏng xuống cấp hết niên hạn và một số khu chung cư được lựa chọn để đẩy mạnh chỉnh trang đô thị, tạo tác động lan tỏa trong toàn thành phố.

(4) Xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù, quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng ở ngoại thành nhằm thực hiện hiệu quả việc di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện theo quy hoạch ra khỏi khu vực nội thành; Ưu tiên sử dụng quỹ đất sau di dời để xây dựng các công trình công cộng, phúc lợi xã hội, đảm bảo cân bằng về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường đô thị.

(3). Ưu tiên phát triển các khu đô thị mới, quy mô lớn, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng sử dụng hiệu quả năng lượng, phát thải thấp và thích ứng với biến đổi khí hậu. Bố trí vốn ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội để đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được xác định cụ thể trong nội dung văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án trước khi thực hiện xây dựng nhà ở.

(4). Kiến trúc cảnh quan và xây dựng đô thị, nông thôn của Thủ đô phải được quản lý theo đồ án quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc; bảo đảm bảo tồn các di sản kiến trúc, di sản thiên nhiên, phát huy các hình thái kiến trúc của các khu vực, công trình có giá trị văn hóa, lịch sử; quản lý, phát triển không gian xanh, không gian ngầm, khu

vực hai bên sông Hồng và các trục cảnh quan khác được xác định trong quy hoạch.

(5). Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý đô thị; Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, thực hiện tốt công tác quản lý đất đai, quản lý đô thị, đặc biệt là trật tự xây dựng, giảm bớt tình trạng ùn tắc giao thông; Quản lý vỉa hè, lòng đường; khai thác hiệu quả các không gian công cộng.

6.2. Về quản lý phát triển nông thôn

(1). Phát triển khu vực nông thôn hài hòa với phát triển đô thị, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống, kết nối đồng bộ với khu vực đô thị; Khai thác có hiệu quả cảnh quan thiên nhiên vùng nông thôn kết hợp với phát triển du lịch xanh; Nghiên cứu xây dựng, ban hành một số chính sách thu hút các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, doanh nghiệp đầu tư phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn như hỗ trợ đầu tư hạ tầng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi, xúc tiến quảng bá, bảo tồn giá trị văn hóa; hỗ trợ đào tạo cho người dân nông thôn làm du lịch.

(2) Quản lý kiến trúc cảnh quan và các hoạt động xây dựng đô thị, nông thôn theo đồ án quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc; bảo đảm bảo tồn các di sản kiến trúc, di sản thiên nhiên, phát huy các hình thái kiến trúc của các khu vực, công trình có giá trị văn hóa, lịch sử; quản lý, phát triển không gian xanh, không gian ngầm, khu vực hai bên sông Hồng và các trục cảnh quan khác được xác định trong quy hoạch.

Công khai và thực hiện đúng các tiêu chí xác định hành lang thoát lũ, đảm dòng chảy và quy chuẩn đầu tư, phát triển các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng ven sông và các bãi nổi trên sông.

(3) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu. Định hướng đa dạng hóa chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với lợi thế và cơ hội phát triển địa phương theo 3 hướng: Các xã khu vực ven đô có kinh tế phi nông nghiệp chiếm đa số, dịch vụ, thương mại và cơ sở hạ tầng phát triển mạnh thì hướng tới đô thị hóa: các xã thuộc các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, xây dựng các vùng chuyên canh và các cụm ngành chế biến - dịch vụ; các xã nông thôn truyền thống thì tiếp tục phát triển sản phẩm đặc sản địa phương, làng nghề.

7. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

7.1. Tổ chức thực hiện quy hoạch

(1). Công bố quy hoạch và thu hút, vận động nhân dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện quy hoạch

- Đăng tải Quy hoạch Thủ đô thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của UBND thành phố Hà Nội, Viện Nghiên cứu kinh tế - xã hội Hà Nội và các đơn vị có liên quan.

- Đăng tải tóm tắt nội dung Quy hoạch Thủ đô ít nhất một lần trên trang nhất một tờ báo in hoặc trang chủ của báo điện tử trong thời gian ít nhất 30 ngày.

- Thông báo trên kênh, chương trình thời sự của Đài phát thanh, truyền hình Hà Nội về tóm tắt nội dung quyết định phê duyệt quy hoạch, danh mục dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo phổ biến nội dung quy hoạch và thu hút, vận động nhân dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện quy hoạch.

- Công bố Quy hoạch Thủ đô thông qua hình thức trưng bày mô hình, hệ thống sơ đồ, bản đồ, hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch; phát hành ấn phẩm.

(2). Xây dựng kế hoạch, chính sách thực hiện quy hoạch

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện quy hoạch bao gồm các dự án đầu tư công; dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công; kế hoạch sử dụng đất; xác định các nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

- Công tác tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch cần được đổi mới phù hợp đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và thông lệ quốc tế; Bộ trí bộ máy lãnh đạo tâm huyết, cán bộ đủ năng lực đáp ứng được yêu cầu với cơ chế quản lý hiệu lực, hiệu quả để triển khai thực hiện thành công Quy hoạch.

- Xây dựng các chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch phù hợp với kế hoạch thực hiện quy hoạch bao gồm: Thu hút đầu tư phát triển theo quy hoạch đã được phê duyệt; phát triển nguồn nhân lực; phát triển khoa học và công nghệ; bảo đảm an sinh xã hội; bảo vệ môi trường; bảo đảm nguồn lực tài chính; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển các ngành, lĩnh vực, địa phương: Tập trung xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội, các ngành, lĩnh vực, địa phương để cụ thể hóa mục tiêu Quy hoạch Thủ đô, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch được duyệt và nhu cầu của thị trường nhằm phát huy, khai thác có hiệu quả những tiềm năng, lợi thế của từng ngành, từng địa phương.

7.2. Giám sát đánh giá thực hiện quy hoạch

(1) Xây dựng một “Hệ thống thông tin quy hoạch”: Đây là hệ thống quan trọng nhằm mục đích quản lý hiệu quả toàn bộ công tác quy hoạch xây dựng trên địa bàn Thủ đô, cung cấp thông tin về các quy hoạch đã được phê duyệt cho cộng đồng theo quy định hiện hành của nhà nước, đảm bảo quản lý hiệu quả việc xây dựng theo quy hoạch. “Hệ thống quản lý đầu tư tập trung” kết nối các ngành kế hoạch đầu tư, tài chính, xây dựng, quy hoạch kiến trúc, thông tin truyền thông, văn phòng UBND các cấp. Hệ thống này phải có kết nối với hạ tầng dữ liệu không gian đô thị (3D GIS) và cung cấp thông tin về các dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định hiện hành cho công dân Thủ đô. Hệ thống GIS quy hoạch (2D/ 3D/ BIM/ CIM) là một phân hệ quan trọng của hạ tầng dữ liệu không gian Thành phố, chịu trách nhiệm lưu trữ, quản lý khai thác các thông tin điều tra cơ bản, bao gồm dữ liệu đo đạc bản đồ của Thành phố phục vụ cho việc nâng cao chất lượng bằng cách “thông minh hóa” bản thân công tác quy hoạch cũng như cập nhật các mô hình quy hoạch đã được phê duyệt vào hạ tầng dữ liệu không gian đô thị chung của toàn bộ thành phố, cung cấp thông tin quy hoạch cho các cơ quan chính quyền các cấp cũng như tư vấn cho các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.

(2) Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ việc thực hiện Quy hoạch Thủ đô, đặc biệt là các nội dung quy hoạch, dự án ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng, hệ thống đô thị, khu đô thị, khu công nghệ cao, các KCN, cụm công nghiệp, các cơ sở, trung tâm sản xuất, kinh doanh quy mô lớn..., đảm bảo các mục tiêu, tiến độ quy hoạch đề ra.

(3) Đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ hàng năm, năm năm hoặc đột xuất theo các nội dung: Đánh giá tổng quát kết quả thực hiện mục tiêu quy hoạch; đánh giá tình hình thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch; đánh giá tình hình sử dụng tài nguyên trong quá trình thực hiện quy hoạch; đánh giá chính sách, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch.

- Rà soát theo định kỳ 05 năm Quy hoạch Thủ đô để điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.

- Công tác tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch cần được đổi mới phù hợp đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và thông lệ quốc tế. Bố trí bộ máy lãnh đạo tâm huyết, cán bộ đủ năng lực đáp ứng được yêu cầu với cơ chế quản lý hiệu lực, hiệu quả để triển khai thực hiện thành công Quy hoạch.

BÁO CÁO TÓM TẮT
QUY HOẠCH THỦ ĐÔ HÀ NỘI THỜI KỲ 2021-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

